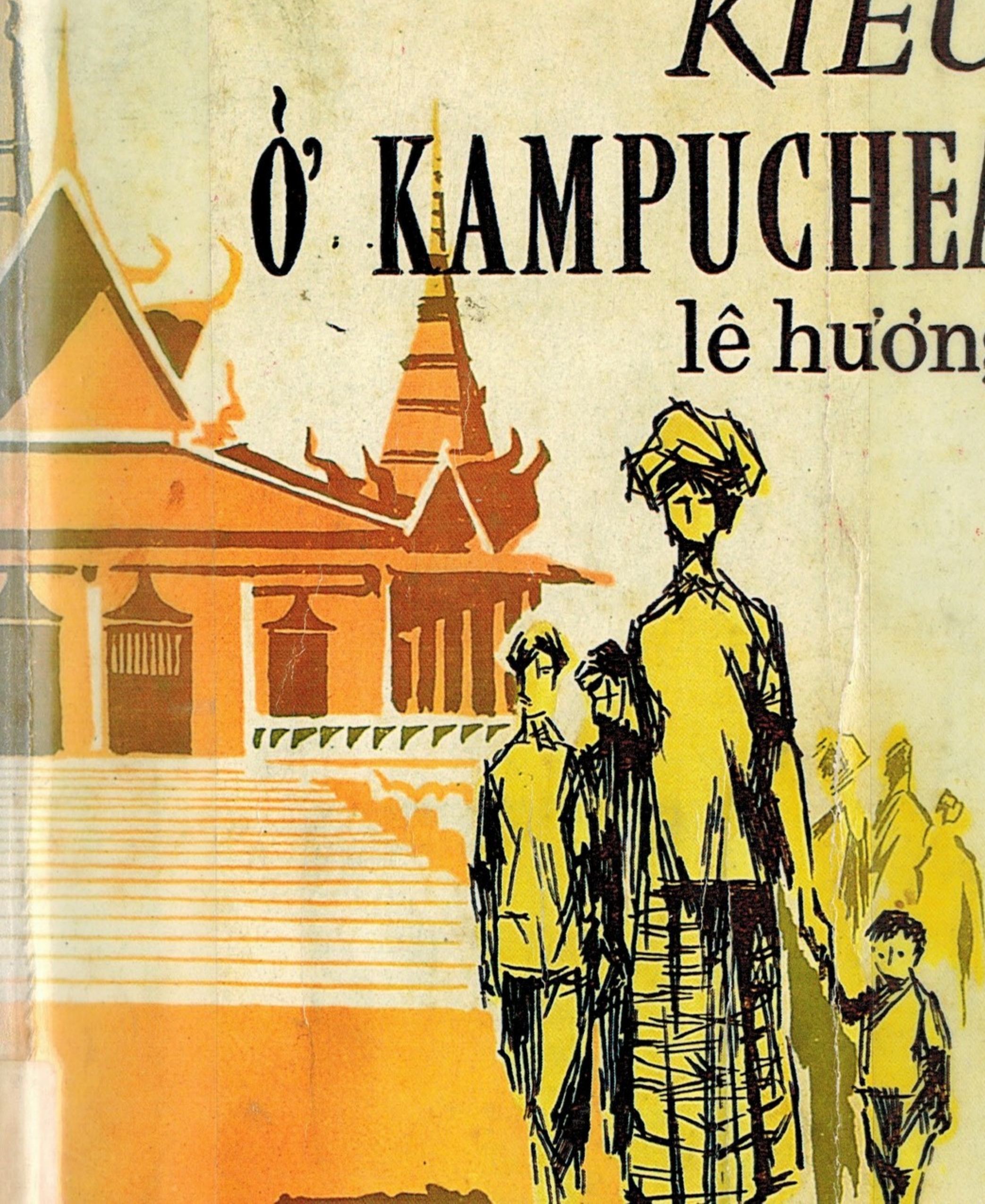


# VIỆT KIỀU

## Ở KAMPUCHEA

lê hương





**LÊ HƯƠNG**

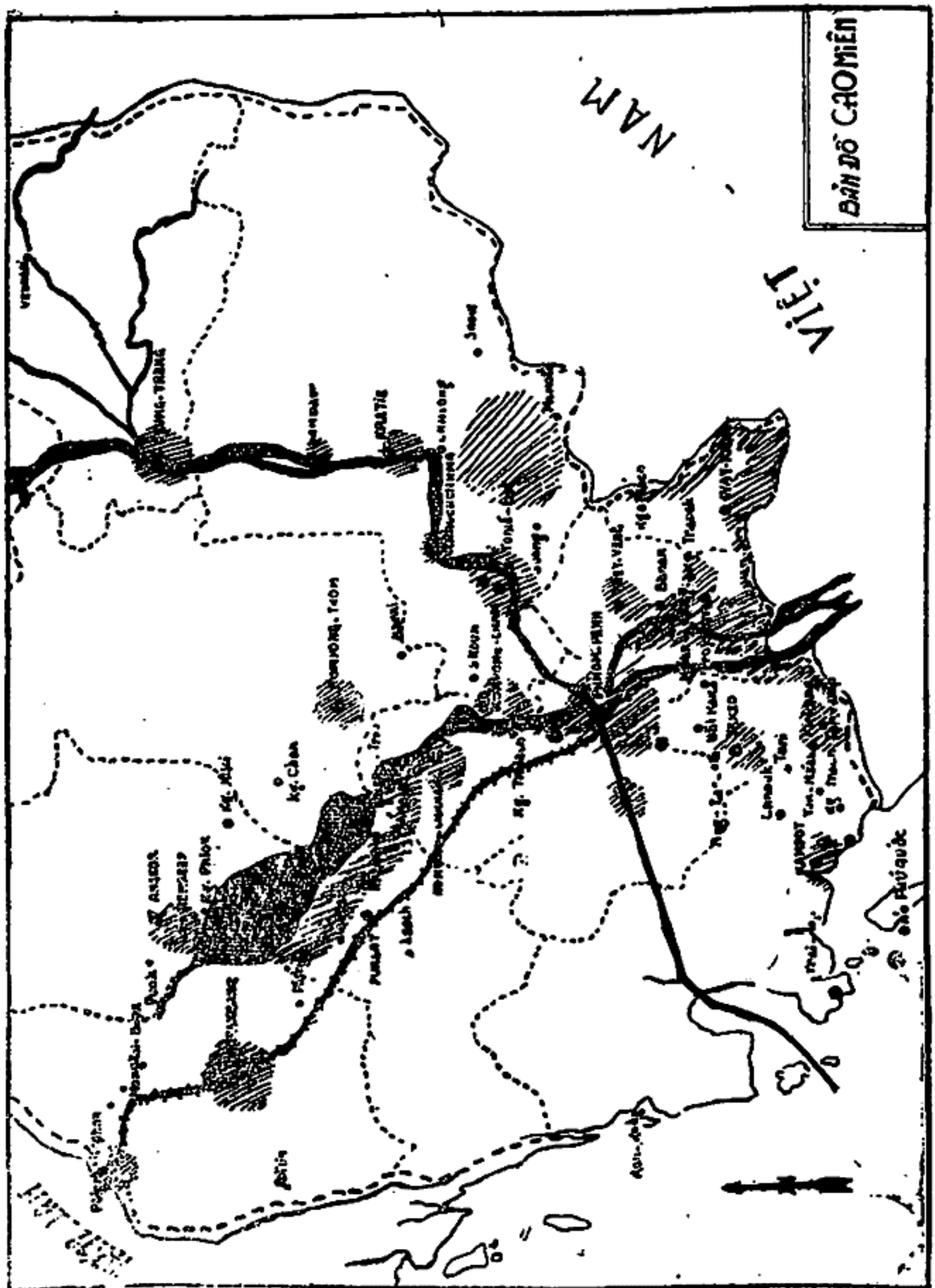
(1922 - 1976)

***VIỆT KIỂU Ở KAMPUCHÉA***

**TRÍ ĐĂNG**

**Muôn vàn tưởng nhớ  
Cậu Đặng-văn-Gương**

# BẢN ĐỒ KAMPUCHĒA



Những vùng có gạch là nơi Việt-khieu cư ngụ



## Lời nói đầu

*Người Việt sang đất bạn từ năm 1658-tính đến năm 1970 tổng số kiểm soát được theo văn kiện chánh thức là 400.000 người.*

*Hơn ba thế kỷ, kiều bào đã trải biết bao nhiêu cuộc thăng trầm, bao nhiêu trò dân bể thiết nghĩ rất đáng ghi vào lịch sử nước nhà.*

*Sống một thời gian ở Cao Miên, chúng tôi có nhiều dịp xê dịch khắp lãnh thổ, tiếp xúc cùng đồng bào ruột thịt và thu thập những dữ kiện cần thiết về nguồn gốc cuộc di cư, các nơi định cư của mỗi giới, về phương diện kinh tế, xã hội, tôn giáo, văn hóa, chính trị dựng nên quyển sách nhỏ này.*

*Trong việc làm không kém phần khó khăn, chúng tôi tự xét không thể tránh được sự thiếu sót, kính mong quý vị vui lòng lượng thứ và bổ khuyết cho.*

TÁC GIẢ



## *Cùng một tác giả*

### **ĐÃ XUẤT BẢN :**

<b>Quả đấm thối sơn</b>	<b>1957</b>
<b>Tự học chữ Miên</b>	<b>1962</b>
<b>Truyện cổ quốc tế</b>	<b>1969</b>
<b>Người Việt gốc Miên</b>	<b>1969</b>
<b>Truyện vui quốc tế</b>	<b>1969</b>
<b>Truyện cổ Cao Miên 1 và 2</b>	<b>1969</b>
<b>Angkor (Đế Thiên Đế Thích)</b>	<b>1970</b>
<b>Truyện tích Việt Nam</b>	<b>1970</b>
<b>Chợ trời bên giới Việt Nam - Cao Miên</b>	<b>1970</b>
<b>Truyện cổ Ấn Độ</b>	<b>1970</b>
<b>Sử Cao Miên</b>	<b>1971</b>
<b>Truyện thơ khắp thế giới</b>	<b>1971</b>

### **SẴN XUẤT BẢN :**

<b>Sử Phù Nam</b>
<b>Người hùng</b>
<b>Truyện nghệt thơ</b>
<b>Cao Lãnh và Đồng Tháp Mười</b>
<b>Truyện cổ Cao Miên 3</b>



## CHƯƠNG I

# NGUỒN GỐC CUỘC DI CƯ

So sánh với Việt kiều sống trên các quốc gia bạn ở khắp thế giới, Việt kiều ở Cao Miên có nhiều điểm đặc biệt và quan trọng về mọi phương diện hơn hết. Từ vấn đề xã hội, kinh tế, tôn giáo, văn hóa đến chánh trị, tổng số người Việt tha hương này là một gánh nặng cho Chánh phủ, nếu không cũng là một mối ưu tư cho những kẻ biết thương giống nòi.

Căn cứ vào lịch sử thì người Việt di cư trên đất Miên vào cuối thế kỷ thứ 17 sau cuộc bang giao giữa hai quốc gia dưới triều Chúa Nguyễn Sài Vương (1613-1635). Quốc Vương Cao Miên CHEY CHETTA II (1618-1628) cưới Công Chúa Ngọc Vạn năm 1620 để dựa vào thế lực của triều đình Huế hầu quân Xiêm không dám quấy nhiễu nữa.

Năm 1623, một phái đoàn Sứ giả ở Huế vào triều kiến Quốc Vương Chey Chetta II xin cho người Việt vào cư ngụ trong tỉnh PREY KOR (1) và lập cơ quan thu thuế. Quốc Vương Cao Miên chấp nhận. Tập Niên giám viết tay ở Thư viện Hoàng Gia Cao Miên dưới triều vua Chey Chetta II, trang 368 ghi sự việc này như sau :

*« Năm 2169 Phật lịch (tức là năm 1623 Dương lịch) một Sứ*

---

(1) Đúng tên là PREY NOKOR, thành phố ở giữa rừng, bây giờ là SAIGON.



giả của vua Annam dâng lên vua Cao Miên Chey Chetta một phong thư, trong đó vua Annam ngỏ ý «mượn» của nước Cao Miên xứ «PREY NOKOR và xứ KAS KROBEY (2) để đặt làm nơi thu quan thuế. Vua Chey Chetta sau khi tham khảo ý kiến của đình thần đã chấp thuận lời yêu cầu trên và phúc thư cho Vua Annam biết. Vua Annam bèn ra lệnh cho quan chức đặt sở quan thuế tại Prey Nokor và Kas Krobey và từ đó bắt đầu thu quan thuế».

Nhóm người Việt đầu tiên di cư vào miền Nam ngọ ở Mô Xoài (ngọn đồi nhỏ trồng xoài) gần Bà Rịa (3).

Đến năm 1658, dưới triều vua PONHÉA CHAN (1642-1659), Chúa Nguyễn Hiền Vương (1648-1687) nhận lời cầu cứu của hai vị Hoàng thân Cao Miên cử binh sang giúp đỡ. Niên giám Hoàng Gia Miên ghi rằng :

«Năm 1658, hai vị Hoàng thân Sô và Ang Tan, con của PRAH OUTEY đã thoát nạn lúc Quốc Vương Ponhéa Chan tàn sát gia đình vị Phụ Chính 16 năm trước, cầm quân nổi loạn đánh nhà vua. Bị quân triều phản công mãnh liệt, hai vị chạy trốn sang cung Hoàng Hậu Ngọc Vạn, vợ của Tiên Vương Chey Chetta II. Hai vị nhờ, Hoàng Hậu xin binh nhà Nguyễn đến giúp khôi phục ngôi vàng. Chúa Nguyễn Hiền Vương nhận lời phái một đạo binh viễn chinh vào tháng 10 năm 1658. Một hạm đội Cao Miên do một vị Hoàng thân chỉ huy chặn đánh đạo binh Việt Nam bị thua to ngoài khơi Bà Rịa. Quân nhà Nguyễn tiến vào bắt Quốc Vương Ponhéa Chan nhốt trong cũi sắt đem về tỉnh Quảng Bình. Quốc Vương thắng hà ở đây. Quân

(2) Kas Krobey ta dịch là Bến Nghé.

(3) Sau ngày 11-4-1970, Chánh phủ Cao Miên trở thành một nước Cộng Hòa. chấm dứt chế độ quân chủ 1400 năm, báo chí Miên đã kích Hoàng gia cho rằng Quốc Vương Chey Chetta II mê bà vợ Việt Nam tên «CÔ CHÍNH XINH» mới làm mất phần đất «Cao Miên miền dưới» (Kampuchéa Krom) chỉ miền Nam Việt Nam. Tài liệu Cao Miên cho rằng Công Chúa Ngọc Vạn tên CÔ CHÍNH XINH nên vị Quốc Vương ấy mới đặt cho miền Nam và Pháp gọi là COCHINCHINE.

*Việt Nam đặt Hoàng thân Sô lên ngôi Vua trước hiệu là BATOM RÉACHÉA (1660-1672).*

Theo Việt-Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim thì sự việc xảy ra không giống Sử Cao Miên :

*« Năm Mậu Tuất (1658) Vua nước Chân Lạp mất rồi, chủ chầu tranh nhau sang cầu cứu bên chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn bấy giờ gọi là Chúa Hiền (1648-1687) sai quan đem 300 quân sang đánh ở Mối Xuy (nay thuộc huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa) bắt được Vua nước Chân Lạp là NẶC ÓNG CHÂN đem về giam ở Quảng Bình một độ, rồi tha cho về nước bắt phải triều cống và phải binh vực người Việt Nam sang làm ăn ở bên ấy.*

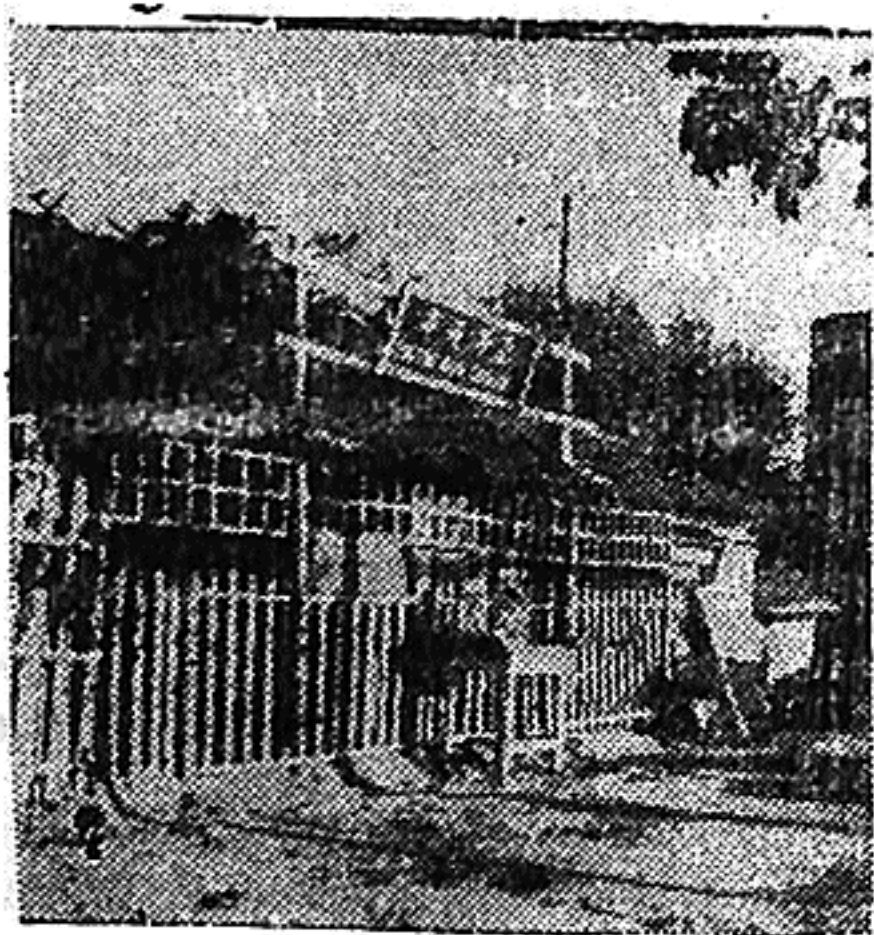
Như thế, người Việt đầu tiên sang đất Miên vào năm 1658. Niên giám Hoàng Gia Miên ghi rằng :

*« Nhờ người Việt Nam mới được làm vua, Quốc Vương Batom Keucnen kô hân ưóc nhận triều cống Chúa Nguyễn hằng năm và cho người Việt định cư trong lãnh thổ được làm chủ phần đất khai hoang và hưởng quyền lợi ngang hàng với người Miên.*

Phương tiện duy nhất của tổ tiên ta dùng trong thời ấy là ghe thuyền và lộ trình đưa vào đất bạn là giòng Cửu Long. Nhóm người Việt thứ nhất lập thành làng xóm ở xã Banam thuộc tỉnh Prey Veng nằm trên tả ngạn Tiền Giang, hiện thời địa danh vẫn còn dùng. Từ đó người nọ rủ người kia kéo nhau đến khai khẩn, mở mang vùng hoang địa hợp thành nhiều xóm ấp Việt kiều đáng kể.

Năm 1807, Quốc Vương Cao Miên ANG CHAN II (1796-1834) lại xin thần phục nhà Nguyễn. Người em của nhà Vua theo nước Xiêm cử binh về đánh phá. Nhà Vua phải chạy xuống miền Nam nhờ che chở. Quân ta dẹp yên vào năm 1810. Vua Gia Long (1802-1819) cử ông Lê Văn Duyệt đưa ANG CHAN về nước và ông Nguyễn Văn Thụ đem 1000 quân sang Cao Miên đóng giữ cùng đặt nền bảo hộ. Dưới thời Pháp thuộc, Việt kiều cất một đền thờ ông Nguyễn văn Thụ trên đại lộ Pierre Pasquier, sau đổi lại là Monivong, gần chợ mới Phnom-Penh,





*Đền thờ ông Nguyễn văn Thụy*

hàng năm đều có cúng tế long trọng. Năm 1957, Chánh phủ Cao Miên bảo dời ngôi đền về chỉnh trang thành phố. Vì không đủ phương tiện, Ban Quản trị Liên đoàn Việt kiều rước bài vị vào một ngôi chùa Phật thờ tạm thời mãi đến năm 1970 vẫn chưa cất ngôi đền khác.

Dấu vết của đoàn quân viễn chinh thuở ấy là những cây cột bằng gỗ trai, một loại gỗ quý màu đen, rắn chắc như kim khí, chôn dưới đất mấy

trăm năm không mục. Người sau này còn thấy ở những lòng suối cạn trên đường tiến quân từ kinh đô Oudong (1) lên Siem Reap, biên thùỵ Miên-Thái.

Di tích thứ nhì là ngôi miếu thờ ông Nguyễn Kinh, tục gọi là Miếu Cậu Kinh ở trong một khu rừng thuộc tỉnh Kratié giữa bộ lạc Mọi Chlong. Tương truyền sau khi tức vị, Vua Gia Long sai một vị quan tên Nguyễn Kinh lên đất Miên tìm một cây trai thật cao đem về làm cột cờ. Nguyễn Kinh vào bệ kiến Miên hoàng, được Quốc Vương chấp thuận. Kinh dắt đoàn tùy tùng đến tỉnh Kratié vào rừng hạ cây. Nhưng bao nhiêu người chạm đến hình gỗ đều bị hộc máu chết sau một ngày đản gốc. Thân cây bị đẽo rời khỏi gốc rồi mà vẫn đứng vững không ngã xuống. Nguyễn Kinh biết mình phạm nhầm cây có Thần nhập, liền bày lễ vật, van xin Thần cho mình làm tròn sứ mạng Vua giao phó và xin chết để cứu những người còn lại để họ có thể

(1) Oudong, Kinh đô cũ của Cao Miên trước Phnom Penh, thuộc tỉnh Kompong Luông. Hiện thời nơi ấy là vùng mộ Vua,

mang cây về Triều. Vái xong, Kinh trào máu họng chết ngay. Thân cây từ từ nằm xuống. Vua Gia Long phong Kinh làm Thần và lập miếu thờ ngay gốc cây trai. Đến ngày nay Miếu Cậu Kinh vẫn còn linh thiêng. Người Miên và dân thiểu số Chlong rất kính nể.

Năm 1845, người Miên nổi dậy chống chế độ cai trị của ông Trương Minh Giảng, quân ta rút về. Người Pháp được Cao Miên mời đến bảo hộ. Trong số 1000 quân lính có người bị thất lạc hàng ngũ, hoặc muốn ở lại tìm cách sinh nhai đã gia nhập vào số đồng bào định cư từ trước. Chính họ là những cái móc cho kẻ đến sau.

Kể đó là những nạn nhân của cuộc khủng bố tín đồ Thiên Chúa giáo theo lệnh Vua Tự Đức vào khoảng năm 1855-1856. Thuở ấy đạo Gia-tô bị Triều đình coi là một quái tượng và gọi là Hoa lang đạo. Người Việt nào tin theo thì bị bắt xăm trên trán 4 chữ «Học Hoa lang đạo». Nhiều vụ chém giết xảy ra khiến một số con chiên phải bỏ xứ chạy lên Cao Miên quy tụ thành một xóm Việt kiều gần bên Cầu lâu ở Nam Vang, gọi là xóm Hoa Lang. Dần dần nhiều người nói sai tiếng Hoa là Hòa thành ra xóm Hòa Lang và quen miệng gọi đến bây giờ.

Những tín đồ Thiên Chúa giáo này định cư hơn một thế kỷ truyền đến ngày nay được năm, sáu đời. Đám con cháu có người không biết quê hương của Tổ tiên mình ở tỉnh nào trong nước Việt Nam. Tổng số Việt kiều theo đạo Gia-tô gọi là «đạo giông» rất quan trọng so với toàn thể kiều bào ở Cao Miên. Đó là một điều oái ăm trên một quốc gia lấy đạo Phật làm quốc giáo và tất cả dân chúng đều theo đạo Phật.

Việt Nam và Cao Miên bị người Pháp thống trị rồi, người Việt ò ạt sang đất bạn tìm mưu sống.

Ngày 11-8-1863, Quốc Vương NORODOM ký hiệp ước với Tướng De La Grandière, Toàn quyền ở Nam Kỳ, đặt lãnh thổ Cao Miên dưới sự bảo hộ của người Pháp. Trong công cuộc đề cử các viên chức ở xã ấp, nơi nào có nhiều Việt kiều thì người



Pháp chọn người Việt lập thành một ban Hương chức như ở miền Nam, có phận sự điều khiển bộ máy hành chánh một làng. Người Miên phải phục tùng các ông này cũng như viên chức Miên. Giới trí thức Miên còn thiếu, người Việt đảm nhận trách nhiệm cả một tổng gọi là CHAUVAY KHAND trực thuộc vào ông Tỉnh Trưởng người Miên bấy giờ gọi là Chủ tỉnh (CHAUVAY KHET) và một người Pháp gọi là RÉSIDENT.

Danh xưng của làng cũng đặt bằng tiếng Việt như trong tỉnh Kandal, quận Kas Thom có Mỹ Quí, Phú Mỹ ở sát ranh giới giáp tỉnh Châu Đốc dọc theo hữu ngạn Tiền Giang, đối diện với làng Vĩnh Lợi Tường, An Bình, thuộc quận Peamchor, tỉnh Prey-Veng ở tả ngạn, và làng Kim Tấn thuộc quận Chipou tỉnh Svay-Riêng.

Vị Chauvay Khand đầu tiên ở làng Vĩnh Lợi Tường là ông Nguyễn-Văn-Ngâu, kiều bào gọi tắt là ông Tham Ngâu, được người Pháp chọn vào năm 1866. Ông đứng đầu một ban hương chức toàn là người Việt, coi sóc cả hai làng Vĩnh Lợi Tường và An Bình giáp ranh giới làng Thường Phước, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc Kiến Phong). Ông thu các sắc thuế, hàng tháng sai ông Xã trưởng cỡi ngựa mang bao bạc đồng (loại 27 grammes) lên tỉnh Prey-Veng nộp vào Ngân khố. Việt kiều vùng ấy nhắc rằng ông Ngâu sống như Vua Chúa một thời, áp dụng uy quyền như các quan lại phong kiến. Đàn bà mặc áo tú (loại áo ngắn cụt tay), đàn ông mặc chần (sarông) ở trần đi ra đường ông phạt 100 roi. Trộm cướp bị bắt, ông toàn quyền xử tội không cần giải lên tỉnh. Ngay đến dậu con trong nhà, ông cũng không tha, đứa nào có thai, ông khoét lỗ dưới đất bắt nằm dài đè quất roi lên mông!

Lần lần người Pháp đào tạo được viên chức hành chánh Miên mới sắp các làng, tổng vào quận gọi là Phủ. Ông Phủ gọi là CHAUVAYSROK coi vài tổng và nhiều làng. Chức Chauvay-Khand không còn duy trì nữa, người Việt nào đang làm việc được tiếp tục đến ngày mãn phần thì thôi.

Vị cuối cùng của làng Kim Tấn tỉnh Svay-Riêng là ông

Đặng-Thành-Kiểm tạ thế năm 1940, Kiều bèo ở đây gọi tên là ông Huyện Kiểm.

Ban Hương chức cũng bị giải tán, tổ chức theo lối cai trị của người Miên là vị Xã trưởng gọi là MÉKHUM đứng đầu một làng, vị Trưởng ấp gọi là MÉPHUM coi một ấp. Dưới ông Xã có bốn ông Phụ tá gọi là CHÙMTUP số 1, số 2, số 3, số 4. Làng nào quá rộng thì số Chùmtup gia tăng vài ông. Khi ông Xã vắng mặt thì ông Chùmtup số 1 thay thế.

Những làng đông Việt kiều vẫn còn được giữ chức Xã trưởng người Việt trực thuộc vào ông Phủ. Các ông Chùmtup cũng là Việt kiều trên giấy tờ mang danh hiệu -Miên mà ngoài miệng thì xưng là Hương thân, Hương hào, Hương quản... như thời xưa cũ.

Tình trạng này kéo dài đến năm 1940, Chánh phủ Hoàng Gia Cao Miên lần lượt đổi hết tên làng bằng tên Miên như Vinh Lợi Tường gọi là Prek Trapeng Phlâus. Kim Tấn gọi là Prasâpléak rồi Prasath. Đến cuối năm 1945, khi cuộc cách mạng chống Pháp bùng nổ ở Việt Nam, Chánh phủ Cao Miên bỏ luôn chức Mékhum người Việt.

Thành phần kiều bào gồm đủ hạng trong xã : nông dân, buôn bán, tiểu công nghệ, đặc biệt nhất là nhóm «bạn biển» (những người làm nghề đánh cá ở Biển Hồ), học sinh, sinh viên lỡ vận ở nước nhà và công chức. Người làm ruộng khai khẩn đất hoang, nộp thuế cho nhà nước Bảo hộ rồi làm chủ như ở quê hương. Đất Miên rộng, người Miên ít, tha hồ cho kẻ siêng năng khai thác. Người nào không đủ sức thì cấy thuê, gặt mướn dành dụm ít lâu cũng mua được mảnh ruộng con, dư sống suốt đời.

Giới buôn bán thì phát đạt vô cùng. Lợi dụng tánh thật thà chất phác của ông bạn láng giềng, Việt kiều làm giàu rất nhanh trong nghề đổi chác.

Về ngành tiểu công nghệ, Việt kiều đứng số một ở Cao Miên làm hầu hết những nghề đặc biệt, không ai bắt chước được.



Vượt lên cao hơn hết là giới trí thức. Người Miên chậm tiến hơn ta, lại giữ gìn quá kỹ lưỡng phong tục, tập quán của họ nên ít chịu tiếp xúc với người Pháp, do đó bộ máy hành chánh không đủ người điều khiển. Chánh phủ Pháp phải đưa một số đông công chức Việt Nam và thâu nhận Việt kiều vào các công sở. Có thể nói nước Cao Miên nhờ người Việt một phần lớn trong vấn đề khai hóa dân tộc và mở mang xứ sở. Trong tất cả các cơ quan từ thủ đô đến tỉnh, công chức Việt kiều giữ nhiều địa vị quan trọng. Các cấp chỉ huy người bản xứ có chăng cũng đề cho có vị thôi.

Đáng kể nhất là trong ngành giáo dục, Việt kiều cũng chiếm một phần quan trọng, chuyên dạy trẻ em Việt và trẻ em Miên. Và chính những cậu học trò Miên học với giáo viên Việt sau này trở thành nhà giáo, thay thế các thầy của mình.

Nhờ vấn đề cần dùng thiết yếu ấy mà sinh viên Việt Nam thích lên Cao Miên học hơn là ở nước nhà. Thuở ấy, có mảnh bằng Tiểu học là có việc làm ngay, ở công sở nào tùy ý muốn.

Còn nói gì đến những cậu học đến ban Trung học, dù thi đậu hay rớt mảnh bằng Thành chung cũng được thâu nhận liền. Sinh viên ban Sư phạm sau khi thi được bổ dụng tức khắc, rớt thì ngạch thấp, đậu thì ngạch cao. Học sinh Việt Nam ồ ạt sang Cao Miên vào trường Trung học một ngày một đông khiến Chánh phủ Pháp lo ngại phải hạn chế, vào năm 1935, chỉ thâu nhận trò nào học ở Cao Miên, có bằng Tiểu học Cao Miên mới được. Vì thế, số học sinh Việt giảm bớt rất nhiều.

Tóm lại, những lý do thúc đẩy người Việt sang đất bạn từ ngày đầu tiên đến thời Pháp thuộc là thế. Sau này, hai quốc gia thu hồi nền độc lập xong thì có thêm một nhóm người tị nạn chánh trị và nhóm có lương tâm không yên nhờ xứ Miên làm nơi tạm trú.

Tổng số Việt kiều tính đến năm 1945 lối 300.000 người theo con số kiểm tra của người Pháp, năm 1969 vượt lên 400.000 (1)

(1) Công văn của Bộ Ngoại giao gửi Viện Thống kê số 400 BNG/VHPL/KV ngày 27-1-1969.

sau khi một số hồi hương bị trục xuất và một số mới trốn sang.

## ĐỊNH CƯ Ở ĐÂU ?

Việt kiều ở khắp lãnh thổ Cao Miên. Du khách đi đến tỉnh nào, quận nào cũng có người Việt, cũng có người biết tiếng Việt. Nhưng tổng số ở nhiều hay ít tùy theo nghề nghiệp và địa thế của địa phương.

Tại thủ đô Nam Vang, Việt kiều ở nhiều nhất, sống với hầu hết các nghề trong xã hội : Công chức, tư chức, buôn bán, tiểu công nghệ. Vì người Việt ở đông nên người Miên, Hoa kiều đều học tiếng Việt để giao thiệp hằng ngày. Đó là cái rún của lãnh thổ Cao Miên, là nơi tiếp nhận đầu tiên của người có máu giang hồ. Khăn gói gió đưa, đến Nam Vang rồi sẽ tỉnh ; ở được thì đóng đô luôn, không thì lại lên đường sang tỉnh khác.

Ở các tỉnh sát biên giới Việt như : Svay Riêng, Kandal, Frey Veng, Takeo, đồng bào ta thuê đất làm ruộng lần lần trở thành chủ nhân ông, điền chủ như ở nước nhà. Nguyên do vì người Miên ít lại ưa nhàn, không chịu khó nên đại đa số đất đai bỏ hoang hằng mấy thế kỷ, người Việt tha hồ trỗi tài.

Để chứng tỏ lập luận trên, chúng tôi xin nhắc lời của Quốc Trưởng Miên Sihanouk trong một cuộc họp báo hằng tuần ở Nam Vang năm 1956. Đề cập đến tình trạng kinh tế, Quốc trưởng Cao Miên than phiền dân Miên không có ý muốn sống với nghề nông, chỉ muốn ở thành phố để làm ... công chức. Ông nhắc lại rằng trong cuộc hành quân Sammaki vào năm 1954 ở vùng Battambang, Siem Reap, ông thấy nhiều thửa đất màu mỡ, chỉ cần bỏ hạt giống là nảy mầm lên cây, nhưng hàng trăm năm rồi không ai khai khẩn. Ông kêu gọi dân Miên đến các vùng đó, chánh phủ sẽ giúp nhà ở, dụng cụ, hạt giống, mà không người nào hưởng ứng. Xét ra thì tại Bộ Lao động Miên có 500 lá đơn của nhóm thanh niên thất nghiệp xin chỗ làm trong khi chỉ cần



có 1 chân thư ký ! Tuy vậy mấy trăm người ấy vẫn kiên nhẫn ở thủ đô, ăn gỏi nằm nhờ chờ một cơ hội chứ không chịu về đồng ruộng.

Ở những tỉnh khác, trong nội địa gần biên giới Lào-Thái, Việt kiều ở ít hơn, đó là một số công chức và người buôn ở tại tỉnh lỵ.

Ngoài ra có hai nhóm Việt kiều thật quan trọng là dân «bạn biên» nghĩa là người đánh cá ở Biên hồ (Tonlé Sap) và «dân công-trà» (Contrat) là phu cao su ở các đồn điền Snoul tỉnh Kratié, Mimot Krek, Chup, Prek Kâk, Chamear An Đông, Peam Chikéang tỉnh Kompong Cham. Hai nhóm Việt kiều này là một vấn đề nan giải cho chánh phủ Việt-nam Cộng Hòa trước tình cảnh bi đát của tồng bào sống với một chế độ lạ đời nhất thế giới.

## CHƯƠNG 2

### KINH TẾ

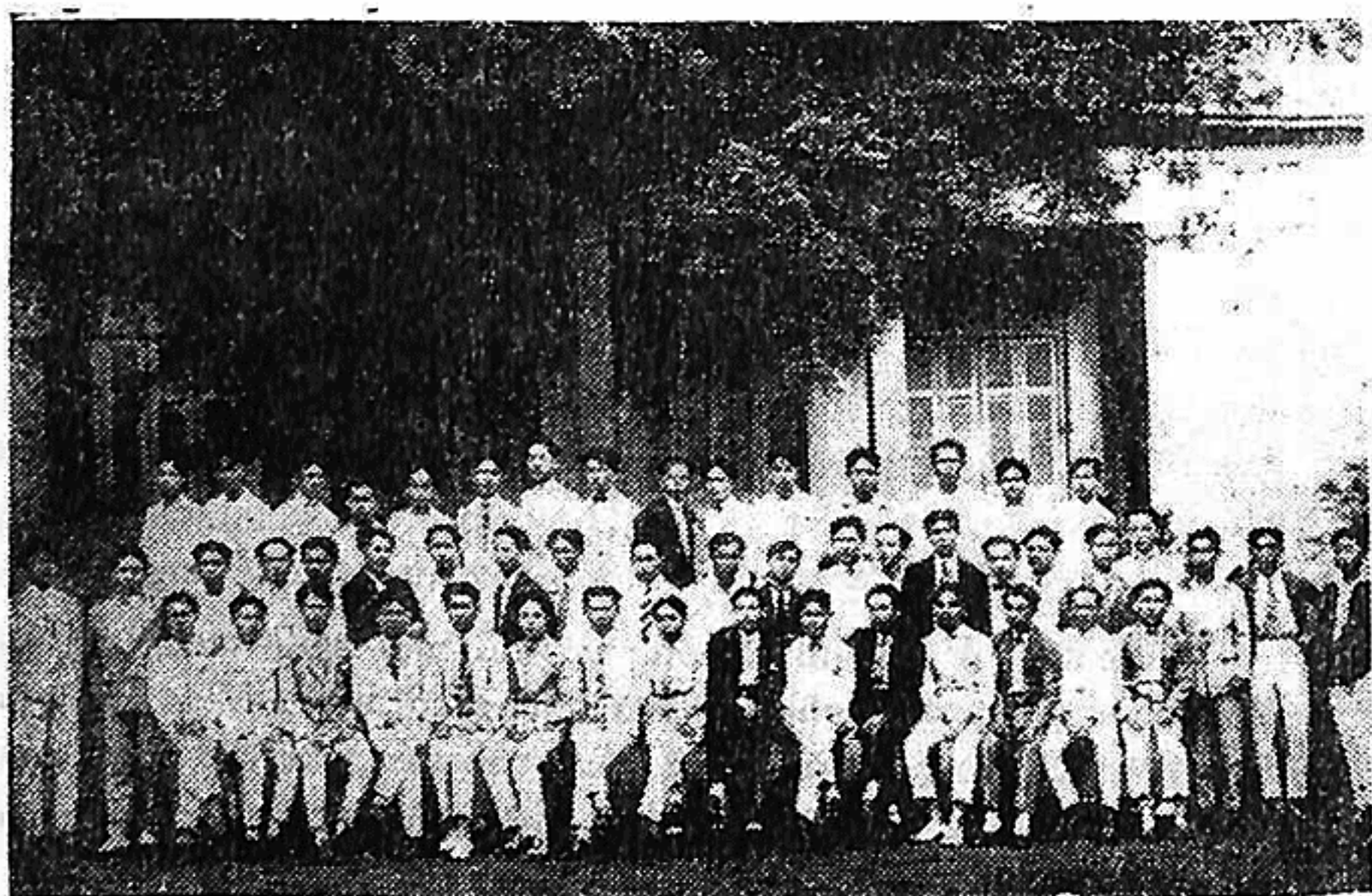
#### *Việt kiều sống thế nào?*

Việt kiều ở Cao-miên sống với đủ mọi nghề trong xã hội. Không có giới nào, nghề nào mà không có người Việt xen vào. Đặc biệt nhất là có những nghề riêng chỉ có người Việt làm được, người Miên hoặc Hoa kiều không thể bắt chước hoặc chỉ nhái theo mà thôi.

#### **CÔNG CHỨC :**

Dưới thời Pháp thuộc, quốc gia Cao-miên cũng như Ai-lao nhờ một số đông công chức Việt kiều phụ trách trong các ngành hành chánh và quân sự. Từ thủ đô đến các tỉnh, công sở nào cũng có người Việt. Công chức Việt kiều được ưu đãi không khác người Miên về mọi phương diện. Đó là thời kỳ vàng son của giới trí thức Việt ở Cao-miên. Nhiều vị lớn tuổi có thành tích tốt, phục vụ trung thành được Nhà Vua phong tước hàm và mời vào Triều dự các buổi lễ. Dạo ấy, các cô gái ở miền Nam rất thích được người chồng "công chức Nam-vang" cũng như gái Hà-nội ngâm câu "Phi cao đẳng bất thành phu phụ". Nhờ địa vị và quyền thế, nhiều ông tạo nên nhà cửa, sự nghiệp vững vàng ở đất bạn và dính chân, dính cẳng luôn trên ấy quên mất quê hương ! Đám con cháu hiện thời đã thành người Miên hoặc phân nửa ngoại quốc. Một ít người dựa

hời thực dân trồ tài ăn hối lộ, hiếp đáp người Miên, Hoa kiều và Việt kiều gây nên một tiếng xấu cho toàn thể công chức.



*Sinh viên Việt kiều trường Trung học Sisowath chụp ngày 26-5-1929*

Dưới sự cưỡng bách dân di học và cố gắng tạo nhân tài, năm 1930 Chánh phủ Cao-Miên có được một số công chức khả dĩ thay thế người Việt. Từ đó việc thu nhận công chức Việt bắt đầu khó khăn nếu không nói là Chánh phủ Miên không nhận nữa hoặc chỉ nhận vào những trường hợp đặc biệt, trong những phận sự mà người Miên không cáng đáng nổi. Công chức mới vào chỉ hưởng lương công nhật chứ không được nhập ngạch. Muốn nhập ngạch phải biết chữ Miên và qua một kỳ thi sát hạch hằng năm với trình độ Trung học.

Đến năm 1945, phong trào kháng Pháp nổi dậy, một số đông công chức Việt kiều xin trở về quê hương giúp Tổ quốc. Các chỗ trống ấy được người Miên thay thế. Những người còn ở lại vẫn tiếp



tục làm việc. Có người xin nhập quốc tịch Miên để được vào ngạch như người bản xứ, khỏi thi và hưởng những quyền lợi như người Miên.

Năm 1946, Chánh phủ Cao-Miên không nhận công chức Việt trừ một vài trường hợp hết sức cần thiết như phiên dịch viên, chuyên viên.

### GIÁO VIÊN

Dưới chế độ Bảo hộ, người Pháp chủ trương phổ biến chữ Pháp cho tất cả các sắc dân trong lãnh thổ, nên ở Cao-Miên, ngoài các lớp Miên-Pháp còn có nhiều lớp Việt-Pháp, Chăm, Thái, Lào, Lolo Chlong (thượng) ở vùng nào có nhiều kiều dân các quốc gia láng giềng cư ngụ. Người Việt được thuê nhận làm giáo viên để dạy các lớp Việt-Pháp. Ngoài ra, người Miên giữ gìn phong tục rất kỹ, thích cho trẻ con vào chùa học chữ với quý vị Sư Sãi hơn là vào trường công. Do đó, số học sinh Trung học rất ít, chánh phủ Bảo hộ phải thuê sinh viên Việt-nam vào. Người nào học ban phổ thông thì khi ra trường vào các công sở, người học Sư phạm thì làm giáo viên. Số giáo viên thiếu đến nỗi vào những năm 1930, 1932, Bộ Giáo-dục nhận những sinh viên thi rớt bằng Sư phạm hoặc chỉ cần học đủ bốn năm. Tuy nhiên về ngạch trật thì người có bằng cấp vẫn được cao hơn. Những giáo viên Việt mới ra trường này bị bắt buộc phải học chữ Miên, trình độ Trung học, để dạy trẻ Miên. Bộ Giáo-dục ấn định thời hạn một năm. Nếu thầy nào thi rớt thì bị sa thải. Mỗi buổi chiều sau giờ làm việc, các thầy vào một lớp riêng học chữ Miên một giờ, về nhà mượn giáo viên Miên dạy thêm. Đến ngày thi đầu tiên, chỉ có một thầy đậu còn bao nhiêu đều trượt vô chuối ráo. Vị giáo viên duy nhất ấy tên Lê-Hoàng-Đại ở trường xã Stung Tráng thuộc tỉnh Kompong Cham. Trước số giáo viên bị đánh rớt quá nhiều, Bộ Giáo-dục không thể áp dụng đúng theo Nghị-định vì nếu sa thải hết thì lấy ai điền vào ? Bộ cho thêm một năm nữa và kết quả gần hết tổng số giáo viên Việt kiều đều trúng tuyển, chỉ có vài thầy không may mà thôi. Mấy thầy này

vẫn được tiếp tục làm việc nhưng hưởng lương công nhật, và mỗi năm được thi lại một lần. Đâu thi vào ngạch ngay. Một số giáo viên xin thôi vào làm sở khác.

Song song với sự kiện này, Bộ Giáo dục không nhận sinh viên Việt ở miền Nam vào trường Trung học, chỉ nhận Việt kiều có cấp bằng Tiểu học ở Cao-miên. Đạo ấy, sinh viên Miên đã gia tăng nhiều khả dĩ đảm nhận trách nhiệm giúp quốc gia.

Người Việt không còn được nhận làm Giáo viên chánh ngạch nữa, chỉ thỉnh thoảng Bộ Giáo dục cần một vài thầy dạy lớp Việt-Pháp với lương công nhật. Thầy nào thông Miên ngữ cũng có thể thi đề vào ngạch, hoặc nhập Miên tịch để được đối xử và hưởng quyền lợi như người Miên.

Đến tháng 7 năm 1945, Chánh phủ Hoàng gia Miên ra lệnh đóng cửa các lớp ngoại kiều, gom vào một chương trình thống nhất Miên Pháp. Kiều dân không muốn học chữ Miên thì tìm các trường tư. Các Giáo viên công nhật được lệnh nghỉ việc hưởng 3 tháng lương.

Qua tháng 9 năm 1945, nhiều Giáo viên Việt kiều xin trở về quê hương phụng sự Tổ quốc được hai chánh phủ chấp thuận và nhậm nhận theo ngạch cũ. Còn lại một số ít thì một phần phải nhập Miên tịch, một phần xin biệt phái qua ngành hành chánh, và một phần làm Giám thị trong các trường Trung học ở thủ đô gọi là để dưỡng già chờ ngày hưu trí. Trong các trường học ở Nam-vang và các tỉnh không còn một Giáo viên Việt nào dạy trẻ Miên nữa.

### **MỞ TRƯỜNG TƯ**

Trước khi Chánh phủ Miên thống nhất chương trình dạy học, ở Nam-vang có vài trường tư bậc Tiểu học và Trung học để đón trẻ em quá tuổi không vào được trường công và các cậu thi rớt không được ngồi lại.

Việc làm có ích cho kiều bào như thế mà không thâu lợi bao

nhiều vì trẻ con được vào trường công dễ dàng. Đến lúc bãi bỏ các lớp Việt — Pháp thì các ông Giám đốc tư thực mở bao hốt bạc. Bao nhiêu học sinh không theo lớp Miên ngữ đều vào trường tự học tiếng mẹ. Người Việt nào lại không muốn cho con học quốc ngữ? Bấy giờ trường tư đua nhau mọc như nấm mùa mưa. Giáo viên Việt bị sa thải được mời vào điều khiển các lớp Tiểu học. Có trường nhờ Giáo viên Pháp dạy Pháp văn để cạnh tranh với nhau. Trường nào cũng sốt sắng lo cho học sinh mau khá, thi đậu nhiều. Đó là một điều đáng mừng cho giới Việt kiều. Tuy nhiên có điều cần mở đầu ngoặc là mấy ông Giám đốc tính học phí quá nặng. Năm 1946 mà «ăn» 100 đồng lớp AB thì quá quắt lắm. Nhiều trẻ nghèo chịu thất học cũng vì cha mẹ chúng không đóng nổi số bạc hàng tháng. Mỗi lần mãn niên học, các ông «lùa» hết học trò cho lên lớp trên, bất kể đứa nào học kém. Như thế, các ông có lời thêm số học phí tăng thêm và có nhiều chỗ để thâu tóm trẻ mới.

Ở Svay Riêng, tỉnh lỵ gần biên giới, nơi có nhiều Việt kiều, một cô giáo trường công vừa nghĩ việc liền mở ba lớp Đồng ấu, Dự bị, Sơ đẳng trong căn nhà đề xe. Một mình cô «quay» ba lớp không chuyên nên học trò có vẻ «ngáo» nhiều hơn là thông minh. Kiều bào tốn tiền toi, than phiền hoài hoài và đâu cũng vẫn vậy. Dù sao, có còn hơn không, nếu cô ấy đóng cửa trường thì trẻ học ở đâu? Ở các tỉnh khác không có người nào nghĩ đến vấn đề này, có lẽ vì thiếu phương tiện, hoặc thiếu người đủ điều kiện đảm nhận. Một số đông trẻ Việt phải vào trường công học chữ Miên.

Năm 1950, Chánh phủ Cao-miên bắt buộc các tư thực phải dạy chữ Miên mỗi tuần 10 giờ, rồi lần lần số giờ gia tăng. Cho đến năm 1962 thì chữ Việt bị bỏ hẳn. Trẻ Việt bơ vơ không có nơi học hành. Nhiều người lo ngại cho tương lai con mình phải tự dạy ở nhà, chứ không được phép dạy quá số 5 trẻ! Chánh phủ Việt-nam cộng hòa không có quyền can thiệp để giúp đỡ Việt kiều về phương diện này!



## TƯ CHỨC

Giới tư chức được ưu đãi không thua công chức. Các hãng buôn ở Nam Vang đều do người Pháp và Hoa-kiều làm chủ, giấy tờ, sổ sách dùng toàn chữ Pháp nên họ rất cần Việt kiều giúp đỡ.

Tại Nam Vang có một phòng thương mại mở các lớp dạy đánh máy chữ, kế toán, tốc ký cho thanh niên học miễn phí. Các tư chức Việt kiều phần đông ở trong ấy mà ra ! Người Pháp và Tàu không chịu thuê người Miên vì họ làm chậm chạp, ít sáng kiến. Nhiều người suốt đời chỉ giúp cho hãng buôn mà sung sướng không thua công chức bao nhiêu.

Khi chánh phủ Cao-Miên không nhận Việt kiều vào sổ thi số công chức thất nghiệp chạy vào các hãng buôn ; hơn nữa, đám thanh niên, thiếu nữ mới lớn lên cũng xin việc làm ở những nơi ấy, tạo nên một dịp tốt cho mấy ông chủ bóp chẹt đồng lương. Một người chủ gia đình không thể nhận số lương chết đói, nhưng các cô gái thì bao nhiêu cũng được vì cơm cha, áo mẹ sẵn rồi, việc đi làm chỉ là một lối điếm trang để tăng thêm giá trị của các cô mà thôi. Bọn chủ hãng buôn cá mập tha hồ khai thác điếm này đến triệt để. Một vài nơi như Đông-dương Ngân hàng nữ nhân viên nhiều xấp ba lần phái nam !

Nạn thất nghiệp không có trong giới trí thức Việt kiều. Tư chức thay đổi chỗ làm dễ như thay áo. Nơi nào mướn cao hơn thì xin thôi chỗ cũ đến chỗ mới. Người nào có đủ điều kiện, đủ khả năng thì xin chỗ nào cũng được tiếp đón niềm nở.

Giới giáo viên tư thực cũng phát tài không kém. Nhờ số học trò đông và chủ trường tổ chức theo lối dạy bốn giờ một ngày nên giáo viên không thiếu việc làm. Ngoài những ông giáo nhiều kinh nghiệm và tận tụy với nghề, có khá đông cô, cậu « giáo non » mới ra trường không bao lâu, cố nhiên có cô có cậu chưa học qua ban sư phạm, chỉ thi hành phận sự theo sự hiểu biết của mình,

gia dĩ có vài ông chủ trường quá dễ dãi đề mặc thầy giáo, cô giáo muốn dạy sao dạy miễn trẻ đọc, viết được thì thôi.

Năm 1957 chánh phủ Cao-Miên cấm ngoại kiều làm 18 nghề và buộc các hãng buôn phải nhận 70 phần trăm nhân viên người Miên, nhiều tư chức Việt Kiều bị sa thải phải về Saigon hoặc sống vất vưởng ở đất bạn. Các giáo viên tư thực cũng dẹp nghề gõ đầu trẻ xoay qua nghiệp khác nếu không chịu hời hươg.

### **BÁC SĨ, THẦU KHOÁN**

Nghề này rất ít Việt kiều đảm nhận, nhưng vì kiều bào chiếm được địa vị quan trọng trong xã hội nên người Miên và ngay cả người Pháp cũng phải kiêng nê. Ở Nam Vang có nhiều vị Bác sĩ mở dưỡng đường, nhà bảo sanh làm giàu rất chóng. Nhiều nhà thầu khoán phát tài vùn vụt nhờ cuộc mở mang thủ đô Cao Miên. Dưới thời Pháp thuộc, thành phố Nam Vang chỉ có vài mươi con đường, phố xá chưa được đầy đủ. Lăn lăn các kiều dân đồ xô đến, người Miên ở thôn quê ra chợ, Chánh phủ phải lấp mấy cái ao, hồ cất ngôi chợ mới và lấp luôn con rạch nhỏ làm vườn hoa. Ngoài ra nhờ tài khéo léo của những người thợ hồ Việt-nam nên nghề thầu khoán béo bở vô cùng.

Ở các tỉnh lỵ cũng vậy, Việt kiều lãnh xây cất dinh thự, công ốc, phố xá được Chánh phủ và mọi người tín nhiệm hơn dân bản xứ.

Năm 1967, nghề Bác sĩ thầu khoán gần như vang bóng một thời ở xứ Chùa tháp. Các ông không thể chịu nổi đường lối mới của Chánh phủ Cao-Miên nên đã nặng bổng nhẹ tặc, kẻ sang Pháp lánh thân, người về Saigon phục vụ cho quê hương.

### **NGHỀ ẤN LOÁT**

Người Miên có sách học, kinh Phật, báo chí đọc hằng ngày là

nhờ Việt kiều làm nghề ấn loát khai lộ tiên phong ở Nam-vang. Nhà in đầu tiên là chi nhánh của ấn quán Pháp Albert Portail ở Sai-gon khai trương trong năm 1921. Toàn thể người giúp việc từ thợ ký đến thợ sắp chữ, thợ chạy máy in đều là Việt kiều.

Năm 1928, ông Allès, người Pháp, mở nhà in Sek chữ tắt của SOCIÉTÉ DES ÉDITIONS KHMÈRES (công ty ấn loát Cao miên) cũng nhờ người Việt điều khiển vì thợ ấy chưa có chữ Miên.

Năm 1929, một Hoa kiều, ông Quách-Heng mở nhà in đề tên Pháp: HENRY cũng do thợ Việt đảm trách.

Năm 1930, nhà in A. Portail nhờ xưởng đúc chữ in bên Pháp hiệu DE BÉRNÉY tạo một số chữ Miên để in kinh Phật chớ không có nhiều để làm nổi một tờ báo. chủ nhân tuyển thợ Miên nhờ người Việt dạy nghề. Mãi đến năm 1946, người Hoa kiều lấy mẫu chữ Miên đem về Chợ-lớn đúc ra nhiều, bấy giờ mới có người mở nhà in. Người thứ nhất là ông Tan-Chin-Học, Miên lai Tàu, mở nhà in Khmère nào năm 1948 và người Miên đầu tiên là ông OUCH-MÉKON lập ấn quán Miên ngữ vào năm 1949. Lần lần nhiều người ra cạnh tranh dành khách hàng, số thợ gia tăng nhiều, chủ nhân phải xuống Sai gon rước thêm.

Năm 1953, Ông Viễn người Hoa kiều ở Chợ-lớn lên Nam-vang lập xưởng đúc chữ Miên; từ đó đến giờ ngành ấn loát về Miên ngữ mới phát triển mạnh.

Tuy nhiên, dưới thời Pháp thuộc và đến ngày nay, chữ Việt và chữ Pháp vẫn được đặc dụng, nên số thợ Việt kiều lúc nào cũng được ưu đãi. Ngoài ra thợ Miên chỉ biết sắp bài thông thường, còn làm các quảng cáo và ấn phẩm mỹ thuật phải nhờ thợ Việt.

Chữ in Việt và Pháp có nhiều loại gọi là corps từ 6, 9, 10, 12 đến 120, còn chữ Miên chỉ có mấy loại: chữ đứng 18 và 30, chữ nghiêng 26, chữ Hoa (Moul) 26 và 30.



Sắp chữ Miên mỗi hàng rộng bằng ba chữ Việt, một hàng dấu ở trên, một hàng dấu ở dưới, chữ cái ở giữa, nên tốn công sắp gấp ba lần. Chữ tựa lớn phải viết tay và làm bản kẽm. Số lợi tức của một nhà in chữ Miên thu vào gấp ba chữ Việt và Pháp, ví dụ 100 tờ chương trình lễ dâng bông, dâng y vào chùa giá 300đ nếu in chữ Việt hay Pháp lời 50đ, 100 danh thiếp Pháp 30đ, chữ Miên 300đ đến 500đ. Vốn mở nhà in chữ Miên lại ít hơn, chỉ bằng một phần ba chữ Việt, nên từ năm 1954 đến 1970 đã có nhiều người mở nhà in chữ Miên trong ấy có hơn 10 nhà của Việt kiều.

Trong giới ấn loát Việt kiều có người cần cù làm việc, khéo dành dụm sắm máy in, mua chữ mở nhà in riêng, tạo thành cơ sở vững vàng. Tuy nhiên về phương diện vốn liếng thì không thể nào qua nổi người Pháp, nhất là Hoa kiều. Có thể nói hầu hết nguồn lợi ngành này đều vào tay chú Ba mà đại đa số người tạo nên sự nghiệp ấy là những bàn tay khéo léo của người Việt tha hương.

Khi Chánh phủ Miên ra lệnh cấm nghề và buộc các xí nghiệp phải thầu nhận 70% nhân công bản xứ, giới kiều bào trong ngành ấn loát không bị xáo trộn gì cả, vì lẽ thợ Miên không thể thay thế thợ Việt sắp chữ Việt hay chữ Pháp, chữ Anh nhanh chóng bằng. Một số ít anh em hồi hương là vì lý do gia cảnh, vì không muốn dính líu về phương diện chánh trị chứ không phải vì bị ép buộc, hiếp đáp trong phạm vi nghề nghiệp.

Đây là danh sách Việt kiều sáng lập nhà in :

— Năm 1948 ông Phan Vinh Tòng lập nhà in SUD EST ASIATIC.

— Năm 1951 ông Trần Văn Bảo lập nhà in Bảo Toàn,

— — 1954	— Vũ Văn Băng	— — — Mékong,
— — 1954	— Lâm Văn Lến	— — — Cambodia,
— — 1956	— Đỗ Chí Hạnh	— — — Đỗ chí Hạnh,
— — 1958	— Lâm Văn Mạnh	— — — Kampuchéa

- — 1959 — Nguyễn văn Tường — — — Rasmey  
Kampuchéa  
— — 1963 — Nguyễn văn Nham — — — Préah Vihear  
— — 1968 — Lê văn Truyện — — — Bockor  
— — 1968 — Nguyễn văn Mến — — — Bayon

Những ông thợ chánh (Chef Typo) ở các ấn quán :

- |                          |                 |
|--------------------------|-----------------|
| — Vũ văn Bảng            | nhà in Khmère . |
| — Nguyễn văn Tường       | — —             |
| — Vương văn Đức          | — A. Portail    |
| — Nguyễn văn Phát        | — Henry         |
| — Nguyễn văn Khai        | — SEK           |
| — Phêrô Nguyễn văn Phước | — EKPLIP        |
| — Nguyễn văn Năng        | — SEA           |

### **BÁN SÁCH, BÁO**

Có thể nói người bán sách, báo là kẻ có công phần nào đối với nền văn hóa nước nhà ở đất bạn. Trước kia, việc giao thương còn dễ dàng, báo chí Việt nam tự do lưu hành khắp lãnh thổ Miên thì việc buôn bán sách, báo không có gì đáng nói.

Từ năm 1945 trở đi, Vương quốc Cao-Miên giành được quyền độc lập, sự giao thiệp giữa hai nước phải theo thể thức quốc tế, nên tất cả sách báo Việt ngữ vào đất Miên phải xin phép trước hàng tháng và phải có người bảo lãnh đảng hoàng. Nhưng không phải báo nào cũng được Bộ Thông tin Cao-Miên chấp thuận ngay đâu. Phải có sự đồng ý của Ty Công An và ban kiểm duyệt sau một cuộc điều tra mới có thể nhận được phép. Rồi trong lúc phát hành hàng ngày hay hàng tuần, rủi ro có lời gì xúc phạm đến nước bạn thì người thay mặt phải bồi đền khoảng ấy. Nếu động chạm quá nặng, báo sẽ bị cấm lưu hành. Báo gửi theo xe đò hoặc tàu bay gửi xe thì lối 1 hay 2 giờ trưa

đến Nam Vang, gởi tàu bay thì 10 giờ sáng, nhưng mỗi tuần chỉ có ba lần. Hôm nào ở Saigon gởi trễ phải theo chuyến xe trưa, tới bến vào 7 hay 8 giờ đêm. Nhà phát hành giao cho nhiều người đi bán lẻ và bỏ báo thối trong thành phố. Những người này ăn hoa hồng từng số báo ; cậu nào giỏi cò động có nhiều thân chủ thì phát tài nhiều. Một số báo được gởi đi về các tỉnh, nhưng tiếc thay chỉ có 4, 5 tỉnh, trong số 16 tỉnh khắp lãnh thổ, có độc giả Việt kiều mà thôi. Việt kiều ở Kratié, Battambang, Siem Réap chịu khó gởi tiền mua báo thối phải chịu xem trễ hàng mấy ngày. có khi Bru điện dồn lại cả tuần một xấp ! Vào năm 1953, có 8 tờ báo hàng ngày và một tờ hàng tuần được phép bán ở Cao-Miên. Mỗi ngày tổng số độc giả tiêu thụ lối 3.000 tờ. So với quê nhà thì số ấy không thấm thía vào đâu, nhưng đó là một cố gắng của kiều bào giữa lúc khó khăn. Mỗi năm một lần, tất cả báo Xuân được hoan nghinh đặc biệt. Về sách học thì học sinh Việt Kiều có thể tìm đủ loại cần thiết cũng như ở quê nhà.

Năm 1959, Chánh phủ Cao Miên thân Cộng sản cấm hẳn sách báo ở Saigon ! Kiều bào phải đọc những tờ tuyên truyền của Hà-Nội với một tờ do Việt kiều ở Nam Vang chủ trương. Người nào lỡ gởi hàng hóa bằng báo cũ ở Saigon cũng bị bắt bớ và làm tiền cần thận. Tuy vậy, cũng có người gởi mua lên các báo tuần và tạp chí ở Saigon qua chợ trời Gò Dầu Hạ để xem và học hỏi.

## NHIẾP ẢNH

Một số Việt kiều phát tài với nghề nhiếp ảnh ở thủ đô Nam Vang và các tỉnh. Người Miên không có khiếu về nghề này, chỉ có người Tàu mở những cửa hiệu đồ sộ, nhưng trên phương diện mỹ thuật thì không bằng ta. Vì thế, từ chánh quyền đến tư nhân, ai cũng thích nhờ Việt kiều chụp hình hơn người khác. Tại Nam Vang có hai cửa hiệu lâu đời nhất và rất có uy tín đối



với Hoàng gia Cao-miên là hiệu Royal Photo và Photo Khmer ngoài ra còn mười hiệu cũng đắt khách vô cùng.

Ở khắp các tỉnh lỵ, nơi nào cũng có ít nhất là một hiệu ảnh của người Việt. Nghề này không chịu ảnh hưởng gì đến thời cuộc nên các chủ nhân ông vẫn bình yên, sung sướng.

Các bạn nhà nghề cũng được các sứ quán, công sở trọng dụng, sống dư dả quanh năm.

### **BẠN BIÊN (1)**

Nói đến Việt kiều ở Cao-miên phải nghĩ ngay đến cả trăm ngàn người «Bạn biên» là dân đánh cá ở Biên hồ, và hàng ngàn dân «Công tra» (contrat) ở các đồn điền cao su Kratié và Kompong Cham.

Câu ca dao của người Việt tiền phong lên Cao-miên vang mãi trong tai kiều bào như một lời sấm :

*Nam-vang lên dễ khó về,*

*Trai theo Bạn biên, gái về Tào Kê.*

đánh dấu ngày bước chân lên đất Miên của một nhóm thanh niên với nguyện vọng tìm một số tiền rồi áo gấm về làng. Nhưng thực tế giết mộng đẹp, vùng nước bao la của Biên hồ Tonlé Sap đã khoá chân anh hùng hơn một thế kỷ, đến nỗi đám con, cháu hiện thời không biết chốn chôn nhau của Tổ Tiên là đâu. Đó là tình cảnh của phái nam, còn phái nữ thì các cô gái Việt mỹ miều vì sinh kế phải rời nhà phieu bạt đã biến thành miếng mồi ngon cho các Tào kê, hạng xi thẩu Hoa kiều giàu sụ, rồi lần lượt cho ra những đứa con lai Việt sống trên đất Miên, mất đứt giống nòi.

Biên hồ ở Cao-miên là một hồ nước rộng mênh mông giống hình con số 8, nằm giữa lãnh thổ, bề bài hơn 160 cây số chỗ

---

(1) Tài liệu của ông Đặng Văn Gương

rộng nhất 32 cây, đầu ở tỉnh Siem Reap cuối ở tỉnh Kompong-Chang, bên phải là tỉnh Pursat, bên trái là tỉnh Kompong Thom. Người Miên gọi Biển hồ là «Bưng tonlésap» nghĩa là hồ nước ngọt. Danh từ Biển hồ là của người Việt đặt ra, lâu ngày thành quen cũng như thủ đô Phnom-Penh ta gọi là Nam-vang vậy. Người Tàu dịch chữ Tonlê là Thôn-lôi, gọi là Thôn-lôi-hồ. Mỗi năm nước sông Cửu-long dâng lên ngập đầy hồ trong sáu tháng rồi lần lần rút sạch, bày lòng hồ cạn khô như bãi cát hoang. Dưới thời Chánh phủ bảo hộ, người Pháp chia mặt hồ ra từng ô cho đấu giá. Người bỏ tiền cao hơn được quyền đánh cá suốt mùa. Thề thức này vẫn được người Miên dùng đến ngày nay. Chủ nhân ông cất nhà sen ven bờ và nhà bè trên mặt hồ, ngoài ra còn sắm nhiều chiếc ghe lớn để rộng cá, chứa dụng cụ. Căn nhà bè luôn luôn xê dịch theo đoàn ghe. Đám nhân công gọi là bạn biển thì mỗi gia đình sống trên một chiếc ghe nhỏ cột theo ghe của chủ. Rất ít người sắm nổi một căn nhà bè mái lá che nắng, che mưa. Một năm, người bạn biển bù đầu làm việc suốt sáu tháng nước đầy còn sáu tháng nước rút thì sửa chữa đồ nghề, sắp đặt cho mùa sau và nghỉ ngơi, chơi bời. Chủ nhân là người Hoa kiều hay người Miên hoặc ngoại kiều nhập Miên tịch, còn kẻ làm công hầu hết là Việt kiều. Trong cuộc phiêu lưu tìm đất sống, kiều bào ta khám phá ra một khu màu mỡ, một kho tàng vô tận khả dĩ bảo đảm một đời sống sung túc. Gia dĩ những chủ nhân ông lai niềm nở, ân cần tiếp đón họ như bậc minh chúa cầu hiền tài thì có ai từ chối được. Nhận lời, nhận tiền, lãnh phận sự, người bạn biển vô tình ghép cả đời mình vào nghề mới, quanh năm lưới cá, xê khô đến ngày xuôi tay nhường cho bày con tiếp tục. Từng đợt ông rồi cha, rồi con, rồi cháu nhiều gia đình nối nhau hàng 4 đời, 5 đời làm «bạn biển» cho đến bây giờ và không biết còn đến bao giờ.

Để giữ người giúp việc năm này qua năm khác, người chủ trả lương hàng năm và đặc biệt là cho mượn trước 6 tháng, 8 tháng hoặc 10 tháng. Người bạn biển bị bó chân vì loại giao kèo

ấy nên không thể nghỉ nữa chừng và cứ hết năm này lại mượn sang năm khác thành thử suốt đời không thoát khỏi kiếp làm công! Giá tiền mượn tùy theo sức lao động : trai tráng, người lớn tuổi có kinh nghiệm thì giá cao, đàn bà, trẻ con thì giá thấp. Ai cũng làm được vì công việc rất dễ, chỉ có quá khổ cực mà thôi. Vì thế, trong một gia đình từ đứa bé 9, 10 tuổi đến người già không ai ở không, từ sáng đến tối và từ tối đến sáng, từ ngày nước lên đến khi rút cạn. Người bạn biển chỉ có lưới cá và xẻ khô. Cá đánh được một phần rộng trong ghe, trong bè chở đi Nam Vang bán tươi, số còn lại thì xẻ, muối phơi khô chứ không thể làm mắm hay món gì khác vì cá nhiều quá, họ không đủ thì giờ làm. Cá đánh bằng lưới bao tròn lại, một khoảng bằng cái sân rồi xúc lên ghe chặt đầu mỗi bụng, bỏ ruột, ướp muối đem phơi ngay. Cá nhiều đến nỗi có khi người bạn biển lên chủ dỡ lưới cho cá ra bột để bột mẹt. Đem cá lên ghe, cả gia đình người bạn biển ráp lại chặt đầu moi bụng. Người nào cũng làm như cái máy, làm suốt ngày đêm, mỗi mẹt thái quá mất trao tráo mà ngủ hồi nào không hay. Có người chặt nhắm tay mình đồ máu mới biết mình ngủ. Có nhiều phụ nữ ngứa đầu đưa tay dính đầy máu cá lên gãi, máu đọng trên tóc quăn ruồi bu vào. Vài giờ sau, trên mấy chỗ ấy có dòi bò lúc nhúc. Đau lòng nhất là cảnh những thiếu phụ có mang mà phải dầm mình suốt ngày dưới nước làm việc không ngừng tay!

*Biển hồ cực lắm em ơi !*

*Ban đêm xẻ cá, ban ngày phơi khô.*

Cờ nhân đã than hai câu này đề phác họa thực cảnh muôn đời của nghề bạn biển. Hơn một thế kỷ rồi, hàng trăm ngàn kiều bào đã kéo dài khiếp sống bấp bênh trên sóng quây quần thành một xã hội. Một năm họ làm việc 6 tháng nước ngập, còn 6 tháng sắp đặt dụng cụ cho mùa sau và cò bạc, chơi bời. Nhiều người lao đầu vào sông đen đỏ để nường sạch túi tiền mồ hôi, nước mắt và đầu lại vào đấy, cảnh vay tiền để gởi tấm thân cho chủ lại tái diễn cũng như những năm đã



qua. Cuộc chiến đấu chống thiên nhiên, phận sự phải thi hành trừ nợ miệng đã lôi cuốn họ sống như cái máy năm này qua năm khác, đời này qua đời khác biến họ thành một công cụ làm ra tiền cho chủ.

### **CHAI LƯỚI**

Ngoài vùng Biền hồ, ở dọc bờ sông Cửu-long có nhiều nơi quy tụ kiều bào sống với nghề hạ bạc. Đại khái như vùng Péam Chor (Vinh-lợi-tường), Banam thuộc tỉnh Prey veng, vùng Chlong tỉnh Kratié, vùng sông lớn thuộc tỉnh Kompong Cham, xóm Biền ở phía Bắc Nam Vang 7 cây số. Trong những con sông, rạch cũng có một số Việt kiều quây quần thành xóm ở trên nhà bè hay trên ghe như trước tỉnh lỵ. Kompong Thom, Pursat. Người ta dùng đủ mọi khí cụ để bắt cá, phần nhiều là đồ nghề cổ lỗ từ ngàn xưa mà bắt vô số cá khiến loài thủy tộc sanh sản không kịp, số sản xuất sụt bớt lần hồi. Người Miên lo ngại cho tương lai phải ra năm điều cấm để giữ cá :

1/ Cấm tuyệt dùng đồ nghề bắt được nhiều cá nhất mà luật lệ đã ngăn cấm.

2/ Phá hết những đồng chà chắt ở cửa Biền hồ để tránh lối bắt quá nhiều cá ngoài sông cho chúng vào biền sanh sản thêm.

3/ Trừng phạt thật nặng nề kẻ nào đánh cá trong 3 tháng cấm để cá sanh.

4/ Cấm phá rừng ở ven Biền hồ để cá vào đẻ.

5/ Truyền dạy cho dân chài không nên giết hại cá con hoặc còn nhỏ quá và khuyến khích họ nuôi cá ấy đến lớn.

### **BẮT CÁ THEO CÁC NGỌN RẠCH**

Mỗi năm một lần, nước sông dâng lên cao, tràn ngập đồng ruộng, chánh phủ Miên đấu giá bán các ngọn rạch dọc theo bờ sông. Người trả cao nhất được quyền bắt cá trong rạch năm ấy.

Lối hạ tuần tháng 9 Dương lịch, người ta chặn các đầu rạch bằng đặng. Khi nước rút ra sông, bao nhiêu cá đều dồn vào đấy. Nơi mỗi miệng rạch có cái rọ lớn gọi là «xạp» để phía ngoài và có chừa đường cá chạy vào. Mỗi lần cá «chạy» nghĩa là cá dồn về rạch thì hàng chục người cầm ki xúc chuyển nhau đồ vào ghe bán liền cho người Miên đổi lấy lúa. Số cá còn dư họ bán cho các xưởng làm nước mắm. Cứ nửa tháng, hai mươi ngày thì cá chạy một vài lần, chủ và nhân công làm trời chết bất kể ngày đêm. Có khi cá nhiều quá, làm không kịp, họ phải kêu lối xóm đến xúc bột để khỏi sập đặng.

### LÀM NƯỚC MẮM

Từ năm 1946, nghề làm nước mắm bằng cá linh đã thành một nghề chánh thức của Việt kiều. Hằng năm cá linh sanh sản quá nhiều đến nỗi Việt kiều nấu dầu thắp đèn chớ không biết làm sao tiêu thụ cho kịp. Vào cuối năm 1945, việc giao thương giữa Việt và Miên gián đoạn, và Việt kiều lập xưởng làm nước mắm bằng loại cá thặng dư này. Người ta phải nhờ những ông thợ làm nước mắm cá biển ở Phan-thiết, Phan-rí và áp dụng giống như phương pháp làm bằng cá biển. Người ta đổ cá vào thùng lều, cứ một lớp muối, một lớp cá, rồi gài ém chờ thịt cá chín nát mới rút nước đổ vào thùng lại. Đổ nhiều lần như thế cho chất cá ra thật hết, bấy giờ mới lọc lấy nước trong, bắt đầu từ nước nhĩ, nước nhứt, nước ngang và nước xác. Thùng lều là một thứ thùng gỗ thật dày hình ống, cao lối ba thước, đường kính lối hai thước. Dưới chân thùng có một cái ống, đóng nút bằng cây để rút nước mắm ra. Tuy nước mắm cá linh không có nhiều chất đạm (azote) và không ngon bằng nước mắm cá biển nhưng nhờ sự cần dùng bắt buộc lại rẻ hơn nước cá biển nhiều nên số sản xuất gia tăng vùn vụt. Nhiều người bắt chước làm theo, trong ấy có một vài ông Hoa kiều lớn vốn, mở xưởng to rộng với lối tổ chức đại qui mô. Sáng kiến của Việt kiều lọt vào tay kẻ khác,

## PHU CAO SU

Nhắc đến số Việt kiều làm phu cho Sở cao-su là khơi lại một tình cảnh vô cùng bi đát của một nhóm đồng bào xấu số, giữa thế kỷ 20 mà phải sống dưới một chế độ gần như nô lệ hằng nửa thế kỷ, và đang kéo dài chưa biết đến bao giờ mới chấm dứt.

Kỳ thủy vào năm 1920, người Pháp lập Công ty trồng tía đất đỏ (Société des Plantations des terres rouges) ở Sai-gon và Cao-miên khai khẩn rừng hoang tạo thành vườn cao-su. Ở Cao-miên, trụ sở Công ty đặt tại xã Mimot thuộc tỉnh Kompong Cham, coi sóc các vườn ở xã Krek, Chup, Prek-Kâk, Chamcar An-đông, Péamchchang và Snoul thuộc tỉnh Kratié. Năm 1921, công ty bắt đầu trồng cao-su. Vì lẽ những vườn này ở giữa nơi rừng sâu, nước độc nên người Việt miền Nam ít dám vào làm. Ở thành phố vẫn có nhiều việc sống dễ dãi hơn. Vì thế những người điều khiển công ty đặt kế hoạch mộ phu ngoài Bắc Việt là nơi đồng bào đang đói kém. Đám lao công đáng thương này bị bọn thực dân lường gạt bằng chiêu bài ca tụng sự sung sướng ở *«thiên đàng đất đỏ»*, nào là làm việc có lương đầy đủ, ai có nghề nào làm nghề ấy, từ dân thầy, dân thợ đến hạng lao công, nào là khi đau có nhà thương, có bác sĩ săn sóc, nào là tự do chơi bời, cờ bạc vân vân. Những người dốt nát lãnh ngay số tiền năm mươi đồng (50đ) và ghi chữ thập hoặc điểm chỉ vào tờ giao kèo mà họ không biết đã viết sẵn những gì trong ấy. Tờ giao kèo tiếng Pháp gọi là Contrat, danh từ ấy được ghép vào đám phu mới tuyển thành ra *«dân công-tra»*. Sở dĩ họ phải gọi riêng như vậy vì trong *«xã hội cao su»* có hai hạng người giúp việc: Một nhóm dân miền Nam làm thầy thợ được thâu nhận một cách tự do nghĩa là không muốn tiếp tục thì xin nghỉ ngay và một nhóm tuyển bằng tờ giao kèo có những điều kiện vô cùng quái ác.

Chuyến tàu đầu tiên chở phu cao-su ngoài Bắc vào Cao-miên năm 1924 đánh dấu một bước đi không hẹn ngày về của 5.000 công dân Việt-nam chịu làm nô lệ cho thực dân Pháp mãi đời mình và truyền lại cho con, cho cháu đến ngày nay. Người ta đã mệnh danh buổi biệt ly ấy *«ra đi để bỏ xác ở Nam-kỳ»*.



Có người biết chữ cũng không được xem quyền sở ghi quyền lợi của người giúp việc trong sở, nghĩa là kẻ nào đã lãnh tiền rồi thì biến thành con vật cho chủ nhân ông toàn quyền sai khiến theo ý muốn. Một chuyện xảy ra có thể làm bằng chứng cho sự kiện trên : Một sinh viên lớp Công chánh ở Hà-nội thiếu hụt tiền bạc và vất vả việc gì không hiểu nhận thấy được lãnh trước 50đ và sẽ được làm việc theo ngành chuyên môn liền ký giao kèo. Khi vào sở, Thầy Su (Surveillant : Cai cu ly) điểm danh cho sổ và phát cây cước, cậu học trò oà lên khóc. Người chủ Pháp hỏi biết nguyên do bằng lòng cho cậu đem tiền chuộc giao kèo. Nhờ có người chú ở Sai-gon giúp bạc, nếu không, cậu phải làm cu-li đến mãn đời.

Sổ bạc lãnh trước bị trừ lần mỗi tháng một ít đến hết hạn 3 năm hay 5 năm tùy theo sự thỏa thuận của người lãnh việc. Đản ông lãnh mỗi ngày 45 xu, đản bà 30 xu. Nửa tháng phát tiền một lần. Chúa nhật nghỉ không có lương, cũng như rủi ro bị đau ốm nằm nhà hay nằm bệnh viện ngày nào thì trừ ngày ấy. Thỉnh thoảng có ngày lễ được nghỉ, phải làm lại ngày chúa nhật để trừ ! Chủ sở phát gạo mỗi người 24 ký 800 mỗi tháng và cho căn nhà ở. Nước máy và củi thì xài tha hồ. Gọi rằng cho gạo chứ sự thật là chủ đã trừ trong số lương, ví dụ phải trả 55 xu mà chỉ trả 45 xu.

Bốn giờ sáng, thầy Su đánh tầm ( miếng sắt bằng ba bàn tay, gõ bằng khúc sắt nhỏ ) gọi dân thức dậy nấu cơm, sửa soạn ra điểm sổ.

Năm giờ ra sở làm cho kịp giờ múi cây chảy ra, nếu trễ thì không hứng được. Mỗi dân có bồn phải cạo bao nhiêu gốc tùy theo cắt đặt của người cai coi sóc một vùng. Họ dùng chiếc đục cạo vỏ cây theo đường quanh khu ốc có sẵn. Hề cạo quá sâu, phạm vào hư gỗ thì bị đòn, bị bớt tiền lương, còn cạo cạn không có múi cũng phải ăn roi.

Nghề này dân phu miền Bắc học tập rất kỹ và làm thành thục. Công phu mất mấy năm trời chứ không ít vì từ ngày vào sở năm 1924 mới bắt đầu lấy giọt múi đầu tiên. Cao-su trồng

bảy năm mới có mủ. Trong ba năm đầu, dân phu dọn rừng, trồng thêm cây mới và học nghề.

Đi khắp một vòng hết số cây họ trở lại cây đầu thì mủ nhiều ra đầy chén. Họ trút từng chén mủ vào thùng và khi trút hết phần của họ thì vừa đúng 12 giờ. Họ gánh những thùng mủ về trại cho xe hơi chở vào nhà máy, rồi về nhàn nghỉ trưa.

1 giờ 30, họ tựu lại điểm số như buổi sáng. Đúng 2 giờ thì ra vườn sửa chén lại cho ngay ngắn và lượm thứ mủ rơi rớt quanh gốc cây gọi là mủ giấy, mủ đất cuốn tròn lại đưa về sở làm cò-rếp ( crêpe ). Công việc này kéo dài đến 5 giờ 30 mới xong.

Phận sự của người phu cao-su xét ra thì nhẹ nhàng, nhưng đó là thời kỳ hưởng thụ nghĩa là sau mấy năm khai phá rừng, trồng cây nhỏ và chăm sóc đến ngày có mủ. Cái khổ của họ là sơn lâm chướng khí, bệnh rét rừng, bệnh lớn bụng, thuốc men thiếu kém hoặc trị không dứt và trội hơn hết là họ bị ép mình vào những điều kiện độc ác của tờ giao kèo, vô hình chung họ hóa thành tên nô lệ cho người chủ từ ngày ký tên nhận 50\$ đến mãn đời. Đề chân vào sở, lãnh một số danh hiệu rồi, dân phu được chủ cấp cho mảnh giấy chứng nhận là nhân công của Sở, suốt đời phải ở trong phạm vi của vườn cao-su không được đi đâu. Họ là Việt kiều ngụ trên đất Miên nhưng chánh phủ Miên không biết đến họ, không cấp một thẻ căn cước thuế thân, bài chỉ gì cả. Trên tờ giao kèo họ là dân của sở cao-su của người Pháp sống chết trong tay người chủ. Thỉnh thoảng có việc gì phải ra khỏi Sở, họ được phép đi ba ngày mà thôi. Chủ cấp cho mảnh giấy phép trình Công an Cao-miên kiểm nhận rồi hết hạn phải trở về. Đúng là tên tù giam lỏng như ở Côn-đảo. Họ không được quyền đi khỏi sở 5 cây số vì ra ngoài phạm vi vườn cao-su thì Công an Miên sẽ bắt ngay ! Bắt vì không giấy tờ cư ngụ hợp pháp trong lãnh thổ Miên !

Mặc chân nào xiềng xích ấy, người phu cao-su là một miếng

mỗi ngon cho bọn thực dân khai thác đến tận cùng. Làm việc từ bốn giờ sáng, đồng lương ít ỏi, thuốc men thiếu kém, bị hiếp đáp chà đạp như con vật, đôi khi bị giết chết mà không được bồi thường, vợ đẹp bị chủ hãm hiếp; con gái đẹp bị phá trinh. Thêm vào đó, bọn thầy Su, Cai phu, thư ký hòa với chủ hống hách, đánh đập và hiếp đáp vợ, con họ không một chút xót thương. Bị chà đạp thái quá, bị mất hẳn tự do, hoàn toàn tuyệt vọng vì không thể nào thoát khỏi *địa ngục đất đỏ* người phu cao-su lao đầu vào chỗ chết: cờ bạc, hút thuốc phiện, giết cai phu để bị giết, tự vận. Nhiều người đẵn gỗ xong, ngồi dưới gốc chờ cây ngã xuống cho chết chứ không buồn tránh.

Tuy nhiên, cũng có một số người an phận, nhẫn nhục sống chờ một ngày mai. Họ lập gia đình, sanh con, đẻ cháu cho nối nghề của họ, rồi bỏ xác ở Nam kỳ, để lại cho bầy trẻ một di sản bất di bất dịch của họ đã thụ hưởng.

Năm 1945, phong trào kháng chiến bùng dậy, Việt kiều ở các tỉnh khác cho rằng đây là một dịp may để đồng bào phu cao-su thanh toán món nợ máu, nhưng thực dân, được chánh phủ Cao-miên rước về như ông cha đi vắng mấy tháng, lại dùng bàn tay sắt bóp chặt ý định của nhóm người đáng thương kia. Lấy cớ họ là người Bắc-Việt, Thực dân giam hãm họ trong sở với sự đồng ý của Cao-miên. Không người nào được phép ra khỏi vườn nếu không có giấy phép của chủ và sự đồng ý của ty công an Miên. Và tình trạng nô lệ lại tiếp tục dưới sự kiểm soát có phần gắt gao hơn.

Năm 1953, Cao-miên độc lập hoàn toàn người Pháp vẫn được tự do khai thác tài nguyên trên đất Miên, nên tình trạng của dân phu cao-su không có gì thay đổi. 5.000 dân tuyền mộ từ năm 1924 đến năm 1953 đã mãn giao kèo từ 15, 20 năm rồi mà vẫn phải kéo dài kiếp sống nô lệ trong vùng đất của thực dân Pháp. Không một ai có mảnh giấy của Chánh phủ Cao-miên chứng nhận là Việt kiều sống trên đất Miên hàng 30 năm !



Năm 1958, Tòa Đại diện Chính phủ Việt-nam Cộng hòa đặt ở Nam-vang. Vấn đề phu cao-su được đệ trình yêu cầu can thiệp, nhưng vì quyền hạn của một Tòa Đại diện không cho phép, nên Chính phủ Việt-nam đành bỏ rơi.

Chính quyền địa phương Miên tha hồ bóc lột kẻ có máu mặt, lấy cớ không có giấy tờ chứng nhận của chính phủ Cao-miên. Bọn chủ nhân người Pháp vì cần phải bỏ đờ Cao-miên để kéo dài thời gian hưởng lợi lộc nên bỏ mặc đám người nô lệ này, không dám ra mặt can thiệp bình vực gì cả. Ngày thứ bảy và chúa nhật, dân phu phải đi làm xâu cho người Miên theo lối dân công. Số kiếp dân phu phải mang đủ tai ách : thời Pháp bị Tây, Cao-miên độc lập bị người Miên.

Năm 1958, Chính phủ Cao-miên bắt buộc các xí nghiệp tư phải nhận 70 phần trăm người Miên, chủ vườn cao-su sa thải thầy, thợ, lao công Việt-kiều nhóm Nam kỳ, cho họ hồi hương hay đi tỉnh khác, còn nhóm phu Bắc Việt thì vẫn phải ở trong phạm vi cao-su mà không có việc làm ! Thực dân không buồn can thiệp với chính quyền Miên cấp giấy tờ để họ tự xoay sở lấy. Người nào có nhiều tiền thì lo hối lộ cho các viên chức Miên xin giấy chứng nhận là Việt kiều và tự do từ giả *"địa ngục đất đỏ"* người nào không đủ sức thì ở lại đề lâu lâu bị người Miên bắt làm tiền. Sự việc xảy ra trước mắt và hợp với lẽ luật mới của chính phủ Cao-miên là thế nhưng bên trong thì thực dân Pháp a tòng với chính phủ Cao-Miên giữ số dân phu thạo việc lại để phục vụ cho chúng, vì muốn huấn luyện một người lành nghề phải mất 3, 4 năm trường. Dân phu Cao-miên không thể nào thỉnh linh thay thế mà làm việc ngay được. Vả lại, nghề phu cao-su là nghề hạng bét, người Miên giữa lúc đang lên như điều gặp gió, ở đô thị, tỉnh thành thiếu gì việc, thiếu gì người nhờ, đại gì lao đầu vào chỗ chết ? Hơn nữa, người Miên làm biếng quen thân, đâu có muốn thức dậy từ 4 giờ sáng và làm thẳng một mạch đến 5 giờ 30 chiều ? Vì thế, vấn đề thuê phu Cao-miên thay thế số phu Việt-nam là chuyện không thể thực

hành được, các chủ nhân Pháp phải điều đình riêng với chánh quyền Miên giữ đám «dân công-tra» lại. Rốt cuộc, đâu vẫn hoàn đấy, mãi đến ngày nay (1968) tình trạng phu cao-su vẫn chưa có gì thay đổi.

### ĐẠP MÍA LÀM ĐƯỜNG.

Nghề đập mía làm đường chỉ có thể khuếch trương ở gần biên giới Miên-Việt thuộc tỉnh Svay Riêng. Chủ lò mua mía trong mấy làng giáp giới và ở Gò-dầu-hạ, Trảng-bàng, Phước-chỉ. Sổ đường sản xuất bán cho các thương gia Tàu và Việt tiêu thụ. Người Miên ít dùng đường mía hơn đường thốt nốt.

Dưới thời Pháp thuộc, hãng đường Hiệp-hòa nắm độc quyền mua mía và làm đường. Các chủ lò bị bắt bớ, phạt vạ lòi thối. Nghề cò truyền của Việt kiều bị bóp nghẹt. Đến lúc người Nhật vào Đông-dương, Chánh quyền Pháp lung lay, rồi mất hẳn, Việt kiều ở biên giới nhân cơ hội mở lò đập mía. Phương pháp áp dụng vẫn theo thời xưa, không sửa đổi gì cả. Bộ che có ba thớt: một thớt ở giữa có cây cần dài để trâu kéo đi vòng quanh xoay hai thớt hay bên. Một người ngồi cho «ăn» nghĩa là đút mía vào cho che ép ra nước, chảy xuống một cái lu chôn dưới đất. Cây mía để nguyên không bóc vỏ, không rửa ráy gì cả. Khi nước mía chảy đầy lu, người ta múc đổ vào chảo nấu. Người đứng coi vớt bọt cho heo ăn, và thỉnh thoảng cho một muổng vôi bột vào. Số vôi nhiều hay ít tùy theo nước mía ngọt nhiều hay ít. Đến khi nước mía gần đặc, người ta dùng một cái vồ bằng cây, to bằng bắp vè, dài lối 3 tấc, có cán dài đánh cho đường tơi đều. Xong, người ta múc từng muổng lớn có cái phều rót đường vào khuôn làm bằng tre vót mỏng uốn thành hình hột xoài, để trên sập tre lót đệm. Đường đổ ra chừng vài phút thì khô, chủ lò gỡ ra, sắp vào giỏ lót rơm. Còn đường vụn và bề thì gom bỏ trong chảo mía nấu lại. Những lò đường của



Việt kiều chỉ là một loại đường tán vì sản xuất không đủ bán, họ không có thì giờ làm đường cát và đường phèn. Hai thứ này làm không khó nhưng phải chờ đợi lâu ngày. Người ta đổ đường vừa tới vào một cái quặng lớn, dưới quặng để một cái hũ hứng nước mật nhều xuống. Khối đường trong quặng khô lần còn lại xác không. Lớp ở trên trắng toát và nát vụn gọi là đường cát, lớp giữa còn ít mật keo quánh lại gọi là đường phèn, còn lớp dưới thuộc loại đường thẻ hay đường tán, đường vụn. Cuối năm 1945, các chủ lò dôi hết về Việt-nam vì thời cuộc. Từ đấy ở Cao-miên không có lò đường nào của Việt kiều.

### **NHUỘM MẶC NƯA :**

Nghề nhuộm mặc nưa vốn của người Miên, Việt kiều và Hoa kiều lấy làm của mình, mở lò khếch trương đại quy mô và nắm hầu hết nguồn lợi trong nước.

Mặc nưa là một thứ trái cây lo bằng đầv ngón chân cái vỏ màu xanh, ruột vàng, nhưng đâm nát ra, trộn với nước thì hóa màu đen, có thể nói không có thuốc nhuộm đen nào bền bỉ bằng. Mỗi năm cây mặc nưa trổ trái một lần : lối tháng 5 tháng 6 thì hái được. Người ta đâm hai lượt cho trái mặc nưa thật nát rồi chế nước lạnh vào, quậy đều, không cho đặc lắm. Đấy là thuốc nhuộm đen. Trước khi nhuộm, người ta phải nấu xấp hàng cho chín tơ. Hàng nấu bằng nước tro trắng. Cứ một chảo đựng nước sôi có thể ngâm 20 cây hàng thì đổ vào mười chén chung nước tro, nghĩa là mỗi cây nửa chén. Đổ nhiều hàng sẽ mục. Hàng còn sống thì cứng mình, khi nấu xong thì mềm. Người ta chờ nước thật sôi mới bỏ hàng vào, nhúng thật đều, lúc nào bóp mình tơ mềm thì vớt ra, đem xả cho sạch nước tro rồi phơi khô, đem nhúng nước mặc nưa, trải ra phơi. Hàng khô rồi đem nhúng vào phơi nữa, từ 9 đến 20 lần chừng nào màu hàng thật đen mới thôi. Trong lúc nhuộm, độ một tuần, hếu mặt



hàng khô cứng thì phải xả nước cho mềm lại, dù màu đen trôi bột cũng không sao. Xả rồi phơi khô nhuộm nữa. Cứ thấy mặt hàng khô lại xả nước, chừng nào hết khô và thật đen mới thôi. Nhờ xả như vậy nên màu không trôi, quần áo mặc đến rách vẫn giữ sắc đen như hồi mới. Một lần nhuộm ít lắm là hai mươi ngày hoặc một tháng. Hằng năm, lò nhuộm lãnh hàng từ tháng 5 đến Tết. Qua tháng 3 thì nghỉ hai tháng.

### NẸN HÀNG

Hàng nhuộm đen xong phải nện mới láng mặt. Nghề nện hàng là một nghề đặc biệt chỉ có người Việt làm được mà thôi. Người Tàu, người Miên có học thứ nhưng không thành công. Khi xấp hàng nhuộm đen đều rồi, người ta đem hồ bột cho cứng, đưa vào nện. Người thợ dùng hai cái dùi nện bằng cây xậy, hình dáng gần giống như cái ve bầu, đập liên tiếp xấp hàng đã xếp tròn lại. Thợ ngồi dưới đất, dùng hai chân trở xấp hàng. Bí quyết của nghề là ở chỗ đó. Nếu không biết trở dù trở bằng tay, hàng cũng bị đứt nát như bị dao cắt. Cầm dùi đập không quan hệ gì lắm. Ai đập cũng được. Người mới học nghề lãnh phần đập liên tay như thế, trong lúc ông thầy dạy đứng chân trở xấp hàng. Thỉnh thoảng có ông thợ con đập nhầm mắc cá chân ông thầy, báo hại ông ta chịu què cả tuần lễ.

Một cây hàng nện 2 tiếng động hồ thì vừa láng mặt. Người mới học thường bị đứt chân mày, bề trán, vì lúc dơ 2 dùi lên để chúng choảng nhau và đập vào mắt. Còn lúc đập xuống thì khệnh vào chân. Trước kia, có người thử cho một động cơ vận chuyển 2 dùi đập xuống và 2 cái móc trở xấp hàng đưa vào máy đều bị đứt ráo.

Ở Cao-miên chỉ có mấy lò nhuộm tại Chruichangwar, một phường nằm trên tả ngạn sông Tonlésap, đối diện với thủ đô Nam-vang, có thợ nện hàng mà thôi. Các nhà buôn mua hàng ở các lò nhuộm của Hoa kiều phải đem về thuê người Việt nện

Vì thế thợ nện làm việc ngày đêm liên tiếp, thức đến 10 hay 11 giờ khuya và dậy từ 2 giờ sáng. Nhiều người chết sớm vì mắc bệnh lao !

### LÀM LU

Nghề làm lu là một nghề đặc biệt của Việt kiều. Nhưng tiếc thay, vì không có người bỏ vốn làm lò nên người thợ chuyên đi làm công cho Hoa kiều. Người chủ lò phải mượn ít lắm là ba người thợ chánh : thợ trộn đất, thợ nắn lu, đốt lửa. Đất mua về đồ đồng ngoài sân, người thợ cuốc từng khoảnh xuống một cái hầm cạn, trộn với nước để nhồi cho nhuyễn. Bao nhiêu đá sạn, rác rến đều phải lượm ra hết. Người thợ nặn dùng tay nắn lu trên cái mặt bàn xây tròn. Mỗi cái lu phải nắn làm hai lần, mỗi lần phân nửa, chờ khi ráo nước mới ráp lại, phơi khô cho vào lò. Ở đây, người đốt lửa sắp từng loại có thứ tự lớn nhỏ để sức nóng nung đều. Ấy là một nghề chuyên môn, người thợ phải biết chụm cách nào cho hơi nóng tỏa đều khắp lò vừa đủ sức hầm tất cả số lu. Lửa non quá, lu sẽ bị sượng, không chín. Lửa quá già thì đốt bề lu hoặc nứt mẻ.

Tổng số Việt kiều chuyên nghiệp không bao nhiêu nhưng nhờ nghề này không có chịu ảnh hưởng gì đối với thời cuộc và lệnh cấm nghề của Chánh phủ Cao-miên nên số thợ Việt vẫn sống sung túc bên cạnh chủ lò Hoa kiều.

### LÀM RUỘNG

Dọc theo biên thùỵ Miên-Việt, người Việt miền Nam thường di cư sang nước bạn mượn đất làm ruộng. Người Miên thích nhân hơn làm lụng vất vả, nên cho thuê dễ dàng. Nhớ sức cần cù, chịu khó và dùng lối cho tiền lúa, tiền bắp, chẳng bao lâu hầu hết những người tá điền ấy trở thành điền chủ, tuy không có những cơ nghiệp đồ sộ như những chủ điền ở quê nhà, nhưng hai ba mẫu ruộng đối với kẻ sống nhờ cũng tạm gọi là

đầy đủ lắm rồi. Những vị điền chủ này tổ chức công cuộc làm ăn giống như ở quê hương, hết mùa lúa đến mùa khoai và đậu, bắp, Họ quây quần thành từng xóm, liên lạc với nhau không khác một làng Việt thiết tha. Có khi tình cờ vào một vùng như thế, du khách cho rằng mình đã qua khỏi biên giới về đến đất Tò rồi. Từ ngôi nhà ngói ba gian đến căn nhà lá, vòng rào tre, cái chuồng trâu, mảnh vườn nhỏ sau hè, nhất nhất đều là hình ảnh của những vật thân yêu đã quen thuộc với ta từ ngày còn bé. Họ sống năm này qua năm khác trên mảnh đất không mấy gì phì nhiêu vì thiếu sông ngòi dẫn nước vào ruộng. Đó là những vùng thuộc tỉnh Svay Rieng giáp giới Tây-ninh, Kiến-tường, nhà nông phải dùng phân bón ruộng mới thu lợi nhiều. Ở các làng trong tỉnh Kandal giáp Châu-đốc thì khá hơn cũng như các xã thuộc tỉnh Prey veng giáp tỉnh Kiến-phong. Vùng này chủ điền làm một mùa bắp một mùa lúa nhờ nước sông Cửu-long dâng hàng năm. Rẫy thì không làm được. Về phía Takeo, Kampot giáp tỉnh Châu-đốc, Kiên-giang phần nhiều là rừng rậm, nông nghiệp không thể phát triển.

Trong thời khởi lửa 1945, các nông dân Việt kiều gánh một thảm họa thật khốc liệt. Quân đội Pháp trở lại Cao-miên, được Chánh phủ Hoàng gia tiếp đón nồng nhiệt. Chế độ bảo hộ sau mấy tháng bị lật đổ liền được tái lập, trong lúc ở Việt-nam cuộc kháng chiến bắt đầu. Việt kiều bị người Pháp nghi kỵ, dòm ngó. Nhân cơ hội ấy, một nhóm người Miên đầu trộm, đuôi cướp nổi lên tàn sát Việt Kiều, nhất là những nông dân ở giữa đồng ruộng, xa đồn bót, quận lỵ. Nhà cầm quyền địa phương làm ngơ cho đồng bào họ tự do hành động. Chúng reo hò đuổi người Việt về miền Nam vì người Việt đã chiếm đất đai, ruộng vườn của chúng. Kiều bào phải bỏ cả sự nghiệp chạy tháo thân. Một số vượt qua biên giới định cư ở quê nhà rồi «kêch» không dám trở về đất Miên nữa. Một số chạy lên Nam-vang lánh nạn, bỏ đất đai cho người Miên khai thác. Một số nhờ ở gần chánh quyền địa phương không bị thiệt hại về sanh mạng nhưng ruộng bị người Miên chiếm giữ. Hễ đụng đến thì bị chém, bị đánh mà không ai che chở hay trừng



phạt kẻ gian manh. Chánh phủ Cao-miên dưới sự trợ giúp ngầm của người Pháp quay mặt làm ngoi không kể gì đến công pháp quốc tế đối với ngoại kiều.

Ngành nông nghiệp của Việt kiều chấm dứt từ ngày ấy.

### **LÀM BÀN GHẾ TRANG HOÀNG :**

Người Miên không quen trang hoàng nhà cửa như ta nên ít người làm nghề thợ mộc. Xưa kia ở Nam-vang có một số tiệm Hoa kiều bán bàn ghế, tủ, giường phần nhiều theo kiểu cổ điển. Tuy vậy Việt kiều vẫn phải đến mua nếu không chờ đồ dùng từ quê nhà đem lên. Lối hai mươi năm qua, vài người Việt mở xưởng làm đồ mộc, đóng bàn ghế, tủ giường và lắp cửa hiệu trang hoàng nhà cửa. Những kiểu mẫu tân thời, cây đánh dầu sáng bóng hoặc bọc nệm đủ màu được trình bày không kém các tiệm ở Sai-gon. Từ cái giường nệm nhún nhẩy, chiếc tủ ăn thấy đến bộ ghế bành rộng, vây quanh cái bàn xinh xinh, món nào cũng gọi cho ta lăm vế ư nhìn. Chủ nhân mua gỗ về cưa, xẻ, tự chế tạo lấy hoặc bắt chước các bạn đồng nghiệp ở quê nhà sản xuất những món cần thiết cho kiều bào và người Miên.

Bấy giờ người Miên tân thời cũng thích trang hoàng nhà cửa như người Việt. Lối sống cổ hủ : ngồi xếp chè he trên sàn nhà đã bớt nhiều. Ngoài ra Hoa kiều, Pháp kiều đều thích bàn tay khéo léo của người Việt. Nhờ thế nghề mộc của ta tiến triển khả quan ở xứ người, một số thợ Việt kiều sống vững vàng sung túc. Nhưng trong sắc lệnh năm 1957, nghề này bị cấm. Toàn thể các xưởng đóng bàn ghế phải đóng cửa vì trong lúc cấp bách không ai có thể nhập Miên tịch để tiếp tục, hoặc có người đủ phương tiện đổi quốc tịch của mình. Giữa lúc ấy, một sự kiện xảy ra làm đảo lộn tình trạng : Trong Hoàng tộc Cao-miên cần trang hoàng nhiều dinh thự mà không biết làm sao nhờ thợ Miên ! Nhân viên phụ trách đi khắp thủ đô Nam-vang không nơi đâu ra một móng thợ có tài khả dĩ để làm vừa ý quan trên ; Chánh phủ Cao-miên phải buộc lòng ra lệnh đặc

biệt cho các xưởng mộc hoạt động lại để cung cấp đồ vật cần thiết! Sau đó, lại cấp giấy tờ nhập Miên tịch để dành cho người thợ nào muốn tiếp tục hành nghề!

### **THỢ MAY, THỢ GIÀY**

Đây là hai nghề phát đạt nhất của Việt kiều gốc ở miền Bắc. Dọc theo cái đại lộ, giữa thủ đô Nam-vang, du khách ngạc nhiên trước những hiệu may đồ sộ của kiều bào mà cách chưng dọn không thua các tiệm ở Saigon. Hầu hết người Pháp Miên và Việt đều nhờ mấy ông thợ may Việt kiều. Ở những ngôi chợ nhỏ quanh thủ đô những tỉnh lỵ xa xôi như Siemreap, Battambang, Kratie cũng có kiều bào mở hiệu may đẳng hoàng. Nhiều ông có xe nhà, có nhà riêng sau mười năm cần cù.

Gần đây người Miên và Hoa kiều cũng có lập nhiều hiệu may đồ sộ nhưng không vì đó mà các hiệu cũ kém phần thịnh vượng. Sau cuộc biến thiên, những ông chủ hiệu may vẫn sống vững và giàu có như thường.

Nghề đóng giày thì Việt kiều gốc miền Bắc chiếm số một. Thứ đến là Hoa kiều. Người Miên không thạo nghề này nên chỉ mua dùng quanh năm. Tuy nhiên vì glày khéo, da tốt, làm kỹ nên giá đắt hơn các loại tạp nhạp của người Tàu thành thử số sản xuất không được dồi dào như ý muốn. Mấy ông chủ tiệm giày cũng phát tài nhưng không bằng giới thợ may!

### **THỢ MÁY, THỢ ĐIỆN**

Rất tiếc Việt kiều không thể mở mang nghề này bằng người Tàu. Phần đông thợ máy kiều bào đều xuất thân ở trường kỹ thuật Nam-vang (ta quen gọi là trường Bách nghệ), hoặc đã học rành nghề ở quê nhà rồi lên Cao-miên... làm mướn. Đối với một nghề cần nhiều thợ chuyên môn, đại đa số là người Việt mà ở thủ đô Nam-vang chỉ có một vài cửa hiệu

của Việt kiều: thợ sửa các loại máy, sửa xe hơi, sửa điện, hàn đồ sắt đều là người Việt có biệt tài hơn hết. Các xưởng của người Pháp người Tàu đều nhờ kiều bào Việt. Máy cưa hiệu của người Việt cũng phát đạt lắm, nhưng không bành trướng ra thêm lại để người Tàu nắm lấy. Có thể nói công lao gây dựng do bàn tay của Việt kiều mà nguồn lợi rơi vào tay kẻ khác. Vì tình trạng chánh trị, một anh em về Saigon, số còn lại vẫn tiếp tục hành nghề, không bị điều gì rắc rối vì lúc nào người Miên và mọi người đều phải nhờ hai tay khéo léo của anh em.



*Công nhân Việt-kiều trong nhà máy điện ở xóm Cầu lâu.*

### THỢ HỐT TÓC

Nghề này tuy có ít người làm nhưng có một tầm quan trọng đáng kể. Thợ hốt tóc Việt kiều sống rất vững với nghề nhờ hầu hết người Pháp và Việt kiều ủng hộ. Người Miên cũng rất thích được thợ Việt chăm sóc bộ tóc của mình. Từ cửa hiệu lớn ở thủ đô đến các xóm nhỏ ở ngoại ô, anh em phát tài ra phết. Người nào cũng có căn nhà nhỏ hoặc ngói, hoặc lá với một hay hai bàn. Đó cũng là nơi tụ họp của thanh niên trong xóm đến lai rai 6 câu vọng cổ hay «mần» vài bản tân nhạc cho vui.

Năm 1957, Chánh phủ Cao-miên ra lệnh cấm ngoại kiều làm 18 nghề trong ấy có nghề hốt tóc, anh em bị điều đứng không cùng. Một sự thật không ai ngờ là chính tay Quốc trưởng Sihanouk ký sắc lệnh cấm nghề mà ông ta lại nhờ người thợ Việt quen thuộc húi đầu hàng tuần! Một số anh em có đủ



phương tiện nhập quốc tịch Miên được tiếp tục hành nghề, số còn lại phải về Saigon hoặc đổi nghề khác !

### **THỢ HỒ**

Nghề thợ hồ do người Việt chủ trương rất được trọng dụng và hoan nghinh dưới thời Pháp thuộc. Thuở ấy người Miên quen cất nhà sàn bằng gỗ nên kỹ thuật xây dinh thự, lầu đài không bằng người Việt. Chính thành Vua Cao-miên và một phần lớn phố xá ở thủ đô Nam-vang. Người nào cũng sống sung sướng một đời, truyền cho có cháu tiếp tục phục vụ thiên hạ.

Ngày nay, người Miên cũng khéo tay không kém, nhưng nhờ danh tiếng lâu đời nên thợ Việt kiều vẫn ăn khách mặc dầu thời cuộc đã đổi thay.

Công cuộc chỉnh trang thủ đô Nam-vang, dinh thự cất thêm hoặc sửa chữa, phố xá lên nhiều tầng lầu đều nhờ người thợ hồ Việt kiều phần lớn.

Ở tỉnh cũng vậy, giới thợ hồ Việt được trọng đãi không thua ở Nam-vang.

### **BUÔN BÁN VÀNG, NỮ TRANG**

Tuy không thể cạnh tranh với người Tàu đã mở các cửa hiệu gần một thế kỷ, một vài kiểu bào cũng làm sáng tỏ nghề làm nữ trang của Việt kiều ở thủ đô Cao-miên. Đi quanh chợ Mới Nam-vang ta đếm số tiệm không đủ đầu ngón tay, nhưng hiệu nào cũng chưng dọn rực rỡ, trình bày rất mỹ thuật không kém các bạn đồng nghiệp ở Saigon. Người Miên, người Tàu rất thích những kiểu mẫu mới mẻ của tay thợ khéo, nhái theo sách vở Âu Tây, nhất là những kiểu cà rá, mẻ đay cần đá màu ở Battambang mà đa số phụ nữ ở quê nhà thường tìm mua. Ở tỉnh. Các hiệu kim hoàn Việt không mấy gì khá vì người Miên thích trang sức theo lối cổ điển đặc biệt từ xưa lưu truyền.

Dưới thời Cao-miên độc lập, rồi theo chánh sách trung lập,

mấy ông chủ tiệm vàng là một trong những con mồi của các quan lớn, quan nhỏ chuyên nghề làm tiền. Các ông được quan mồi vào sớ, yêu cầu giúp hội Phước thiện, hội Hồng thập tự một số tiền nhỏ, bởi vì quan cho rằng các ông đã làm giàu quá lâu trên đất Miên, nay xin trả bớt lại! Số tiền nhỏ ấy tùy theo cửa hiệu mà lên xuống từ 100.000đ đến 500.000đ. Vài ông bị mồi hoài, chịu đời không thấu phải dời về Sài-gòn với những kỷ niệm khá chua cay.

### *BÌ BÚN, BÁNH HỎI*

Nghề bán quà rong này đã giúp nhiều Việt kiều phát tài, có nhà cửa đồ sộ. Từ người quảy đôi gánh trên vai đến người có sạp, có quán, người Việt nắm «độc quyền» loại bánh riêng biệt của mình. Người ít vốn sắm một cặp giống gánh bán buổi sáng ở góc đường quen thuộc, tối lại đi bán rong khắp phố phường, bến xe, khách sạn, từ lâu là những nơi có nhiều người thưởng thức nhất. Du khách ở quê nhà lên viếng thủ đô Cao-miên, giữa đêm khuya thỉnh thoảng nghe tiếng rao lanh lảnh : «Ai ăn bì bún nem nướng không?» Có thể giật mình tưởng đâu đang ở Sài-gòn. Người đàn bà xách lò than đi trước rao mồi, người chồng hoặc đứa con trai gánh hàng theo sau. Kẻ thức khuya, kẻ làm việc ban đêm, Việt, Miên hay Tàu đều thích dẫn bụng bằng món quà nóng sốt ngon miệng này.

Người khá hơn, mượn sạp ngoài chợ Mới ngồi bán từ sáng đến chiều. «Thực giả» tọa trên ghế nhỏ trước sạp tha hồ chọn những món thích khẩu : bánh tằm thịt xào, bánh tằm bì, bún thịt, bún bì, chả giò, chả cuốn bánh hỏi. Có người ngon miệng làm luôn thế buổi cơm trưa.

Người có vốn nhiều mở quán, sắm bàn ghế như nhà hàng lộ thiên. Trước kia các quán này ở dọc theo đường Pavie gần đầu đại lộ Ang Eng (gọi là đường Bon) và bến Norodom. Khi dời chợ Cũ vào chợ Mới, năm 1937, các chủ quán phải dời ra

sau chợ củ cạnh đường Piquet. Ở đây, họ bán đủ các loại bánh như các sạp ngoài chợ kèm thêm bánh đập, nem nướng, bánh phồng tôm, rượu mạnh, rượu mùi. Thực khách có thể gọi đủ món ăn, vật uống giống như trong tiệm. Vật liệu để bán như bún, bánh, hời thì có người làm ngay tại chỗ, còn bánh trắng thì phải mua ở Sa-đec, Trà-vinh do bạn hàng chở lên.

Lò bún, lò bánh hời phát đạt vô cùng. Có người chỉ làm có mỗi một thứ bánh hời bán cho các sạp, các quán, và bán lẻ ngoài chợ mà cất nhà, mua đất, sung sướng một đời. Họ chỉ bán bánh không, người mua phải tìm thức ăn khác kèm theo. Người Tàu người Miên đều thích ăn bánh hời. Gặp ngày lễ Phật, lễ Thần, người bán tha hồ hốt bạc. Ở mấy chợ nhỏ quanh thủ đô và ở các tỉnh, khắp lãnh thổ đều có Việt kiều buôn bán thứ quà này. Họ chỉ dọn trong đôi gánh chớ không ngồi sạp hay quán như ở Phnom-penh nhưng vẫn sống được dễ dàng nhờ cách làm không ai bắt chước được.

Toàn thể Việt kiều sống nghề này không bị ảnh hưởng gì đối với thời cuộc, vẫn bình yên trên đất bạn hơn nửa thế kỷ, sanh con, đẻ cháu tiếp tục nghề nhà. Có người dư tiền khuếch trương công việc khác, có người nhập Miên tịch để gìn giữ sản nghiệp của ông cha.

### LÀM SÀI MÀM

Dưới thời Pháp thuộc, Việt kiều được tự do lập chùa thờ Phật trên khắp lãnh thổ Cao-miên, người Miên tôn đạo Phật là quốc giáo rất hoan nghênh ngoại kiều thờ đức Thích Ca. Việt kiều, thừa hành Phật pháp theo ngành Đại thừa do người Tàu truyền bá sang Việt-nam. Người Miên theo ngành Tiểu thừa gọi là Nguyên thủy. Mỗi chùa Đại thừa có Hoà thượng. Yết ma, Giáo thọ, Trụ trì, Tiểu tăng, Bà vãi, Cô vãi, có trống chuông mõ và cả giàn nhạc. Các nhà sư giữ gìn lễ lối cũ thờ phụng đức Thích Ca và các vị Tồ sư như Đạt Ma, Thần Tú, Quán



Âm vô số vị Thần Thánh khác, không cải cách thay đổi như các giáo phái ở Việt-nam. Không có một hội, một đoàn thể nào về tôn giáo đề sẵn sóc đến mọi hoạt động của các nhà sư. Vì thế trong nhóm người chân tu có nhiều tên lưu manh trà trộn vào hưởng lộc của Kiều bào mê tín, sống phè phỡn trước cái vái lạy của hạng Phật tử u mê. Đây là những tên sãi mồm, sư mô dối thế, nhân lúc lộn xộn ở Việt-nam trốn lên tá túc trong chùa, cạo đầu, mặc áo vàng dối rằng tu ở chùa mô, chùa tê tại làng này, tỉnh nọ. Hoặc có kẻ thấy nghề này dễ kiếm ăn, chông phát tài, phát lộc, phát duyên, phát phi nên xuất gia vào chùa làm thầy! Hoặc có kẻ nhờ bà con, cha mẹ làm chùa, dắt dẫn vào phong chức Giáo thọ, Trụ trì chiếm làm cơ sở riêng rồi thì tha hồ thao túng. Một ngôi chùa nổi tiếng nhờ tài làm mối dặt gái của tên Hoà thượng giả hiệu, chùa này do hăn điều khiển với toàn thể gia đình hăn, mỗi người giữ một chức phận! Không phải hăn dám mở phòng rước khách ngay chỗ thờ phụng nhưng hăn dùng chỗ Phật đường làm nơi hò hẹn, nhậu nhẹt, bắt mối và dặt qua các nhà lảng giềng.

Một ngôi chùa khác chứa tên sãi mồm còn trẻ tuổi, đẹp trai, giọng tụng kinh du dương như nghệ sĩ ca 6 câu, trông có nhiều nét "phong tình" hơn là đạo đức. Hăn chuyên môn đi đọc kinh cầu an, cầu trúng số cho các Việt kiều mê muội và chuyên môn liếc gái. Giữa lúc hăn phát tài quá xá, có một sư cô còn trẻ và khá đẹp ở núi nào không ai biết, cùng bà mẹ vào chùa tu chung với hăn. Thật là trai tài, gái sắc, hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, không bao lâu sư cô lớn bụng.

Bà mẹ biết sãi mồm hiện quỉ, hiện yêu mới chưởi cho một trận gằn bề chùa. Các Phật tử đã lạy tên Sư hồ mang ấy tựu lại coi rất đông! Biết khó lòng kéo dài tình trạng, chàng và nàng dặt nhau trốn biệt. Hai năm sau, chàng và nàng lại trở về Nam-vang với một chú tiểu 2 tuổi. Lần này

chàng không ở chùa nhưng làm nghề thầy cúng, thầy tụng kinh cầu an, cầu phước và cầu trúng số.

Một tên khác tự xưng là Sa môn, mặc toàn quần áo dài bằng lụa hảo hạng, mang gong vàng, ngủ giường nệm trải vải trắng tinh. Trong phòng ngủ hần chưng dọn không thua tài tử xi nê. Bên cạnh hần lúc nào cũng có một cô gái còn trẻ giữ phận y tá sẵn sóc sức khỏe cho hần. Một hôm hần mở hội ngồi liêu đề tự thăng chức, giữa lúc hần thuyết pháp, có 3 chàng thanh niên chất vấn về giáo lý thế nào mà hần không biết đường trả lời. Thẹn quá hần phát khóc giữa đám đồng nghiệp và hàng trăm Phật tử. Tuy vậy, hần vẫn sống sung sướng một mình một chùa với một cô gái tự phong mình là Sa môn (?) kiêm đại hòa thượng, trụ trì... Tín đồ vẫn đến cúng lạy nộp tiền cho hần hoài hoài.

Chánh phủ Cao-miên và người Pháp không chú ý đến những hành vi này vì bọn chúng không làm gì trái luật lệ. Ăn núp sau tượng Phật, chúng lường gạt Kiêu bào mà không ai tố cáo thì chúng vẫn được phép ngụ cư như những người lương thiện. Đó là những con chiên ghê trong giới Việt kiều mà hiện thời (1967) chúng vẫn còn kéo dài kiếp sống ký sinh trùng.

### SẮM TÀU THỦY

Người Việt ở Cao-miên sắm tàu thủy kể cũng lâu đời lắm rồi. Ngoài những hảng tàu thủy của người Pháp, số tàu của Việt kiều, so với mấy hảng của Hoa kiều không thua kém gì bao nhiêu. Trước kia, đường sá lưu thông, người buôn bán thường xê dịch trên sông nước tiện lợi và ít tốn hơn là xe cộ, kiêu bào sắm tàu thủy chở hành khách, hàng hóa, kéo ghe, kéo bè khắp các tỉnh và đi về Nam-việt. Công cuộc làm ăn phát đạt vô cùng. Các ông chủ tàu đều có nhà cao cửa rộng, sắm thêm nhiều tàu. Giữa trận đại chiến thứ hai 1940-1944, xe hơi thiếu kém, hầu hết những vật cần chuyên chở đều phải nhờ tàu thủy, các ông lại được dịp



phát tài nhiều hơn. Cuối năm 1945, chánh phủ Cao-miên cấm không cho tàu chở hành khách lên, xuống Việt-nam chỉ được phép kéo ghe, kéo bè mà thôi. Chủ tàu mất số lợi không nhỏ. Tuy vậy một vài ông ngang nhiên chở người lên Nam-vang mà không bị tội gì cả. Máy ông ấy hóm hình cho hành khách nằm trong một chiếc ghe lớn, kéo theo !

Dần dà, việc giao thương giữa hai quốc gia bế tắc, một số chủ tàu về Sài-gòn, một số bán tàu cho Hoa kiều, đổi nghề khác. Một nguồn lợi quan trọng đành mai một vì thời cuộc. Đáng buồn thay !

### TRỒNG DÂU NUÔI TẮM

Dưới thời Pháp thuộc, một số đông Việt kiều ở quận Péam-Chor (ta gọi là Vĩnh-lợi-tường) thuộc tỉnh Prey-Veng chuyên nghề nuôi tằm lấy kén. Quận Péam-Chor ở dọc theo sông Cừu-long có nhiều bãi cát bồi, tiện cho sự trồng dâu. Người ta dọn đất, đem bom dâu cắm xuống cách khoảng chừng 5 tấc. Hòm dâu là nhánh dâu chặt lối 3 tấc, cắm chung một chỗ chờ khi nứt mọt mới đem trồng vào ruộng. Trồng được 1 tháng rưỡi hoặc 2 tháng, người ta làm cỏ và xới gốc. Chừng cây dâu lên cao độ một thước rưỡi mới cắt cho tằm ăn ; cắt luôn cả nhánh nhỏ chỉ chừa gốc để mọc nhánh khác. Nuôi tằm phải lựa nhánh tốt, lớn và nhiều tơ để giống. Nhộng hóa bướm cần kén ra ngoài để trứng trên miếng giấy. Người ta giữ kỹ những mảnh giấy này chờ đúng ngày, trứng nở ra sâu con. Sâu là tằm con, vừa biết bò phải cho ăn ngay. Người ta xắt lá dâu thật nhỏ bỏ vào giấy, tằm con sẽ bò lên ăn. Người ta bưng giấy để vào nia nhỏ, và cho tằm ăn luôn ngày đêm. Đến lúc tằm lớn người ta cho ăn luôn cả lá và nhánh, và đem sang nong lớn. Trong nhà và quanh vườn phải giữ gìn sạch sẽ. Nếu có mùi hôi thối tằm sẽ sanh bệnh. Khi có đám ma đi ngang qua nhà phải xông khói, phun rượu vào nong tằm cho bay uế khí. Người ta giăng mùng bao



trùm cả kệ và nong để giữ muối chích hay tha tắm ăn. Rủi ro tắm bị muối chích hay ruồi cắn thì chỗ đau sẽ có dòi chun vào ở trong mình tắm và lớn dần theo tắm, chờ lúc tắm kéo kén được chút ít sẽ cắn kén hư nát. Khi tắm chín, người ta lựa từng loại để lên «bura» gát ngoài sân có nắng. Bura là những miếng tre và cây nga tròn mình cặp lại, trên lót nhiều lớp tranh. Tắm kéo kén trong bura. Người nuôi tắm phải giữ gìn xung quanh sân không có mùi hôi thối. Nếu rủi bị gió lạnh hoặc mưa, hay trời găm to, tắm ngóc đầu lên trời không kéo tơ được, tơ rớt xuống đất.

Sự khổ cực về thể xác và tinh thần của người nuôi tắm không kể xiết. Từ lúc tắm còn nhỏ đến lớn, khi tắm lột da, gọi là «tắm ngủ», người ta không dám gây tiếng động mạnh vì tắm giật mình thì lột không hết vỏ, sẽ bị bệnh. Khi tắm chín, nhìn thân tắm hóa màu vàng, để lột mà nửa mừng, nửa lo vì hễ bỏ bura bãi rủi bị uế khí, mưa gió, tắm đứng yên không kéo tơ thì công của bỏ đi đời. Mãi đến khi tắm kéo xong mới yên tâm.

Nhưng rốt lại, bao nhiêu nguồn lợi đều vào tay Hoa kiều. Giá bán lời, lỗ tùy theo thị trường lên xuống nghĩa là do nơi miệng của mấy chú ba. Việt kiều ở Péamchor nuôi tắm bán kén chớ không có dệt hàng lãnh như đồng bào ở Tân-châu, Hòa-hảo, Mỹ-luông,

Cuối năm 1945, phong trào «Cáp duồn» (1) nổi dậy/ Việt kiều ở đấy chạy loạn về quê hương và không dám trở lại nữa. Số người còn nấn ná cũng bỏ nghề luôn. Hàng hóa nhập cảng quá nhiều, không ai nghĩ đến việc quay từng sợi tơ dệt thành mảnh lụa nữa !

### PHÙ THỦY :

Cao-miên là một xứ nổi tiếng về bùa ngải cũng như Ai-

---

(1) Cáp = chặt (đầu)  
duồn = An-nam

lao. Một số đông Việt kiều rất tin tưởng môn này, thường nhờ bùa phép trị bệnh (?) giúp đỡ trong việc làm ăn, trong vấn đề ái tình (!) hoặc mưu hại lẫn nhau! Do đó, nảy sinh ra một số pháp sư, thầy ngãi chuyên hành nghề cho bùa, mở phép làm kẻ mưu sinh. Thầy này bỏ bùa giùm một thân chủ thì thầy khác mở giúp cho nạn nhân. Cái vòng lẩn quẩn ấy cứ xoay mãi giúp cho mấy Sư sống dư dả suốt đời. Thỉnh thoảng có người vì số bạc thuê quá to nên mờ mắt bán rẻ lương tâm dùng bùa hại người vô tội. Nhưng trong luật nhân quả kẻ ấy thoát không khỏi lưới trời, cũng bỏ mạng vì một chứng bệnh bất ngờ hay một tai nạn. Những vụ án mạng âm thầm ấy chỉ người trong giới phù thủy mới biết mà thôi.

Ở thủ đô Nam-vang, có một số pháp sư Việt kiều rất có uy tín, quanh năm lo giúp thân chủ trong những việc thiện như trừ Tà, Ma, yểm đối nhà cửa, giữ gìn hạnh phúc gia đình, chống đỡ những bùa phép của kẻ thù v.v... và cương quyết từ chối không làm những điều quấy. Nhờ lòng trong sạch và sự linh ứng của bùa phép nên số người tin tưởng càng ngày càng đông gây thành một phong trào hân hoi.

Nhân đây, một số lưu manh giả làm thầy bùa lừa gạt Việt kiều kiếm bạc. Chúng học lộm vài câu thần chú tam xam, võ vẽ một ít đạo bùa bá láp, tự xưng là đạo sĩ ở núi Tà-lon, ông Tô, ông Cẩm sau hai mươi năm tu luyện, nay hạ sơn giúp đời! Nhiều người bị chúng bòn rút quanh năm, có người bị chúng gạt bỏ nhà là khác.

Bên cạnh các vị pháp sư, thầy ngãi có một số người chuyên nghề làm xác đồng. Đây là một nghề đặc biệt mà kẻ hành nghề sống an nhàn mãi đời. Hằng năm vào ngày rằm tháng giêng âm lịch, Hoa kiều và Việt kiều ở thủ đô Nam-vang, ở Chruichangwar và ở tỉnh Kompong Chnang tổ chức cuộc dựng cộ rất lớn, gọi là «cộ ông, cộ bà» do những người đồng cốt được các vị thần nhập vào trong lúc diễn hành khắp thành phố. Người làm xác đồng được thiên hạ mời rước luôn luôn đề cầu

thần, thánh nhập vào trị bệnh (!), ếm đối tà ma, nuôi con nít. Không phải người nào cũng làm nghề này được, hình như phải có linh khiếu riêng hoặc hợp với người khuất mặt. Người ta nói đó là «nhẹ bóng vía». Kẻ nào «nặng bóng vía» thì thần nhập không được.

Nghề làm pháp sư và xác đồng rất phát đạt hàng trăm năm qua và còn tồn tại với thời gian. Hiện thời theo lời một xác đồng ngoại 80 tuổi thì những người khuất mặt nhiều hơn trước vì ảnh hưởng của cuộc chiến tranh. Số xác đồng gia tăng gấp bội có thể nói là thời cực thịnh của giới này.



## HÁT CẢI LƯƠNG

*Cô ông, Cô bà xác đồng xuyên quai*

Dưới thời Pháp thuộc, Việt kiều tha hồ xem hát cải lương ở miền Nam lên Nam-vang và các tỉnh trình diễn. Nhờ thể thức giao thương dễ dàng nên đại ban, tiểu ban thường sang nước bạn... hốt bạc, đồng thời giúp cho người Việt tha hương đỡ lòng sầu xứ. Việt kiều rất mê xem hát cải lương vì chỉ có những tuồng tích, lời ca, âm điệu quen thuộc ấy mới gọi được hình ảnh của quê hương mến yêu đối với kẻ vì sinh kế phải sống nhờ xứ người.

Trong thời khói lửa, bằng đi mấy năm liền không có gánh nào lên Nam-vang vì ở Sài-gòn họ vẫn sống phủ phê, việc công trống sang nước bạn, dù chỉ cách nhau 250 cây số cũng làm ngại mấy ông bầu. Tuy nhiên vẫn có một gánh lớn sang Nam-vang trình diễn 10 đêm, sau đó đi tỉnh Kompong Cham rồi trở về Sài-gòn với những kỷ niệm hết sức ê chề : bị làm tiền một



cách trắng trợn ! Các gánh khác giật mình không dám mò theo ! Một đoàn khác, nhỏ hơn đang diễn tại tỉnh lỵ Rạch-giá và Hà-tiên, tiện đường xin qua hát ở Kampot, Kompong Trach, Takeo lối 1 tháng. Kết quả : giải tán vì không đủ cơm ăn ! Từ đó, Việt kiều không còn được thưởng thức nghệ thuật sân khấu nước nhà nữa.

Từ năm 1957, Việt-nam Cộng hòa và Cao-miên hục hặc với nhau trên phương diện chính trị, việc giao thương trở nên khó khăn và phức tạp khiến các nhà tiên đạo chán ngán không dám nghĩ đến vấn đề xung phong đi Nam-vang. Và lại, chánh phủ Cao-miên chịu ảnh hưởng của khối Cộng sản không muốn cho đoàn nghệ sĩ miền Nam đến múa men ở nước mình, mặc dầu không có đoàn hát nào dính líu vào chính trị cả. Đến khi hai nước tạm đoạn giao, thì Việt kiều hết mong được xem hát cải lương như thời xưa. Đó là nguyên do thúc đẩy Việt kiều lập gánh hát để bù vào chỗ khiếm khuyết ấy.

Người đầu tiên lập gánh hát cải lương Việt kiều vào năm 1959 là một người Việt có quốc tịch Miên tên là Tang Long. Họ Tang lập gánh hoàn toàn vì nghệ thuật chứ không vì tiền bạc. Về thành phần đào, kép, ông chọn tất cả con cháu trong gia đình bắt ra sân khấu. Không phải ông không muốn thu nhận người ngoài vì trong giới Việt kiều khó kiếm được một nghệ sĩ chuyên nghiệp. Người nào cũng có nghề làm ăn, nếu có biết đờn, biết ca, hoặc có thể diễn xuất thì cũng là để tiêu khiển mỗi tháng vài lần chứ không ai lấy đó làm kế mưu sinh. Ngay các đào kép trong ban cũng dính líu công ăn việc làm thường nhật hoặc còn đi học, phải vừa làm, vừa hát, vừa tập tuồng ! Mỗi xuất hát ông bầu trả mỗi cô, mỗi cậu «đồng hạng» 100 riels gọi là khuyến khích ! Không có kép nhứt đào nhứt gì cả. Trong tổng số đào, kép chỉ có hai nghệ sĩ ở ngoài mà thôi. Riêng giàn đờn thì phải thuê đàn hoàng. Trong giới lão thành, thanh niên Việt kiều có vô số người đờn giỏi. Về tuồng hát chỉ có sáu tuồng

ruột : Phạm Công Cúc Hoa, Tổng tửu Đon Hùng Tín, Lê Huê nằm hòm, Dư Hồng trù Lưu Kim Đính, Mộc Quế Anh dâng cây, Máu đi hận (tuồng tích có đầu dao găm). Tuồng tổng tửu Đon Hùng Tín bị cấm không cho hát vì trong ấy có đoạn họ Đon chửi vua Đường, ban kiểm duyệt cho rằng phạm thượng. Gánh hát khai trương, Kiều bảo ủng hộ hết mình. Giờ diễn xuất có thể nói là đạt hết kỷ lục từ xưa đến nay trong lịch sử sân khấu là 3 xuất một ngày : 8 giờ sáng, 3 giờ chiều và 8 giờ tối ; về sau vì đào kép mệt mỏi thái quá, ông bầu bỏ bớt xuất sáng. Đề làm vừa lòng người Khmer và tỏ ý «thông cảm» với họ một chút, mỗi lần hạ màn thì có một lớp vũ Miên trình diễn cho vui.

Đoàn nghệ sĩ loanh quanh ở các rạp thủ đô và ngoại ô rồi đi các tỉnh có đông Việt kiều. Tiếng đồn, lời khen vang dậy khắp nơi khiến nhiều Việt kiều giàu sự cũng muốn lập gánh cạnh tranh. Trong số các đại thương gia có hai vị tổ chức hai đoàn khác trò tài thao lược.

Ngoài yếu tố về nghệ thuật, ông bầu gánh hát còn phải mang trên vai một trách nhiệm hết sức nặng nề đối với «tổ quốc mới» của ông. Đó là yếu tố tiền bạc. Một điều kiện tiên quyết do các quan Khmer truyền ra bằng mồm, chứ không có nghị định, sắc lệnh, giấy tờ gì cả, là ông bầu phải giúp tiền cho chánh phủ mỗi xuất hát, mà giúp hoài hoài. Số tiền này không phải tự ý ông bầu muốn «cúng» bao nhiêu thì cúng, chính là do các quan ấn định và kiểm soát hết sức chặt chẽ. Đầu tiên, khi xin phép lập gánh hát, ông bầu phải ghi trong đơn là tự ý «dưng cúng» mỗi xuất hát 60 phần trăm tiền thâu được để giúp vào công cuộc xây cất cây cầu bắc ngang sông Tông-lê-sáp, nối liền thủ đô Nam-vang với quận Chruichangwar. Căn cứ theo lời xin của đương sự, các quan liền phái người đến rạp cầm ngành thâu. Chính nhân viên chánh phủ bán giấy hát thâu tiền và chia cho bầu gánh 40 phần trăm còn lại. Người đứng ra tổ chức bỏ vốn sắm đồ đạc, gọi nhân viên tập tuồng, lo mượn rạp v.v... lại trở thành tên làm công cho các quan, tự ý các quan muốn tuyên bố thâu được bao nhiêu hay

bấy nhiêu, không bao giờ dám dòm ngó vào công việc của các quan hoặc kêu ca, than thở một lời. Số vé bán mỗi xuất hát, tại rạp và các bến xe, các tư gia do nhân viên của quý quan cân cần mời mọc, nhiều đến nỗi ông bầu phải thuê thêm hàng 200 cái ghế mới đủ cho khán giả ngồi. Nhưng lạ lùng nhất thế gian, là khi nhận 40 phần trăm của mình, bầu thấy không bằng 5 hay 10 phần trăm so với số vé đã bán ra. Nhưng hỡi ơi ! Sống trên đất Miên từ nhỏ đến lớn, ông có ngóng gì cái nghề của quý quan. Từ quan nhỏ đến quan lớn có cả một hệ thống hoạt động chẳng chịt, dính liú với nhau đừng mong thẳng dân thường cạy gở gì nổi. Động tới các quan ư ? Dù ông bầu đã là một công dân Khmer đi nữa, ông vẫn có thể bị lột quốc tịch lại và tống về xứ «An-nam» như tất cả Việt kiều khác.

Sau một thời gian khá dài chung đậu 60 phần trăm mỗi xuất hát để giúp vào việc xây cất cây cầu ngang sông Tông-lê sáp, ông bầu tưởng rằng khi công tác hoàn tất thì ông sẽ thoát nợ, tự do bán vé và thu tiền hầu gở gạc lại phần nào, nhưng các quan nào có nghĩ như rứa để bụng tha con mồi béo bở này ! Chiến dịch đó chấm dứt, tức thì các quan nêu ra chiến dịch khác : hát giúp cho hội Từ thiện này, đoàn thề Xã hội nợ. Cứ một hội vừa dứt thì đến một đoàn thề, liên tiếp nối đuôi nhau không để hở một buổi hát nào ! Kết quả gặt hái được về phần ông bầu Tang Long một cái «mề đay» danh dự của Hoàng gia Cao-miên ban cho gọi là tỏ lòng biết ơn một công dân gương mẫu đã giúp khá nhiều tiền, bạc vào các công cuộc kiến thiết xứ sở. Về mặt tài chánh, ông tuông gia tài ra chịu đựng từ năm 1959 đến ngày 17-4-1966, sau khi hát bốn ngày trong dịp Tết Miên (đã dự định hát 7 ngày) thì dẹp gánh, giải tán luôn. Hai ông bầu đi sau vì ra đời không bao lâu nên chưa hưởng được chút ân huệ nào cả, mặc dầu hai ông cũng làm hao hụt bớt túi áo khi rất nhiều và hạ màn, vắng tuốt !

**BUỒN LẬU :**



Nói đến buôn lậu tức là nói đến hàng hóa nhập cảng ở xứ này qua xứ khác mà không nộp thuế vì loại hàng ấy bị cấm. Việt kiều ở Cao-miên buôn lậu trong hai thời kỳ qua hai lãnh thổ: thời Pháp thuộc, Miên, Thái-lan; thời Cao-miên độc lập, họ xoay về Việt-nam.

Suốt giải biên thùỵ Miên-Thái, dài xấp xỉ lẫn ranh giới Miên-Việt, chỉ có ba nơi có đường giao thông, mà trong ấy chỉ có hai đường thuận tiện mà thôi. Đó là ngã Battambang, Poipet và Chomksa. Trong ba ngã này Poipet là ngã chánh thức và duy nhất của hai quốc gia, còn hai ngã kia là đường đi của các tay buôn lậu. Muốn đến Poipet, từ Nam-vang du khách đi Siem-réap hoặc Battambang rồi đến quận Sisophon. Tại đó có một tỉnh lộ duy nhất vào Poipet. Theo đường xe hỏa thì từ Nam-vang đi thẳng qua Battambang, Poipet là trạm cuối cùng. Du khách đi bộ vài trăm thước tới trạm biên giới. Từ đó đến cây cầu bắc ngang con sông nhỏ làm ranh giới còn 1000 thước nữa, đúng theo luật quốc tế dành phần đất trái độn cho hai nước. Qua cầu du khách dùng xe đồ hay xe lửa của Thái tiếp tục cuộc hành trình.

Battambang là một thành phố lớn đứng vào hạng ba ở Cao-miên, sau Nam-vang và Kompong Cham, tuy ở cách xa ranh giới nhưng cũng có nhiều đường xe lửa vào các xã, ấp ở biên thùỵ và đồng ruộng san sát đến ven rừng hoang.

Các tay buôn lậu có thể dùng cả hai phương tiện, công khai — về đêm — trên tỉnh lộ, hoặc lén lút trong rừng, trên ruộng — ban ngày — đến căn cứ rất dễ dàng.

Hai ngã này là địa điểm lý tưởng của các tay sừng sỏ trên thị trường không thuế. Còn ngã thứ ba thì ít khi được dùng vì lẽ quá xa xôi và quá nhiều khê. Muốn đi ngã này phải bắt đầu từ chợ Kompong thom theo đường rừng vào quận lỵ Chom Ksan. Thuở ấy, con người độc đạo này chưa được trải đá, sự giao thông còn nhờ xe bò «cà rít, cà tang» suốt một tuần lễ mới tới.

Từ Chom Ksan lại theo con đường độc đạo khác đi đến một ngọn đồi của dãy núi Dang Rek gọi là núi Đòn Gánh, trên đó có ngôi đền lịch sử Preah Vihear (đọc là Vihia). Trước cửa đền có một thông lộ lót đá của người Thái đắp từ đất họ thẳng vào đền. Biên giới thật sự ở cách ngôi đền vài trăm thước.

Tại vùng này không có trạm kiểm soát chánh thức của hai quốc gia vì chính phủ Pháp ở đất Miên không nghĩ tới, nguyên do tại không có đường giao thông và không có dân cư trong phần đất rộng rãi ấy. Dùng địa điểm này để tải hàng thì có thể đi nghênh ngang như người lương thiện, nhưng bất tiện ở khoảng đường dài phải mất nhiều ngày xê dịch, sở phí còn nặng hơn hai ngả kia.

Mỗi đoàn buôn lậu có từ 5 đến 10 con voi tùy theo số hàng nhiều, ít. Nhân viên tùy tùng ngồi trên lưng voi với các bao hàng. Người chỉ huy cỡi ngựa chạy từ đầu đến cuối kiểm soát. Tất cả đều có súng đạn thừa sức đương đầu với lính đoan và cướp. Tổ chức có vốn lớn, thuê nhiều người, mua nhiều hàng thì nhờ voi vận chuyển nhanh chóng, đỡ vất vả, người có ít tiền bắt buộc phải đi bộ khổ cực hơn. Ngoài ra có một hạng tay tổ trá hình làm khách du lịch ngồi xe đồ ngang nhiên đi qua trạm gát biên giới, trước mũi lính đoan. Các ông mang loại hàng đắt tiền, ít, để giấu có thể để trong rương da hai đáy, trong cặp da cầm tay, cột theo bắp chân v.v... và nhờ mã người ăn vận chỉnh tề, vai đeo máy ảnh, nói tiếng Pháp rôm rốp mà qua mắt được nhà cầm quyền.

Tuy nhiên, dù theo đường lối nào các tay buôn đều có ăn chịu với những viên chức có phận sự bắt họ, nghĩa là chia lời đồng đều mỗi chuyến! Đó là bản nhạc cổ điển đã có từ ngàn xưa.

Cao-miên độc lập, rồi hục hặc với Thái-lan và Việt-nam Cộng hòa. Thẻ thức giao thông còn được áp dụng tuy rất hạn chế và phải theo nhiều điều lệ khó khăn. Đó là trường hợp lý tưởng

cho giới buôn lậu có đất trổ tài. Biên giới Việt-Miên là nơi hoạt động thường xuyên của họ. Từ địa đầu lẫn ranh ở giáp Ai-lao và Trung-việt đến quận lỵ Hà-tiên trên vịnh Thái-lan, người Việt có 12 ngã đường chánh thức sang Cao-miên và vô số đường bí mật khác. Cả hai chánh phủ đều chịu bất lực không thể khám xét nổi sự qua lại của giới buôn lậu mặc dầu ở ngay những trạm kiểm soát. Và lại, ở những trạm này mà họ còn qua mắt được các quan thì ngọng gì phải dùng đường ngang, nẻo tắt cho thêm phần khó khăn, khổ cực và nguy hiểm ? Trong 12 ngã thông thương : Đức-cơ, trạm 3 biên giới ở tỉnh Phước-long, Lộc-ninh, Snoul, Tây-ninh, Kompong Cham, Phước-tâm, Gò-dầu-hạ, Thường-phước, Sở thượng (Hồng-ngự), Tân-an (Tân-châu) Bình-di, Tịnh-biên (Châu-đốc) và Hà-tiên hiện thời chỉ còn 6 trạm còn qua lại được. Gò-dầu-hạ, Phước-tân, Thường-phước, Sở-thượng, Tịnh-biên, Hà-tiên nhưng có 2 trạm được dùng thường xuyên là Gò-dầu-hạ và Thường-phước mà thôi. Lúc giao thương dễ dàng thì mỗi ngày có 5, 6 chiếc xe đồ lớn, mỗi chiếc chở hơn năm mươi hành khách đi và về. Người Việt đi Nam-vang hoặc Việt kiều về thăm quê nhà rất nhanh chóng. Có người nhờ quen biết với các nhân viên kiểm soát biên giới cũng được qua, lại thường xuyên. Đến lúc sự kiểm soát có phần gắt gao vì thế thức ngoại giao giữa hai quốc gia độc lập thì những chiếc xe kền càng không có đủ khách, tự động rút lui, người du lịch phải nhờ xe đồ nhỏ, hạng xe nhà, chia làm 3 loại : một loại chuyên rước hành khách không « làm ăn » gì khác, một loại không cần người đi chỉ chở hàng gọi là loại « nhẩy dù » và một loại đi về bất thường, xuất hành khi có người thuê bao. Loại sau này luôn luôn trá hình làm xe du lịch hạng sang để qua mắt thiên hạ. Người buôn lậu tải hàng hóa theo lời khách đặt mua trước, nhận cả hai bên và tải lượt đi lẫn lượt về. Kể ít tiền hơn thì đi theo từng chuyến xe với vài ba cái giỏ xách, một hai cái rương da để tô hô trên xe như hành lý của du khách lương thiện. Cả hai hạng này đều phải « ngoại giao » trước với nhân viên kiểm soát, nghĩa là chia bớt số lời cho



các quan. Chỉ có những ông lơ xe đồ mà hiện thời biến thành chủ xe đồ thì hóm vô cùng, mỗi lần «lên hàng» các ông lái xe vào nhà đóng cửa lại, mở các ngăn bí mật dưới dạ xe, hai bên vè, các ô nhỏ theo kẹt đầu máy, theo bốn cánh cửa, các ô nệm, lưng dựa... v v... cất hàng hóa đã bọc vào từng gói nhỏ thật cẩn thận, thật tinh vi đến nỗi thoát nhìn không ai biết trong xe chứa đầy «cơ quan» bí hiểm. Khi «xuống hàng» cũng vậy, các ông cho xe vào nhà, đóng cửa lại, tháo banh hết các ô chứa ra, có thánh mới biết nỗi!

Đây là phương pháp áp dụng trên đường bộ qua ngã Gò-dầu-hạ, Tịnh-biên, Tây-ninh, Hà-tiên, còn theo đường thủy qua ngã Sở-thượng, Thường-phước thì con buôn tải bằng xuồng nhỏ hoặc gánh, vác trên vai bằng ngang đồng ruộng. Tình phỏng từ ngày khởi đầu có nghề buôn lậu khoảng năm 1950 đến nay, một số Việt kiều phát tài như điều gặp gió, nhiều người ôm bạc về Sài-gòn tậu nhà, mua đất sắm xe hơi nghênh ngang làm triệu phú gia. Trong khi ấy cũng có một số điều đứng với nghề vì không khéo xoay trở.

### ĐỔI TIỀN, BUÔN

Nghề này không phải là nghề công khai nhưng rất cần cho Việt kiều cũng như đồng bào ở quê nhà. Đúng theo pháp lý, một du khách qua lại hai quốc gia chỉ đổi theo giá chánh thức 400 \$. Làm sao đủ xài? kẻ cần tiền bắt buộc phải đổi với giá chợ đen. Vả lại, vì giá vàng giữa hai nước chênh lệch thái quá nên tiền Miên cao giá hơn tiền của ta. Một đồng ruỡi đổi từ một đồng ba, đồng tư đến hai đồng ba tiền Việt. Lúc xe đồ còn qua lại du khách có thể đổi tiền tại nhà bán giấy, nhận một dấu hiệu đến nơi lấy bạc; hoặc đổi tại trạm kiểm soát do các tay chuyên môn lảng vãng trên quốc lộ suốt ngày. Đó là những ngân hàng lưu động, lúc nào cũng có sẵn hai thứ tiền để «phục vụ» khách hàng. Người

có thân nhân có thể trao tiền cho một người thay mặt ở Sài-gòn rồi nhận trên ấy. Một số Kiều bào làm việc ở quê hương, phải nhờ những tay đôi bạc để chuyển tiền về cho vợ con. Nói gì đến những người buôn ngang, bán tắt. Họ là thân chủ trung thành của hạng đôi bạc buôn tiền.

Tình trạng ngoại giao thay đổi, du khách đi về khó khăn, nhưng nghề này vẫn còn tồn tại và phát triển mạnh mẽ thêm vì càng khó khăn, thiên hạ càng cần hơn nhiều. Trung tâm hoặc động của giới đôi bạc là chợ Trời Gò-dầu-hạ và biên giới Thường-phước (Hồng-ngự) là nơi hiện còn giao thương.

### VŨ NỮ

Quốc gia Cao-miên vừa được người Pháp trao trả nền độc lập thì phong trào khiêu vũ bành trướng rất mạnh. Số khách nhảy quá đông mà vũ nữ Miên thiếu; mấy ông chủ nhà hàng, mấy tay "cai gà" nghĩ đến số vũ nữ Việt lúc nào cũng dư giả ở Sài-gòn. Họ mời chị em ký hợp đồng giúp việc ở Nam-vang. Mỗi chị được lãnh trước một số tiền để lại gia đình. Thời gian giao kết ít nhất là sáu tháng, nhiều là một năm, sau đó có thể gia thêm lần nữa và nhiều lần, nếu hai đảng không có chuyện xích mích. Ngoài số người được mời còn có nhiều chị đi tự do theo lời quảng cáo của bạn đồng nghiệp. Mấy chị này phải tìm nhà ở riêng và tự do lấy giấy tờ cư ngụ. Đó là một điều rắc rối nhất, thỉnh thoảng nó vài chị bị bắt giam và trục xuất về Sài-gòn. Từ đầu năm 1953 chánh phủ Hoàng gia Cao-miên không nhận ngoại kiều vào ngụ trong lãnh thổ. khách du lịch được phép ở 30 ngày. Năm 1957 chỉ được ở 15 ngày. Quá thời hạn ấy, người ta có thể xin thêm 1 tuần lễ và hết.

Nhà thầu thuê nhà cho chị em ở trên lầu dẫy phố gần chợ Mới. Mỗi gian có một đứa tớ gái phục dịch, hai người nấu ăn, một người giặt ủi. Cơm ngày 3 lần, trưa chiều và khuya! Buổi

ăn sáng dường như không cần, vì giờ ấy các chị còn ngủ. Chị em được rảnh rang suốt ngày, tha hồ ngủ và đi chơi. 9 giờ tối phải có mặt ở sân nhảy gần đến 2 giờ sáng. Ngoài những lối nhảy theo Âu Mỹ, các chị còn phải học điệu Lâm-thôn đặc biệt của người Miên để chiều lòng khách. Lối vũ này rất dễ tập, tay nhà nghề như các chị dượt sơ vài mươi phút là thạo rồi. Vừa tiền lương vừa tiền khách tặng, chị nào cũng phát tài ra phết. Người Miên, người Tàu, người Âu, và cả Việt kiều — cố nhiên! — đều thích quay cuồng với các chị, chưa kể những người còn tính chuyện nọ, kia. Nhờ đó, các chị biến thành những cây tiền của mấy ông chủ nhà hàng và tự nhiên mấy ông phải chạy chọt lo giấy tờ cho các chị ở vĩnh viễn trên đất Miên! Những cuộc đời đổi thay của thời cuộc không làm thay đổi tình cảnh của các chị, nên các chị vẫn yên vui, sung sướng với nghề mình.

### **DẠY KHIẾU VŨ :**

Người Miên và Hoa kiều rất thích khiêu vũ. Sau ngày độc lập, hầu hết trí thức Miên đều biết khiêu vũ và phải biết khiêu vũ để dự các tiệc cưới, các cuộc lễ nhất là trong những cuộc tiếp xúc với người ngoại quốc, nhờ đó nghề dạy khiêu vũ rất được hoan nghênh và người dạy phát tài lắm. Giáo sư là một phụ nữ Việt kiều : bà Huyền Châu, có sang Pháp học nghề, thông thuộc tất cả các lối nhảy đơn, nhảy kép. Số học viên càng ngày càng đông, giáo sư phải mượn thêm vài nữ kỹ binh dặt tiếp. Học phí thâu một lần trong tháng mà thôi. Giáo sư cam đoan dạy hết lối khiêu vũ tân thời. Người nào muốn dượt thêm thì đóng tháng thứ nhì phân nửa học phí, qua tháng thứ ba và những tháng sau thì một phần năm. Người nào muốn học riêng một điệu thì có giá riêng. Mỗi ngày lớp dạy mở cửa hai lần từ sáng đến trưa, từ xế đến tối. Có thể nói đại đa số người Miên, Hoa kiều, Việt kiều ở Nam-vang biết khiêu vũ nhờ bà Huyền Châu. Sau mười năm hành nghề, bà Châu về Sài Gòn tiếp tục huấn luyện cho đồng bào.





### CHƯƠNG III

## XÃ HỘI

### *Liên đoàn Việt kiều*

Việt kiều ở Cao-miên sống quây quần và đoàn kết với nhau chặt chẽ. Càng xa quê hương họ càng thấy cần phải sát cánh với nhau trong cuộc mưu sinh nơi xứ lạ. Trên phương diện tình cảm, mọi người đều bộc lộ sự thân mật và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau, dù dặt những kẻ mới «gia nhập vào làng». Nhưng trên phương diện pháp lý, thì có lẽ đây là lần đầu tiên cư ngụ trên lãnh thổ bạn, nên trải qua một thời gian khá lâu: khoảng 80 năm, không có ai nghĩ đến việc thành lập một đoàn thể, hiệp hội của Việt kiều để thay mặt toàn thể kiều bào liên lạc với Chánh quyền. Ta phải nhìn nhận kém người Tàu ở điểm này. Chế độ Bang trưởng của Hoa kiều đã biến tổ chức này thành một Chánh phủ không quân đội trong một chánh phủ.

Mãi đến năm 1938, mới có người nghĩ ra và ngày 13-6-1938, một hội Ái hữu đầu tiên ra đời lấy tên là Nam-kỳ Ái hữu (Amicale Cochinchinoise du Cambodge) viết tắt là A.M.I.C. Đạo ấy, nạn chia rẽ Bắc, Nam được người Pháp đào sâu triệt để nên kiều bào không tránh khỏi ảnh hưởng xấu xa ấy, hội Nam-kỳ Ái hữu chỉ nhận Việt kiều quê ở miền Nam gia nhập mà thôi, Người có Pháp tịch cũng được nhận.

Trong khi ấy, một hội khác được thành lập lấy tên là Việt kiều Tương Tế (Mutuelle des Annamites du Cambodge) viết tắt là M.A.C. Hội lập cùng năm 1938 và nhận tất cả Việt kiều không phân biệt Bắc, Trung, Nam. Cả hai hội chỉ hoạt động trong phạm vi nhỏ hẹp : phúng điếu hội viên hay tư thân phụ mẫu từ trần.

Mặc dầu có những hai hội tại thủ đô Nam-vang nhưng hội viên phần đông là giới trí thức, lại không ai đặt kế hoạch giúp đỡ kiều bào nghèo đúng với ý nghĩa tương tế, ái hữu, nên lần lần cả hai hội chỉ còn là cái hư danh.

Năm 1950, Việt-nam thống nhất, người Pháp muốn xóa bỏ những tàn tích cũ hầu mua chuộc người Việt, ông De Raymond, Khâm sứ ở Cao-miên gửi công văn cho hai hội Nam-kỳ Ái hữu và Việt kiều Tương tế khuyên nên sát nhập vào một và đổi tên khác vì chữ Cochinchinoise và Annamite không hợp thời. Các hội viên nhóm họp, thảo luận mấy tháng trường mà không quyết định ổn thỏa. Hội Nam-kỳ Ái hữu muốn giữ chữ «Ái hữu» trong tên mới, hội Việt kiều «Tương tế» cũng không chịu bỏ chữ «Tương tế». Khi trình lên Tòa Khâm, ông De Raymond bỏ cả hai chữ đó, đặt là «Liên đoàn». Ngày 31-8-1950, Liên đoàn Việt kiều ở Cao-miên (Association des Vietnamiens du Cambodge) chào đời, ông Đào Trọng Sót, công chức tòa Khâm làm Chủ tịch, Bác sĩ Thái Doãn Thạc làm Tổng thư ký, Liên đoàn hoạt động với hai mục tiêu :

- 1.— Giúp đỡ kiều bào thiếu thốn.
- 2.— Thắt chặt tình thân thiện, đoàn kết giữa các Hội viên và toàn thể Việt kiều, chia xẻ niềm vui sướng cũng như nỗi khổ đau.

Trong khoảng thời gian ngót 7 năm, Liên đoàn được Kiều bào nhắc nhở qua những thành tích :

— Trợ giúp Kiều bào trong các vụ hỏa hoạn.

- Giúp học bổng cho trẻ em nghèo ở các tư thực.
- Mở một phòng khám bệnh miễn phí cho mọi người tại trụ sở Liên đoàn (không phân biệt quốc tịch).
- Tổ chức Cây mùa xuân mỗi năm phát vải, quà bánh cho trẻ em nghèo Việt kiều, Hoa kiều.
- Trợ cấp tiền tu bổ trường dạy chữ Việt ở các tỉnh và ở trong chùa của Việt kiều.
- Trả lương hàng tháng cho các giáo viên dạy trẻ miễn phí.
- Tham gia việc tổ chức gian hàng Việt-nam ở Hội chợ quốc tế Nam-vang (15-11-1955).
- Tham gia các cuộc quốc lễ của chính phủ Hoàng gia Cao-miên.



*Đoàn cộ Việt kiều trong ngày lễ đăng quang của quốc vương Suramarit (1956)*



Hơn sáu năm, từ ngày thành lập (1950) đến khi chánh phủ Việt-nam Cộng hòa đặt Tòa đại diện ở Nam-vang (2-6 1956), Liên đoàn Việt kiều có thể nói là một cơ quan thay mặt cho Kiều bào đối với chánh phủ Cao-miên và chánh quyền Pháp. Số tiền chi phí hằng tháng do các nhà hảo tâm giúp đỡ, các hội viên đóng góp và chánh phủ Việt-nam Cộng hòa trợ cấp trong những năm 1954 — 1955 và đầu năm 1956. Với ý định nắm giữ số Kiều bào, chánh phủ Việt-nam thường liên lạc với Liên đoàn Việt kiều và nhờ tổ chức này để làm môi giới tiếp xúc với chánh phủ Cao-miên trong việc đặt Đại diện ngoại giao. Vai trò của Liên đoàn nổi bật lên trong khoảng thời gian ấy.

Ngày 2-6-1956, Tòa đại diện được đặt xong, Liên đoàn Việt kiều trở thành một cơ quan bán chánh thức giúp đỡ chánh phủ Việt-nam Cộng hòa ở Nam-vang rất đặc lực, Tòa đại diện nhờ Liên đoàn trên mọi phương diện : Chánh trị, Kinh tế, Văn hóa v.v...

Trong khi ấy, tình hình chánh trị ở Cao-miên xoay Liên đoàn Việt-kiều vào ngõ bí. Số là quốc gia bạn theo chủ nghĩa Trung lập một chiều, công khai chứa Cộng sản và ủng hộ những phần tử Việt cộng hoạt động trong lãnh thổ. Việt kiều chia ra làm hai khối, thân Hà-nội, thân Sài-gòn. Các cán bộ Việt cộng muốn dùng Liên đoàn Việt kiều làm một cơ quan hợp pháp để nấp sau chiêu bài đó làm chánh trị. Lẽ cố nhiên ban Quản trị không thể nào chấp nhận âm mưu ấy. Hậu quả của sự từ chối này là các nhân viên trong ban Quản trị tự nhiên có tên trong sổ bla đen của Cao-miên là thân Quốc gia, chống Cộng trên đất Trung lập, và bị bắt đi an trí ở các tỉnh lỵ. Khi có những chánh khách khối Cộng viếng Cao-miên, họ cũng bị theo dõi ngày đêm. Nhiều nhân viên và hội viên sợ liên lụy phải xin từ chức, rút khỏi Liên đoàn. Hoạt động bị tê liệt. Nhân đó, các cán bộ Việt cộng liền mở một chiến dịch tấn công trên hai tờ báo "Sống chung" và "Trung lập", cơ quan tuyên truyền của Hà-

nội, rằng ban Quản trị Liên đoàn phải rút lui nhường cho một số người mới.

Liên đoàn nhận thấy không còn lý do nào để tồn tại nữa vì lẽ mục đích của Liên đoàn nhằm vào phương diện xã hội mà tòa Đại diện đã có một cơ quan do một Tùy viên trông nom rồi, nên ngày 12-5-1957, ban Quản trị mời các nhân viên, hội viên, đến bỏ thăm giải tán. Trong số 50 người tham dự có 40 thăm thuận, 10 thăm chống. Đó là 10 Việt kiều thân Cộng đã phản đối bằng một trận giặc miệng trong phiên họp suýt biến thành một cuộc đấu võ thật sự.

Song song với Liên đoàn Việt-kiều, một nhóm phụ nữ cũng hoạt động về xã hội đặc lực không kém. Nhiều bà, nhiều cô trong giới công chức, thương mại gia nhập trong ban Trị sự của hội. Hồng thập Tự Cao-miên và hội Phụ nữ Tương tế do bà hoàng Rasmi làm chủ tịch, thường tổ chức những cuộc trợ giúp người nghèo không phân biệt sắc dân. Trí thông minh và đức tính cần cù chịu khó của quý bà đã làm hài lòng chánh quyền và Việt kiều qua những công tác của Hội. Ngày kỷ niệm quốc tế, các ngày lễ của Cao-miên, ngày Tết Việt-nam là những dịp tốt cho quý bà trở tài cũng như một số Việt kiều nghèo thấy rằng mình không bị bỏ quên.

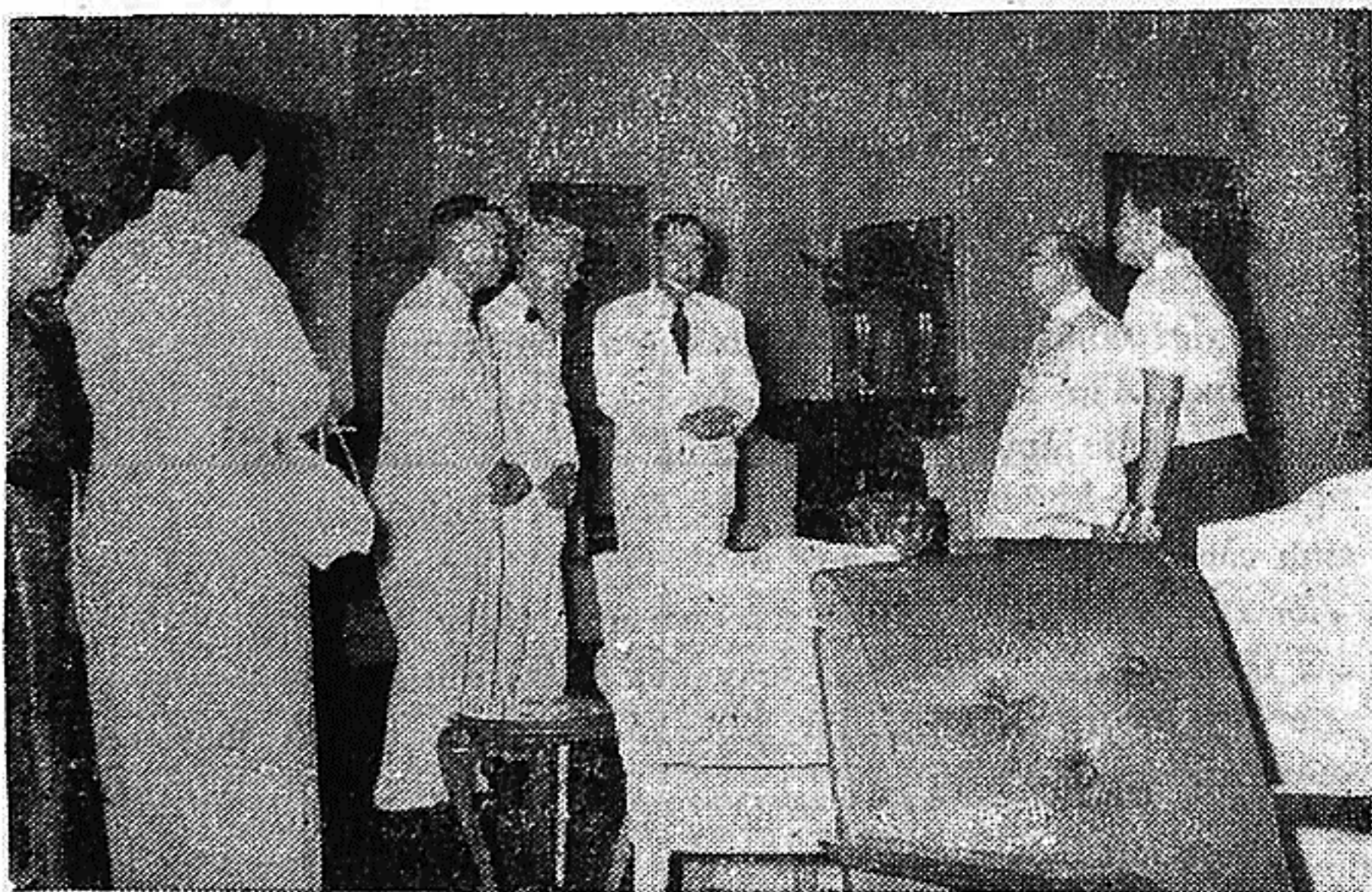
Việc làm của quý bà không vì sự đổi thay của thời cuộc mà bị thay đổi. Sau khi Liên đoàn Việt kiều giải tán, quý và vẫn tiếp tục phận sự như thường.

### **MỐI LIÊN LẠC GIỮA HOÀNG GIA CAO-MIÊN VÀ LIÊN ĐOÀN VIỆT KIỀU.**

Trước khi có tòa Đại diện Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa ở Cao-miên (2-6-1956), những sự liên lạc giữa chánh phủ và Hoàng gia Cao-miên đối với Việt kiều đều qua Liên đoàn Việt-kiều. Từ một hội Tương tế, Ái hữu thành lập với mục đích xã hội, Liên đoàn trở thành một cơ quan chánh trị bán công khai.



Trên phương diện tình cảm thì từ Quốc vương Suramarit, nay đã băng hà, đến Thái tử Sihanouk, vị nào cũng có ở Sài Gòn học ở trường Chasseloup Laubat và có nhiều bạn bè người Việt. Nhờ đó, nhà Vua rất có cảm tình với Việt kiều, thường dùng Việt ngữ để đàm đạo với các phái đoàn báo chí ở Sài Gòn hoặc phái đoàn Việt kiều ở Nam-vang.



*Đức vua và Hoàng hậu Cao-miên tiếp quý vị Việt kiều trong liên đoàn*

Trong những năm 1946, người Pháp mất quyền ở Cao-miên, Liên đoàn Việt kiều đảm đương trách nhiệm liên lạc với Hoàng gia Cao-miên để gây cảm tình hầu dễ dàng yêu cầu những biện pháp che chở, giúp đỡ Việt kiều. Người đứng mũi chịu sào trong công tác tế nhị này là ông Nguyễn Ngọc Châu, giữ chức cố vấn trong Liên đoàn, nhưng chính là linh hồn của hội Ái hữu này. Nhờ uy tín của ông đối với nhà Vua và Hoàng hậu Cao-miên và nhờ người anh của ông là Phó Tổng thống Nguyễn



Ngọc Thơ trong chánh phủ Việt-nam Cộng hòa đệ I hết lòng giúp đỡ, nên ông làm việc rất đắc lực. Kết quả thu lượm được thật mỹ mãn, có ảnh hưởng tốt đẹp trong các giới Việt kiều. Ngoài những sự phối hợp với các đoàn thể ngoại kiều trong các ngày quốc lễ, Liên đoàn còn thực hành vài việc có thể nói là chưa có tòa Đại sứ nào có dịp may như thế.

Tháng 4 năm 1956, đức Vua Suramarit tức vị đăng quang, Liên đoàn Việt kiều tổ chức một đoàn cộ diễn hành theo đoàn chánh thức. Về tặng phẩm, cố nhiên Liên đoàn không đủ tiền bạc để mua báu vật như các tòa Đại sứ khác, nhưng chỉ có mỗi một món thủ công nghệ Việt-nam mà Đức Vua và Hoàng hậu hải lòng hết sức, hoan nghinh vô cùng.

Đó là bức hình thêu nôi của nhà Thủy Tiên ở Sa-đéc mà ông Châu đã nhờ làm với giá 20.000đ (năm 1956), hình của đức Vua và Hoàng hậu ngồi trước sân chầu giữa có hai cái bàn để khay trà, thuốc. Hình vẽ bằng màu, quần áo y như thật. Người họa sĩ phải đi Nam-vang tìm những sợi tơ dệt chần của Hoàng-hậu đem về kết đúng như hình mẫu. Những món nào bằng vàng, bằng bạc đều làm bằng vàng và bạc thật. Cả đến những huy hiệu và huy chương của đức Vua cũng phải mua ở Nam-vang để làm giống không sai một nét. Bức hình dài 8 tấc, cao 5 tấc lồng trong cái khuôn gỗ lõng kính đã làm ngạc nhiên vị Quốc vương và Hoàng hậu Cao-miên. Ngài bảo vợ xem hình Ngài còn Ngài xem hình vợ. Cả hai nhìn từng cái áo, tấm chần, đôi giày, bộ đồ hút thuốc trên bàn và trầm trồ luôn miệng. Ngài phán rằng so với tất cả những phẩm vật các nước, bức hình này có một giá trị đặc biệt. Lập tức Ngài truyền lệnh cho văn phòng viết ngay một câu Pháp văn, đại ý: «Tặng phẩm của Liên đoàn Việt kiều dâng lên đức Vua và Hoàng hậu nhân dịp lễ Đăng quang» rồi sai nội thị đem ra chợ khắc trên miếng đồng về gắn vào khuôn treo trong văn phòng của Ngài.

Trong buổi tiệc trà, Ngài trách quý ông trong Liên đoàn tại

sao không đưa quý Bà đi theo khi Ngài và Hoàng hậu cùng tiếp quý ông ? Ngài bảo quý ông phải tổ chức một phái đoàn phụ nữ Việt kiều đến viếng Hoàng hậu. Nhân đó, Ngài và Hoàng hậu ngỏ ý muốn dùng một buổi cơm Việt-nam mà từ lâu Ngài chưa có dịp thưởng thức những thức ăn ngon, lạ đã dùng ở Sài-gòn. Ngài sẽ cho phái đoàn mượn phòng ăn ở điện Khmemarin và chén đĩa.

Phái đoàn Việt kiều rất hân hoan nhận lời và xin đức Vua ấn định số người dự tiệc và ngày giờ. Ngài phán rằng hiện thời có Hoàng thân Phetsarak và phu nhân ; bạn thân của Ngài, là một chánh khách Lào lưu vong sắp ra đi. Ngài sẽ mời ở lại vài ngày để làm thượng khách buổi tiệc. Ngài ấn định tất cả 40 vị trong Hoàng tộc. Không có một ông Tổng trưởng nào và mời vài vị Đại diện của Việt kiều. Liên đoàn xin cáo lỗi. Đức Vua không ép, rồi chọn 8 giờ tối, đêm lễ Phật đản (mồng 8 tháng 4).

Liên đoàn liền thông báo cho các hội viên và phân công cho mỗi vị nào tình nguyện lo một thức ăn, đại khái như bà Nguyễn Ngọc Trâm làm món bánh canh, bà Mỹ làm chả giò, bà Nghĩa làm gói cuốn, bà Cư làm bánh hời thịt nướng v.v... Để chưng dọn bàn tiệc đẹp mắt và khoe tài khéo của Việt kiều, Ông đội Mậu làm 4 con cá hóa long bằng trái và lá cây để trên 4 cái đĩa bàn thật lớn. Thái tử Sihanouk ngắm nghía từng con và tấm tắc khen dồi.

Quý bà nấu nướng ở nhà đem vào thành hâm nóng lại. Đích thân Hoàng hậu xuống bếp dặn những người giúp việc lau chùi dọn dẹp thật sạch sẽ và triệt để tuân lệnh quý bà Việt kiều. Trên phòng ăn, nhóm bồi bàn (phần đông là người Hải-nam) đặt chén, đĩa dưới sự chỉ huy của quý bà. Mỗi món ăn dọn ra Hoàng hậu gọi các Công chúa đến xem và giải thích cách làm, bắt các nàng phải ghi nhớ. Món nào không biết, bà nhờ quý bà Việt kiều cắt nghĩa.

Trước khi cầm đũa, đức Vua nói tiếng Việt cảm ơn quý bà Việt kiều. Ngài phán rằng không lẽ tặng quý bà tiền bạc, hay huy chương và không lẽ nói hai tiếng cảm ơn suông, vậy đề đền đáp lại công khó nhọc, sau buổi tiệc, Ngài mời quý bà xem một buổi hát tại điện Pochanri do ban vũ Hoàng gia trình diễn, tuồng hát do Ngài chọn lựa. Ngài sẽ dành cái danh dự này riêng cho Việt kiều, Liên đoàn có thể mời bất cứ người Việt nào cũng được vào thành xem hát và cấm không cho người Miên xem. Ngài truyền một vị quan ra đứng tại cửa thành cùng một vị trong Liên đoàn (Ông Lê Văn Bỉ) đề mời Việt kiều nào đi ngang qua và tiếp những người nào đã được Liên đoàn báo tin trước.

Buổi tiệc diễn tiến trong bầu không khí cởi mở hân hoan. Đức Vua, Hoàng hậu và thực khách đồng khen tặng hết lời.

Riêng vị Hoàng thân Lào và phu nhân ao ước được dùng một lần thứ hai vì đây là lần đầu tiên của hai vị.

Đức Vua có nhã ý mời quý vị trong Liên đoàn Việt kiều dự buổi tiệc bánh, rượu trong phòng bên cạnh.

Cơm xong gần 10 giờ, đức Vua và Hoàng hậu đi chân đến điện Pochanri. Quý bà Việt kiều được ngồi hàng ghế đầu bên cạnh là hàng ghế danh dự. Xung quanh sân khấu có hơn 500 Việt kiều ngồi đứng.

Đêm ấy, Hoàng thành thắp đèn sáng choang như ngày Quốc lễ. Dân Miên tưởng lầm đức Vua làm lễ Phật đàn; chứ không dè Ngài khoản đãi Việt kiều.

Trước khi mở màn, đức Vua nói tiếng Việt với phái đoàn Việt kiều rằng người Miên xem hát cùng Nhà Vua không bao giờ dám vỗ tay khen nghệ sĩ vì sợ phạm tội bất kính. Ngài tiếc không thể sửa đổi phong tục ấy được. Ở đây, Việt kiều được phép vỗ tay, hoan hô, không phải sợ gì cả. Lệnh truyền ra mọi



người rất phấn khởi, bớt rụt rè. Đúng 10 giờ, tuồng hát bắt đầu (1). Nhiều tràng pháo tay vang lên từng chập làm nung chí các diễn viên. Đức Vua và Hoàng hậu cũng vui vẻ không kém. Ban hát này vốn của Hoàng gia Cao-miên Đức Vua chọn lựa. Có thể nói đây là lần đầu tiên, một buổi hát trong Hoàng thành có tiếng vỗ tay và náo nhiệt dường ấy. Một số người Miên ở trong thành đứng lấp ló ở xa lấy làm ngạc nhiên vô cùng.

Tuồng hát chấm dứt vào 12 giờ đêm. Đức Vua vội đứng dậy ngăn khán giả lại và phán rằng Ngai thấy Việt kiều vui thích quá nên mới lưu lại xem thêm một tuồng nữa. Ngai gọi Bà Bầu hỏi có thể diễn được không thì bà này vâng chịu. Tức thì, diễn viên sửa soạn y trang và vật dụng trình diễn tuồng thứ nhì đến hơn 1 giờ sáng mới vãng. Mỗi thông cảm giữa vị Quốc vương và Hoàng Gia Cao-miên với Việt kiều trong đêm ấy ghi dấu đến muôn đời không phai lạt.

Từ đó, thỉnh thoảng Đức Vua và Hoàng hậu muốn dùng thức ăn Việt-nam thì sai quân hầu đến tìm ông Nguyễn Ngọc Châu bảo đưa xuống cung hóng mát của Ngai ở Chamcar An-đông, cách thủ đô Nam-vang 5 cây số. Quý bà Việt kiều lại được dịp trò tài khéo léo và kết chặt thêm mối cảm tình.

Nhưng tiếc thay, mối cảm tình ấy bị tình trạng chính trị cướp mất, và sau khi Đức Vua Suramarit băng hà, dần dà chính những ông, những bà đã có nhiều dịp vào ra Hoàng thành lại bị chánh phủ Cao-miên « tổng » cho nhiều vô nên thân, đến nỗi một số đông phải ngậm ngùi về Saigon với những nỗi buồn thấm thía...

## **SƠ LƯỢC TUỒNG HÁT LỊCH SỬ : CHUYỆN VUA RAMA VÀ HOÀNG HẬU SITA**

*Sau ngày tức vị đăng quang, Quốc vương Rama dắt Hoàng*

---

(1) Xem bài sơ lược ở đoạn sau.

*hậu Sita vào rừng săn bắn. Cùng đi với Bá quan có Hoàng đệ Lak-sana; một tay thiện xạ trong triều. Cuộc xua đuổi thú kéo dài đến trưa. Nhà Vua mệt mỏi truyền lệnh nghỉ dưới một cội cây to.*

*Lúc ấy Vua Chăng Ravana ở lãnh thổ Lang Kar bay ngang qua thấy Hoàng hậu thì động lòng tà, bèn biến thành con nai vàng chạy nhón nhor trước mặt. Hoàng hậu muốn bắt sống con nai đem về nuôi lại thích được nhà Vua tự tay trói con vật nên yêu cầu chồng chiều ý mình.*

*Thương vợ, Quốc vương quên cả mệt mỏi, vùng dậy rượt nai. Con thú tinh quái chạy loanh quanh vào rừng sâu và biến mất. Nhà Vua kiếm hàng giờ không thấy vân mòng.*

*Chờ chồng quá lâu, Hoàng hậu Sita nhờ Hoàng đệ Lak-sana đi tìm. Nhân cơ hội ấy, Vua chăng Ravana biến hình thành một vị tu sĩ già lụm cùm đến. Hoàng hậu kính cẩn cúi đầu chào tu sĩ và hỏi thăm tin tức chồng.*

*Vua chăng giả hiệu làm bộ tỉnh toán, bói quẻ lảng xảng rồi giảng giải rằng: Nhà Vua thế nào cũng lâm nạn và số của nàng không được sống gần Vua mãi đời. Nàng có duyên nợ với Vua chăng Ravana.*

*Hoàng hậu Sita nổi giận trước lời nói xấc láo, vung tay đánh nhà tu hành và si và thậm tệ. Vua chăng giả hiệu tức mình biến ra hình thật cắp nàng vào nách bay đi.*

*Khi gặp anh giữa rừng sâu, Hoàng đệ Lak-sana theo nhà Vua trở về chỗ cũ mới rõ sự tình. Nhà Vua than khóc rầm trời, nỗi đau đớn không bút nào tả hết được. Lập tức ngài triệu tập đại đội hùng binh cùng em kéo qua lãnh thổ Lang Kar kịch chiến với Vua Chăng.*

*Tên cướp vợ người chưa kịp giờ trở gí kể nghe tin quân lính đến bủa vây thành quách, bèn cầm khi giới ra cự địch.*

*Mặc dầu biết phép đặng vân nhưng sức Chăng không qua sức*

*người, sau một trận thư hùng, Quốc Vương Rama chém bay đầu Chàng dưới ngựa, đẹp tan đám cưới và hát khúc khải hoàn cùng Hoàng Hậu Sita.*

## **CÔNG TÁC CỦA VIỆT KIỀU TRONG GIAN HÀNG VIỆT-NAM Ở HỘI CHỢ QUỐC TẾ NAM-VANG.**

Tháng 11-1955, Cao-miên tổ chức Hội chợ quốc tế tại Nam-vang, có mời Việt-nam Cộng hòa tham dự. Chính phủ Việt-nam cử một phái đoàn do ông Trương Vĩnh Lễ hướng dẫn, liên lạc với Liên đoàn Việt kiều nhờ giúp đỡ. Lúc ấy Tòa Đại diện chưa thành lập, chánh phủ Ngô Đình Diệm chỉ giao thiệp với Liên đoàn mỗi khi có việc cần tiếp xúc với chánh phủ Cao miên các ông Lý Hữu Dư, Nguyễn Ngọc Châu, Nguyễn Ngọc Trân, v.v... cùng các bà giúp nhiều trong công tác này. Ngoài việc chọn người xây cất gian hàng, coi sóc, giúp ý kiến và lo chạy mọi thủ tục, Liên đoàn sắp đặt nhiều toán nữ học sinh thay phiên nhau vào giữ gian hàng cùng giới thiệu, giải thích từng món hàng cho người xem. Các cô đều nói rành tiếng Pháp và Miên, và đã làm hài lòng những khách muốn biết sản phẩm nước nhà.

Theo chương trình của Hội chợ, mỗi gian hàng của mỗi quốc gia thiết một tiệc trà mời vị Đại diện Chánh phủ Cao-miên, quý vị Bộ trưởng, đại sứ các quốc gia tham dự Hội chợ, quan khách, báo chí v. v . . . Gian hàng nào cũng nhờ Hoa kiều lo bánh mứt, nước ngọt, riêng có gian hàng Việt-nam thì quý bà làm toàn thức ăn quốc túy như chả giò, bánh hời cuốn thịt, nem, chả cá, bánh bò, bánh da heo, bánh nem. Những món này đã làm các quan khách ngoại quốc thích thú vô cùng. Mỗi miếng chả giò cuốn nhỏ vừa ăn một lần, mỗi miếng bánh hời cuốn thịt cũng bằng chừng ấy, thực khách nhón lấy bằng cây tăm xĩa răng, gọn gàng và sạch sẽ. Bao nhiêu đĩa đem ra cũng đều hết sạch. Các cô nữ sinh mặc áo dài tha thướt chạy ra chạy vào mệt bờ hơi tai.

Điều đáng ghi sau buổi tiệc ấy, món chả giò cuốn nhỏ được



thịnh hành trong các tiệc trà ở Nam vang. Người ngoại quốc dùng tiếng "chả giò" để gọi theo mình và liệt vào danh sách các món ăn khô của họ.

Những công tác của Liên đoàn Việt kiều giúp trong gian hàng Việt-nam đều hoàn toàn với tư cách tình nguyện, chánh phủ Saigon không có trả công bằng tiền hay tặng phẩm. Mọi người đều muốn làm vẻ vang quốc gia Việt-nam ở hải ngoại, nên tự động vui vẻ góp sức vào.

### **CƯỚI GÃ, MA CHAY, GIỎ CHẠP.**

Quây quần trong xã hội nhỏ bé trên nước bạn, việt kiều vẫn giữ gìn phong tục, tập quán của mình rất kỹ lưỡng. Tuy nhiên, ta phải nhìn nhận rằng theo đà cuộc Nam tiến ngót 10 thế kỷ, từ tiên ta đã quên mất nhiều cổ tục mà ta có thể xác định theo từng vùng và từng giai đoạn. Từ Bắc vào Trung lẫn đến miền Nam, người ta lần lượt bỏ nhiều chi tiết trong mỗi buổi lễ bái không còn gìn giữ đúng đắn như đồng bào miền Bắc. Riêng về miền Nam, có người cho rằng vì ảnh hưởng của người Pháp nên mới có những tề đoạn ấy. Đối với Việt kiều thì sự việc có phần bi quan hơn. Lẽ cố nhiên, những vị bô lão không bao giờ dám quên nguồn gốc, chỉ có đám hậu sinh vì đua đòi theo đời sống văn minh mà xao lãng việc giữ gìn tập tục của mình. Có kẻ lại cho rằng những điều ấy là hủ lậu, chậm tiến và mĩa mai, cười cợt nửa là khác. Đáng buồn thay cho những người vong bản.

Không có gì cảm động bằng hình ảnh một Việt kiều ở thôn quê Cao-miên mặc cái áo dài đen rách, lủng, không có chiếc khăn đóng, không có cái quần dài, đi chân không thấp nhang suýt soạt khăn trước bàu thờ trần thiết sơ sài. Đó là bóng dáng của quê hương, của đất Tổ mà trong lòng người Việt nào cũng lưu luyến, cũng thiết tha ôm ấp, nhất là những kẻ vì hoàn cảnh phải lìa chốn chôn nhau.

Về việc cưới gã, việt kiều cũng thực hành đầy đủ nghi tiết bắt

buộc và tổ chức rình rang. Ở tỉnh và xóm, người ta đãi ăn ở nhà, thân nhân tụ họp đến giúp làm cỗ, chưng dọn, ca hát, gây một bầu không khí thân mật và đậm đà không khác ở quê hương. Các bà, các cô khéo tay được dịp khoe tài nấu nướng của mình. Các cậu trai cũng tỏ tài thao lược để mong mắt xanh gắm ghé. Ở thủ đô Nam-vang thì phần đông gia chủ đãi ăn ở các tửu lâu như «dân Saigon», trong khi các nghi lễ vẫn được cử hành ở tư thất. Nhiều «đám cưới lớn» đã được các sắc ngoại kiều trầm trồ khen ngợi và theo dõi để tìm hiểu người mình.

Đối với người chết cũng vậy, viết kiều tỏ ra rất chu đáo. Những giàn âm công, giàn nhạc lễ, nhạc đám không thiếu môn nào. Chánh phủ Cao-miên cấp cho một khoảng đất ở Nam-vang vùng ngoại ô Stung Meangchey để làm nghĩa địa riêng gọi là «nghĩa địa viết kiều». Ở mỗi tỉnh, và các vùng đông người Việt đều có nơi chôn cất kiều bào tử tế. Người Miên không chôn người chết mà thiêu xác giữ tro tàn, nhưng vẫn tôn trọng tín ngưỡng của mọi kiều dân. Một số viết kiều tu theo ngành Tiểu Thừa cũng hỏa táng người quá cố và thờ tro ở nhà hoặc gói trong các ngôi tháp trong chùa.

Vấn đề giỗ chạp cũng được giữ gìn kỹ lưỡng tuy có nhiều người giản dị hóa nhiều chi tiết nhỏ, không tổ chức đầy đủ như quê hương. Có thể nói việc cúng kiến này không được xem là quan trọng cho lắm.

### NGÀY TẾT :

Viết kiều ở Cao-miên được hưởng 3 cái tết: Tây, Miên và Việt... Hưởng tết Miên (nhằm 13, 14 tháng 4 Dương lịch) người Việt chỉ phụ họa theo cho vui, chứ không như người Miên thích «ăn Tết» Việt vô cùng. Có thấy kiều bào ăn Tết mới cảm thông hết nỗi lòng thương nhớ quê hương của kẻ xa nhà.

Mấy ngày trước đêm trừ tịch, vòng quanh chợ mới, trên lề đường Ang Eng, trên sân cỏ đường Piquet, ta có thể nói là một

phần chợ Bến-thành và bằng binh Saigon đi lên đây. Cũng hành mai, bông vạn thọ, bông huệ, trà, bánh, mứt, chỉ là cũng tranh ảnh, liễn đối treo đầy vách, cũng hàng dọc người đi lại rần rộ đến khuya.

Phương pháp của kiều bào đón mai bán Tết cũng nhiều khê lăm. Bắt đầu tháng 11 âm lịch, người ta đã mang cành mai về nhà rồi. Mai mọc ở núi Ksach, cách thủ đô Nam-vang 30 cây số trên đường tỉnh Pursat; cũng có người đem mai ở đồi Cam-chay thuộc tỉnh Kampot về, nhưng xa sở phí nặng hơn. Người bán mai chờ từng xe hơi, từng toa xe lửa về nhà bỏ xuống ngoài sân củi, mười ngày sau lá rụng hết, mai còn trơ cành khô đét nằm ngồn ngang dưới ánh nắng hơn một tháng trường. Đến thượng tuần tháng chạp người ta đem cành mai cắm xuống bùn cho nầy chồi lên. Cành nào nầy nhiều thì đem vào bóng mát cho lá mọc chặm hơn để kịp ngày bán, cành nào ra trề thì bỏ vào tu chế nước sôi và phơi nắng.

Dưới ánh đèn giăng ngang đường và theo các gốc cây, thiên hạ rầm rộ kẻ mua sắm người đi ngắm trông. Ai cũng lo tậu thức ăn, thức uống, đồ vật trang điểm căn nhà để thay những món cũ rách từ năm trước. Rõ ràng là cảnh chợ Tết của người Việt trẻ<sup>n</sup> nước bạn, không khác ở quê nhà.

Ngày cuối năm mới là rộn rịp nhứt đối với các công, tư chức vì đến ngày này mới được nghỉ. Chánh phủ Cao-miên tôn trọng phong tục của Việt-nam, hàng năm dành 5 ngày nghỉ Tết cho Công chức Việt kiều dưới thời Pháp thuộc, 5 ngày ấy được ghi vào bản danh sách nghỉ lễ hằng năm của các công sở.

Một ít người về quê từ sáng sớm, phần đông vì bận gánh gia đình, cả một bầu đoàn thể tử khó xê dịch với túi tiền không được đầy lăm. Một số kiều bào chuyên nghề làm bánh phải kẹt đến ngày chót và phải ở luôn thường xuân, đề ra giêng lại tiếp tục bán đến ngày rằm có lẽ đứng cộ ông, cộ bà. Người Miên và người Tàu rất thích các loại bánh Việt, nhất là các thứ bánh



thường xuân đặc biệt do kiều bào làm. Bao nhiêu bánh tét, bánh chưng, bánh qui, bánh tồ, bánh ít cũng hết sạch.

Xăm tối, người ta làm lễ rước ông bà rất long trọng ở mọi gia đình. Cờ tục được gìn giữ như ở quê hương: một bàn thờ nhang khói nghiêm trang giữa hai câu đối, với nải chuối xanh, với cam vàng, với hồng đỏ. Vị Trưởng tộc đôi khi thiếu chiếc khăn đen, cái áo dài cổ lơ, cũng khăn vái trước bàn thờ, si sụp kính cẩn lạy. Nhiều người đi lễ Phật ở ngôi chùa gần nhà vì bận về hái lộc bói quẻ đầu năm.

Lễ giao thừa cũng được tổ chức long trọng và đến sáng mồng Một, mọi sinh hoạt ở thủ đô Cao-miên gần như ngưng trệ nhường cho Việt kiều hưởng một cái Tết đầy đủ ý nghĩa như ở quê hương. Từng đoàn người, quần áo mới toanh lũ lượt đi trên hè phố lòng rộn như xuân. Người ta thăm nhau, chúc tụng nhau, vào chùa miếu lễ Phật, lễ Thần Thánh, xin xăm và cò bạc. Ngoài đường nhiều đoàn múa lân biểu diễn trước các cửa hiệu buôn, thỉnh thoảng có lân leo cây ăn giấy bạc trên từng lầu thứ ba, thứ bốn.

Ở các tỉnh, Việt kiều cũng được tự do thường xuân theo phong tục, chánh quyền địa phương không ngăn cấm điều gì, trái lại còn phụ họa theo đề cùng vui. Nổi nhất là trong các giới bình dân Miên, người nào cũng tỏ ra ham thích mấy ngày Tết của ta và luôn luôn tham dự triệt đề, khiến cho Việt kiều đỡ thấy tủi lòng khi vì hoàn cảnh chưa tiện về quê.

### **VẤN ĐỀ NHẬP MIÊN TỊCH**

Năm 1945, chánh phủ Hoàng gia Cao-miên ban sắc lệnh thâu nhận ngoại kiều nhập quốc tịch Miên với những điều kiện dễ dàng. Hoa kiều và Việt kiều cư ngụ lâu năm có cơ sở, nhà cửa, công việc làm ăn, công chức, tư chức đều có thể «vào dân Miên» để hưởng những quyền lợi như người Miên.

Thoạt tiên, những người đổi quốc tịch hoàn toàn vì tư lợi. Hoa

kiều muốn được nhiều quyền lợi trên thương trường liền gia nhập làm người Miên trong khi vẫn giữ giấy thuế thân là người Tàu do Tòa Lãnh sự Trung-hoa cấp ! Chính Quốc trưởng Sihanouk đã phát giác ra điều đó trong cuộc họp báo vào năm 1956 ! Việt kiều cũng vậy, một số thương gia và công chức rầm rộ nạp đơn. Thương gia được lãnh môn bài xuất nhập cảng, công chức được vào ngạch khỏi thi chữ Miên ! Những người này phần nhiều là Việt kiều cố cựu, tổ tiên di cư hàng trăm năm, không còn dính dáng gì đến quê cha, đất tổ nữa. Kỳ dư vì ý nghĩa tự tôn mặc cảm mà không muốn thành người Miên.

Vì thế thức không có gì khó khăn, đương sự chỉ hội đủ điều kiện, nộp hồ sơ vào cơ quan phụ trách, rồi trong một thời gian ngắn thì có Nghị định ngay. Điều đáng ghi nhận là không tốn kém một món tiền chánh thức hay bí mật nào cả, Chánh phủ Cao-miên mở rộng cửa mời đón ngoại kiều gia nhập dân mình.

Nhưng qua năm 1946, vấn đề trở thành quan trọng đối với Việt kiều vì người Pháp sau khi tái chiếm Cao-miên, đã "trù" kiều bào thẳng tay, họ cho rằng người Việt đã chống họ như ở Việt-nam ! Cuộc kháng chiến càng găng, Việt kiều càng bị dòm ngó, săn sóc kỹ lưỡng. Vì thế, người nào mang quốc tịch Miên thì yên thân, được trọng đãi và có thể lên mặt với Kiều bào ! Phong trào nhập dân Miên trở nên sôi động, và lẽ cố nhiên nạn hối lộ liền đi đôi với phong trào như bóng với hình. Người nào nộp đơn rồi phải có tiền mới trôi. Số tiền ấy được các quan ấn định trước như giá cả nhất định của một món hàng. Ai thiếu bạc thì đừng mong đơn xin có kết quả. Giá bạc ấy tăng lên cao hàng tháng, hằng năm vì tình hình chiến tranh Pháp — Việt càng quyết liệt và sự an ninh của Việt kiều càng bị đe dọa.

Cuối năm 1953, Cao-miên được Pháp trả hẳn nền độc lập. Chánh phủ Hoàng gia chọn chủ nghĩa trung lập, và được hầu hết các quốc gia trên thế giới ve vãn giúp đỡ. Người Miên được lên giá. Hơn nữa, tuy có liên lạc ngoại giao với Việt-nam Cộng hòa nhưng chánh phủ Miên ngã về phe Cộng nhiều hơn nên nhóm Việt kiều

nào thân quốc gia thì bị làm khó dễ đủ điều. Do đó có người muốn yên thân làm ăn chạy chọt xin nhập quốc tịch Miên. Ngoài ra, vấn đề buôn bán với nước ngoài được dành cho người Miên nên số Hoa kiều thương gia vội vã đòi quốc tịch để xin môn bài xuất nhập cảng. Trên giấy tờ thì là dân Miên nhưng cách sống ngoài đời vẫn là Hoa hay Việt kiều! Có người còn giữ thẻ căn cước cũ của mình để xài khi về nước! Vì lẽ đó, Chánh phủ Cao-miên mới ra lệnh bố buộc nhiều khoản trong nghị định :

1/ — Đương sự phải đóng 10.000 Riels gọi là tiền gia nhập quốc tịch Miên.

2/ — Sau hai năm, đương sự phải biết nói, đọc và viết chữ Miên. Ít nhất là đọc những bản cáo thị ngoài góc đường, hè phố. Những cuộc khảo sát như lối dạy truyền bá quốc ngữ của ta thường diễn ra ở các rẻo đường. Người nào không chịu khó học thì có thể bị trả lại quốc tịch cũ.

3/ — Trong năm năm, đương sự phải biết và sống theo tập quán, phong tục của người Miên và không phạm một điều lỗi nào đối với xã hội, đối với người Miên chính cống, như trộm cắp, ăn cướp, làm chánh trị, hiếp đáp kẻ khác nghĩa là không tỏ ra mình lợi dụng việc thay đổi quốc tịch để trục lợi cho mình. Đó là cái án treo cho những người ấy.

Càng bố buộc, càng khó khăn thì số tiền hối lộ càng cao. Tiếp đến lệnh cấm 18 nghề cho ngoại kiều và lệnh buộc các tư sở, xí nghiệp phải nhận 75% người Miên đã khiến một số Việt kiều cay cú đòi quốc tịch. Riêng đối với công chức Việt kiều thì chánh phủ Cao-miên dành nhiều điều kiện dễ dãi khi nhận đơn xin. Có thể nói mấy ông ấy được «mời» đòi quốc tịch mới đúng. Tình trạng này kéo dài thì trong vài mươi năm sau, nước ta sẽ mất một số công dân đáng kể. Điều đáng buồn là nhiều Việt kiều trí thức trở thành người Miên rồi thì nhất định không dùng tiếng Việt, không nhận mình là người Việt trong lúc giao thiệp với đồng bào của mình. Xin đơn cử một bằng chứng : đoạn phóng sự đăng ở một nhật báo tại Saigon năm 1957 :



Trong một buổi tiệc ở tỉnh Kompong Cham, tôi (kỷ gia) được giới thiệu với một chàng trai trẻ mang tên Miên. Anh này cùng đi với ông bố, một công chức phủ hộ tại tỉnh lỵ.

Thoạt nhìn anh ta, tôi thấy rõ là người Việt trăm phần. từ màu da, đến giọng nói tiếng Pháp, không có vẻ gì Miên cả. Nhưng anh không bao giờ dùng tiếng mẹ đẻ nói với tôi vì anh cho mình là người Miên và có lẽ anh không biết tiếng Việt là khác. Tôi giả vờ như không biết sự thật cứ dùng ngoại ngữ chuyện trò. Thỉnh thoảng ông bố cũng góp vào vài câu cho rậm đám.

Thú thật, tôi buồn vô cùng. Nhìn anh ta, tôi cảm thấy tủi nhục làm sao ấy Hình ảnh nước Tồ thân yêu không còn ở con người vong bản này nữa. Tôi định giả dãi cho qua buổi cơm rồi xa lánh hẳn cực hình này, nào dè anh ta lại vui vẻ giới thiệu với tôi :

— Anh có thể nói tiếng Việt với ba tôi. Ông hiền rành lắm!

Hỡi trời!

Tôi không có can đảm vâng lời anh ta nên không dám mở miệng.

Tiệc tan, anh ta mời tôi ghé nhà chơi trong lúc chờ xe về thủ đô. Vừa lúc vào, tôi thấy một cô gái Việt mặc quần đen, áo bà ba trắng, tóc uốn ngồi đọc sách Pháp. Anh ta giới thiệu:

— Em gái tôi.

Gần đấy, một người đàn bà Việt trăm phần trăm mặc sarong đen, áo cánh, tóc cắt «bôm bôm», ở nhà sau đi lên. Anh ta nói:

— Má tôi. Bà nói tiếng Việt rất giỏi.

Tôi không còn giữ mồm được, cúi chào:

— Kính chào bác.

Người đàn bà gật đầu, thông thả hỏi:

— Cháu ở đâu đến chơi?

Tôi chưa kịp trả lời thì anh ta dùng tiếng Miên giải thích rằng: «tôi là bạn mới quen, chốc nữa sẽ về Nam-vang»...

## **PHÒNG THƯƠNG MẠI: LÒ ĐÀO TẠO TƯ CHỨC VIỆT KIỀU.**

Dưới thời Pháp thuộc, chánh phủ cai trị lập tại Nam-vang một phòng thương mại theo quy chế năm 1897, cùng một lượt với các phòng ở Sài-gòn, Hà-nội, Vientiane, Vinh và Tourane. Đây là một cơ quan bán công, hội viên là chủ nhân các xí nghiệp hiệu buôn, ngân sách chi phí do nơi số thầu 3 phần trăm tổng số tiền thuế môn bài tại thủ đô Nam-vang. Phòng Thương mại có một Hội đồng 15 vị do các hội viên bầu 2 năm một lần.

Tuy sự chỉ huy do người Pháp nhưng mọi hoạt động của phòng đều ở tay ông Tổng Thư ký Đặng Thái Dân bắt đầu từ năm 1936.

Phòng thương mại được Chánh phủ Bảo hộ trọng dụng và hỏi ý kiến mỗi khi có một quyết định gì về kinh tế. Nhưng đến khi Cao-miên độc lập, năm 1954, người Pháp giao phòng Thương mại cho Chánh phủ Hoàng gia thì những ý kiến của Phòng không được đặc biệt chú ý như trước. Số tiền 3 phần trăm trong số thuế môn bài, lúc ấy vào khoảng 30 triệu mỗi năm chỉ được nhận gần 2 triệu. Việc điều hành phòng Thương mại, Chánh phủ Cao-miên nhờ ông Đặng Thái Dân giữ chức Tổng Thư ký luôn vì ông có kinh nghiệm, và sành việc hơn.

Trong tình trạng thiếu hụt về tài chánh như thế, ông Dân vẫn điều khiển một cách đặc lực. Qua năm 1957, phòng Thương mại chỉ huy luôn các hoạt động của Thương cảng Nam-vang.

Năm 1961, ông Dân xin từ chức vì Cao-miên có luật không cho ngoại kiều làm người chỉ huy một cơ quan và không được ký tên vào các văn kiện đệ nạp chánh phủ. Đơn của ông không được chấp thuận vì nghe đâu chánh phủ Cao-miên muốn giữ một nhân viên đặc lực hơn là đặt người mới làm việc không chạy.

Năm 1963, ông Dân xin thôi một lần nữa, vẫn không xong.

Giữa năm 1964, ông xin đi Pháp trị bệnh thần kinh và năm

dưỡng đường đến cuối năm. Chánh phủ Cao-miên phải cho ông nghỉ việc.

Suốt 28 năm phục vụ, ông Dần đã giúp ích rất nhiều cho ngành thương mại Cao-miên và riêng cho Việt kiều. Ông mở các lớp học đêm về kế toán, đánh máy, tốc ký, Anh ngữ, Pháp ngữ v.v... Những lớp này mở ra cho tất cả thanh niên, thiếu nữ Miên, Pháp, Hoa, Việt, nhưng phần đông người Miên ít cần đến vì mỗi khi thi đậu hoặc Tiểu học hoặc Trung học, Tú tài thì xin vào công sở rất dễ dàng chỉ có ngoại kiều vì không đủ điều kiện phải tìm việc ở các xí nghiệp, hãng buôn, sở tư. Các bạn tổng thư văn có thể học thêm mỗi buổi tối một khóa thư ký hay đánh máy để chuyển nghề ăn lương cao hơn. Các bạn thợ kỹ đánh máy có thể học khóa kế toán để giữ phận sự quan trọng hơn. Bạn nào chưa có việc làm, học và thi đậu rồi thì nhờ ông Dần giới thiệu các hãng buôn thì có việc ngay. Có thể nói từ năm 1936 đến 1945 số tư chức Việt kiều nhờ phòng Thương mại có từ 90 đến 95 phần trăm. Năm 1964 số ấy sụt xuống còn phân nửa vì luật buộc các tư sở nhận 75 phần trăm người Miên, 25 phần trăm ngoại kiều.

### **SO SÁNH VIỆT KIỀU VỚI HOA KIỀU TRÊN VÀI PHƯƠNG DIỆN.**

Cùng sống nhờ trên đất Miên, Việt kiều và Hoa kiều có nhiều điểm trái ngược với nhau, nhất là trên phương diện xã hội và kinh tế.

Về cách tổ chức của một số dân ở xứ người, Việt kiều cần phải học hỏi và bắt chước Hoa kiều rất nhiều để củng cố và thắt chặt tình đoàn kết, tương trợ lẫn nhau.

Về mặt kinh tế thì Việt kiều chịu thua Hoa kiều hoàn toàn. Có thể nói Hoa kiều nắm hết mọi ngành thương mại ở Á-châu chứ không phải chỉ riêng ở Cao-miên. Tuy nhiên, ngời Việt vẫn có những nghề riêng biệt và những cá tính đặc sắc của mình.



Cư ngụ trên đất Miên, Việt kiều rất ít khi, có thể nói là không bao giờ cưới vợ Miên. Người Miên cho đó là tánh tự tôn mặc cảm, cho rằng người Việt chê họ thấp kém, xấu xí. Và cũng vì lẽ đó mà họ ngầm có ý bất hòa với Việt kiều và mỗi khi có chuyện xích mích thì họ thẳng tay « cư xử » !

Trái lại, người Tàu không chọn lựa kỹ lưỡng như ta ; vừa chân ướt, chân ráo vào lãnh thổ Miên là vợ ngay một cô vợ đề nhờ vả. Người Miên giao dịch với người Tàu gần 1.000 năm trước nên rất thích tánh siêng năng, cần cù và tin chắc rằng dù một Hoa kiều bán rá rem mua ve chai cũng có ngày thành xi thầu, ông chủ. Họ không bao giờ nghĩ đến vấn đề người Tàu đồng hóa họ thành thỉn xăm. Những đứa con lai, gọi là « con cháu khách » hay « đầu gà đít vịt » hoàn toàn sống theo cha, mất hẳn gốc của mẹ. Đó là chưa kể đến việc ông Tàu đã có vợ sẵn ở quê hương trước khi vác cái đòn gánh lên đường ! Khi đó đứa con trai đầu lòng, người Hoa kiều đem về xứ cho học chữ Tàu và cưới vợ Chệt. Rất ít người cho con cưới vợ Miên như mình vì lẽ chúng nó không cần nhờ bên vợ như bố chúng lúc mới di cư. Lẽ cố nhiên, đám con của chúng sau này không có một vẻ gì của người Miên cả.

Những đứa con gái « đầu gà đít vịt » rất đẹp, Việt kiều có người thêm rõ dãi nhưng khó mà rờ tới vì Hoa kiều luôn luôn gả con cho đồng bào họ để giữ giống ! Thằng hoặc họ có cần gả cho người Miên thì ít nhất cũng là hàng quan lớn, nếu không là Hoàng thân trong Triều.

Về mặt giao thương với người Miên, Hoa kiều nắm hết mọi ngành sản xuất trong nước. Có thể nói người Miên làm đề Chệt hưởng cho nên cớ nhân có nói một câu cách ngôn chí lý là : « Bóp cổ thằng Chệt thì thằng Miên chết ! » Từ thủ đô Nam-vang đến các tỉnh lỵ, chỗ nào cũng có Hoa kiều nắm giữ các giếng mối buôn bán từ lớn nhỏ, từ cửa hàng đồ sộ đến gánh hũ tiếu, thùng đậu phọng rang. Tiếng là xứ Miên mà việc buôn bán của người Miên chỉ loay hoay ở mấy sạp bán chăn dệt tay, sarong, khăn tắm, gói

dồn gòn, trái cây bòn xừ.v.v.. Chính những người Miên có chút ít ưu tư về dân tộc họ cũng chán nản lạc đầu. Những taò sản, lâm sản người Miên làm được bao nhiêu đều đem hết cho Hoa kiều bán với giá đắt gấp hai gấp ba. Cái sự cân thiếu, đo lường là việc rất thường đối bọn với con buôn cá mập. Luôn luôn chúng có hai cái cân, một cái để mua và một cái để bán. Người Miên ấy cực làm được hột thóc chở bằng xe bò ra vừa cho chúng. Lập tức chúng hò reo mừng rỡ dọn cơm cho ăn, đãi rượu cho uống thẳng tay, kỳ cho mắt mờ, đầu óc quay cuồng chúng mới dong thóc đem cân và trả tiền. Liệu một nông dân chất phác Cao-miên sau khi uống hàng nửa lít rượu để có còn đủ trí sáng suốt để phân biệt cái cân nào già, cân nào non và xem rõ mặt cân có đúng hay không? Đã bán rẻ cho chúng lại còn bị ăn gian theo lối «khoa học» như thế, trách nào dân Miên quanh năm vẫn quấn cái chân và ở trần trụi trụi?

Bọn con buôn Hoa kiều đặt hệ thống khắp hang cùng ngõ hẻm, từ trong rừng sâu đến đồng ruộng, nơi nào có vật gì bán được là có chúng. Chỉ có chúng mới mua được của dân Miên và đem ra tỉnh lỵ, thủ đô bán lại cho đồng bào chúng mà thôi. Việt kiều hay ngay cả người Miên đừng mong tranh giành được nguồn lợi ấy. Vì như có một người nào có một số kha khá mở cửa hiệu mua sản phẩm như chúng thì chúng họp nhau lại chịu mất một số lời mua với giá thật đắt và bán lại thật rẻ, để cho cửa hiệu kia phải lỗ vốn và tự động rút lui, nhường cả mâm cho chúng ăn. Năm 1950, một Việt kiều ở tỉnh Kompong Speu mua được một số da gấu, da cạp, sừng nai, mật gấu, ngà voi của những tay thợ săn Miên. Đây là lần đầu tiên, gặp món bở, người ấy hí hửng đem đến Nam-vang bán cho người... Tàu! Đối với những vật hiếm có này, người Hoa kiều rất thích mua, nhưng vì nguồn lợi đáng lẽ phải qua tay một đồng bào nào của họ tại tỉnh đó, tại sao lại lọt vào một Việt kiều, nên chúng nhất định không mua. Người bán đi khắp thủ đô, hỏi khắp cửa hiệu, chúng một mực lắc đầu. Ngày này qua ngày khác, người ấy ăn dần hết tiền túi, túng thế phải năn nỉ chúng bán đồ, bán tháo đồ về nhà.

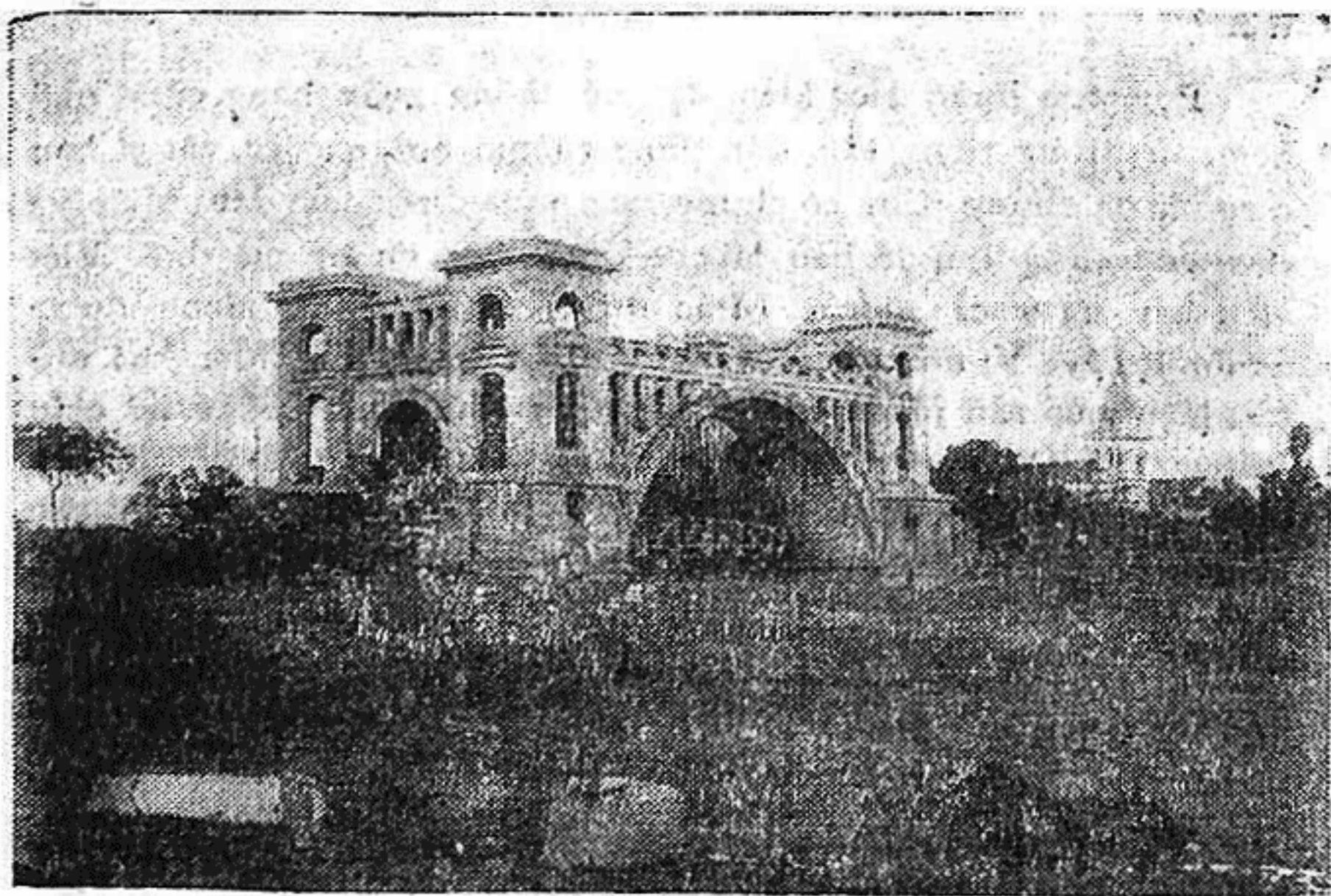


Chùng ấy chúng mới chịu mua với giá ve chai kèm theo một bài học, khuyên đừng sự dừng đại đột đi buôn kiêu đó nữa. Dù chúng không nói, nạn nhân cũng không dám tái phạm lần thứ hai!

Tuy nhiên trong những món lợi nho nhỏ, Việt kiều giao thiệp với người Miên một cách hóm hỉnh đáng nhắc nhở:

Hằng năm đến mùa gió Bắc, nông dân Miên ra thủ đô Nam-vang mua cá làm mắm bồ hóc (pra hoc), món ăn quốc hồn của họ.

Mỗi gia đình ngồi trong một chiếc xe bò, hai bên cột hủ, lu, thùng đựng mắm, trong xe đựng gạo xay tay, giã bằng chày vọt. Họ nằm ngủ trên gạo dưới một lớp đệm, y như ngủ trên nệm bông. Đám trẻ con đái trên đó là sự thường. Họ đậu xe thành từng xóm như dân du mục, nấu nướng ở ngoài trời. Nơi tập hợp là mảnh sân rộng ở xóm Cầu-lầu, gần bờ sông Tonlésap.



Cầu Lầu (Pont des Dollars) một kiến trúc của người Pháp lúc mới bảo hộ Cao-miên. Hiện nay không còn nữa. Đấng xa là nhà thờ hiện nay vẫn còn.



Việt kiều làm nghề hạ bạc, đánh cá được đem lại đôi gạo. Người Miên thích nhàn không chịu mất công làm cá, mượn người Việt chặt đầu đánh vảy luôn. Công mượn trả bằng gạo. Việt kiều chặt đầu cá nấu dầu thắp đèn, đôi gạo của người Miên. Người nào không có cá thì mua muối đôi gạo xuống chợ bán lại cho người Miên. Người làm mắm chỉ cần có cá và muối là đủ. Cái vòng lằn quần ấy cứ loanh quanh hằng năm, thêm vào ngân sách gia đình của Việt kiều một số tiền đáng kể.

### TRUYỆN ÔNG HAI KEO

Ông Hai Keo tên HUỲNH VĂN KEO, sanh vào năm 1875 ở miền Nam Việt-nam, lên Cao-miên buôn bán từ hồi 15 tuổi. Trong giới Việt kiều có thể nói là người Việt giàu nhất ở Nam-vang, nổi tiếng một thời. Từ vua, quan đến dân chúng Miên, các sắc ngoại kiều và toàn thể Việt kiều, ai cũng biết hoặc nghe tên ông Hai Keo. Người Việt mới di cư hoặc đi thăm bà con, du lịch xứ Miên đều nghe nói đến ông Hai Keo, nhắc nhở những nghĩa cử của ông Hai Keo cùng là châm biếm, cười cợt ông Hai Keo. Ngôi nhà của ông ở góc đường Doudart de Lagrée và Pavie là ngôi nhà lớn nhất của Việt kiều, chưng dọn toàn là đồ đạc cổ xưa của Việt-nam. Hiện nay người con trai út vẫn giữ gìn nguyên vẹn.

Thuở thiếu thời, ông chuyên nghề buôn bán, đôi chác thồ sản của ta với Cao-miên như cau tầm vung, dừa khô, khoai sắn, đôi dầu chai, đậu bắp v.v.. Ông đi buôn bằng một chiếc ghe cui hai chèo, lên xuống Nam-vang theo dòng Cửu-long, xê dịch với hai tay khoẻ mạnh. Lợi tức từng chuyến đủ cung cấp cho hai thân và mấy người em. Tánh ông rất minh chánh, can đảm, không dối trá, không sợ dở và không bao giờ khinh dễ ai nên giao thiệp với người nào cũng được có cảm tình. Trong việc làm ăn ông luôn luôn giữ chữ Tín nên chẳng bao lâu ông gom góp được một số vốn kha khá liền quyết định đưa gia đình lên Cao-miên. Ông

định cư ở Vàm-trung, tiếng địa phương là quận Stung Trâng (đọc là Stung Tron, thuộc tỉnh Kompong Cham và đổi sang nghề mua bán gỗ. Vào tháng nắng mùa hạn, ông xuất vốn cho thợ rừng hạ các loại cây như dầu, thao lao, càm xe, cà chất, sao, sến rồi dùng xe trâu hay voi kéo ra bến sông Cừu-long, kết thành bè, gọi là kiến bè, đưa về Việt-nam. Mỗi chuyến bè dài hằng ngàn thước, ban đêm ông phải treo đèn từ đầu đến cuối và cắt người đánh m chuyền suốt đêm đề tàu bè tránh va chạm.

Ông vâng lời thân phụ kết duyên với bà gốc ở xã Thường-phước, quận Tân-châu, tỉnh Châu-đốc (nay thuộc về quận Hồng-ngự, tỉnh Kiến-phong). Ông có 6 người con : 3 gái, 3 trai.

Thân phụ ông thấy con đã có gia đình và sự nghiệp, bèn cất một ngôi chùa thờ Phật trên núi Stung Trâng rồi xuất gia để tạo phước lành cho con cháu. Ngôi chùa hiện vẫn còn.

Sau mấy năm cần cù, ông phát tài rất chóng. Ông dời nhà về thủ đô Nam-vang cất nhà, lập nhà máy cưa, cất phố cho mướn khuếch trương nhiều việc mua bán to tát hơn. Ông trở thành phú hộ, tiếng tăm vang dậy ở Cao-miên. Tuy không có học ở trường Pháp, chỉ học chữ Nho hồi còn bé, nhưng ông rất thông minh và tính toán rất đúng. Nhà máy cưa đầu tiên của ông ở Cao-miên chính tay ông ráp từng bộ phận trong lúc viên kỹ sư bối rối không làm trôi. Mỗi khi cất nhà, phố ông xem họa đồ và tính vật liệu, chỉ huy cho thợ đâu ra đấy ai cũng phải khen phục. Các tay thầu khoán chịu thua ông ngay. Trong giới ngoại kiều có người nhờ ông coi sóc cất nhà giùm để được chắc chắn kỹ lưỡng và ít tốn kém hơn!

Đối với chánh phủ hoàng gia Cao-miên, ông giúp tiền bạc rất nhiều trong các hội phước thiện, các chùa, các tổ chức xã hội, được nhà vua phong tước danh dự ngang hàng với chức đốc phủ sứ, ân thưởng nhiều huy chương và mời dự các Quốc lễ trong hoàng thành. Đó là một vinh dự cho Việt kiều ở xứ người.

Chánh phủ Bảo hộ Pháp cũng ban thưởng cho ông chức Huyện danh dự.

Đối với xã hội Việt kiều, ông cất ngôi chùa KIM QUANG TỰ ở Ô-Russe một xóm đông Việt kiều gần chợ Nam-vang, và chùa thờ Quan Công ở xóm Ô-Kor trên đường đi Stung Meang Chey. Một việc làm khác có vẻ cao đẹp hơn là ông nhận thấy trẻ con Việt kiều bị thất học rất nhiều vì không có khai sinh vào trường công, nên vào năm 1940 ông lập một trường học lấy tên trường Huỳnh Văn Keo ở đường Trasap paem gần chợ Mới Nam-vang dạy trẻ Việt không lấy tiền. Năm đó nhằm thế chiến thứ hai không có xi măng, ông phải nhờ ông Đội Mạn đến quận Lấp-vò tỉnh Long-xuyên mua ô đước trộn với đường thay thế. Để có tiền trả lương cho thầy giáo, sắm dụng cụ và sửa chữa các lớp, ông cho một dãy phố ở đường Oknha Ket lấy tiền cho mượn để trang trải. Mục đích của ông là tạo một ngôi trường vĩnh viễn đời đời cho Việt kiều. Ông tổ chức một Hội đồng gồm có ông làm chủ tịch, ông Hồ Văn Tuồng, ông Nguyễn Văn Lễ tự Lắm, Hội viên cố vấn và ông Đặng Thái Dần Giám đốc trường học. Chương trình hoạch định xong, trường cất rồi, bàn ghế có đủ thì bị quân đội Nhật-bồn chiếm lấy vào năm 1942. Bao nhiêu bàn ghế chúng cho hết trường Bà Phước.

Nhật đầu hàng, quân Pháp tái chiếm Cao miên đoạt luôn trường ấy rồi đến khi Pháp rút lui đi thì quân đội Hoàng gia Cao-miên đóng. Nghe đầu chánh phủ đã bồi hoàn một số tiền cho người con của ông. Lúc ông còn sống, ông đã định khi quân đội Pháp trả lại sẽ ra phòng Chương khế làm thủ tục hợp pháp. Tiếc thay vì thời cuộc mà ý định cao quý của ông không thành.

Bình sanh ông rất cần kiệm và không se sua bề ngoài. Suốt đời ông chỉ mặc quần lãnh đen, áo bà ba nhiều trắng, mang giày hàm ếch, đội nón cối, không bao giờ ông tiêu pha một món tiền vô ích. Vì thế, trong giới Việt kiều có nhiều người chỉ trích ông là người giàu hà tiện keo kiệt, rít róng. Họ đặt nhiều chuyện khôi hài châm biếm ông, thường lấy ông làm đề tài cho những chuyện vui.

Một trong những chuyện đáng kể trong đời ông là vụ tướng



cướp Ba Tín từ Đon Hùng Tín bắt cóc ông làm tiền :

Chiều hôm ấy, ông đang ở trên bè cây cách tỉnh lỵ Kompong Chnang một khoảng thì Ba Tín cầm súng, giả làm lính Kiềm lâm đến xét. Ông ra khỏi mái nhà che nắng tiếp rước bị Ba Tín chia súng vào lưng bắt trói lại bỏ nằm trong chiếc ghe lường. Ghe này rất nhẹ, hai người có thể chèo lướt sóng như bay, Ba Tín rất quý chiếc ghe, lấy vàng bịt hai bên be, luôn luôn đem theo ghe lớn để dễ dàng di chuyển khi hữu sự. Tên cướp sai hai tên bộ hạ đưa ông xuôi dòng Tonlésap, đi ngang Nam-vang lúc trời sụp tối. Ông nằm trong ghe ngó thấy đèn sáng và nghe tiếng ồn ào của thủ đô. Ghe đi thẳng xuống Banam qua bến đò Hối-lương và địa phận xã Quí-đa, tỉnh Kandal đến một cái hồ lớn (Việt kiều quen gọi theo tiếng Miên là bưng) thì ngừng lại. Hai tên cướp cột ghe dưới một cột cây to, lấy cơm gạo, thức ăn, nước uống treo sẵn trên nhánh đưa ông ăn và bảo ông viết thư về nhà gọi vợ nộp cho chúng mười ngàn (10.000) đồng để thả ông, trái lại chúng sẽ giết ngay.

Ông làm theo lời chúng, viết thư cho người em (con cô cậu) là ông Hồ Văn Tường bảo trao tiền theo lời chúng dặn và đừng báo chánh quyền biết. Được đủ số bạc, bọn cướp đưa ông ra khỏi hồ. Ông đi bộ đến bờ sông Cửu-long đón tàu đò Tân-châu về Nam-vang. Đến lúc nhà cầm quyền hay tin chỉ có mời ông đến làm biên bản lấy lệ.

Trong lúc gian nguy như thế, ông vẫn tỏ ra người bình tĩnh can trường không sợ sệt bọn cướp và khi được tha, ông gấp cá tươi, mua xách về cho bà!

Hành động này biến thành một giai thoại cho Việt kiều trêu chọc. Có người in một tập văn xuôi nhỏ loại bỏ túi để tựa : "Hoàng Văn Cao bị Đon Hùng Tín bắt cóc" tường thuật câu chuyện theo lời đồn đãi và kết luận nhấn mạnh vào xâu cá để cười ông không lo bươn bả về nhà gặp mặt vợ con, lại còn mua cá, mua tôm mất thì giờ !

Sau vụ đó có người đồn ông bị làm tiền lượt nữa do hai tên cướp giả làm du khách ghé thăm ông, bắt trói ông lại tại nhà tra khảo. Vụ này không được nhiều người nói đến, có lẽ do kẻ xấu mồm bịa đặt.

Ông có trồng một cây vải trước nhà hàng mấy mươi năm không có trái, mặc dầu ông gắng công chăm sóc và cây trở nhành lá sum suê. Đến năm 1947, cây trở hai trái đỏ ửng. Ông rất mừng giữ gìn đến khi chín, bẻ đem lên bàn thờ cúng ông bà và nhất định để đến khô chớ không ăn. Vài tháng sau ông lâm bệnh từ trần. Người ta cho đó là cái điềm báo trước ông sắp mất. Từ đó, mỗi năm cây trở đầy trái. Sau này có người lại nói nguyên do vì loại vải trồng rất lâu có trái độ 10 năm thì cây vải cỗi, tự nhiên héo lẩn đến chết.

Ông Hai Keo mất vào tháng 11 năm 1947, hưởng thọ 72 tuổi. Ông thường làm phước cúng dường cho ngôi chùa Miên ở giữa đường vào sân bay Pochentong. Vị sãi cả có tặng ông một khoảng đất gần chùa làm mộ phần. Ông đã xây kim tinh cho ông và bà cùng rào lại để làm nghĩa địa riêng cho gia đình ông. Nhưng khi vị sãi cả viên tịch, vị khác lên thay, bọn đạo chùa không còn giữ lời hứa trước, bắt buộc ông phải dời mồ mã đi nơi khác. Ông chưa kịp thu xếp thì mất phần. Để thỏa mãn sự đòi hỏi của bọn đạo chùa, cậu con út phải xuất tiền cất một trường học phía trước ngôi mộ, cúng cho chùa để đổi miếng đất ấy. Như thế, khoảng đất của ông phải chia hai, phần trước làm trường học, phần sau làm nghĩa địa. Hôm khánh thành trường, con ông có mời ông Đốc lý thành phố Nam-vang, các quan khách đến dự và làm thủ tục chứng nhận phần đất ấy vĩnh viễn của gia quyến ông để tránh mọi việc tranh tụng sau này.

Chuyện ông Hai Keo đáng làm một gương tốt cho Việt kiều, nêu cao sự cần cù, nhẫn nại trong việc mưu sinh, gây dựng sự nghiệp ở xứ người. Với hai tay trắng, ông đã tạo lập được bao nhiêu nhà cửa, đất vườn, xí nghiệp và nhất là danh dự của một

Việt kiều được Hoàng gia trọng nể, các giới Việt kiều có thể hãnh diện được có một bậc tiền bối như ông.

Người con út của ông là ông Huỳnh Văn Kiền nói chỉ ông đang cai quản các cơ sở và giữ gìn hương hỏa. Ông Kiền cũng là người có lòng tốt, thường giúp đỡ Việt kiều trong các công tác về xã hội.

### **XÍCH LÔ ĐẠP: SÁNG KIẾN CỦA MỘT VIỆT KIỀU.**

Đồng bào ta ở Saigon đi xích lô đạp có biết chăng đó là do sáng kiến và tài chế tạo của một Việt kiều ở Cao-miên. Đó là ông Trần Văn An, chuyên nghề sửa xe đạp, bán phụ tùng, cho thuê xe đạp và xe kéo ở Nam-vang.

Vào năm 1937, khoảng đường trước hiệu của ông được tráng nhựa do một người Pháp ở Sở Công Chánh chỉ huy. Trời nắng bức, người Pháp vào tiệm ông An xin nước. Ông An mua nước ngọt, la ve đãi ông Tây. Quen mùi mỗi ngày ông ta ghé hoài hoài đến khi dứt công tác. Trong lúc chuyện trò, ông ta hỏi ông An tại sao không chế một loại xe kéo do người đạp, khỏe hơn và chạy mau hơn, một giờ có thể đi được 20, 30 cây số.

Ông An hỏi kiều mẫu, Ông Tây nói rằng có thấy người Pháp chế một loại xe ba bánh chở đồ và vẽ sơ cho ông An xem. Coi theo đó, ông An ráp một cái thùng xe kéo vào bánh sau xe đạp và tự mình khai trương chạy đưa khách. Kiều bào và ngoại kiều thích quá, tìm đi thử cho biết loại xe mới này. Ông An làm thêm 4 cái nữa và cho thuê.

Thủ đô Nam-vang được 5 cái xích lô đầu tiên chen lẫn với mấy trăm chiếc xe kéo cũ kỹ.

Tiếc thay, sáng kiến của ông An không được ai giúp đỡ xin cầu chứng tại Tòa đề sản xuất độc quyền, nên bị một hãng buôn Pháp cướp mất. Hãng này tên Coupeaud nhái theo kiểu của ông An, làm hàng trăm chiếc xe xích lô đạp và hình



đáng hiện thời vẫn còn giữ nguyên vẹn. Xe của người Pháp tốt hơn, nhẹ hơn vì toàn bộ phụ tùng ở bên Pháp và nhất là hãng Coupeaud đặt riêng một loại giầy Chaine lớn cho xe này, còn ông An chỉ dùng giầy Chaine của xe đạp nên đạp nặng hơn. Hơn nữa xe của Pháp cho thuê rẻ hơn xe ông An nên không bao lâu ông An mất mỗi hết ráo. Năm chiếc xe của ông phải nằm ụ và lần lần bị « xê khô » làm việc khác. Hãng Coupeaud lại xin cầu chứng tại Tòa, giựt luôn sáng kiến của ông Trần Văn An. Xích lô đạp ra đời, xe kéo ở Nam-vang bị dẹp bỏ hết. Tất cả phu kéo xe đổi nghề mới xem thanh nhã hơn. Trong lúc ấy ở Saigon vẫn còn xe kéo.

Năm 1941, ông Trần Văn An dời nhà về ở Tân-định lại ráp vài chiếc xe xích lô đạp cho thuê. Đồng bào ngạc nhiên và khen tài ông An không ngớt. Nhưng rồi tấn tuồng ở Nam-vang tái diễn, hãng Coupeaud đem xe của mình xuống Saigon, xin cầu chứng và giựt hết mỗi đến ngày nay.

### **MỘT VIỆT KIỀU LÀM NHIẾP ẢNH VIÊN CHO HOÀNG GIA CAO-MIÊN.**

Năm 1926, ông Trần Đình Lượng làm nghề chụp hình dạo ở Saigon lên Nam-vang tìm sinh kế. Nhận thấy không thể sống nổi với cách hành nghề ở quê nhà, ông Lượng thuê một góc tiệm tạp hóa chụp hình trong phòng.

Một hôm, Đức Vua Sisowath (1904 — 1927) mở tiệc đãi Hoàng gia trong thành muốn có tấm hình kỷ-niệm bên gọi một Hoa kiều chủ tiệm ảnh lớn ở thủ đô vào chụp. Từ Đức Vua, Hoàng Hậu đến các hoàng thân đều ăn mặc sắc phục đại lễ, ngồi, đứng chung cho thợ thâu hình vào ống kiếng.

Sau ba ngày rửa, in, rọi, ông chủ tiệm hình vào cung tạ lỗi vì hình hư !

Đức Vua buồn lòng, phán hỏi có thợ nào khác chẳng, thì một vị quan giới thiệu ông Trần Đình Lượng.

Hoàng tộc lại ăn mặc chỉnh tề đứng cùng với Đức Vua và Hoàng hậu chụp một lần nữa. Ngoài ra có nhiều vị chụp riêng vài kiểu kỷ niệm cho bố công chúng điện. Ông Lượng thành công. Hình rõ và đẹp. Ông phải phóng đại đề trình Đức Vua, nhưng không có máy, phải dùng cái kính phóng to (loupe) thế mà kết quả rất tốt.

Đức Vua vui lòng, ban thưởng hậu và chấp nhận ông Lượng được ra vào Hoàng thành tự do để chụp hình Hoàng tộc.

Năm sau, Đức Vua gả một cô gái Việt giúp việc trong Hoàng cung cho ông Lượng. Chính Đức Vua đứng chủ hôn, làm lễ cưới tại Tòa Đô Sảnh Nam-vang do ông Đô Trưởng người Pháp lo liệu các thủ tục và trang hoàng. Đây là một đám cưới đầu tiên trong lịch sử, Vua Cao-miên đứng chủ hôn cưới vợ cho một người Việt, và cũng là một sự kiện duy nhất xảy ra từ ngày ấy đến nay.

Bấy giờ ông Lượng mở cửa hiệu tại đường Piquet lấy tên Photo Khmer, vừa chụp khách tại phòng, vừa chụp ở ngoài và bán ảnh phong cảnh Nam-vang. Photo Khmer là hiệu ảnh đầu tiên của Việt kiều ở Cao-miên. Người Việt đến Nam-vang đều mua ảnh của ông Lượng để giữ kỷ niệm. Ông có một tập (album) nhỏ để gài 12 tấm ảnh 6x9 rất tiện cho du khách bỏ túi.

Trước thế chiến thứ hai bùng nổ, ông Lượng xem báo đoán biết thời cuộc, bèn xin phép Vua Cao-miên, bấy giờ là Hoàng đế Monivong (1927 — 1940) cho mua một số vật dụng về hình ở nước Đức. Đức Vua chuyển đơn qua sở Ngoại thương của Pháp nhờ giúp đỡ ông Lượng. Ông gom tiền nhà, vay mượn thêm được 5.000đ mua film, giấy, thuốc, dụng cụ v.v... Hàng về vào tháng 7 thì tháng 9 nổi giặc, đường giao thông cắt đứt. Ông Lượng lật đật đem dấu để bán lần lượt với giá đắt hơn. Tổng số tiền thu được khi bán hết vốn 5.000 đồng là 5 triệu đồng! Ông dời cửa hiệu về gần chợ Mới trong căn phố ông cất và vẫn giữ tên Photo Khmer. Gần đây, ông bán hết sản nghiệp trở về Saigon sống an nhàn với tuổi già.

## NHƯNG KẺ BÁN TRỜI : CÁ MƯA

Dưới chính sách ngu dân của người Pháp, người Miên tha hồ cờ bạc công khai và lén lút. Không cần nói rõ, ai cũng có thể đoán rằng họ không thể nào ăn qua nổi người Tàu và Việt về môn này. Vì thế Việt kiều có một số người chuyên môn sống về nghề cờ bạc suốt đời và có lẽ truyền cho cả con, cháu ! Những tay nhà nghề này lấy đó làm kế sinh nhai và cất nhà, mua phố vênh vang một thời. Họ sử dụng đủ các môn giòn tiền : cào, phé, dả dách, cu đi, tứ sắc và tồ chức tùy theo hoàn cảnh, nghĩa là tùy theo lệnh của chánh phủ. Hễ có lệnh cấm thì đánh lén, cho phép như trong các buổi quốc lễ, hội chợ thì chơi công khai. Môn nào họ cũng thông thạo, cũng đủ mách khéo để vét tiền các tay mơ. Thịnh thoảng họ cũng bị cháy túi, nhưng đập gai lấy gai lè, họ «kéo» lại ở sông khác rất dễ dàng. Một trong những môn nổi tiếng nhất là *cá mưa*, *cá nắng* đã biến thành một nghề đồ bát đặc biệt nhất ở Cao-miên và cả thế giới, do một nhóm Hoa kiều tình cờ phát minh ra. Nguyên do vào khoảng năm 1928, những nhân công các nhà làm lạp xưởng rất bức mình vì «ông Trời» ở xứ Chùa-tháp mưa nắng bất thường, báo hại mấy bố nhọc công khiêng ra, đem vào suốt ngày. Trong 6 tháng mưa, mấy ông phải túc trực trên sân thượng từ sáng đến tối canh chừng từng đám mây nhỏ, lớn từ chân trời bay lại để cấp tốc mang lạp xưởng vào nhà tránh mưa. Nhân lúc rảnh việc, mấy ông đánh cá với nhau xem hôm nay trời có mưa, mưa mấy đám, vào giờ nào. Ông nào thua thì đãi mấy ông khác một châu rượu, thịt. Trò chơi này không ngờ lại thành hành từ trong giới «phơi lạp xưởng» đến mấy ông tài phú, chủ tiệm, rồi lan tràn khắp thành phố. Từ tiệc tùng đến tiền bạc chỉ có gang tấc, các «anh Ba» ăn thua nhau thắng tay không khác ở sông Kim Chung, Đại Thế Giới.

Nhóm người nghĩ ra phương pháp ấy tự nhiên biến thành ông Tồ của nghề đánh cá mưa, liền bỏ nghề làm công, xoay qua nghiệp mới. Mấy ông đặt ra luật lệ, phương thức, giá biểu ăn thua, thuê người đi nhận và chung tiền đánh cá. Trong giới Việt kiều



có câu thần thở : *« Con trời thì lại bán trời mà ăn »* để ám chỉ cái họa cá mưa.

Tiếng đồn bay đến Hương-cảng, mấy tay chúa trùm cờ bạc liền phái người sang Cao-miên xin hợp tác với mấy ông Tò cá mưa, hùn thêm vốn, mở rộng phạm vi hoạt động. Đề Thần Thánh hóa việc làm ám muội của họ và để gây niềm tin tưởng mãnh liệt cho các con bạc, họ đặt ra một triều đình, tôn ông Tò lên làm Vua gọi là *« THẦU WÒN »*, mấy tay thân tín làm quan cận thần !

*« Thầu Wòn »* nằm trên lầu cao nhất tại trung tâm thủ-đô (thuở ấy phố chỉ có 5 tầng) bên cạnh bàn đèn thuốc phiện, suốt ngày nhìn trời tiên đoán giờ nào trời mưa, nắng để ra lệnh cho đám cận thần truyền rao các tay con đi nhận tiền người đánh cá. Không ai biết ông Vua Cá Mưa là ai, mặt mũi ra sao.

Người muốn cá chỉ giao thiệp với các tay con, được, thua cũng do kẻ nhận tiền mà thôi. Khi trúng cá, kẻ ấy trả tiền ngay, dù số bạc có nhiều đến đâu cũng vậy. Nhờ có sự tin cậy như thế mà người ham làm giàu vất thương sạt nghiệp sau một thời gian ngắn. Chính tên *« Thầu Wòn »* đã tuyên bố một câu như lời sấm : *« Ông bà nào trúng cá mưa chỉ có xây mã cho cha mẹ mới còn mà thôi. »* Câu đó nghĩa là ăn bao nhiêu cũng thua lại hết trừ ra xây mã không thể bán cho ai mới còn.

Ngoài cái tổ chức đại quy mô này, còn có những thương gia tự động nhảy ra làm *« ông Vua nhỏ »* cũng rập in khuôn của Thầu Wòn, nhưng ăn thua ít hơn. Mấy ông Vua nhỏ phải nộp thuế cho Thầu Wòn mới được tự do làm ăn và được sự che chở mỗi khi có chuyện rắc rối. Dần dà thiên hạ *« thấm nhuần »* thái quá, quen mặt tay cái, tay con thái quá mới giản dị hóa cuộc chơi bằng cách ăn thua lẫn nhau, không cần qua hệ thống Vua lớn, Vua nhỏ. Một tên bán cà-rem, mua ve chai, bán nước đá cũng có thể nhận tiền của một tay con và trả sòng phẳng khi thua, không có gì lời thôi cả. Vấn đề tín nhiệm được đặt trên hết.

Tại sao ở Nam-vang mới có cá mưa ? Chỉ có ông Trời mới

có câu thần thờ : *« Con trời thì lại bán trời mà ăn »* để ám chỉ cái họa cá mưa.

Tiếng đồn bay đến Hương-cảng, mấy tay chúa trùm cờ bạc liền phái người sang Cao-miên xin hợp tác với mấy ông Tò cá mưa, hùn thêm vốn, mở rộng phạm vi hoạt động. Đề Thần Thánh hóa việc làm ám muội của họ và để gây niềm tin tưởng mãnh liệt cho các con bạc, họ đặt ra một triều đình, tôn ông Tò lên làm Vua gọi là **« THẦU WÒN »**, mấy tay thân tín làm quan cận thần !

**« Thầu Wòn »** nằm trên lầu cao nhất tại trung tâm thủ-đô (thuở ấy phố chỉ có 5 tầng) bên cạnh bàn đèn thuốc phiện, suốt ngày nhìn trời tiên đoán giờ nào trời mưa, nắng để ra lệnh cho đám cận thần truyền rao các tay con đi nhận tiền người đánh cá. Không ai biết ông Vua Cá Mưa là ai, mặt mũi ra sao.

Người muốn cá chỉ giao thiệp với các tay con, được, thua cũng do kẻ nhận tiền mà thôi. Khi trúng cá, kẻ ấy trả tiền ngay, dù số bạc có nhiều đến đâu cũng vậy. Nhờ có sự tin cậy như thế mà người ham làm giàu rất thường sạt nghiệp sau một thời gian ngắn. Chính tên **« Thầu Wòn »** đã tuyên bố một câu như lời sấm : *« Ông bà nào trúng cá mưa chỉ có xây mã cho cha mẹ mới còn mà thôi. »* Câu đó nghĩa là ăn bao nhiêu cũng thua lại hết trừ ra xây mã không thể bán cho ai mới còn.

Ngoài cái tổ chức đại quy mô này, còn có những thương gia tự động nhảy ra làm **« ông Vua nhỏ »** cũng rập in khuôn của Thầu Wòn, nhưng ăn thua ít hơn. Mấy ông Vua nhỏ phải nộp thuế cho Thầu Wòn mới được tự do làm ăn và được sự che chở mỗi khi có chuyện rắc rối. Dần dà thiên hạ **« thấm nhuần »** thái quá, quen mặt tay cái, tay con thái quá mới giản dị hóa cuộc chơi bằng cách ăn thua lẫn nhau, không cần qua hệ thống Vua lớn, Vua nhỏ. Một tên bán cà-rem, mua ve chai, bán nước đá cũng có thể nhận tiền của một tay con và trả sòng phẳng khi thua, không có gì lời thôi cả. Vấn đề tín nhiệm được đặt trên hết.

Tại sao ở Nam-vang mới có cá mưa ? Chỉ có ông Trời mới

to. Người nào tham ăn bỏ tiền ra đánh. Nhà cái lấy tiền đó trả cho người ăn.

Không phải nói rằng có mưa mà thấy mưa rơi xuống vội cho là ăn tiền. Sự ăn, thua được ấn định rõ ràng theo lệ luật của Thầu Wòn: "phải mưa đủ nước". Đủ nước đây là số nước mưa chảy trong một cái máng xối, đặt ở một căn lầu cao nhất trên đường Ang Eng (trước gọi là Ohier hay đường Bon).

Máng xối này làm theo hình chữ chi từ từng lầu 5 tới đất. Nước mưa phải chảy rơi xuống làm rách một tờ giấy quuyến văn thuốc căng dưới miệng máng xối mới được. Gặp đám mưa rào vài phút, nước chảy vào máng xối nóng như lò lửa bị khô ngay. Nhà cái sẽ ăn tiền, con bạc tức đến hộc máu.

Gặp khi mưa chỉ rơi ở chợ Mới mà ngay đường Ang Eng không mưa, con bạc cũng mất ăn. Gặp những trường hợp ly kỳ như vậy, Thầu Wòn đoán trước được thì hẳn cho đi mua hết số tiền cá của mấy ông Vua nhỏ, báo hại mấy ông ấy thua méo mặt.

Lúc mới ra nghề bọn Thầu Wòn còn dở thủ đoạn gian lận như nhét bánh mì trong máng xối khi mưa to hoặc bỏ nước đá khi nắng gắt, nhưng sau dần chúng ăn quá nhiều nên không đại gì giả dối để mất đất làm ăn.

Dưới thời Pháp thuộc, các viên chức Miên và Việt kiều có phận sự bắt bọn cá mưa đều được ăn lương tháng của chúng nên thiên hạ tha hồ cầm đồ, bán nhà bán xe và tự tử. Khi Cao-miên độc lập, Chính phủ ra lệnh phạt bọn cờ bạc rất gắt gao, nhưng một khi nạn hối lộ không trừ nổi thì cái gì xấu xa nhất vẫn còn tồn tại như thường!

### ***GIAI THOẠI VỀ TƯỚNG CƯỚP ĐƠN HÙNG TÍN***

Trong giới Việt kiều, Hoa kiều và người Miên không ai không nghe danh tướng cướp Đơn Hùng Tín ở vùng Biên-hồ đã làm điên đầu Sở Mật Thám Pháp khoảng năm 1922. Nhắc đến



Tin ai cũng là: đầu le lưỡi ngán tài « xuất qui nhập thần » của tên cường đạo có lòng nghĩa hiệp như những bậc kiếm khách bên Tàu. Thật vậy hắn đã giúp đỡ Việt kiều và người Miên nghèo rất nhiều, bình vực kẻ cô thế bị hà hiếp đến nỗi dân Miên tôn sùng hắn là Vua và gọi là « LUÔNG TÍN » chớ không dám gọi là ông ! Người ta đã thần thánh hóa những trận đối đầu với sở Mật thám Pháp và cho rằng hắn có « phép », có bùa ngải rất linh thiêng mới thoát khỏi màn lưới của thực dân. Do đó chuyện Đồn Hùng Tín biến thành một giai thoại gần như huyền thoại của giới Việt kiều.

Tướng cướp Đồn Hùng Tín tên thật là Lê Văn Tín, thứ ba, nên gọi là Ba Tín gốc ở rạch Cái-sao, làng Nhị-mỹ, tỉnh Kiến-phong ngày nay. Lúc thiếu thời Tín làm tá điền cho một địa chủ. Dưới thời ấy, các ông chủ điền thường cậy thế bắt nạt người mướn ruộng khiến Ba Tín bất bình. Hắn thù người giàu độc ác nên có ý bỏ nhà đi tìm thầy học nghề... ăn cướp để làm Đồn Hùng Tín ở Việt-nam. Tín ngỏ ý với người anh tên Hai Chỉ và được anh tán thành. Cả hai bái biệt song thân lên đất Miên tìm sư học bùa phép và nghề võ. Hai Chỉ thọ giáo với một võ sư người Miên ở Biền-hồ, còn Ba Tín theo một nhà sư Thái sang Thái-lan luyện bùa phép. Tín không đồng ý với anh vì hắn thấy tài ông thầy Miên không có gì đặc sắc. Học rồi Hai Chỉ đi ăn cướp vật chớ không làm « chuyện lớn » được. Quả nhiên về sau Hai Chỉ bỏ mạng ở Nhà Bàng thuộc tỉnh Châu-đốc vì không đủ tài như Tín.

Biết ý định của Ba Tín là cướp của giúp người nghèo, nhà Sư Thái dặn rằng :

— Ta là người tu hành không có ý định xấu. Thấy con có lòng tốt như vậy, ta bằng lòng truyền nghề và bùa pháp hộ thân. Con sẽ được yên ổn làm việc theo chí nguyện, dù có bị bắt bớ cũng thoát nạn dễ dàng. Nhưng con nên nhớ lời thầy dặn : Con phải đúng theo lời hứa, bao nhiêu tiền lấy được phải

giúp tất cả cho kẻ nghèo, không được giữ làm của riêng. Con không được phép lấy vợ người khác, không được phép hãm hiếp gái tơ. Điều cần yếu là thầy cho con hoạt động trong ba năm mà thôi. Mãn thời hạn ấy, con phải tìm nơi thanh vắng tu hành. Nếu trái lời thầy thì bao nhiêu bùa phép không còn linh nghiệm nữa và con sẽ gặp tai nạn cũng như những tên cướp tằm thường khác.

Ba Tín thề sẽ giữ gìn đúng lời sư phụ. Sau một thời gian luyện phép học võ. Tín lạy từ thầy về đất Miên trở lại. Tín đóng đại bản dinh trên một chiếc ghe lương, thả xuôi ngược trong Biển Hồ. Mục đích chính của Tín là mấy tên trọc phú Hoa kiều chuyên môn mua rẻ bán mắc, cạo vét mồ hôi nước mắt của dân Miên và Việt. Giữ đúng lời hứa, Tín «mượn» của nhà giàu phát cho kẻ nghèo mà Tín gặp. Có lần, Tín gọi một ngư phủ kéo lưới ở Biển Hồ mua vài con cá. Ông già Miên chất phác thấy Tín đi nghe có vẻ sang trọng nên không nhận tiền. Cảm động trước nghĩa cử ấy, Tín lấy ô xúc bạc đồng (loại bạc 27 gam) đồ qua xuống ông lão. Tín đồ nhiều đến ông già phải la lên: «Thôi ông ơi! Chìm xuống tôi bây giờ!»

Người ta thuật rằng Tín có luyện «Thiên linh Cái» bằng cách giết vợ lấy bào thai và biết tàng hình trong tổ nước! Tấn kích huyền bí và lối sử dụng bùa phép đó chỉ là một vài mưu mô và tài trí của Tín mà bất cứ người nào nếu chịu khó luyện tập cũng có thể làm được.

Tín là một lực điền, sức mạnh có sẵn lại được thầy luyện nghề võ, cho uống thuốc gông nên có thể bẻ gãy cây còng sắt như chơi. Một lần Tín bị bắt ở Nam-vang, nhà chức trách giải về Saigon bằng tàu thủy. Dọc đường, Tín xin đi tiểu thừa dịp xuống sông lặn mất. Người ta còng tay còng chân Tín lại, cột hai còng bằng sợi dây xích dài. Ngăn mấy thứ mà Tín bẻ gãy như bốn lúc ngâm mình dưới nước. Do đó, có người cho Tín có... bùa mở còng!

Tín có tài cải trang, giả dạng gạt sô Mạt thắm nhiều vô khả buồn cười. Một hôm có gánh hát cải lương "Văn-vô hí ban" ở Saigon lên Nam-vang diễn ở rạp Kim-Son. Tín dán giấy trong thành phố cho hay rằng đêm đầu Tín sẽ vào coi hát. Đúng giờ, Tín mặc áo dài đen, bịt khăn đỏ thông thả mua giấy vào rạp. Nhà chức trách cho vây từ chiều thấy rõ ràng. Chờ Tín vào rạp vài phút họ ra lệnh xét rạp. Từng người, từng người đi xem và đào, kếp lần lượt ra cửa chánh để quan nhìn mặt. Đến người cuối cùng không ai thấy Tín. Khám hết rạp cũng không thấy! Tín ở đâu? "tàng hình" trong lu nước của ông bầu ư? Không! Tín chỉ cởi áo dài, lột khăn đỏ bỏ túi và đi ra cửa như mọi người, Vì mãi chú ý xem người mặc áo dài, bịt khăn đỏ nên không ai thấy Tín mặc đồ bà ba đi trước mũi họ!

Một lần, bị vây trong rừng gần tỉnh Kompong Speu, Tín thoát dễ dàng bằng một mưu nhỏ. Trong lúc quân lính lần lần siết chặt vòng vây, Tín mặc quần áo lính, đeo lon Hạ-si thông thả ra lệnh cho mấy tên binh nhìn rón coi chừng kỹ lưỡng rồi chuồn luôn. Trước khi về ghe, Tín còn viết giấy cho vị chỉ huy người Pháp biết kế mọn của mình nhờ một đứa bé trao giúp.

Một lần, Tín cho hay trước sẽ xuống viếng Mỹ Tho bằng tàu thủy. Y hẹn, lính đón tàu rước Tín về nhà tù. Nhưng Tín đâu không thấy, chỉ thấy 15 phút sau, Tín gọi giấy lại bót cho biết đã mặc áo vàng và cầm giấy của một nhà Sư Miên vừa mới lên bờ. Soát sô hành khách quả có đúng như vậy!

Một số dân nghèo được Tín giúp đỡ rất có cảm tình với hân. Có lần Tín hẹn sẽ viếng một chợ cách cửa Biền Hồ lối một ngàn thước vào 8 giờ sáng. Nhà chức trách phái một toán lính đón ở cửa biền, nơi ấy gọi là Tắt Cá Hồ. để bắt Tín cho khỏi náo động dân tình vì họ biết chắc rằng Tín đang ở trong Biền và sẽ đi ghe ra chợ. Quả nhiên, Tín ngồi ghe ra cửa Biền, thấy có lính đón đường, Tín đi vào con rạch nhỏ. Nhưng vào thág ấy lòng rạch cạn khô, không thể nào đi được. Giữa lúc tấn thối lưỡng nan,



một nhóm dân làng biết chuyện vội ráp lại khiêng ghe Tín đi theo rạch, vòng qua khỏi nơi phục kích.

Nhờ đó, Tín ung dung ghé vào Chợ «mượn» mỗi tiệm Hoa kiều năm, mười ngàn bạc. Lính làng giữ chợ thấy bóng Tín thì trốn mất.

Ba Tín hoạt động ba năm ở Cao Miên rồi bắt tin một thời gian. Sau đó đồng bào ở miền Nam lại nghe hản xuất hiện ở miệt Mỹ-tho và bị Mật thám Pháp bao vây bắn chết giữa dòng Cửu Long. Nhưng theo lời vài bô lão Việt kiều biết mặt Tín thì người xưng là Ba Tín chết ở Mỹ tho không phải là Ba Tín thật. Người này cũng tên Tín, gốc là một tay lục lâm ở miệt Châu-đốc núi Sam, mặt rồ hoa me và cao lớn hơn Tín. Nhận thấy Ba Tín có «uy tín» thái quá, anh ta cũng bắt chước ngồi ghe đi «làm ăn» ở miệt Hậu giang. Nạn nhân của anh ta là đồng bào sống trên sông và mấy ông chủ điền ở xa chợ. Lấy tước hiệu «Đơn Hùng Tín» anh ta dọa người nhát gan để vét tiền dễ dàng. Anh ta cướp cho mình chứ không giúp ai cả. Cũng theo lời các bô lão thì việc tình cờ may cho anh ta là khi anh ta ra đời, Ba Tín đã giải nghệ sau ba năm trở tài đúng theo lời hứa với thầy. Người ta nói rằng lúc đó Ba Tín lẳng lặng rút êm vào núi, sang Thái Lan, hay lên rừng đi tu. Năm 1945, khói lửa nổi lên, có người tản cư vào vùng Cá Côn thuộc tỉnh Kompong Cham gặp một ông đạo Việt tu theo phái Ta Bà ngồi dưới gốc cây. Ông đạo xưng là Ba Tín và thuật chuyện mình đã lánh đời từ ngày ấy đến nay. Ông hỏi thăm việc thay đổi dưới Nam-Vang và cuộc cách mạng ở quê nhà. Người gặp nhìn biết Tín khi nhớ lại những bức hình tập nã treo khắp các nẻo đường hơn 20 năm về trước.

Nhà Sư cho biết mấy mươi năm nay ông chuyên tụng kinh sám hối để chuộc những lỗi lầm đã bất ngờ gây nên trong những năm «hành nghề». Hai năm sau (1947) một người khác gặp Tín trong một khu rừng thuộc tỉnh Kompong Speu. Tín cho biết mình tu theo phái Ta Bà, nay đây mai đó, đi khắp các nơi hành đạo,

và không bao giờ ra thành phố. Từ đó, không nghe ai nói đến nhà sư này nữa.

### *TƯỞNG CƯỚP TÁM BIỂU Ở BIÊN HỒ.*

Vào khoảng giữa năm 1925, mặt Biên-hồ nổi sóng vì tên cướp Tám Biểu, Việt kiều làm nghề đánh cá, giăng câu, buôn bán, Hoa kiều chuyên đổi chác các món đồ dùng cho ngư phủ, xê dịch trên mặt Biên hồ đều bị Tám Biểu cướp, giật và đánh đập tàn nhẫn. Cả đến đàn bà, con gái cũng không yên thân với tên cường đạo này.

Biểu họ Nguyễn, gốc ở xóm Việt kiều trong tỉnh Pursat, ta quen gọi là Gò-sắt, tại cây số 3, tánh tình nóng nảy thường hay đánh đập anh em bạn bè mỗi khi nổi giận. Cha mẹ và mấy người anh chuyên về nghề ăn trộm vặt nên Biểu nuôi mộng làm chuyện lớn lao hơn. Năm 18 tuổi thay vì đi làm bạn biển, đánh cá, kéo lưới, giăng câu, Biểu vào chùa Miên xin học bùa, phép, gông chém không đứt, súng bắn không trúng ! Sau ba năm khổ luyện, Biểu thành công, võ nghệ cao cường, biết gông chém không đứt và biết phép làm sức còng tay, còng chân bằng sắt như mở khóa vậy ! Biểu trở về Pursat cùng với hai người anh là Tư Thơ, Sáu Điều tìm thăm mấy tên bộ hạ, trộm một chiếc ghe của kiều bào vào đóng trại ở Voi-phá cách xã Réangtil, ta quen gọi là Rạch-vùng, 7 cây số. Đây là một vùng khó xâm nhập, bên ngoài có bốn hàng rào cây dầy bịt mọc trên ba con rạch cong queo, muốn vào trong phải lội bùn ngập đến đầu gối. Tám Biểu đóng ở trong sâu, cất người canh gác ở ngoài, hễ thấy kẻ lạ mặt có dáng điệu nghi ngờ thì ra khẩu hiệu mặt báo liền. Những thám tử thời đó rất khổ tâm khi đụng đầu với bọn cướp trên mặt Biên hồ. Khách thương muốn lưu thông trên đoạn đường từ Rạch-vùng tới Voi-phá 7 cây số phải đi ngang qua sào huyệt Tám Biểu. Gặp những ngày sóng to gió lớn ghe thuyền phải đậu tại Vàm, tha hồ làm mồi cho tên cướp Nhiều Việt kiều và Hoa kiều sợ oai Tám Biểu và ngán tánh tình độc ác của hắn, khi đi gần tới Vàm Voi phá thì xuống xuồng nhỏ

giả dạng đánh cá bơi đi trước còn chiếc ghe lớn đi sau rủi ro có bị cướp chỉ mất đồ đạc mà thôi. Trong khoảng mấy năm trời hành nghề, Tám Biếu đoạt của Việt kiều và Hoa kiều không biết bao nhiêu mà kể. Hắn thường bơi một chiếc xuồng nhỏ đi ăn hàng một mình, trong lưng dắt cây súng lục. Thủ đoạn của hắn giản dị như sau : Có lần hắn gặp một Hoa kiều bán tạp hóa trên chiếc ghe đậu gần Voi-phá tên Chệt Bầu, hắn ghé xuồng mua một lít rượu trắng. Trả tiền xong, Biếu cầm ve rượu đập vào đầu Chệt Bầu té ngã, móc súng ra. Bọn người giúp việc hoảng hồn nhảy xuống nước lội vào bờ. Biếu ung dung vét hết tiền tử và các món hàng đắt giá. Nhân một buổi đi tìm mồi, hắn gặp một thiếu phụ tên Lê Thị Năm có chồng làm nghề bán biển, có một đứa con gái tên Trần Thị Hai. Chị Năm tuy đã ngoài ba mươi tuổi nhưng nhan sắc còn mặn mà làm xiêu lòng tên cướp. Tám Biếu tỏ chức bắt cóc thiếu phụ đem vào trại làm vợ.

Tiếng đồn uy thế của hắn vang dội, bọn bắt lương lực tục nhập đảng khá đông. Trong đám thảo khấu này có tên Lê Văn Rỗ là tay thao lược nhất, được Biếu thương nhận làm con nuôi và phong chức Phó tướng. Đề gầy dựng cho Rỗ và giữ chân đứa con nuôi, hắn bắt cóc luôn đứa con gái của vợ là Thị Hai đem về ép gã cho Rỗ. Chị Hai mới có chồng được hai tháng sống với nghề đánh cá trên một chiếc ghe, thỉnh linh gặp nạn lạ lùng nhất đời. Trước bạo lực của kẻ giết người không gớm tay, chồng chị một dân quê cục mịch chỉ biết bó tay, cảm miệng nhìn vợ mình bị kẻ khác bắt. Chị Hai theo Tám Biếu vào Vàm Voi-phá mới hay mẹ chị cũng bị bắt 16 tháng nay và đang làm vợ tên chánh đảng cướp. Chị không thề nào chống cự đành lấy tên Rỗ để sống gần mẹ chờ một dịp may nào đó hầu tháo cũi, sỏ lồng.

Nhà cầm quyền bủa lưới khắp vùng bắt được Tám Biếu. Tư Thơ và hai tên lâu la trên một chiếc ghe. Bọn đàn em ở Voi-phá hay tin bỏ đi tản lạc để tránh nạn.

Tại văn phòng sở Mật thám, Ông Cò người Pháp hỏi :



Tao nghe mày biết phép bẻ còng đâu mày làm thử coi, nếu quả đúng như lời đồn tao sẽ thưởng cho rượu và thuốc hút.

Tám Biểu đọc bùa thôi vào cái còng tay và chân. Trước mắt ngạc nhiên của viên chức Pháp, hai cái còng rơi ra như không có khóa ! Hắn được thưởng bánh, thuốc hút và rượu.

Ra Tòa hắn bị án kêu 20 năm, ba tên kia 15 năm đày ra Côn đảo. Ở trong tù hắn tỏ ra siêng năng, chịu khó và khéo luồn lộn nên được ông Cai ngục thương cho làm xếp tù và đi qua lại các trại tự do.

Sau tám năm ăn nhậu chờ thời, hắn bí mật trốn tre, dẫn gỗ làm chiếc bè và dự trữ cơm khô, nước ngọt cùng người anh là Tư Thơ và một đồng đảng vượt ngục. Chiếc bè trôi lênh đênh giữa biển sáu ngày, cơm, nước hết sạch, Tư Thơ và tên kia nằm chờ chết, chỉ có Biểu đủ sức chịu đựng, thời may một chiếc tàu tuần của Thái Lan đi qua cứu sống cả ba. Trong cuộc thăm vấn, Biểu nói dối rằng mình là ngư phủ bị bão chìm ghe và xin theo tàu qua đất Thái. Vị chỉ huy tàu tuần tin thiết đưa Biểu về Vọng Cát trình nhà chức trách. Biểu xin được giấy tờ tạm trú như một Việt kiều. Hắn vào xóm Kiều báo dối gạt rằng mình gặp nạn đề xin tiền sống qua ngày và làm lộ phí về quê. Hắn dắt hai đồng bọn lần mò lên tỉnh Nong-khai, ngồi đò qua sông Cửu Long vào đất Lào. Hắn vào xóm Việt kiều ở Vạn Tượng tìm việc làm. Một lái buôn Việt tên Nguyễn Văn Nhơn chịu mướn Biểu ở nhà tưới vườn trầu và làm mọi công việc nặng.

Tư Thơ và người kia muốn về Biển Hồ, Biểu chiều ý, mướn tiền chủ cho anh làm lộ phí.

Ông Nhơn thấy Tám Biểu làm công việc nhậm lẹ, siêng năng, nghĩ ý muốn nhận làm con nuôi. Biểu rất mừng vì được yên thân và có nhiều thì giờ rảnh để luyện bùa, phép và dợt lại võ nghệ. Hắn vào mấy ngôi chùa của người Lào xin học thêm phép mới nhất là phép tránh súng đạn. Ban ngày hắn làm công việc nhà, ban đêm hắn khổ công luyện tập.

Hai năm qua, nhân lễ chúc thọ Vua Thái Lan, các tỉnh trong lãnh thổ Thái tổ chức đấu võ tuyên chức vô địch. Tám Biếu xin phép cha nuôi đi tỉ thí. Ông Nhon không ngờ đứa con nuôi biết võ, bảo múa thử xem thế nào. Biếu trở tài đi một bài quyền và một đường roi khiến ông lác mắt. Biếu lấy một cây sắt to bằng cò tay vận khí, cầm uốn cong rồi kéo ngay ra dễ dàng. Ngoài ra hẳn còn biểu diễn một vài phép thuật cho ông già nuôi xem. Ông Nhon bằng lòng dắt Tám Biếu sang đất Thái.

Trước võ đài người võ sĩ là đương kim vô địch Thái lan thách đối thủ bằng nhiều lời lẽ kiêu kỳ vì chưa có ai dám so tài với y.

Tám Biếu nổi nóng, ghi tên đánh ngay đêm đầu. Tiền độ thắng: sáu mươi đồng, thua 30 đồng. Khán giả vào chật rạp, ai cũng nô nức xem kẻ nào dám vượt râu hùm và xem nhà vô địch của họ hạ đối thủ bằng môn võ gì. Người nào cũng tin chắc là «tên Annam nhỏ» ấy thế nào cũng thua và mất mạng. Nhiều Hoa kiều có máu cò bạc đánh cá bằng những số tiền kèch sù.

Thoạt vào hiệp nhất, Tám Biếu bắt tay võ sĩ Thái xong, bỗng xây xâm mặt mày, ngó thấy đối phương hình như có 3 đầu! Biếu lùi lại, biết đó là phép phân thân, liền vẽ bùa bằng chân đánh như cho võ sĩ Thái tiến tới. Tên kia không ngờ, xóc lại đập nhằm bùa khiến phép của y phai tức thì. Tám Biếu hết chóng mặt bình tĩnh ngó tên kia, rõ ràng chỉ có một đầu. Hắn thừa lúc tên kia khinh địch cúi mình tránh một thoi, rồi vọt lên đâm mạnh vào hàm. Võ sĩ Thái loạng choạng ngã ngựa chưa kịp hồi bộ kẻ bị thêm một đá trúng hông giáp mặt, chết trên đài.

Giám cuộc thưởng Tám Biếu 30 đồng, còn 30 đồng cho thân quyến kẻ bất hạnh, và tặng Biếu một giấy ban khen. Trở về Ai lao Tám Biếu nổi tiếng là võ sư. Hơn 20 người vừa Lào, vừa Việt kiều, Hoa kiều xin theo học. Hắn không còn thì giờ tưới trầu, làm công việc nhà nữa. Bấy giờ nghiêm nhiên là cậu Công tử trong gia

đình ông Nhơn, ngày đêm dạy võ và luyện bùa phép. Ông Nhơn cũng hãnh diện có người con nuôi như hân, tỏ lòng thương hân như con ruột.

Hai năm qua, Tám Biếu nhớ nhà, lên bắt một con voi cỡi về Cao-miên. Dọc đường Biếu bị rét rừng, đau suýt chết, nhờ một Hoa kiều người Triều Châu đem về nhà lo thuốc thang bình phục, rồi cấp vật thực, tiền bạc đi về đến Pursat. Tám Biếu ăn trong nhà cha mẹ độ mười ngày thì có người mật báo với nhà chức trách. Lính đến bao vây, nỏ súng thị oai, nhưng Tám Biếu nhanh chân thoát khỏi đoạt xuống bơi xuống Biển Hồ là nơi hân lập sào huyệt 10 năm trước. Tuy vậy, hân không làm nghề cũ, chỉ nằm trong ghe hút á phiện, thả xuôi, ngược trên mặt biển như khách nhàn du. Thỉnh thoảng có người gặp hân nói chuyện đời, kể lại những năm ở Côn đảo, ở Thái, Lào và cuộc hành trình từ Lào về đất Miên. Hân phát lời thề nặng để tỏ lòng nhớ ơn người Triều Châu đã cứu hân rằng : «Dù có phải bị bắt buộc đi ăn cướp nữa tôi không bao giờ đánh người Triều Châu nếu phạm lời thề tôi sẽ chết vì đao kiếm».

Bao nhiêu người Triều Châu làm ăn ở Biển hồ nghe Việt kiều đồn đãi rất mừng rỡ, từ đó Tám Biếu gặp người Triều Châu nào cũng được cung cấp á phiện thức ăn, tiền bạc dư dưng. Nhờ vậy, dù Tám Biếu chưa hành nghề cũ cũng sống đầy đủ nhờ sự «ủng hộ» của những người quá sợ sự tàn bạo của hân.

Nhưng một đêm kia, hân bị một nhân viên trong hội đồng xã tên Tích, theo chức vụ là CHÙM TỤP, như ủy viên cảnh sát của ta, phát giác, rồi 7 hôm sau hân đang uống trà sau buổi cơm chiều thì thấy 5 chiếc xuồng bơi thẳng lại ghe hân. Trên mỗi xuồng có 3 người ngồi cầm súng. Tám Biếu biết có biến, vội vàng nhảy xuống nước lặn mất.

Trốn đến quận Dontri, Biếu ngụ tại nhà một người bạn được hai đêm. Sáng ngày thứ ba, ông Mê Khum (Ủy viên xã) tên Bê tìm người bạn Tám Biếu có việc tình cờ gặp Biếu. Ông



Bê biết tên cướp, nhưng giả bộ như không, về quận báo cáo : Ông Quận Trưởng sai ông Phụ tá đem 12 người lính bắt Biếu. Mãnh hồ nan địch quần hồ, Biếu xuôi tay chịu trói. Ông Quận trưởng giam Biếu một đêm ở Quận lỵ, chờ sáng giải về tỉnh Bat-tambang. Trong đêm ấy Biếu dùng bùa mở còng lén trốn thoát.

Muốn sống yên thân không được, Tám Biếu phải trở lại nghề cũ. Hắn về Biền Hồ qui tụ các tên du đảng là Bủ Se, Bủ Soul, Chử Hong, Chử Sĩ, hai tên hầu cận tên Hia và Vong, chuyên làm thuốc á phiện, tên Đạo theo quạt hầu, cùng lối 10 tên tập sự. Điềm bình, hắn thấy thiếu tên Rổ là thằng con nuôi.

Lúc Tám Biếu xiêu lạc vì tù tội, tên Rổ ẩn thân ở Ấp Cà-ba-tô sống với nghề giăng câu buồng lưới.

Tám Biếu liền sai người rước tên Rổ nhập đảng đoạn tìm nơi bí hiểm đặt đại bản doanh. Hắn không dám trở về chỗ cũ là Vàm Voi phá nữa vì đã bị sa chân một lần, nên thả ghe vào một khu rừng tên Miên là « Kum-bây-khe, ăng-co-đóp-háp », nghĩa là « Giồng ba tháng gạo 10 tạ », ngụ ý ai lọt vào giồng này thì đi ba tháng chưa ra khỏi, ăn hết 10 tạ gạo cũng không về được. Giồng này ở gần ấp Cà-ba-tô, phía ngoài là vàm rạch Tà Xác. Từ vàm vào đến trung tâm điểm của giồng lối 15 cây số, toàn là cây cỏ thụ rậm rạp, đường lối chỉ chít, ngay cả bọn cướp cũng có khi bị lạc đường. Tám Biếu cất người canh gác, cho khẩu hiệu và liên lạc với nhau bằng còi, tù và, để đưa đường đồng đảng vào sào huyệt. Hắn cất nhà giữa giồng, xung quanh là nhà của bọn đàn em, tạo thành một xóm lục lâm hắc hòi.

Suốt ba năm dài, nhà chức trách không tìm ra manh mối của Tám Biếu, chỉ biết một điều Hoa-Kiều và Việt Kiêu bị Biếu đánh cướp đi trình có, cầu xin che chở. Biếu quên lời thề khi về Pursat là đánh luôn những người Triều Châu, gây thêm mối phân uất trong các giới Kiêu bào. Nhưng làm sao trừ hắn giữa mặt biển rộng minh mông ? Thuở đó, Việt Kiêu giúp việc trong Chánh phủ bảo hộ rất nhiều, sở Mật thám Nam-vang phái thầy Bảy Lúa

thầy Hai Kim, thầy Bảy Đồ giả làm người bán hàng chèo ghe nhỏ đi tìm tên cướp.

Tám Biếu nổi danh như sấm, các ghe thương hồ, các lái buôn Hoa kiều, nghe hai tiếng Tám Biếu thì hồn vía lên mây, bao nhiêu của cải phải đưa ra hết để bảo toàn tính mạng.

Lên chũn rồi Tám Biếu ít khi ra mặt, để đàn em lấy oai mình làm ăn cũng đủ. Suốt ngày hẩn nằm bên bàn đèn bày mưu tính kế, thỉnh thoảng có đám nào lớn hẩn mới thân hành xuất trận. Ở nhà với đứa con gái riêng của vợ, hẩn sanh tâm bắt ép người thiếu phụ phải chịu lòng dục của hẩn. Tội nghiệp chị này có chồng bị cướp bắt đem về làm vợ sanh một đứa con rồi lại bị cha ghẻ hiếp dâm ! Chị không dám chống cự trước tên cường đạo quen giết người đành phải buông xuôi.

Khi tên Rồ ăn hàng trở về, chị khóc kể lại tấn kịch vừa xảy ra. Rồ đau đớn như điên cuồng chưa kịp có phản ứng, thỉnh thoảng nhiều tiếng súng nổ văng vẳng từ ngoài vòm vọng vào sào huyết.

Thì ra thầy Bảy Lúa, thầy Hai Kim và thầy Bảy Đồ bắt được tên Mười Sứu là cha ruột của tên Rồ giả làm người bán trái cây dạo dăm ngoài mặt biển xem có «thầy, chú» thì báo cho Tám Biếu hay. Mười Sứu bị bắt buộc phải đưa ba thầy này vào Vàm rạch Tà-xác, đụng ngay với Tám Biếu đang ngồi chờ.

Tám Biếu bắn giải vây, không ngờ bị ba nhân viên mật thám bắn bay cái nón nỉ, đứt sợi giây nịt, hoảng hồn lủi vào giếng trốn mất. Ba thầy bắt thêm được tên Ba Sứu cùng với Mười Sứu giải về Phnom Penh. Mười Sứu chết trong khám, còn Ba Sứu ở tù đến mãn, giải nghệ làm ăn lương thiện.

Nhân dịp này, tên Rồ xin phép cha vợ xuống Nam-vang dò tin tức và lo lót tiền bạc để cứu cha ruột, nhưng Tám Biếu không cho vì sợ tổn tiền và lộ hình tích.

Quá phần uất, Rồ lén bỏ nhà đi mất. Tám ngày sau, Rồ trở về dắt theo hai người Miên vào trình diện Tám Biếu và nói rằng

nhân lên đi thăm cha ruột, y có mời được hai nhân tài này xin theo đảng làm án vì đang bị Mật thám truy nã. Tám Biểu bảo thử tài cho xem thì một anh súng bắn không lúng, dao chém không đứt, một anh biết phép, ai có gông bị anh thối bùa là hết linh Biểu bằng lòng thâu nhận.

Năm hôm sau, Biểu ngồi hớt tóc, Rõ đến gần bàn việc đánh đám này đám khác và lãnh phần cạo râu cho cha vợ. Rõ cạo lở tay làm đứt trán Tám Biểu một chút rướm máu. Sự kiện này khiến Rõ suy nghĩ lung lắm. Theo phép gông của người Miên nếu không giữ đúng lời hứa thì bùa hết linh, ta gọi là *tở trác* người Miên gọi "Khốt, Knov". Tám Biểu lấy vợ tên Rõ nên bùa phải dao chạm vào là chảy máu. Rõ bàn với hai người Miên, cả bọn đồng ý cho rằng thời cơ đã đến.

Đêm ấy, Tám Biểu lập bàn thờ cúng lạy cầu xin Tồ giữ bùa lại ! Lễ xong Biểu ngồi ăn nhẩn, thỉnh linh bị Rõ dùng búa chém vào đầu té sắp xuống. Lưỡi búa đập vào đầu tên cướp như chạm vào cột nhà. Biểu vùng lên đá Rõ té lẩn, kẻ bị một tên Miên chém vào cổ. Lưỡi kiếm phập vào như trúng phải đá cội. Đó là nhờ hăn mới vừa vái lạy cầu xin Tồ giữ bùa phép trong mình cho hăn. Nhưng hăn không thể nhờ phép lâu được vì hăn đã phạm lời thề không cướp của người Triều Châu và phạm điều cấm kỵ đã hiệp dâm đứa con ghê.

Tên Miên khi thấy bạn mình chém không đứt cổ tưởng cướp bèn vượt lười guom của mình vừa đọc thần chú, chém sau ốt Tám Biểu. Bùa của Tám Biểu gặp phải bùa của người chơn chánh hơn, vụt phai liền. Đầu hăn đứt lìa gần khỏi cổ.

Giết Biểu xong, Rõ dắt lâu la ra Vàm Voi-phá bắt người anh của hăn là Sáu Điều hạ sát luôn, đoạn lên chức chánh đảng, mở tiệc ăn mừng và trọng thưởng hai người Miên đã giúp anh ta trả được thù. Đối với vợ Tám Biểu là mẹ vợ, Rõ vẫn kính trọng như thường. Nhân dịp này, bà Năm và chị Hai đồng khuyên Rõ nên cải tà quy chánh về xóm Việt kiều làm bạn, biền như tất cả các



kiều bào khác. Nhưng đang lúc say sưa với chiến công, Rô không để vào tai lời nói phải ấy. Rô cho hai người Miên về nhà rồi cắt đặt mọi việc trong xóm theo ý mình.

Để củng cố hàng ngũ và tạo thêm lực lượng, Rô quyết định đánh đồn Rạch Tro ở xóm Prek Khseng (ta quen gọi là Bết Sen). Trong đồn có hai người lính Miên và hai cây súng trường. Xóm này phần đông là Việt kiều làm nghề đánh cá, cất nhà trên nhánh cây dài theo bờ Biền hồ. Đó là những căn nhà của Việt kiều cất tạm trong sáu tháng nước hạ để làm cá, chặt nhánh cây to làm sàn, cột nhánh cây nhỏ làm mái, lợp thêm lá, mỗi căn tốn vài chục bạc là hoàn thành. Mỗi gia đình ở trên một cội cây, tạo thành một cảnh tượng lạ mắt cho những du khách. Khi nước dâng lên cao ngập cả nhánh cây thì họ về trên đồng bằng trồng lúa. Hết sáu tháng, nước hạ họ lại xuống cất nhà làm cá. Đồn lính cũng cất trên cây như Kiều bào. Hai người lính tên Chia và Kum.

Hôm đó, Việt kiều làm lễ cúng ông Tà (Vị thần địa phương của người Miên), có mời ông Kum vào xóm ăn uống. Ông Chia ở giữ đồn vừa vớt tre đan rổ, Kiều bào thấy vậy mới phái 4 người đem vật thực ra đồn cho ông Chia ăn. Tan tiệc, ông Kum thấy hai chiếc xuồng bơi ngang, mỗi xuồng có hai người. Ông gọi lại xin quá giang về đồn. Xuồng trước do tên Rô và tên Sĩ bơi, xuồng sau do tên Chử và tên Hong. Ông Kum xuống xuồng sau, ngồi giữa. Quả là đưa thịt vào miệng cộp.

Khi hai chiếc xuồng đến gần bót, một Việt kiều tên Xuông thấy có vẻ khả nghi, đốc ông Chia gọi lại xét.

Rô ghé vào đồn bước lên vừa đáp lại câu hỏi, vừa móc súng sáu ra. Khẩu súng này của Tám Biểu. Lính Chia có đề phòng sẵn, lẹ tay nắm lấy tay Rô đưa lên. Rô bóp cò súng nỏ đạn bay lủng nóc nhà 3 lỗ.

Kiều bào quanh đồn nhón nhác bơi xuồng lại xem.

Rô đánh Chia một thoi té xuống sàn nhà. Chia chụp lấy cây

mác vót của mình đang chẽ tre đâm trúng ngực Rồ té quỵ, Chia đâm luôn vào bụng Rồ mấy nhát Rồ nằm im.

Tên Sĩ định nhảy lên cứu chánh đảng bị bốn Việt kiều vừa ăn uống với lính Chia đập té xuống nước. lính Chia lôi lên đâm cổ chết luôn.

Trên xuồng sau, lính Kum thấy có sự, vội dờ khoang thấy hai khẩu súng trường liền la cầu cứu. Kiều bào trên bờ bơi xuồng ra ví bắt tên Hong đập chết còn tên Chử có gồng, bị đánh rất nhiều mà không hề hấn gì.

Hôm sau, ông Chia giải tên Chử và 3 xác chết về bót Kompong Luông des Lacs. Sau nhiều ngày thăm vấn và đôn bọng, tên Chử chịu không nổi sự khổ cực trong tù, bằng lòng dặt nhà chức trách đến sào huyết. Nhờ nói đúng khẩu hiệu và thông thuộc đường lối, Chử đưa thẳng các thám tử vào đại bản dinh. Bao nhiêu tên cướp trở tay không kịp bị bắt ráo, về Nam-vang ra Tòa lãnh tù. Những người đàn bà và già cả bị bắt buộc phải theo cướp được tự do.

Bà Năm và chị Hai trở về với xã hội Việt kiều sau mười năm sống với bọn cường đạo. Quá đau khổ và tủi nhục, chị Hai nói, cười không chừng, tuy chưa điên hẳn nhưng trí óc không còn tỉnh táo như trước.

Hai mẹ con dặt nhau về miền Nam để tránh cảnh đau lòng và mĩa mai của Kiều bào trên Biền-hồ.

Đảng cướp Tám Biếu bị tiêu diệt, Việt kiều yên tâm sống trên đất bạn. Sau ngày Đồn Hùng Tín tức Ba Tín mất tích và Tám Biếu mạng vong, đến ngày nay không còn tên nào xưng hùng xưng bá ở Biền-hồ nữa.

## **CHƯƠNG IV**

# **TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG**

### **ĐẠO THIÊN CHÚA :**

Cao-miên chọn đạo Phật làm quốc giáo. Toàn thể người Miên đều là Phật tử, thế mà trong tổng số Việt kiều có hơn phân nửa người theo đạo Thiên Chúa và được tự do hành đạo khắp lãnh thổ. Nguyên do như đã trình bày ở trên, là số người di cư quan trọng nhất trong buổi sơ khai là nhóm theo đạo Đa Tô bị vua Tự Đức khủng bố. Những người ấy sanh con đẻ cháu trải 4,5 đời tạo thành một số Việt kiều theo đạo Thiên Chúa từ bé, gọi là «đạo glông».

Dưới thời Pháp thuộc, vùng nào có đông Việt kiều thờ Chúa thì có một ngôi nhà thờ lớn hay nhỏ, do một vị linh mục điều khiển và coi sóc phần linh hồn cho đám con chiên. Vì thế, không phải chỉ ở tỉnh lỵ mới có nhà thờ mà ở trong các xã ấp xa xôi cũng có Việt kiều gọi mỗi vùng là một «họ đạo» như họ Quý-đa họ Vĩnh-lợi-tường, họ Banam v.v... Kiều bào nhờ các vị linh mục rất nhiều trong việc thay mặt tiếp xúc với nhà cầm quyền Pháp cũng như Miên. Tín đồ được hoàn toàn tự do hầu Chúa, tổ chức



các cuộc lễ rằm rộ và long trọng cũng như ở quê nhà. Hằng năm lễ Giáng sinh được cử hành trọng thể, nhất là ở thủ đô Nam vang và các nhà thờ trong toàn quốc. Việt kiều bên lương cũng hưởng ứng tham dự suốt đêm.

Trong thời Việt-nam kháng chiến, các con chiên được đặc biệt che chở. Quân đội Pháp kính nể các vị linh mục và có cảm tình với đám tín đồ. Nhưng khi Cao-miên độc lập và theo chính sách trung lập, thì hầu hết Việt kiều công giáo có tinh thần quốc gia đều hướng về chánh phủ ở Saigon. Vì thế họ trở thành nạn nhân của một số công chức Miên thân Cộng hiệp đáp, bức bách đủ điều. Đó là một tai họa mà họ phải gánh lấy sau hơn 100 năm định cư trên đất bạn. Nhiều người chịu không nổi phải hồi hương bằng phương tiện riêng, hoặc theo đoàn Việt kiều do tòa Đại diện tổ chức, hoặc nhờ tòa Đại diện giúp phương tiện. Những người còn ở lại thì một phần thân Cộng, một phần giả điếc, giả đui, và một phần "ăn xôi chịu đấm". Nhiều vị linh mục Việt kiều cũng không tránh được những điều bức bách phải về Saigon. Thời vàng son không còn nữa!

### **ĐẠO TIN LÀNH**

Đạo Tin Lành không gây hưởng được trong giới Việt kiều. Nhiều nhà truyền giáo đã khổ công thuyết phục nhưng không mấy ai nghe. Người ta thấy rõ rệt người Việt ở Cao-miên theo đạo Da Tô hoặc đạo Phật, đạo thờ Thần Thánh chứ không theo nhiều đạo khác như ở Việt-nam. Cảnh một vị mục sư dùng máy phóng thanh đề trong cái xe hơi đứng ở góc chợ nói về lời phán của đức Chúa Trời mà không có ai buồn đứng nghe xem thiều nào vô cùng.

### **ĐẠO PHẬT, NGÀNH ĐẠI THỪA.**

Người Miên thừa hành Phật pháp theo ngành Tiểu thừa du nhập từ Ấn-độ. Người Việt tu theo ngành Đại thừa du nhập từ

Ăn sang Trung-hoa. Việt kiều ở Cao-miên cũng tu theo ngành Đại thừa, hoàn toàn khác hẳn người Miên. Suốt thời gian định cư, Phật tử Việt kiều được chánh phủ Cao-miên hết lòng ủng hộ và giúp đỡ việc tu hành, không vì cuộc đời thay, vì tình trạng chánh trị mà có những điều thay đổi. phải nhìn nhận người Miên là Phật tử thuần túy nên rất quý trọng những ngoại Kiều thờ Phật dù theo ngành nào, phái nào cũng vậy. Ở Nam-vang có nhiều ngôi chùa đồ sộ xây cất lối 50 năm và nhiều ngôi mới kiến tạo. Ở các tỉnh có nhiều Việt kiều đều có ít nhất là một ngôi. Tín đồ Việt kiều tự do lễ Phật, cúng vái và tổ chức các ngày lễ tại chùa cũng như tại nhà.

Về phương diện thừa hành Phật pháp thì các vị hòa thượng, trụ trì học theo sách của tổ Thần Tú, chuông mõ, thanh la, trống, chiêng và thờ nhiều vị Thần Thánh khác, mà ở Việt-nam ngày nay gọi là phái Cổ sơn môn. Nhiều vị chuyên về tụng kinh cầu an, cầu siêu, làm đám. Vấn đề cải cách lối tu hành như hiện thời Việt nam quốc tự đã thực hiện, tuyệt chưa có ai đề xướng hoặc nghĩ đến.

Một điều đáng buồn nhất là nhân thấy Chánh phủ nước bạn tôn trọng tự do tín ngưỡng, một số sư mô, bà vải lợi dụng cửa thiền làm xằng, gây thành nhiều tiếng xấu xa trong giới Phật tử Việt kiều và làm ô uế cả ngành Phật giáo bên cạnh người bạn Miên. Sở dĩ có tệ trạng này là vì không có một hội, một đoàn thể Phật giáo nào chánh thức sẵn sóc đến hoạt động của từng chùa nên mạnh ai nấy lo và hành động theo ý mình.

Nhờ được tự do hành đạo, tự do lập chùa, tự do chiếm chùa, tự do lấy chùa làm nhà riêng, một số lưu manh cạo đầu giả dạng vào cửa Thiền làm tiền và sống an nhàn, sung sướng. Một vị bô lão đã than phiền rằng : «So với lối tu hành của dân tộc bạn, chúng ta phải thẹn thùa vì đám người dối thế này. Nhiều lần những người bạn Miên hỏi tôi: «Tu như người Việt là theo ngành Đại thừa khác với chúng tôi, nhưng Phật đâu có dạy nhà sư có vợ, có con như



người phàm ? Tôi thấy nhiều ông hòa thượng có gia đình đang hoàng nên lấy làm lạ lắm. »

Không ai tố cáo chúng, dù có tố cáo, nhà cầm quyền cũng làm ngơ vì lối trị dân thuộc địa của người Pháp là thế, dân mê tín thì ngu độn, đốt chánh trị để đề đầu ! Việc làm bậy của chúng vô hình chung được khuyến khích làm mạnh thêm. Đến lúc khời lửa bùng lên, một đám đầu trộm đuôi cướp, lừa trâu, bắt bò vượt biên giới cạo đầu, đổi áo ăn vào chùa tự xưng là Giáo thọ, trụ trì hòa thượng, yết ma ở chùa X, chùa Y dưới «An-nam» ! Giữa cảnh khốn khổ vì nạn chiến tranh, Việt kiều tìm nguồn an ủi và hy vọng hão huyền ở Thần quyền. Bao nhiêu lòng mê muội đều dâng lên đến mực cao nhất. Nhiều người nghe lời bọn sư mô bỏ tiền cất am, cất chùa rước mấy tên ấy vào làm Thượng tọa, rồi nộp tiền cho chúng ăn xài. Sẵn chùa, sẵn bạc, chúng trở tài... «Lỗ Trí Thâm». Dưới đây là một vài tên nổi tiếng nhất.

Một tên bất lương ở làng Tân-an, quận Tân-châu, tỉnh Châu đốc bị truy nã trốn lên Nam-vang vào một ngôi chùa ở đường Stung Méangchey tự xưng là giáo thọ. Hắn cố nặn vẻ mặt buồn buồn trầm ngâm, lặng lẽ, cố ăn nói nhỏ nhẹ cho dịu bớt vẻ du côn nên được lòng mấy bà Phật tử lắm. Mấy bà đồn đãi và rủ rê bè bạn góp tiền sửa chùa cho lớn thêm và cúng tiền nhiều thêm. Hắn thấy cơ hội quá tốt liền viết thư về nhà gọi hết gia đình lên ở chùa. Hắn mượn nhà riêng gần đấy cho vợ ở, còn anh em, chú bác và con của hắn thì hắn phong chức trong chùa, người thì yết ma, người thì thủ tự, trừ phòng vân vân... Hắn biến ngôi chùa thành nhà riêng của hắn và sống sung sướng bằng tiền cúng dường của Phật tử Việt kiều !

Gần nhì tỉ Quảng đông, có ngôi chùa nhỏ. Ông hòa thượng là dân trôi sông lạc chợ ở đâu không ai biết, lợi dụng cửa thiền trở nghề làm ma cô. Bên cạnh chùa có vài nhà chứa «em út» mà không dám ra mặt nên mục Tú Bà nhờ hắn làm chim mồi ! Khách làng chơi giả vờ viếng cảnh chùa để điều đình giá cả với



hắn ! Đôi khi một vài ông cao hứng mang rượu, thịt vào đãi hắn gọi là thưởng công. Đáp lại, hắn cũng thật thà nhậu như dân ve chai thiệt thọ vậy.

Ông giáo Thọ ở chùa ChruichangWar là một nhà sư trai trẻ, mập ú, ăn nói nhỏ nhẹ như đàn bà. Hắn có biệt tài nịnh nọt phụ nữ, nhất là hạng có máu mặt để làm tiền bằng cách gọi làm công quả, sửa chùa, in kinh. Nhưng không bao giờ hắn xuất một món tiền nhỏ trong sổ bạc to mà hắn tom góp được. Hắn mua vàng và dò hỏi kiểu bào cách làm ăn với số vốn vài chục ngàn ( năm 1940 ). Sẵn tiền, sẵn địa vị, hắn thả con heo trong bụng ra. Heo ấy lũi ngay một cô gái thường theo mẹ lạy Phật. Tiếng đồn đãi khắp vùng không làm cho bà mẹ cô ả chú ý. Bà còn mê muội cho rằng thiên hạ ghét « Thượng tọa » mới đặt điều nói xấu. Nhưng sau cùng bà lén rình bắt được quả tang, con gái của bà đang vò cái đầu trọc mà cười khèn khẹt. Bà nhảy vào chửi tên lưu manh một trận dậy xóm. Thiên hạ tỵ đến xem như đám hát khi. Tên giáo Thọ cuốn gói bỏ chùa trốn lên Pursat và không quên lừa cô gái đi theo. Vài tháng sau, hắn dắt cô ả về Nam-vang, mượn nhà ở xóm cây số 3 đường Russey Keo sống với nghề cho tiền góp !

Một tên khác tự xưng là Sa môn trụ trì trong một ngôi chùa khá lớn. Hắn chưng diện bề ngoài có vẻ « phong tình » hơn là đạo đức, mình mặc bộ đồ bằng hàng nhuộm vàng, mang dép da, đeo kiếng mát hiệu Ziess, thoa dầu thơm hảo hạng. Trong phòng riêng, hắn nằm giường nệm có lò so, trái «ra» trắng, trên tường có vài ngọn đèn màu. Hắn điền tâm bằng cà phê sữa, đôi khi có vài hột gà cho có đủ sức khỏe. Phục dịch hắn có một cô gái còn trẻ mặc quần áo trắng mỏng, với phận sự dọn mùng mản, đem xà bông vào phòng tắm cho hắn, loại xà bông Santal mùi trầm 100 riels một cục ! Có ai tò mò hỏi thì hắn giới thiệu : cô này làm công quả trong chùa, vừa làm nữ y tá cho hắn, sẵn sóc hắn lúc ương yếu, giờ trời. Ít lâu sao, cô ả uống thuốc ngủ tự vận

mà không chết. Nguyên do cô ta đọc được lá thư của một cô gái ở Kratié gởi cho hần lời lẽ y như vợ nói với chồng. Cô ta nổi ghen, cự kịch liệt với hần rồi tự tử làm nư ! Phật tử đều biết rõ chuyện động trời này. Mỗi lần có lễ Phật, hần tổ chức văn nghệ ngay trong chùa, một số học sinh trai, gái hưởng ứng rất đông. Chính hần làm bầu giới thiệu ca sĩ và đọc diễn văn do hần viết trước. Thường thường hần mở đầu bằng câu : «*Hôm nay, dưới bầu trời quang đảng...* » mà rui lúc ấy trời mưa âm ỉ, hần cũng đọc luôn nguyên văn, không sửa cho ăn khớp với thời tiết !

Còn nhiều trò xấu xa nữa, nhưng kể ra thêm phiền. Sở dĩ những hạng tu đối thế ấy còn tồn tại mãi là vì không có ai tố cáo hoặc sửa đổi gì cả, trái lại vẫn có một số Việt kiều vì mê tín, vì tin tưởng ở Phật Trời mà nhắm mắt ủng hộ cho chúng sống vững với thời gian.

### CAO-MIÊN PHẬT GIÁO HỘI

Một số Việt kiều trí thức có lòng thiện không thể chấp nhận lối tu hành ấy, mới tổ chức một nhóm cư sĩ tu tại gia. Mỗi vị sắm chuông, mõ, áo tràng, thiết lập bàn Phật tại nhà, thỉnh kinh về tụng mỗi ngày. Khi có đám cầu siêu, cầu an, tang ma, làm phước, quý vị họp nhau tụng niệm. Những vị đề xướng ra phong trào này là quý ông : Nguyễn Chánh Nguyên, Trần Văn Minh, nhân viên bộ Công chánh. Võ Thành Huy, Trương Văn Giàu nhà Ngân khố, một Pháp kiều Charles Magne Clairret, tư chức pháp danh Huệ Chơn. Dần dần giới công chức Việt kiều hưởng ứng rất đông. Ban đêm tiếng chuông mõ vang vang khắp xóm. Quý ông sáng lập xin phép chánh phủ thành lập «Cao-miên Phật giáo hội», đặt trụ sở tại chùa Kim chương vào năm 1936. Những hội viên đều là công, tư chức, thương gia Việt kiều tu tại gia chứ không đến chùa, không thí phát qui y và đứng riêng biệt không dính dáng đến các ngôi chùa sẵn có từ lâu. Quý vị chuyên lo tu niệm cho bản thân và tụng kinh cho tất cả Việt kiều nào nhờ đến, không

## VIỆT KIỀU Ở KAMPŪCHÉA

lấy tiền công đức. Hoạt động của hội được Kiều bào tán thưởng và kính trọng vô cùng. Có thể nói hầu hết giới trí thức Phật tử đều gia nhập hội ; nhiều người cạo đầu luôn tuy vẫn mặc quần áo thường để đi làm việc. Sau ngày khởi lửa, một số công chức về quê tiếp tục lối tu tại nhà, còn những người ở lại vẫn gìn giữ lễ lối cũ và mở mang thêm sự tu hành. Nhiều Phật tử thấy rõ hành động đối trá của các sư mô, vội quí liền xin vào hội và tự sắm chuông, mõ ở nhà hành đạo.

### NGÀNH TIỀU THỪA.

Song song với các tu sĩ tại gia, một số Việt kiều tu theo ngành Tiều thừa. Người xuất gia đầu tiên là y sĩ Lê Văn Giảng đạo hiệu Hộ Tông. Ông rời gia đình vào rừng vắng tu theo lối Ta bà. Sự ly gia của ông gây thành một tiếng vang trong các giới Việt kiều và có một ảnh hưởng rất tốt trong giới Phật tử. Các sa di, tỉ khưu Việt kiều theo ngành Tiều thừa tu tại chùa Sùng phước là ngôi chùa duy nhất của kiều bào theo ngành này. Quý vị học kinh tiếng Pali, tụng kinh tiếng Pali và thuyết pháp bằng tiếng Việt cho kiều bào nghe. Chính quý vị tiền phong Lê Văn Giảng, Thiện Luật, Bửu Chơn là những vị sáng lập chùa Kỳ viên tự ở Saigon, đều là công chức Việt kiều tu theo ngành Tiều thừa trước tiên ở Nam-vang.

Một số Việt kiều vào quí y ở chùa Miên, học chữ Miên và Pali. Những vị này nói rành tiếng Miên từ nhỏ nên học kinh kệ dễ dàng. Cửa thiền rộng mở cho các sắc dân, không phân biệt nguồn gốc. Tại Nam-vang, quý vị tu ở Mahamantrei đông nhất, ngoài ra ở các chùa khác, nơi nào cũng có tu sĩ Việt kiều. Đại đa số tu sĩ chỉ tu theo lối thông thường, tụng kinh, niệm Phật còn một ít người học giỏi thì vào trường Cao đẳng Phạn ngữ của Hoàng gia Cao-miên dành riêng cho giới sư sãi. Người Việt đầu tiên thi đậu hạng 1 vào trường này trong năm 1948 là đại đức Ngô Bửu Đạt pháp danh Hộ Giác từ năm 1959 trụ trì ở chùa Pháp quang tỉnh Gia-định. Sau 4 năm, đại đức thi ra trường đậu hạng nhất



( năm 1952 ), làm rạng rỡ danh tiếng Việt kiều. Nghe đâu chánh phủ Hoàng gia Cao-miên có mời đại đức tham chánh nhưng đại đức từ chối đề về phục vụ cho quê hương. Ngoài ra có nhiều tu sĩ Việt xin vào trường dự với tư cách bàng thính viên vì không đủ sức học chữ Phạn.

Hiện thời số tu sĩ Việt kiều ở chùa Miên rất nhiều và được người Miên quý mến vì cùng một chí hướng với họ.

### **ĐẠO CAO ĐÀI Ở CAO-MIÊN.**

Đạo Cao Đài khai sáng ở Việt-nam trong năm 1925, tòa Thánh đặt ở Tây-ninh là nơi Phát xuất mỗi đạo.

Giữa năm 1927, tòa Thánh mở một hội Thánh ở Cao-miên gọi là hội Thánh Ngoại giao, dưới chính quyền hiện thề của Đức Hộ pháp Phạm Công Tắc. Hội Thánh tạm thời đặt tại đường Lalande Callan. Trong hệ thống tổ chức, hội Thánh Nam-vang là một trấn đạo, cũng như ở Việt-nam nhiều tỉnh hợp thành một vùng dưới sự điều khiển của trấn đạo.

Ngành tôn giáo này có ba đài : một vô hình và hai hữu hình. Đài vô hình ở trên hết tên là Bát quái đài là nơi thờ phụng các đấng thiêng liêng, kể là hai đài hữu hình : Cửu Trùng đài là cơ quan hành pháp và Hiệp thiên đài là cơ quan lập pháp và cũng là cơ quan liên quan giữa Bát quái đài và hai Đài hữu hình, nghĩa là liên quan giữa vật chất và linh hồn. Chính tại Hiệp thiên đài các chức sắc tổ chức và đảm nhiệm các buổi cầu cơ, xin đấng thiêng liêng xuống bút chỉ bảo những điều cần thiết trong việc thừa hành đạo pháp.

Những vị chức sắc đầu tiên ở Cao-miên được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hay là Cao Đài chọn lựa và chỉ định ngày 27-7-1927 tại Nam-vang trong buổi xuống cơ bút.

Tín đồ Cao Đài được phong chức sắc do hai lối :

I — Cơ bút.

## 2 — Công nghiệp tiến thân.

Lễ cầu cơ do quý vị chức sắc Hiệp thiên đài đảm nhiệm. Lễ cử hành tại cung đạo ở Bát quái đài là nơi thờ phượng giữa tòa Thánh, ngày cầu cơ không nhất định hôm nào trong tháng, chỉ tổ chức khi có việc cần thỉnh ý đấng Thiêng liêng. Chức sắc phụ trách ngồi cơ là hai vị trong 12 vị thập nhị thời quân của Hiệp thiên đài (sẽ trình bày thành phần ở đoạn sau). Hai vị này cũng do đấng Thiêng liêng chọn và chỉ định chớ không phải ai muốn ngồi cũng được. Cầu cơ có hai cách gọi là Tiểu ngọc cơ và Đại ngọc cơ. Tiểu ngọc cơ là dùng mảnh giấy ghi 25 chữ cái, người cầm cơ chỉ từng chữ ráp lại; Đại ngọc cơ là dùng cái giỏ có cái cần dài ngoài đầu cần tiện hình con phụng, dưới thân chim có một đoạn cây nhỏ để cơ viết khô trên mặt bàn. Hai vị chức sắc ngồi trước bàn, hai tay cầm một bên giỏ, để đoạn cây dưới cái cần trên mặt bàn, khi đấng Thiêng liêng «nhập vào» thì bốn tay đưa đầy cái cần viết ra chữ. Một người ngồi bên cạnh đọc lên cho mọi người chép. Nếu đọc sai thì cái cần gõ mạnh một tiếng rồi viết lại ngay. Gặp khi người đọc sai hai ba lần cái cần gõ mạnh hơn tỏ vẻ bức dọc. Cầu cơ bút là quyền chỉ linh truyền dạy tín đồ.

Chức sắc được phong do công nghiệp tiến thân gọi là quyền Vạn Linh đối với quyền Chí Linh. Khởi đầu là một thí sinh thi vào đầu phòng văn phục vụ trong 5 năm đi tỉnh này sang tỉnh khác mới ra Hội Nhân Sanh nhìn nhận đã độ được 310 đạo hữu. Sau đó lại ra Hội Thánh nhìn nhận rồi đưa ra Thượng Hội. Có khi vị chức sắc ấy bị cơ bút bác bỏ những công nghiệp đã làm, thì phải chờ Hội kỳ sau. Trái lại, nếu cơ bút định cho ông A, ông B thì hội Thánh phải vâng lời.

Gọi là chức sắc là bắt đầu giữ chức Lễ Sanh, từ đó tín đồ không còn là người của gia đình nữa, do hội Thánh đề cử đi coi sóc một tộc đạo là một quận trong tỉnh.

Ở Cao-miên, hội Thánh chỉ là một trấn đạo nên không có quyền

phong chức sắc. Tín đồ phải do tòa Thánh ở Tây-ninh công nhận mới được.

Thành phần chức sắc Cửu trùng đài gồm có, từ trên xuống dưới :

— 1 vị Giáo tông là vị chức sắc tối thượng. Từ ngày thành lập mỗi đạo đến giờ chưa có vị nào giữ, chỉ có ngài Lê Văn Trung giữ chức quyền Giáo tông.

— 3 vị Chương pháp mỗi vị đứng đầu một phái.

1/ Páí Thái là phái Phật, các chức sắc mặc sắc phục màu vàng.

2/ Páí Thượng là phái Tiên, các chức sắc mặc sắc phục màu xanh.

3/ Páí Ngọc là phái Không, các chức sắc mặc sắc phục màu đỏ.

— 3 vị Đầu Sư cũng đứng đầu 3 phái.

— 36 vị Phối sư chia theo 3 phái, mỗi phái 12 vị. đứng đầu là một ông Chánh Phối sư. 36 vị này điều khiển một cơ quan gọi là tòa Nội chánh gồm có 9 viện, chia mỗi phái 3 viện.

— Páí Thái có Hộ viện, Lương viện, Công viện,

— Páí Thượng có Học viện, Y viện, Nông viện,

— Páí Ngọc có Hòa viện, Lại viện, Lễ viện.

Mỗi viện phụ trách một phần vụ y như một bộ trong một chánh phủ, ví dụ Học viện coi về Giáo dục, Y viện về Y tế, Nông viện về Canh nông.

— 72 Vị Giáo sư cũng chia theo 3 phái, mỗi phái 24 vị.

— 3000 vị Giáo hữu, mỗi phái 1000 vị.

— Và vô số Lễ sanh đủ cả ba phái.

Đối với phái nữ, thành phần chức sắc từ dưới lên trên cũng



y như bên phải nam nhưng chỉ tới vị Đầu sự và có 1 vị mà thôi.

Thành phần chức sắc Hiệp thiên đài gồm có từ trên xuống dưới :

— 1 vị Hộ pháp

— 1 vị Thượng phẩm.

— 1 vị Thượng sanh.

Ba vị này mỗi vị giữ một Chi.

Đức Hộ pháp giữ chi Pháp ở giữa. Ngài Thượng phẩm giữ chi Đạo ở bên mặt. Ngài Thượng sanh giữ chi Thế ở bên trái. Mỗi Chi có 4 vị Thời quân tổng cộng là 12 vị, gọi là Thập nhị Thời quân. Mỗi vị đứng một ngôi : Bảo, Hiến, Khai, Tiếp, ví dụ Chi Pháp gọi là Bảo pháp ; Hiến pháp, Khai pháp, Tiếp pháp ; Chi Đạo gọi là Bảo đạo, Hiến đạo, Khai đạo, Tiếp đạo ; Chi Thế gọi là Bảo thế, Hiến thế, Khai thế, Tiếp thế.

Dưới 12 vị Thời quân có 8 phẩm trật như sau :

— Tiếp dân đạo nhơn (Tiếp đạo)

— Chương ấn

— Cải trạng

— Giám đạo

— Thừa sử

— Truyền trạng

— Sĩ tài

— Luật sự

Tín ngược trở lên thì tín đồ mới gia nhập ở vào phẩm Luật sự, rồi chiếu theo thời gian và công trạng mà thăng lần lên. Chức sắc Hiệp thiên đài mặc sắc phục trắng.

Các chức sắc được cơ bút chỉ định ở Cao-miên trong Cửu trùng đài là quý vị dưới đây. Nam chức sắc :

— Ông Lê Văn Bảy, tên thánh là Thượng Bảy Thanh, chức Giáo hữu.

— Ông Nguyễn Văn Lắm, tên thánh là Thượng Lắm Thanh, chức giáo hữu.

— Ông Võ Văn Sự, tên thánh Ngọc Sự Thanh, chức Giáo hữu.

— Ông Đặng Trung Chữ, tên thánh Thượng Chữ Thanh, chức Lễ sanh.

— Ông Trần Quang Vinh, tên thánh Thượng Vinh Thanh, chức Lễ sanh.

— Ông Nguyễn Văn Cửa, tên thánh Thái Cửa Thanh, chức Lễ sanh.

**Nữ chức sắc:**

— Bà sùng phụ Batrya, nữ danh Trần Kim Phụng, chức Giáo hữu.

— Bà Lê Văn Bảy, tên thánh Hương Huệ, chức Giáo hữu.

Ông Cao Đức Trọng được thăng chức Tiếp Đạo cai quản Hiệp thiên đài.

Mỗi vị chức sắc thuộc Cửu trùng đài đều có tên thánh lấy theo phái của mình và tịch đạo. Tịch đạo là tên đặt cho nam nữ chức sắc dưới một triều giáo tông. Triều đầu tiên do ngài Lê Văn Trung quyền nhiếp lấy tịch đạo là Thanh Hương. Thanh cho nam Hương cho nữ. Ví như ông Lê Văn Bảy thuộc phái Thượng thì tên Thánh là Thượng Bảy Thanh : tên thật của mình để ở giữa, tên phái để ở trước và tịch đạo ở sau. Với phái nữ, chỉ để tịch đạo ở trước tên thật mà thôi.

Hiện thời vì chưa có vị Giáo tông thứ nhì sau khi ngài Lê Văn Trung tịch nên tịch đạo Thanh Hương vẫn còn. Trong đạo các chức sắc đã dự tính vào triều Giáo tông thứ nhì sẽ lấy tên

tịch đạo là Đạo Tâm. Đạo cho nam. Tâm cho nữ. Đến ngày ấy, các chức sắc mới được phong sẽ lấy tên mới còn quí vị ở triều vẫn giữ tên cũ.

Các chức sắc bên Hiệp thiên đài không lấy tên thánh, chỉ đề chức vị ở trước tên thật của mình, ví như : Trưởng trạng Trần Văn X, Cải trạng Lê Văn Y.

### **HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CHỨC SẮC VIỆT KIỀU.**

Hội Thánh Nam-vang là một trung tâm hoạt động rất đặc lực. Trong một năm đầu ( 1927-1928 ) đã có hơn 10.000 tín đồ Việt kiều.

Các chức sắc được thăng bậc lần hồi như giáo hữu Lê Văn Bảy thăng giáo sư 3 năm sau. Ông Đặng Trung Chữ thăng Phối sư năm 1946.

Ông Lê Văn Bảy được cử làm Trưởng đoàn hội thánh ngoại giao từ năm 1927 đến năm 1937. Trong những năm này, ông được cử đi công cán bên Trung-hoa. Ông đến Vân-nam ngụ ở Vân-nam phủ. Vì không biết tiếng Tàu, ông phải nhờ một người thông ngôn. Ông không thu được kết quả nào khi truyền bá mỗi đạo. Năm 1938, ông trở về Nam-vang và chuyển chuyển về tòa Thánh Tây-ninh.

Sau khi ông Lê Văn Bảy về Tây-ninh, ông Cao Đức Trọng thay thế trong chức vụ Trưởng đoàn.

Từ năm 1937 đến 1942, các chức sắc dưới đây được chỉ định giữ chức Trưởng đoàn, theo thứ tự :

- 1— Ông Cao Đức Trọng, chức Tiếp đạo,
- 2— Ông Đặng Trung Chữ lên chức Giáo sư
- 3— Bà Trần Kim Phụng lên chức Giáo sư
- 4— Ông Trần Quang Vinh lên chức Giáo sư



5 — Ông Thái Văn Gấm, tên thánh Thái Gấm Thanh, chức Giáo sư

6 — Ông Trần Văn Phấn, tên thánh Thái Phấn Thanh, chức Giáo sư.

Hai vị sau này do tòa Thánh chuyển lên. Giáo sư Thái Gấm Thanh bị đày sang đảo Madagascar và ở đấy vào năm 1943.

Giáo sư Thái Phấn Thanh cũng bị đày sang đảo Madagascar, được ân xá và hồi hương năm 1946. Ông ở Vũng-tàu rồi về Gò vấp và từ trần năm 1965.

Vào đầu năm 1931, Ông Trần Quang Vinh được cử đi công cán ở Paris do Chính phủ Bảo hộ Pháp ở Cao-miên nhân dịp Hội chợ quốc tế ở Vincennes. Ông Vinh nhân cơ hội ấy thành lập một nhóm nhân vật có cảm tình với mỗi đạo. Trong nhóm này có nhiều chánh khách tiếng tăm như :

1 — Ông Albert Sarraut, tổng trưởng

2 — Ông Alexis Métois đại tá.

3 — Ông Charles Bellan, nguyên tổng trưởng ở các thuộc địa.

4 — Ông Edouard Daladier, tổng trưởng và nguyên thủ tướng.

5 — Ông Henri Guernut, nghị sĩ, tổng thư ký hội Bảo vệ nhân quyền, nguyên tổng trưởng.

6 — Ông Emile Kahu, tổng thư ký hội Bảo vệ nhân quyền,

7 — Ông Ernest Outrey, nghị sĩ ở Nam-kỳ.

8 — Ông Eugène Tozza, Luật sư tòa Thượng thẩm Paris.

9 — 10 — Bà và ông Félicien Challaye, giáo sư trường Sorbonne.

11 — Ông Gabriel Abadie de Lectrac, trưởng tòa.

12 — 13 — Bà và ông Gabriel Gobron, giáo sư.

14 — Ông Marius Moutel, nghị sĩ và tổng trưởng.

15 — Cô Marthe Withams, hội viên hội Bảo vệ nhân quyền trung ương.

Đề tỏ lòng biết ơn các nhân vật trên đây, hội Thánh có khắc tên bằng chữ vàng trên mảnh đá cẩm thạch dựng trước thánh thất ở Nam-vang năm 1937.

Nhờ nhóm cảm tình viên này, tin đồ Cao Đài được một đặc ân đại xá trong buổi bỏ thăm tại Nghị viện Pháp vào tháng 2 năm 1932 và sau đó sự tự do tín ngưỡng được tuyên bố ở Đông-dương ít ra cũng được vài năm.

Ảnh hưởng của đạo Cao Đài đối với người Miên mạnh hơn người Việt miền Nam. Vào cuối năm 1926, một số đông người Miên từ bỏ ngành tôn giáo cổ truyền của họ, kéo nhau về tòa Thánh Tây-ninh thọ giáo. Quý vị chức sắc tiếp đón nồng hậu và hết lòng truyền đạo, những mong họ sẽ biến thành kẻ môi giới của đồng bào họ trên lãnh thổ láng giềng.

Trước tòa Thánh có tượng thái tử Sĩ Đạt Ta cỡi ngựa lúc trốn khỏi hoàng thành tằm đạo. Người Miên cho rằng có theo đạo Cao Đài vẫn thờ Phật như thường mà còn được nhiều điều cải cách mới, lạ hơn. Có người lại thấy bức tượng giống hình một ông hoàng Cao-miên và cho rằng ông ấy là Phật đầu thay, sau này sẽ trở về Cao-miên thay đổi chanh sách cai trị thành một quốc gia phú cường, thanh trị. Quý vị chức sắc Cao Đài không bao giờ nghĩ ra điều ấy, chỉ lo truyền bá mỗi đạo mới cho các tín đồ. Nhưng không ngờ lời đồn đãi lan tràn khắp giới người Miên rồi sang Cao-miên, đến nỗi Chánh phủ Hoàng gia Cao-miên ban hành biện pháp bắt bớ các tín đồ Miên.

Trên núi Bà Đen gần tòa Thánh có vài ngọn suối nước trong

truyền là nước Thánh. Qui vị chức sắc húng đem về tòa Thánh phân phát cho các tín đồ về nhà để trên bàn thờ thầy. Mỗi ngày, tín đồ đọc một thời kinh trong một quyển kinh, do tòa Thánh phân phát và uống nước Thánh để tiêu trừ bá bệnh. Đạo ấy, thiên hạ đồn tòa Thánh bán nước suối với giá 30 xu một vẹ. (Theo báo Pháp ngữ Écho d'Outre - Mer ngày 25-11-1930).

Người Mên tiếp tục đến Tây-ninh thọ giáo, nhận nước Thánh càng ngày càng nhiều. Đầu năm 1927, số người gia tăng, mỗi ngày có hàng trăm, thường thường do những ông có chức vị trong làng hoặc những vị sư sãi hướng dẫn. Họ che lều ở xung quanh thánh đường, dự lễ, làm công quả rồi sung sướng trở về. Nhiều nhóm khác lại tiếp tục đến. Trong ngày lễ, họ tham dự hàng ngàn. Một bản báo cáo của ti Công an ngày 2-6-1927 ghi rằng 5.000 người Cao-miên qui giữa sân chính, trước tượng đức Sĩ Đạt Ta cỡi ngựa, nhưng một vị sãi ước lượng là 30.000. Họ chỉ trở về khi tiền lưng khô cạn.

Trước số người quá đông như thế, chánh quyền địa phương lo sợ sẽ có những chuyện lỗi thời. Giới sư sãi Cao-miên không bằng lòng khi thấy nhiều nhà sư theo đạo Cao Đài, liền áp dụng phương pháp ngăn chặn lại. Ngày 23-5-1927, ông tổng trưởng bộ Lễ ban hành một thông tư nói về đạo Cao Đài như sau :

*“Nghiên cứu thật kỹ, ta thấy rằng mục đích thành lập mỗi đạo này đáng chê trách vì họ chỉ dùng những phương tiện lường gạt và khai thác tánh ngu xuẩn của các tín đồ để làm lợi cho họ.*

*Trái lại, đạo Phật mà dân tộc Cao-miên đã chịu ảnh hưởng rất sâu đậm, dắt dẫn chúng ta đến chốn Thiện, Mỹ, không có một giới luật nào có thể bành trướng trong các giới đồng bào ta.*

Thông tư còn khuyên dân chúng tu hành theo Phật giáo cổ truyền và đề phòng những điều nguy hại của một tôn giáo mới đang âm mưu lật đổ những phong tục đã có từ xưa trong lãnh thổ. Rồi, qua tháng sáu, nhiều chỉ thị rõ rệt gởi đến giới sư sãi,



và nhắc đi nhắc lại luôn luôn rằng bốn phần toàn thể sư sãi phải bài trừ thuyết Cao Đài giáo là thuyết trái ngược với luật lệ Nhà nước và giới luật của đức Thích Ca.

Nhưng dù có lệnh cấm đoán thế nào đi nữa, người Miên vẫn tiếp tục đến Tây-ninh càng ngày càng nhiều thêm.

Tức thì, nhiều biện pháp cứng rắn được thi hành hầu cắt đứt sự kiện mà chánh quyền gọi là làm xáo trộn trật tự công cộng. Xứ Cao-miên thời ấy là một quốc gia bị bảo hộ, còn miền Nam Việt-nam là thuộc địa của Pháp, cùng chung một số phận như nhau. Lệnh của toàn quyền Pháp đưa ra, nhà vua Cao-miên ký ngay sắc lệnh ngày 26-12-1927 và sau đó, sắc lệnh ngày 8-2-1928 ấn định hình phạt nặng cho người Cao-miên nào tham dự vào việc cổ động tuyên truyền hay dự lễ của một tôn giáo không được Vương quốc nhìn nhận. Người ta biết rằng :

Theo điều 15 của hiệp ước Bảo hộ ngày 11-8-1903,

Theo các sắc lệnh của vua Cao-miên ngày 21-1-1903, ngày 6-8-1919, 31-12-1925, 1-4-1930,

Theo các điều 149, 213, và 214 bộ hình luật Cao-miên, chỉ có Phật giáo và Thiên Chúa giáo được phép truyền bá ở đất Miên. Đạo Tin Lành chỉ được phép hoạt động với điều kiện quý vị mục sư có quốc tịch Pháp.

Suốt một thời gian lối một năm, tòa Thánh Tây-ninh không tiếp được một người Cao-miên nào, nhưng việc phổ biến mỗi đạo vẫn ngấm ngấm mở rộng ở đất Miên. Giữa năm 1927, Đức hộ pháp Phạm Công Tắc lên Nam-vang tổ chức nhiều buổi cầu cơ. Theo các phương pháp Tiểu ngọc cơ và Đại ngọc cơ, một đấng Thiêng liêng luôn luôn giáng bút đại: nhà văn hào Victor Hugo. Do đó hội Thánh ngoại giao ở Cao-miên được đặt dưới quyền chỉ huy linh thiêng của vị Thánh người Pháp. Vì sự bó buộc của chánh quyền, việc phổ biến các mối đạo chỉ tiến hành trong các giới Việt kiều. Và lại lúc ấy Việt kiều còn được gọi theo quốc

tịch, đại đa số là dân miền Nam ở đất thuộc địa, gọi là « dân thuộc Pháp ở Nam-kỳ » ( sujet Français de la Cochinchine ), hoặc có người nhập tịch Pháp ( citoyen Français ) nên về mặt pháp lý thì thuộc luật lệ của Chính phủ Pháp. Sắc lệnh của vua Cao-miên chỉ có hiệu lực đối với dân Miên.

Mặc dầu có sự ngăn chận chánh thức ấy, đến năm 1928 đạo Cao Đài đã truyền bá sâu rộng ở Cao-miên, ban đầu trong các tỉnh giáp ranh với Tây-ninh như Prey Veng, Svay Rieng là nơi có nhiều Việt kiều nhất. (1) Để tránh sự động chạm với chánh quyền, quý vị chức sắc Cao Đài không tiếp xúc với người Miên, chỉ liên lạc với Hoa kiều. Toàn thể tín đồ cũ và mới đồng ký vào một bản tuyên thệ có thể làm yên lòng các nhà cầm quyền :

*« Chúng tôi : chức sắc và tín đồ Cao Đài ở Cao-miên đồng thỏa thuận cam kết với chánh phủ Bảo hộ Pháp và chánh phủ Hoàng gia Cao-miên sẽ hoàn thành thừa hành Giáo pháp đúng theo tín điều của Đạo, sẽ thực hiện sự thống nhất tất cả tôn giáo hầu toàn thể nhân loại sống trong cảnh Hòa bình. Chúng tôi xin hứa với Chánh phủ không bao giờ gây rối có tình cách chánh trị. Nếu chúng tôi làm sai lời cam kết, xin chịu tội tử hình ».*

Những buổi lễ thường được tổ chức tại nhà tín đồ và nhân những dịp cưới, hỏi, cúng kiến, giỗ chạp thì tăng thêm phần long trọng vì quan khách đến dự đông đảo hơn. Dần dà Việt kiều ở tỉnh Takeo và thủ đô Nam-vang theo đạo rất đông. Nhà cầm quyền có cho người theo dõi hành vi của quý vị chức sắc và tín đồ, nhưng không cổ bằng có gì buộc tội để cấm đoán được.

Đầu năm 1929, người Miên lại đến tòa Thánh ở Tây-ninh ít hơn số người vào cuối năm 1926 và trong năm 1927. Nhiều lời đồn đãi có tính cách chánh trị nổi lên. Các nhân viên Mật

(1) Năm 1928, tổng số Việt kiều ở Cao-miên là 200.000 người; riêng hai tỉnh này có đến 80.000.

thăm báo cáo rằng trong những bài thuyết pháp có lời hứa hẹn cuộc sống tự do, huy hoàng cho người dân bị lệ thuộc. Người ta lại nhắc đến ông hoàng giống tượng đức Sĩ Đạt Ta sẽ xuất thế cứu dân Miên thoát khỏi cảnh gông cùm !

Chánh quyền địa phương huy động lực lượng cảnh sát ngăn cản những người sùng đạo đến tòa Thánh. Tuy nhiên nhiều giảng đường khắp các xã, các quận vẫn hoạt động đều đặn. Tại thủ đô Nam-vang, giáo sư Lê Văn Bảy có ý định xây cất một hội Thánh thật lộng lẫy.

Bấy giờ, nhà vua Cao-miên có ý lo ngại vì lời đồn về ông hoàng sẽ xuất thế. Ngày 10-4-1929, nhà vua gửi một văn thư cho ông khâm sứ (người Pháp) yêu cầu áp dụng những biện pháp cần thiết để giữ gìn an ninh trong vương quốc, trước những hoạt động của ngành tôn giáo mới của người Việt.

Ông khâm sứ hội ý với vị thống đốc Nam-kỳ ở Saigon về điểm khó khăn trên mặt pháp lý. Người Việt ở Cao-miên vẫn là dân thuộc Pháp ở Nam-kỳ, tất nhiên được hưởng mọi qui chế như người Việt ở miền Nam, làm sao ép buộc phải thay đổi được ? Ông khâm sứ trình bày điều thắc mắc này với nhà vua và sau cùng hai vị lãnh đạo đồng ý cho đạo Cao Đài tiếp tục truyền bá ở Cao-miên với điều kiện phải ngưng hết mọi hoạt động tuyên truyền và số giảng đường cũng được gia tăng.

Ngày 5-6-1928, tờ báo Pháp ngữ « Les Annales Coloniales » đăng một bài của ông nghị Edouard Néron của hạt Haute-Loire về những biến chuyển trên đây như sau :

«... Gần đây, các chức sắc của ngành tôn giáo mới loan tin rằng sẽ có một ông vua mới cho người Cao-miên, xuất hiện ở Tây-ninh Tin theo lời, người Miên kéo đến rất đông, gần 10.000 tên, vũ trang đao, kiếm. Ông De La Brosse, thống đốc Nam-kỳ đến tận nơi với vị đại diện nhà vua Cao-miên Monivong cùng các viên chức chỉ huy ngành an ninh Nam-kỳ và Cao-miên. Ông thống đốc mời vị chức sắc



cao cấp nhất là ông Lê Văn Trung, buộc ông phải đình chánh tín đồn một nhà vua mới sẽ xuất hiện và buộc ông phải chịu trách nhiệm về những vụ lộn xộn có thể xảy ra. Lệnh truyền được thi hành và không có việc gì đáng tiếc làm rối trật tự.

Nhân cơ hội này, đức Giáo tông Lê Văn Trung và vị đại diện ở Cao-miên, Giáo sư Lê Văn Bảy thông báo cho tất cả tín đồ Việt kiều phải triệt để tuân hành lệnh của Nhà nước và theo lời hội Thánh đã cam kết với Chánh phủ. Suốt năm 1929, không có việc gì rắc rối xảy ra, quý vị chức sắc vẫn tiếp tục thi hành sứ mạng mở mang mỗi đạo trong khắp giới Việt kiều. Những buổi lễ gia đình là những dịp tốt cho công tác. Tín đồ xin phép nhà chức trách tổ chức rằm rộ mà chính quyền không thể từ chối, chiếu theo lệnh của ông khâm sứ thành một Thánh lễ trước một số tín đồ. Các chức sắc này đều ở tòa Thánh được thỉnh đến truyền bá mỗi đạo. Lồng trong các nghi thức, tín đồ đốt pháo, đờn ca đề qui tụ kẻ tò mò, biến thành một cuộc lễ công cộng hân hoan. Nếu nhà cầm quyền có phản đối, thì tín đồ có đủ yếu tố để chống lại.

Giáo sư Lê Văn Bảy bắt tay vào việc xây cất Hội Thánh ở Nam-vang. Ông tổ chức đêm hát làm nghĩa và đi quyên tiền để gây ngân quỹ. Ông khởi công trên một mảnh đất rộng của sở Thú y, cạnh đường Pierre Pasquier. Đồng thời những giảng đường nhỏ cũng được thiết lập ở các xóm Việt kiều, phần nhiều xa công sở và thường lên dựng ban đêm.

Chánh phủ Bảo hộ không thể làm ngơ trước sự bành trướng của mỗi đạo nên ngày 4-7-1930, ông khâm sứ ở Nam-vang thông sứ cho các tỉnh trưởng trên lãnh thổ Miên, đại khái như sau :

«Vì gần đây có những chuyện lộn xộn xảy ra, và để ngăn chặn tất cả những cuộc hội họp bất kể dưới hình thức nào có thể làm rối loạn trật tự, tôi nhất định xóa bỏ từ ngày nay đến khi có lệnh mới, những đặc ân mà Chánh phủ Hoàng gia Cao-miên và tôi đã dành cho đạo Cao Đài. Không những thế, từ đây, tôi cấm đạo này tổ chức các

cuộc lễ nào cũng mặc, nhỏ hay lớn cũng vậy. Nếu ở địa phương, có kẻ nào bất tuân vẫn cử hành lễ bái thì bọn phận của quý ông là tỉnh trưởng phải ngăn cấm không cho cuộc lễ thành hình, nhưng đừng bắt bớ họ, ngoại trừ trường hợp tổ chức công khai ngoài đường phố thì quý ông không thể tha thứ họ. Mỗi lần có chuyện xảy ra, tôi yêu cầu quý ông ghi rõ căn cước của kẻ nào tổ chức và chỉ huy rồi điện cho tôi hay. Tôi sẽ áp dụng biện pháp theo luật định đề trục xuất họ ra khỏi lãnh thổ Cao-miên. Tôi yêu cầu quý ông thông báo chỉ thị này cho dân chúng biết.

Lệnh trên được triệt để thi hành mấy tháng liên tiếp gây ra một loạt biến cố quan trọng, nhiều vụ bắt bớ đưa ra Tòa án, nhiều chiến dịch báo chí sôi nổi và sau cùng nhiều vụ can thiệp nồng nhiệt của các đoàn thể và nhân vật chính trị cạnh chánh phủ Pháp. Người ta công khai bàn tán « vụ ngược đãi tôn giáo », « làm khổ nhục kẻ theo một đức tin mới ».

Ngày 11-8-1930, ở tỉnh Takeo, bà góa phụ Huỳnh Thị Trọng bị bắt và của cải bị mất sạch theo lệnh của ông tỉnh trưởng, về tội làm lễ cầu siêu thân nhân quá vãng theo nghi thức Cao Đài giáo. Bà Trọng có xin phép trước và được ông tỉnh trưởng chấp thuận bằng khẩu lệnh. Sở dĩ ông bảo nhân viên bắt đương sự là có ý xem đương sự có phải cử hành nghi lễ đúng như lời xin hay không? Bà Trọng được trả tự do vì không có lỗi nào khả dĩ bị buộc tội. Nạn nhân kiện ra tòa và các viên chức đã bắt bà bị khiển trách về tội thi hành lệnh sai lệch, đập phá tượng thờ và hành động như kẻ bài trừ tôn giáo. (Nghị định ngày 16-4-1929).

Ngày 19-11-1930, cảnh sát tịch thu những tượng thờ chôn trên chiếc tàu dò đề đưa vào hội Thánh Nam-vang. Ngoài ra nhiều tín đồ Việt kiều bị xét nhà vô cớ, bị bắt bớ và đánh đập tàn nhẫn. Các viên chức đập bể tượng và xé các hình thờ.

Ngày 12-3-1932, hội Bảo vệ nhân quyền gửi một văn thư cho ông tổng trưởng bộ Thuộc địa trình bày trường hợp của

Hoa kiều Tế Lim có vợ người Việt miền Nam có 3 con, sống ở Cao-miên 20 năm, bị ông khâm sứ trực xuất khỏi Đông-dương ngày 2-7-1930 về tội dự buổi tang lễ gồm có 9 người, trong khi giấy phép cho tổ chức được ông khâm sứ này ký trên giấy trắng mực đen!

Một việc quan trọng hơn hết là vấn đề giáo sư Lê Văn Bảy xin phép tổ chức lễ Trung Thu ở Nam-vang trong đêm 7-9-1930 tại hội Thánh.

Ngày 6-9-1930, một lính trưng thu và giam giữ "khoán trắng" chuyển đến ông Desfrancois, trưởng ty Mật thám và được thi hành ngay buổi tối, quá 8 giờ. Giáo sư Lê Văn Bảy bị bắt với 97 chức sắc và tín đồ Việt kiều ngay trong hội Thánh và các căn nhà kế cận dùng để làm chỗ trọ cho quý vị chức sắc và tín đồ ở xa về thủ đô. Hai hôm sau, mọi người được thả ra nhưng phải ra Tòa về tội hội họp bất hợp pháp. Trong phiên xử ngày 20-5-1931, Tòa phạt vạ: Giáo sư Lê Văn Bảy 200 quan, các vị chức sắc 100 quan và tín đồ 50 quan. Ngoài ra, Tòa buộc phải giải tán đạo Cao Đài ở Nam-vang vì trái với luật lệ hiện hành, chiếu theo điều khoản của bộ Hình luật Pháp cấm những cuộc hội họp công cộng không quá 20 người, và chiếu theo bộ Hình luật Cao-miên cùng sắc lệnh của nhà vua về việc thừa hành đạo pháp trong lãnh thổ. Trạng sư Lortot Jacob, tòa thượng thẩm Sài Gòn không thể nào bênh vực được các bị cáo, mặc dầu ông trình bày nhiều điểm mờ ám trong sự kiện.

Giáo sư Lê Văn Bảy chống án. Ngày 7-11-1931, tòa thượng Thẩm Sài Gòn chấp nhận những lời buộc tội của tòa Nam-vang, nhưng bớt số tiền phạt vạ (còn từ 16 đến 100 quan) và cho những án treo. Giáo sư chống lên tòa Phá án ngày 30-1-1932 bị bác đơn. Sau đó, Thượng nghị viện Pháp ra lệnh đại xá, hủy bỏ số tiền nộp phạt vào tháng 2-1932.

Căn cứ vào bản án này, tòa án Nam-vang tiếp tục lôi nhiều tín đồ Việt kiều ra vành móng ngựa. Thế nhưng, dù có bị ngược



dãi đến thế nào đi nữa, như giảng đường bị đóng cửa, bị trưng thầu, cấm tín đồ vào nghe không quá 20 người, xét hỏi giấy tờ v. v... quý vị chức sắc vẫn tiếp tục thi hành sứ mạng. Tuy nhiên người Miên bấy giờ đứng ngoài vòng, ảnh hưởng của mỗi đạo chỉ bành trướng trong các giới Việt kiều và Hoa kiều.

Trong lúc ấy, ở tòa Thánh Tây-ninh có việc tranh chấp giữa vài vị chức sắc mà dư âm dội đến hội Thánh Nam-vang. Ông Chưởng pháp Lê Bá Trang kiện Giáo sư Lê Văn Bảy về tội tiêu lạm công quỹ. Giáo sư bị bắt trong tháng 8-1933. Tòa Thánh cử ông Trần Quang Vinh thay chức "Chủ trương hội Thánh ngoại giao" Ông Vinh đã khéo léo giữ vững tinh thần tín đồ Việt kiều.

Cuối năm 1934, vị toàn quyền Đông dương René Robin chấp thuận cho đạo Cao Đài được tự do hành đạo trong toàn quốc. Sóng gió đã qua, Việt kiều thở một hơi thở dài. Ngày 21, 22 và 23-5-1937, hội Thánh Nam-vang tại đường Pierre Pasquier, nay đổi là Monivong, được khánh thành rất trọng thể. Chính ông Trần Quang Vinh đọc bài diễn văn khai mạc, được báo chí Pháp, Việt và các văn sĩ nhắc nhở nhiều lần.

Tính đến năm ấy (1937), tổng số tín đồ Việt kiều có lối 30.000 người. Mười lăm năm sau, năm 1951, tòa Thánh Tây-ninh lập bảng thống kê chánh thức có hơn 70.000 tín đồ ở Cao-miên, đúng ra là 73.167 tín đồ chia ra : 64.954 Việt kiều và 8213 người Miên.

Năm 1952, Chánh phủ Cao-miên lấy sở đất nơi cất hội Thánh lại. Quý vị chức sắc phải dời hội Thánh, dời về đường Norodom, gần cầu Monivong, Việt kiều quen gọi là cầu Saigon. Hội Thánh được xây cất tạm thời, không lộng lẫy đồ sộ như trước.

Năm 1956, Chánh phủ Cao-miên không cho tòa Thánh Tây ninh bổ nhiệm quý vị chức sắc ở Việt-nam lên Nam-vang nên chức Chủ trương hội Thánh Ngoại giao do ông Trần Quang Vinh giữ được Giáo sư Thượng Hoàng Thanh thay thế.

Từ ngày được Pháp trao trả quyền hành, Chánh phủ Cao miên không muốn cho đạo Cao Đài bành trướng hơn nữa.

Lệnh cấm người Miên vô đạo vẫn còn áp dụng, nhưng không vì thế mà những tín đồ Miên từ bỏ đạo Cao Đài để trở về với Phật giáo.

Trong số tín đồ Miên có 6 vị Lễ sanh và 1 vị Giáo sư ở tòa Thánh.

Trong năm 1956, đức hộ pháp Phạm Công Tắc lưu vong sang Cao-miên, đánh dấu một giai đoạn tranh đấu về chánh trị. Cuối năm ấy, hội Thánh khởi công cất đền Phật mẫu ở ngoại ô Nam-vang, thuộc xóm Stung Meang Chey để ghi ngày đức Hộ pháp lìa quê hương. Đền Phật mẫu là nơi thờ đức Mẹ, do một số đồng thợ hồ, thợ mộc ở Tây-ninh lén vượt biên giới sang Cao-miên làm công quả. Lối kiến trúc ngôi đền thật nguy nga, lộng lẫy, nhưng chỉ được 2 phần 3, vào cuối năm 1957 số thợ nhập cảnh bất hợp pháp bị chánh phủ Cao-miên bắt trục xuất về Saigon. Trong giới tín đồ Việt kiều có người cho rằng đó là một âm mưu của chánh phủ Ngô Đình Diệm. Những người thợ ấy bị giam ở Saigon một năm mới được tự do. Đồng thời ở Nam-vang có lệnh chánh quyền bắt hội Thánh phải đập phá ngôi đền, quý vị chức sắc kêu nài tại Tòa án không được, lên tòa Thượng thẩm cũng không xong, phải vào Hoàng thành xin với bà Vua mới yên. Ngôi đền không được cất thêm và cũng không cho cất lại.

### **ĐẠO CAO ĐÀI Ở CAO-MIÊN TRÊN SÂN KHẤU CHÁNH TRỊ.**

Năm 1954, đức Hộ pháp Phạm Công Tắc viếng thủ đô Nam vang được thái tử Sihanouk tiếp đón long trọng đúng theo nghi thức một vị Lãnh đạo tinh thần một ngành tôn giáo.

Năm 1956, Chánh phủ Hoàng gia Cao-miên có liên lạc ngoại giao với Chánh phủ Ngô Đình Diệm nên không muốn có

sự mích lòng khi đức Hộ pháp lưu vong sang. Thái tử Siha-r.ouk không tiếp đức Hộ pháp như lần trước, chỉ cho một ông tổng trưởng gặp Ngài. Đức Hộ pháp vẫn bị bắt buộc phải làm thủ tục tị nạn chánh trị như mọi người, không được xem là vị Giáo chủ nữa.

Đức Hộ pháp ở Nam-vang cùng với một số chức sắc tị nạn nhưng không hoạt động gì được ngoài ra thảo bản cương lĩnh : Hòa giải Dân tộc gọi Chánh phủ Ngô Đình Diệm vào đầu năm 1957. Trong ấy, đức Hộ pháp đề nghị nói chuyện với miền Bắc để tránh cảnh huynh đệ tương tàn. Ý kiến ấy không được Chánh phủ Diệm chấp nhận vì không đúng theo lập trường chống Cộng. Do đó, đức Hộ pháp và nhóm Cao Đài tị nạn chánh trị ở Cao-miên bị gán là thân Cộng. Tuy vậy, đức Hộ pháp vẫn kiên nhẫn cử quý vị chức sắc :

Hiến pháp Trương Hữu Đức

Thái chánh phối sư Thái Bộ Thành

Đầu sư Thượng Sáng Thanh

Trường trạng Lê Quang Tấn

lần lượt vào dinh Độc lập cả thảy 4 lần để trao bản cương lĩnh tận tay Ngô Đình Diệm.

Tín đồ Cao Đài Việt kiều bị Chánh phủ Cao-miên dòm ngó, trông chừng sát cánh vì sợ họ làm rối cho nền bang giao với Chánh phủ Việt nam Cộng hòa.

Ngày 17-5-1959, đức Hộ pháp Phạm Công Tác từ trần, hưởng thọ 70 tuổi. Lễ an táng Ngài được cử hành hết sức long trọng ở Nam-vang. Lúc ấy, giữa Cao-miên và Việt-nam Cộng hòa có sự xích mích nên đạo Cao Đài được yên ổn phần nào.

Hội Thánh làm đơn lên nhà vua Cao-miên Suramarit thỉnh cầu 2 việc :

1) Xin gọi xác đức Hộ pháp ở Cao-miên chừng nào Việt nam thống nhất sẽ đưa về,



2) Xin đừng ra lệnh phá đền thờ Phật mẫu,

Cả hai điều được chấp thuận hết. Các chức sắc tị nạn tự do tìm phương kế sinh nhai. Có hai vị hợp tác với tờ tuần báo "Hữu Nghị" vạch trần âm mưu của Việt cộng và chỉ trích Chánh phủ Ngô Đình Diệm thẳng tay.

Về phương diện hành đạo thì quý vị chức sắc không liên lạc được với tòa Thánh Tây-ninh vì Chánh phủ Diệm cản trở. Ở tòa Thánh cũng vậy, không dám nhìn nhận hội Thánh Nam vang suốt mấy năm dưới chế độ nhà Ngô. Hội Thánh đổi thành khâm trấn Đạo và tự điều động lấy.

Sau ngày 1-11-1963, chỉ hướng của quý vị chức sắc tị nạn được sáng tỏ: chống Cộng sản và chống chế độ nhà Ngô. Nhiều vị được Chánh phủ Cao-miên đưa về Saigon hợp tác với Chánh phủ Cách mạng, một số còn ở lại Cao-miên vì còn dính lư công việc làm ăn. Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa mở rộng cửa tiếp đón họ. Bấy giờ Chánh phủ Cao-miên cũng tỏ ra dễ dãi với hội Thánh. Vấn đề liên lạc giữa tòa Thánh Tây-ninh và hội Thánh Nam-vang được công khai, hệ thống chỉ huy và hoạt động điều hòa trở lại. Tuy nhiên vấn đề bổ nhiệm chức sắc ở Việt-nam lên Cao-miên chưa được Chánh phủ Cao-miên chấp thuận vì tình trạng chánh trị. Việc hành đạo được tự do, tín đồ không bị ép buộc, dòm ngó, làm khó dễ nữa. Ngôi đền Phật mẫu vẫn chưa được giải quyết dứt khoát. Chánh phủ Cao-miên giữ nguyên lệnh cũ: không cho cất thêm và không đập phá. Về phía hội Thánh thì thiếu tiền, thiếu thợ. Những người thông thuộc lối xây cất riêng biệt này đều ở Tây-ninh, không thể xin phép sang Cao-miên; còn thợ Việt kiều thì không sành nghề bằng mà tiền công lại quá cao.

Tóm lại, hội Thánh tạm thời ở gần cầu Monivong, đền Phật mẫu xây cất dở dang ở xóm Stung Méangchey, chờ thời cơ thuận tiện sẽ tiếp tục. Sau khi diệt nhà Ngô, tín đồ Việt kiều Cao Đài được yên tâm tu hành.

## NHỮNG TÍN NGƯỠNG KHÁC

Ngoài ba tôn giáo lớn, trong giới Việt kiều có một số người tin theo lời tuyên truyền về các ngành đạo khác như Tứ ân hiếu nghĩa, đạo Thờ ông bà, đạo Non, đạo Năm, đạo Nồi v.v... Điều đáng ghi là có nhiều nhà trí thức nghe theo một cách mù quáng. Những người tự xưng là « ông đạo » phần đông ăn mặc hơi khác thường một chút, hoặc có một vài hành động lạ lùng một chút và nói nhiều lời lạ tai nếu không nói là quái gở. Thường thường các ông tiên tri về đại hội Long hoa sắp đến, mọi người cần phải lo tu hành để cứu lấy thân mình. Các ông bảo rằng đến « ngày ấy » (hoặc rằm tháng 7, hoặc rằm tháng 8) thì tối trời tối đất, gà không gáy, chó không sủa, có tiếng nổ ba lần, nắng lửa mưa dầu, thiên hạ không biết đường mà tránh. Ai chạy xuống sông sẽ bị con ngạ ngư ăn thịt, chỉ có những người chịu tu ngay từ bây giờ mới được Phật (?) cứu. Nói thế, các ông thu nhận người nghe làm đệ tử cũng như nhận trước chỗ ngồi trên xe, và tự nhiên tín đồ phải cúng tiền bạc, quần áo cho các ông.

Một ông công chức kỳ cựu nghe theo lời một ông đạo, tự xưng là « đạo Nồi » (nghĩa là ngồi xếp bằng dưới nước thì nồi tới bụng), mỗi buổi trưa, sau giờ làm việc quì trước bàn thờ lối nửa giờ, tẩn một cây nhang rồi mới ăn cơm ! Ông ấy tin tưởng mãnh liệt lời ông đạo mỗi khi ông cho biết rằng đến « ngày đó » sấm nổ ba tiếng, sông Cửu-long hóa thành biển, có một chiếc tàu nồi lên, gọi là Tàu Bà đậu trước thủ đô Nam-vang, mũi tàu tại đó, lái tàu ở tận Vĩnh-long. Người nào chịu làm đệ tử của ông đạo Nồi mới được lên tàu tránh nạn, bằng không thì bị thứ dữ phanh thây. Ông công chức ấy nộp tiền, quần áo cũ cho ông đạo ôm vào xóm bán lấy tiền đánh dả-dách !

Nhiều Việt kiều mê tín bị gạt kiêu đó kể ra không hết. Ông đạo nào cũng xưng là ở núi Sam, núi Tô, núi Cấn vùng Châu-đốc, tu luyện trên Đại sơn mấy mươi năm, nay thấy thời sắp hết mới chu du cứu đời ?

Những lời « thuyết pháp » của các ông chỉ có loay hoay quanh hội Long hoa, chiếc Tàu Bà, con ngạ ngư mà « ăn tiền » vô số. Thấy nghề làm ăn phát đạt, bọn lưu manh gia nhập vào « làng đạo » mỗi ngày càng thêm nhiều, chúng nhờ những tay cò mồi đi rêu rao trước đề gọi lòng tin tưởng của kiều bào bằng những mẩu chuyện có thật đã xảy ra từ lâu ở quê nhà. Đó là những chuyện vài ông đạo ở núi hạ sơn một thời gian ngắn làm phép cứu người không ăn tiền. Đúng hạn định, các vị về núi và biệt tích luôn. Chúng thường kể lại câu chuyện dưới đây :

*« Vào năm 1933, dưới chân núi Sam chỗ Bến đá có bệnh dịch là hoành hành. Dân chúng chết khá nhiều. Giữa lúc mọi người lo buồn thì có một dị nhân xuất hiện. Ông này hớt tóc «bom bèo» chẵn ngang ót, đội nón nỉ rộng vành, mặc áo nỉ đen và quần lãnh, mang giày hàm ếch, suốt ngày đi dọc theo xóm nhìn từ ngôi nhà. Gặp nhà nào có bệnh ông vào ngay, không cần ai mời, mà không ai biết ông làm nghề gì mà mời. Ông hỏi gia chủ tên người bệnh, tuổi tác rồi co tay tính toán. Nếu ông nói chết thì không cách nào cứu được, trái lại ông gật đầu, đốt ba cây nhang lăm bậm nói :*

*— Ta biết bọn mi rồi ! Đừng hại dân lành. Có giới thì theo ta về núi. Ta là «Tu la ngoại đạo» ở núi Cẩm đây. Ta bảo bọn mi phải đi khỏi nhà này, không thì đừng trách.*

*Nói xong, ông quăng ba cây nhang xuống đất, từ giã chủ nhà đi thẳng. Người bệnh mạnh liền. Chủ nhà chạy theo mời ăn uống, đền ơn tiền bạc, ông đạo nhất định không nhận gì cả.*

*Ông ở xóm Bến đá gần một tháng, cứu mấy trăm người khỏi chết. Đến người cuối cùng ông từ chối không giúp. Gia chủ khẩn khoản mời thỉnh hoài. Ông bèn nói :*

*— Đến cũng chết, không cũng chết. Thiên số đã định rồi. Nhưng tại cũng tới làm cho bà con thấy kéo bà con nói tôi xấu bụng và bất tài.*

*Ông vào nhà bảo lấy một thân cây chuối nhỏ, họa phù làm phép*



đoạn tay cầm chiếc dao yếm, tay cầm thân chuối hướng về người bệnh mà rằng :

— *Ta không phải thua bọn mi đâu, đây là số mạng của bệnh nhân đã dứt nhưng ta cũng trị bọn mi cho biết mặt.*

Ông dẫn người nhà giữ chặt bệnh nhân rồi chém mạnh một nhát dứt hai thân chuối. Người bệnh đang nằm liệt giường tự nhiên bị giật bắn bồng lên nóc mừng và rớt xuống tắt thở. Bọn quỉ cũng bị chết vì lưỡi dao ấy. Từ đó, ông đạo không trị bệnh nữa. Ông giải thích rằng :

— *Bần phận tôi đã xong. Tôi đã cứu đủ số người rồi. Bây giờ tôi không dám vào nhà ai nữa vì lẽ bọn quỉ theo tôi rất nhiều, chúng sẽ đấu tài với tôi trên núi. Trong lúc này nếu chúng vào nhà ai thì phá nấy, mà khi chúng phá thì tôi không cứu được.*

Ông già từ đi biệt tích, không còn gặp ai nữa.

Một chuyện khác xảy ra vào khoảng năm 1912 tại một nơi của tỉnh Kiến-phong, bây giờ, đó là chuyện ông Khùng ! Người ta gọi Khùng vì hành động của ông đúng là một người khùng. Ông rất giống như kẻ mất trí, suốt ngày đi từ làng này qua làng khác, gập rác rến, sơ mít, cùi thom, vỏ chuối, vỏ măng cầu thì lượm bỏ vào cái bao lát mang trên lưng. Ông không phá khuấy ai, không nói bậy bạ, cứ làm thỉnh đi hoài. Ai cho gì cũng ăn, cho ngủ trước hàng ba thì ngủ, không ai « ước » thì nằm ngoài chợ, trong chùa, trong miếu. Có điều lạ là khi nhà nào có người mang bệnh ngặt nghèo thì có ông tới ngay. Trong lúc thân như lo sắm sửa quan quách, ông chen vào nhìn mặt người bệnh rồi bỏ chạy hay cười xòa ở lại. Người nào được ông ở lại thì sống, trái lại thì chết. Phương pháp trị bệnh của ông cũng có vẻ khùng như ông. Ông mở bao lát lấy một cái cùi thom, một miếng sơ mít, một cái vỏ chuối vài miếng rễ cây, bụi cỏ, rác rến, dồn lại một gói đưa chủ nhà bảo nấu sắc cho bệnh nhân uống. Thoạt tiên người ta không nghe, vì ai cũng cho ông ta khùng. Nhưng ông cứ khẩn khoản nói hoài, rốt cuộc chủ nhà làm

thử xem thế nào. Uống xong người bệnh thấy khỏe ! Chủ nhà chạy tìm ông xin «bỏ» thêm thang khác, thì ông cười xòa bảo cứ lấy thang đó sắc cho uống hoải, tới mạnh thì thôi.

Tiếng đồn ông Khùng cứu người sắp chết vang khắp quận. Người nào cũng tìm ông ta để nhờ trị bệnh cho thân nhân. Hễ người nào ông ta chạy thì đừng lo thầy khác vô ích. Không bao giờ ông nhận của ai một đồng xu. cho ăn thì ăn, cho tiền không lấy. Ông đi lang thang như thế đến gần nửa năm thì biệt luôn. Không ai trò chuyện với ông và ông cũng không nói chuyện với ai nên không ai biết lai lịch ông thế nào...

Hành động của bọn lưu manh quá lộng, đến nỗi nhà cầm quyền Pháp lại cho rằng chúng làm chánh trị (!) mới mở cuộc can quét. Cũng may, nhiều tên nhanh chân trốn khỏi, tuốt về Nam. Giới Việt kiều ở phải bị lường gạt trắng trợn.

## XÁC ÔNG, XÁC BÀ

Hằng năm, vào ngày rằm tháng giêng âm lịch, Việt kiều họp với Hoa kiều ở thủ đô Nam-vang, ở Chruichangwar và ở tỉnh Kompong Chcnang tổ chức cuộcưng cộ rất lớn. Cộ này gọi là «cộ Ông, cộ Bà» do những người đồng cốt được các vị Thần Thánh nhập vào trong lúc diễn hành khắp thành phố. Đoàn cộ gồm nhiều kiệu mỗi kiệu có một vị đồng ngò! hoặc đàn ông, hoặc đàn bà. Mỗi vị là xác của ông Thần nào thì ông ấy nhập. Khi Thần nhập xong và «nhập thiệt» thì người xác không biết mình nữa, tất cả cử động đều theo một mệnh lệnh huyền bí sai khiến. Người xác làm những trò ghê gớm ngoài sức tưởng tượng của người thường, như đi trên lửa, cầm trái cân sắt đốt đỏ, chém vào mình, xiềng quay. Một số đồng Việt kiều rất tin tưởng chư vị Thần Thánh hiền linh và cử hành nghi lễ rất đứng đắn. Chánh phủ Cao-miên cũng chú trọng đến cuộc lễ và ban hành nhiều đặc ân cho việc thờ phụng cùng việc tổ chức đoàn cộ hằng năm.

Trước ngày lễ chánh thức, mỗi am miếu cầu Thần về nhập thờ vào xác để tuyển lựa và đề phòng sự giả mạo. Ban tổ chức có mời nhà chức trách đến dự, tuy không phải là lễ chánh thức, nhưng quý ông cảnh sát trưởng rất vui lòng chứng kiến và ban thưởng xác nào biểu diễn đứng đắn nhất. Người ta thử xác ngoài sân miếu. Trong góc sân, có một ống lửa, một thùng nước lạnh và một cái giá cắm bình khí rất bén. Xác mặc quần, choàng cái váy màu, ở trần, đội mào vải, đi chân không, ngồi giữa sân nhắm mắt lại. Ban Nghi lễ van vái xong thì một toán trẻ đập trống cơm lên hồi. Thần nhập. Xác ợ, ngáp, uốn éo rồi múa may vùn vụt, đoạn lại ống lửa lấy móc sắt kéo cái cân 5 kí lô đốt đỏ cho vào mồm cắn chặt, đi một vòng sân, nhả cân vào thùng nước. Mồm, lưỡi của xác không bị phỏng chút nào cả. Đây là xác « lên thật ». Hoặc xác lấy kiếm, gươm tự chém vào mình, lấy trái đấm đập lưng, lấy xiềng quay xỏ ngang gò má mà da, thịt vẫn như thường. Xác nào « lên giả » thì lộ tẩy ngay, xác không dám cắn trái cân, không dám chém vào mình. Xác sẽ bị sa thải tức thì và nhà chức trách cấm không cho làm nghề ngồi đồng nữa.

Người « xác » được thần nhập là người có thiên tư riêng biệt, không phải ai muốn ngồi cũng được. Người nào « hạp với vị thần nào rồi thì lấy nghề ngồi đồng làm kế sanh nhai. Người ấy ở luôn trong am, miếu, hoặc ở gần đó, suốt năm chuyên ngồi đồng trị bệnh tà. Tại thủ đô Nam-vang và ở khắp các làng, các tỉnh có rất nhiều xác đồng Việt kiều chuyên nghiệp. Có người làm ăn ngoài đời như thường, khi có việc cần thì vào miếu ngồi cho Thần nhập xong rồi làm việc như cũ. Kiểu bào cầu Thần trị những bệnh tà ma ám ảnh hại người điên cuồng, thuốc thang không thuyên giảm, Thần dùng uy lực đánh đuổi bọn quỷ và phù hộ « đệ tử » mạnh khỏe bình yên. Hoặc trong nhà có quỷ ám làm ăn không khá, Thần cho bùa trấn áp. Đức tin của Việt kiều rất mạnh và rất bền bỉ, không vì thời gian tiếp xúc với thế giới văn minh mà suy xuyền. Song song với sự tiến



triển của các ngành khoa học, một số Việt kiều vẫn duy trì cổ tục nghìn xưa và phát triển thêm nghề xác Ông, xác Bà Năm 1956, một vị xác 82 tuổi cho biết rằng nghề này rất thịnh hành ở Cao-miên và hiện tại trong giới Việt kiều có rất nhiều người được: « kẻ khuất mặt » dựa vào Đó là do những nạn chết chóc ở Việt-nam hơn 20 năm qua, các linh hồn không siêu thoát tìm nơi nương tựa ! Ảnh hưởng của điều này có điểm khả quan là trong giới Việt kiều có thêm nhiều người tu hành, tin tưởng ở Trời, Phật. Ban đêm, tiếng tụng kinh, gõ mõ vang khắp xóm.

Cũng trong năm 1966, Chánh phủ Cao-miên bắt các tổ chức Cộ Ông, Cộ Bà đóng một số tiền thuế khá nặng mới cho phép tập hợp, thao duyệt và đi tuần hành trong các đường phố thủ đô Nam-vang. Sự kiện này mới xảy ra lần đầu tiên trong lịch sử. Mỗi lần cử hành lễ dựng cộ, ban tổ chức đều có thâu được món tiền nào vì những chùa, miếu, am tham dự đều tự ý góp sức và chung chịu mọi sở phí, còn Việt kiều và Hoa kiều hưởng ứng cũng tự ý cúng heo, gà, góp vào buổi tiệc thân hữu mà thôi. Người ta chỉ tin tưởng rằng có Cộ Ông Cộ Bà mỗi năm thì dân chúng được Thần Thánh phò hộ, bình yên mạnh giỏi làm ăn. trái lại sẽ có những tai họa xảy đến. Vì thế, khi lệnh ban hành, người bãi bỏ Cộ Ông Cộ Bà vì không tiền đóng thuế Việt và Hoa kiều rất buồn vì mất một cổ tục của họ tôn thờ ngót một thế kỷ qua.

### **BÙA, NGÃI**

Xứ Cao-miên nổi tiếng về Bùa, Ngải. Những vị pháp sư người Miên phần nhiều là quý vị sư sãi có nhiều thì giờ ở chùa luyện phép, đọc bùa, rồi khi trở lại cõi thế đem ra hành nghề làm kẻ sanh nhai. Hoặc có vị vẫn ở chùa, dùng huy lực của mình cho bùa, ban phép giúp thiên hạ.

Trong giới Việt kiều có một số người chuyên môn sống về nghề bùa, ngải và một số đông rất tin tưởng ở bùa ngải. Kẻ dùng

bùa, ngãi có thể nói là những người tầm thường, không đủ sức làm một việc gì, không có đức tin theo con đường chính mới nhờ đến oai lực của Thần Thánh. Có kẻ muốn chiếm được lòng người đẹp, muốn đào mỏ, muốn đoạt của cải của một góa phụ, muốn giành vợ đoạt chồng người mà không đủ tài thi thố hoặc không dám ra mặt, mới dùng bùa, ngãi. Có kẻ thù muốn ám hại đối phương điên cuồng hay bỏ mạng mà không đường đường, chánh chánh ra mặt, lại dùng bùa, ngãi. Người thất chí, làm ăn thua lỗ kẻ không có hi vọng tán người yêu nhờ pháp sư cho một thứ sáp đựng trong cái hộp gỗ tròn bằng ngón chân cái thoa lên môi để nói người ta nghe trong các cuộc dự tính kinh doanh, trong khi vay tiền hay lúc «thuyết» người đẹp. Hạng «học sinh đội sỏ» cũng nhờ thứ sáp này để qua kỳ hạch miệng được giám khảo thương cho điểm cao ! Kẻ yêu người không được người yêu lại, dù trai hay gái, dùng sáp thoa vào môi thì nói gì kẻ ghét mình cũng nghe tuốt ! Trước khi hầu kiện, có người thoa loại sáp đó để lời nói của mình được quan trên chú ý và có cảm tình ! Đi làm ăn xa hay khước trương một công việc gì, người ta nhờ bùa đeo trong mình để được thâu nhiều lợi. Có điều lạ là không khi nào loại bùa này hiệu nghiệm đến lần thứ nhì, không hiểu có phải tại Thần, Thánh không cho ta hưởng quá nhiều hay là tại vị pháp sư cố làm như thế để ăn tiền công lần thứ hai, thứ ba và ăn thêm hoài hoài.

Gia đạo không yên, sinh hoạt bần chật, pháp sư cho rằng có ma, quỷ ăn trong nhà hoặc oan hồn yêu tử theo quấy rối, gia chủ phải nhờ bùa trấn áp. Có người dùng bùa để cứu người bị nạn, ví dụ như con gái bị bỏ bùa, trốn nhà theo trai, đàn bà bị bùa mê vợ bé. Có người dùng bùa để trục thân nhân đi xa lâu về, hay không biết tin tức. Có người dùng bùa để ếm hại người tán gia bại sản, bị cướp đánh, bị cháy nhà. Có người dùng bùa hại người không ở trong nhà được, suốt ngày bứt rứt, bực bội, rầy la, quát mắng thân nhân, coi gia đình như địa ngục, muốn đi khỏi nhà, tuy không biết đi đâu và làm gì ? Có người dùng bùa để đem tượng Phật, kim may, hột xoàn vào trong thân thể khi bị người đánh

không biết đau, chém không đứt, ta thường gọi là gông. Có người dùng bùa đề hộ thân, giữ gìn tánh mạng, tránh súng đạn trong thời khói lửa, đeo bùa roi họ tin đạn bay không trúng mình, bị đôi phương rượt chạy cũng không thấy. Có người dùng bùa đề luyện thiên linh cái gọi là con hèn nằm, cánh tay trẻ con bị trời đánh, hay luyện phép biến mình trong nước. Hạng người này thường lợi dụng tài nghề giờ ngón bắt lương hơn là giúp đời.

Trong giới bùa ngãi của Việt kiều có nhiều vị pháp sư đứng đắn, chuyên cứu giúp thiên hạ, nhưng cũng có một số lợi dụng bùa ngãi để làm hại. Những kẻ có ác tâm luôn gánh lấy hậu quả khốc hại đúng theo luật công bằng của Tạo hóa : gieo gió thì gặt bão. Do đó, những câu chuyện chết chóc, điên cuồng vì bùa ngãi thỉnh thoảng xảy ra tạo thành giai thoại trong xã hội Việt kiều.

Dùng bùa, ngãi có lợi cho mình là thế, nhưng dùng vào việc quấy sẽ có hại, hại không phải nhỏ mà chính mình gánh điều hại ấy. Trong việc hùn vốn kinh doanh, dùng bùa phép thuyết phục người mà mình có lòng gian dối thì bùa sẽ mất linh ứng, thần lực định giúp mình thành công lại trở đi hại mình tởm bại.

Đi làm ăn xa hay khuếch trương tại chỗ cũng thế, nếu mình giữ một mặt ngay thẳng, lương thiện thì kết quả thấy ngay, trái lại sự hư hại sẽ đến liền. Vay tiền xong muốn giựt luôn cũng bị bùa hành điều đúng, xác xơ. Hoa lợi của mình thâu được là do sức cần cù, lòng thành thực của mình, bùa phép chỉ giúp cho mình tránh khỏi tai ương và tăng thêm chút ít lợi tức mà thôi. Vì thế có người định nhờ bùa phép giúp cho trúng số lớn là một chuyện khôi hài. Nhưng cũng có người được hưởng việc làm quấy của họ. Ví dụ như bỏ bùa cho gái mê, đoạt vợ người rồi sau một thời gian, thần lực phải nhát hay tội ác đầy đầy, kẻ làm bậy sẽ bị khổ sở trăm phần hoặc bị vợ bỏ, hoặc bị đau ốm, điên cuồng mà chết. Trường hợp này người ta thường gọi là « bùa hành ». Không bao giờ những người nhản



tâm chia rẽ nhân duyên của người hay dụ dỗ vợ người bằng bùa ngãi mà được toại nguyện suốt đời. Lưới trời lồng lộng, kẻ có dã tâm không bao giờ thoát. Những vị pháp sư cũng không tránh khỏi tội ác tự mình cố ý giúp kẻ gian. Vị nào cần thận, có lương tâm, biết kính nể Phật Trời đều tránh xa phương pháp khốn nạn này.

Người trong giới bùa ngãi thường nói *« Cầm bùa đi qua khỏi sông bốn mặt là hết linh nghiệm »*, nói rộng ra là đi khỏi xứ Cao miên. Như thế, phạm vi ảnh hưởng của bùa chỉ ở trong lãnh thổ mà thôi. Lời này chỉ đúng một phần, đối với các pháp sư không có nhiều bửu bối, tài nghệ kém, nhân diện không mạnh, thần quyền yếu, chứ với bậc cao tay, tu luyện lâu năm thì dù cách xa ngàn dặm họ xem cũng gần như gang tấc. Nhiều người ở Sài Gòn lên Nam-vang nhờ pháp sư cởi mở bùa, ngãi và lãnh về nhà đề phòng, vẫn thấy sự linh ứng rõ ràng.

Những vị pháp sư Việt kiều được tự do hành nghề không vì thời cuộc mà có điều thay đổi, và có mời p'át đạt nhờ công việc làm ăn mỗi ngày một *« mở mang »* thêm !

## CHƯƠNG V

# VĂN HÓA

### HỌC VĂN.

Người Pháp đô hộ Cao-miên phải nhờ công chức Việt kiều khai hóa xứ này. Ngoài số gia đình các ông, các thầy, còn có hàng mấy trăm ngàn người Việt di cư mấy trăm năm trước đã kết hợp thành xóm làng rất quan trọng. Chính phủ Pháp nhân đó đặt qui chế về giáo dục: nơi nào có đông Việt kiều đủ số trẻ mở ba lớp học Đồng ấu, Dự bị và Sơ đẳng, thì cho vào trường dạy chữ Pháp và Miên, 3 lớp dạy chữ Pháp và Việt. Tại tỉnh lỵ có những lớp đến thi Tiểu học và ở thủ đô có từ Mẫu giáo đến Trung học. Qui chế này dần dần được áp dụng cho tất cả các kiều dân, ngoại trừ Hoa kiều có trường riêng. Người ta thấy có những lớp Pháp-Chàm, Pháp-Thái, Pháp-Lôlô. Việt kiều nhờ vậy mà khỏi dốt tiếng mẹ, lại có đủ phương tiện theo học từ lớp Vô lòng đến bậc Trung học.

Trường Trung học Sisowath và trường Sư phạm ở Nam-vang thu nhận sinh viên Việt kiều và Việt-nam rất dễ dàng. Có thể nói Việt kiều ở Cao-miên dưới thời ấy được nâng đỡ về phương

diện học vẫn rất đầy đủ. Từ thủ đô đến tỉnh lỵ, đến tận các làng, xóm xa xôi, nơi nào có Việt kiều thì có lớp học song song với lớp của trẻ Miên.

Ngày 1-7-1945, Chánh phủ Hoàng gia Cao-miên bỏ hẳn các lớp ngoại kiều, gom lại một mối duy nhất : Pháp - Miên. Các kiều dân được phép mở tư thực theo những điều kiện bắt buộc. Trẻ con được tự do chọn lựa : không học Miên ngữ thì học trường ngoài. Việt kiều khốn đốn vì sự kiện này không ít vì lẽ chỉ ở thủ đô Nam-vang và một, hai tỉnh lỵ như Svay Rieng Pursat có người mở trường tư mà thôi, còn những tỉnh khác, nhất là ở các xóm, làng thì trẻ Việt đành chịu dốt. Gia chi dĩ các ông giám đốc trường tư lấy học phí quá đắt và chia giờ dạy quá ít, nên sự học hỏi của trẻ không mấy được khả quan !

Dần dà, Chánh phủ Cao-miên lại ép buộc các tư thực Việt kiều phải dạy chữ Miên và bớt một phần Việt ngữ. Trẻ con không đủ thì đề học cho hết chương trình thành ra so với đồng bào ở quê nhà thì các trẻ Việt kiều không thể nào bằng được. Sự bó buộc này càng ngày càng gia tăng đến mức độ xem như Việt ngữ là một sinh ngữ, số giờ rút lại càng ngày càng nhiều. Trẻ Việt đi học tiếng mẹ y như tiếng Pháp, tiếng Anh. Nhiều tư thực phải đóng cửa vì số học sinh sụt giảm. Kiều bào không muốn tốn tiền cho con học chữ nước người ! Vả lại, các ông giám đốc cũng chán ngán những sự bó buộc vì thể thức chánh thức và « bán chánh thức » của các viên chức Cao-miên, nên xoay nghề khác hoặc về Sài Gòn.

Tình trạng này kéo dài tới năm 1966 thật là hoàn toàn bí đát. Trẻ Việt kiều không biết học ở đâu ra trường công học chữ Miên-Pháp, trường Hoa kiều học tiếng Tàu, trường Pháp, học tiếng Pháp. Nhiều người sợ con không biết chữ Việt phải tự dạy jấy vào những giờ rảnh, xét ra thật không có gì bí hiểm hơn.

Về trình độ thì cố nhiên Việt kiều không thể so với đồng bạn ở quê nhà. Viết sai chánh tả, dùng sai nghĩa, thiếu danh



từ, phải và thích dùng ngoại ngữ kèm vào mỗi khi nói chuyện. Đó là đối với những người có vào trường hẵn hoi, còn những người không được may mắn thì có thể nói là quên tiếng Việt, hoặc nói tiếng Việt như người ngoại quốc. Số người vô phước này phần đông là Việt kiều ở gần biên giới, ở nông thôn và nhất là hơn 100 000 người ở Biên-hồ làm nghề đánh cá, quanh năm xê dịch trên mặt nước. Không ai nghĩ đến việc mở lớp trên căn nhà bè cho đám trẻ đáng thương kia!

Thêm vào đó, lối dạy học bừa bãi của một số giáo viên Việt kiều cũng là một điểm đáng phỉ nhổ, Nguyên do các ông tốt nghiệp ở trường Sư phạm Nam-vang bị bắt buộc phải học chữ Miên để dạy trẻ Miên. Sau 2 kỳ thi sát hạch có một số bị đánh rớt và được thuê nhận theo quy chế công nhật để dạy trẻ Việt. Một số giáo viên chánh ngạch được chuyển về làng quê có đông Việt-kiều và có một số được thuê nhận trong những trường hợp thiếu người, chỉ cần có bằng Tiểu học Pháp Việt mà thôi, không bắt buộc phải biết « nghề » hay không, có học qua lớp Sư phạm hay không ! Trong số giáo viên này có người bực mình vì thua sút anh em, có người tức tối vì không được ở thủ đô và có người không sành nghề dạy trẻ, nên thiếu tinh thần trách nhiệm, mất hăng hái trong khi thi hành phận sự, nếu không nói là thiếu lương tâm nghề nghiệp. Một yếu tố khác là thiếu sách vở Việt ngữ ! Nha Học chánh ở Sài Gòn gửi lên Nam-vang loại sách nào thì các ông cứ theo đó mà dạy, cốt cho trẻ đọc, viết theo được thôi. Có ông thích đá gà, cờ bạc, nhậu nhẹt, thường bỏ lớp cho thằng « học trò già » coi sóc, miễn có tiếng trống vào, ra chơi và đi về tho hàng xóm biết, là đủ. Có ông bắt học trò phục dịch cho gia đình mình như gánh nước, nấu cơm, chẻ củi, chèo ghe, đi chợ v.v... Nhà các ông ở gần trường, có khi ở luôn trong trường, tha hồ các ông khai thác đám trẻ con.

Có ông chuyên đóng kịch qua mặt Thanh tra người Pháp mỗi khi khám trường, đại khái thay vì hỏi một câu đề học trò trả lời,

các ông nói câu trả lời đề đũa nhỏ lập lại ! Có ông ở miền biên giới thường bỏ lớp về quê vào chiều thứ tư, chiều thứ bảy hoặc trước ngày lễ Tết. Mánh khéo này không qua mắt nổi các ông thanh tra nên thỉnh thoảng có những vụ bố trí, phục kích đề bắt tại trận Đạo ấy, ở trường Benghi (ta gọi là Bình di) gần ranh giới Châu-đốc, có hai thầy dạy 3 lớp Năm, Tư và Ba. Buổi chiều 29 Tết, hai thầy thỏa thuận cho học trò nghỉ. Một thầy về Châu-đốc, một thầy còn ở lại. Bất ngờ vào 3 giờ chiều, ông thanh tra đi tàu nhỏ đến viếng ! Nhờ kiều bào thấy trước báo tin kịp thời nên thầy ở nhà vội lửa đám trẻ gần xóm, mấy đũa chần trâu vào ngời trong lớp đề thầy diện kịch. Kết quả, ông thanh tra hài lòng trước tác phong của thầy, còn thầy kia thì sa thải.

Đành rằng tệ đoan ấy chỉ xảy ra dưới thời Pháp thuộc, nhưng đối với Việt kiều thì sự tai hại không phải nhỏ vì sau khi người Pháp mất quyền ở Cao-miên, thì các lớp Việt ngữ cũng bị bỏ luôn ! Các giáo viên không có thì giờ đề tự sửa chữa những lỗi lầm của mình ! Trẻ con phải vào trường tư hoặc ở nhà chịu dốt . Số học sinh được đào tạo trong thời gian ấy chỉ có thể dùng cái vốn chữ nghĩa sử dụng cho cá nhân mình chứ không thể theo học thêm ở các lớp đồng bậc ở quê hương ! Nhiều cậu phải chịu mất một hoặc hai năm học mới có thể theo kịp anh em, và phải học ở tư thục vì tuổi quá cao, trường công không nhận.

Tuy nhiên về ngoại ngữ thì sinh viên Việt kiều rất giỏi vì có nhiều thì giờ học hỏi hơn. Các cậu học ở trường Miche ( giống như Taberd ở Sài Gòn ) thì chữ Pháp rất rành. Đại đa số sinh viên sang Pháp du học rất dễ dàng về mọi phương diện. vấn đề đáng nêu ra là Việt ngữ không được trao dồi cho đúng mức.

### **BÁO CHÍ**

Ngành báo chí của Việt kiều ở Cao-miên bắt đầu vào lịch sử năm 1933. Đó là tờ Cao-miên hướng truyền, xuất bản hằng tuần

do một người Pháp tên là Allès làm chủ nhiệm. Ông Trần Kim Chi làm chủ bút, bộ biên tập gồm có quý ông : Nam Huân Phan Bá Cầm, Trần Ngọc Tôn, Nguyễn Tấn Phát, Nguyễn Bảo Toàn, Vuông Ngọc Chánh (phụ trách thể thao). Báo này sống được sáu tháng phải nghỉ vì độc giả không ủng hộ. Có thể nói vào năm ấy, Việt Kiều chưa tha thiết gì đến báo chí cho lắm, dù các ký giả, văn sĩ đều là tay cừ. Người chủ trương xin đổi tên lại là *Écho du Cambodge* và ấn hành bằng Pháp văn. Được hơn một năm, lại đổi tên *La Dépêche* và cù cưa đến năm 1952 lại đổi là *La Liberté* đến ngày nay. Dù không sống được lâu, nhưng người chủ trương tờ «Cao-miên Hướng Truyền» có thể hãnh diện là bậc khai lộ tiền phong trong ngành báo chí của Việt kiều.

Bảng đi một thời gian, năm 1938, ông Trần Văn Sơn mục sư Tin lành xuất bản tờ báo tuần san *Phụng Sự* rồi ra luôn hằng ngày sau vài tháng được kiều bào khuyến khích. Tờ *Phụng sự* sống được 2 năm, đến 1941 bị đóng cửa vì đụng chạm nhà chức trách. Ông Sơn liền xin phép ra tờ nhật báo *Phục Hưng* trong năm 1941 và sống được 4 năm, đến 1945 bị đóng cửa. Ông Sơn lại hùn với bác sĩ «Đoàn Văn Lượm» xuất bản nhật báo *Miền Việt* phát hành trong 3 năm 1945, 1946 và 1947. Trong khoảng thời gian này, tờ *Miền Việt* có tự ý đình bản ít lâu vì có tờ báo tuần san *Thời Báo* xuất hiện. Sau đó, trong năm 1947, vì loạt bài «Tôi vào chiến khu» tả lại cảnh sinh hoạt của một Việt kiều theo Việt minh, mà tờ báo bị đóng cửa. Ông Trần Văn Sơn giải nghệ từ ngày ấy.

Cuối năm 1945, lúc Cao-miên độc lập sau khi Nhật-bồn đầu hàng, bác sĩ Vũ Kim Vinh, được sư Hoàng Xuân Hà cùng ông Dương Minh Châu và Vũ Xuân Đào, hai công chức Việt kiều chủ trương tờ tuần san *Thời Báo* ủng hộ cuộc Cách mạng đánh đuổi thực dân ở quê hương. Báo xuất bản mỗi tuần 3 lần, bán rất chạy. Qua năm 1946, quân Pháp trở lại Cao-miên, Chánh phủ Hoàng gia mời Pháp cai trị như cũ. Báo *Thời Báo* hô hào Việt kiều đóng góp vào Tuần lễ Vàng vừa chấm dứt thì bị thực dân đóng cửa. Mấy



ông chủ nhiệm, chủ bút, ký giả trốn về Việt-nam, may không ai bị chúng bắt.

Ngưng hẳn 3 năm, từ 1947 đến 1950, Chính phủ Pháp và Cao-miên mới cho phép ông Cao Văn Kiêm xuất bản tờ tuần báo *Tân thế kỷ*. Đặc biệt nhất là báo in 3 thứ chữ : Việt, Pháp, Miên. Tiếc thay báo ra được 3 số thì đình bản vì lý do kỹ thuật. Sau đó, ông Kiêm bỏ hẳn nghề báo.

Năm 1950, giáo sư Lê Văn Bông xuất bản tờ báo tuần san *Tiếng Việt* chuyên về chánh trị, văn hóa, xã hội... Sau vài tháng, ông Bông phát hành hằng ngày được một thời gian, vì lý do kỹ thuật và tiền bạc phải đổi sang tuần báo. Ít lâu sau, ông chủ nhiệm lại ấn hành thành nhật báo và giữ luôn đến ngày đình bản. Tờ *Tiếng Việt* sống được 17 tháng, đến đầu năm 1952 thì chết vì không đủ tiền chi phí. Nguyên do có thể nói là tờ báo thiếu người chuyên nghiệp phụ trách nên không thể cạnh tranh nổi với các báo ở Sài Gòn, lúc ấy được phép lưu hành ở Cao-miên. Ngoài ra vì vấn đề Việt kiều có nhiều điều không dám khai thác nên kiều bào ít đề ý đến báo chí và vai trò quan trọng của nó. Một yếu tố khác đáng buồn hơn là phần nhiều Việt kiều ở xa đô thị không thông Việt ngữ hoặc chỉ biết sơ sài, làm sao hiểu nổi các danh từ mới !

Tờ *Tiếng Việt* chết, nhưng tiếng tăm của nó vẫn còn được nhắc nhở. Ông chủ nhiệm buồn tình về Sài Gòn sống với nghề chính thức của mình.

Trong số ký giả Việt kiều nổi tiếng nhất thời ấy có bạn Trần Nhã, người đã giúp rất đắc lực với chức vụ chủ bút, tổng thư ký tòa soạn liên tiếp cho 4 tờ *Thời Báo*, *Phụng Sự*, *Miên Việt* và *Tiếng Việt*. Có thể nói bạn Nhã là linh hồn của tờ báo, nhưng vì thời thế không tạo nổi anh hùng nên bạn Nhã cũng về Sài Gòn hợp với bạn Nguyễn Văn Thái sáng lập tạp chí *Thời Nay* xuất bản một tháng 2 kỳ. Năm 1967, bạn Nhã giúp tờ

nhật báo Anh ngữ « Sài-gòn Post » và viết bài dạy chữ Anh trên báo Việt.

Sau khi báo *Tiếng Việt* đình bản vài tháng, ông Phan Văn Thông, một thương gia xuất bản tờ báo tuần *Dân Việt* vào cuối năm 1952. Báo này ấn hành theo khuôn khổ nhỏ như loại Phụ nữ ngày mai, Văn nghệ tiền phong ở Sài-gòn, nhưng nội dung hết sức nghèo nàn vì không có người viết ! Ông chủ nhiệm định dùng tờ báo để làm tiền Chánh phủ Nguyễn Văn Tâm ở Sài-gòn, chứ không phải vì quyền lợi của Việt kiều. Tờ báo sống vất vưởng độ một năm ( 1953 ) thì tự động chết. Ông Thông cũng hồi hương xoay nghề làm nhà in ở một tỉnh vùng Cao nguyên.

Ngày 10-1-1954, ông Phan Văn Thông, giám đốc một ấn-quán xuất bản tờ nhật báo *Việt Kiều*, ấn hành 4 trang lớn như báo ở Sài-gòn. Tuy không thể nào so sánh nổi báo ở Việt-nam, nhưng nhờ ở « hải ngoại » tha hồ xiên xỏ Thực dân Pháp nên báo Việt-kiều được đồng bào ở quê nhà mua với giá chợ đen ! Động cơ thúc đẩy ông chủ nhiệm chuyên chú về đề tài ấy là khi mới phát hành vài số, ông ta mò xuống Sài-gòn vận động bán cho Chánh phủ Việt-nam. Nhưng không ngờ, ông ta không diện kiến được ông bộ trưởng Thông tin mà chỉ ông đồng lý hay tổng thư ký và ông này cứ cù cưa, cù cưa chờ ông nhà báo đi cửa sau hoài, không thấy mới ém nhem luôn, không trình lên thượng cấp. Ông Thông nổi dóa về Nam-vang chửi văng tê lên. ! Thế nhưng, dù có thay đổi lập trường, có nói mạnh, nói bạo đến đâu, báo Việt kiều vẫn không bán chạy bằng báo ở Sài-gòn gởi lên ! Do đó, ông Thông không chịu nổi sự lố lã phải ngưng lại vào giữa năm 1954.

Bẵng đi một thời gian khá dài, 2 năm sau, ông Thông xuất bản tờ nhật báo *Hồn Việt* vào ngày 1-6-1956. Qua ngày 2-6, ông Ngô Trọng Hiếu đại diện Chánh phủ Việt-Nam Cộng hòa lên Nam-vang nhậm chức. Ông Thông giao tờ *Hồn Việt* cho tòa Đại diện làm cơ quan ngôn luận của Việt kiều quốc gia. Bấy giờ ông Thông dùng tờ báo làm chánh trị hân, và được Chánh phủ Cao-

miền liệt kê tên tuổi vào « bảng phong thần » của những nhân vật thân Sài-gòn. Với chủ trương và đường lối này, tờ *Hồn Việt* bán cho Việt kiều giống như tờ Cánh mạng quốc gia ở Sài-gòn.

Lúc ấy, tình hình chánh trị thay đổi và xoay chiều khác. Cao-miền độc lập chọn chánh sách Trung lập và có vẻ ngả về phía Cộng sản nhiều hơn. Chánh phủ ngoài Bắc theo chân Chu Ân Lai vào Cao-miền hồi tháng 10 năm 1956 và vận động xin xuất bản tờ nhật báo *Sống Chung* do ông Lý Hữu Dư một thương gia Việt kiều kỳ cựu làm chủ nhiệm tờ, *Sống Chung* ấn hành 4 trang khổ nhỏ hơn tờ *Hồn Việt* chuyên về chính trị và thiên hân theo Cộng sản. Đó là tiếng nói của Hà-nội, được Chánh phủ Cao-miền ngầm giúp đỡ về mọi mặt. Báo này bán chạy hơn báo *Hồn Việt* mặc dầu trên phương diện văn chương, nghệ thuật còn kém xa. Điều này chứng tỏ một số Việt kiều thích xem báo và thích làm chánh trị miệt.

Cùng trong năm 1956, ông Trần văn Bảo chủ nhà in tên Bảo Toàn xuất bản tờ nhật báo *Trung Lập* khuôn khổ bằng tờ *Sống Chung*, tôn chỉ cũng giống nhưng nội dung, bài vở, văn chương cú pháp thì hạ cấp hơn, thấp kém hơn. Báo này bán không ai mua, nên tự động rút lại hằng tuần mà cũng không thấy có vẻ gì khả quan.

Bấy giờ, tình hình chánh trị giữa miền Nam và miền Bắc bắt đầu gay go, hai bên dùng báo chí « đánh nhau » mỗi ngày. Tờ *Hồn Việt* đương đầu với hai tờ *Sống Chung* và *Trung Lập* ngày thêm quyết liệt. Chánh phủ Cao-miền phải làm trọng tài xử kiện cả hai phe luôn luôn. Trên mặt pháp lý và đối với quốc tế, Chánh phủ nước bạn phải chấp nhận cho cả hai phe hoạt động trên lãnh thổ mình, nhưng ngầm ngầm bên trong thì họ binh phía Cộng sản nhiều hơn. Vì thế, để diệt hân bên quốc gia và tỏ ra nâng đỡ khối Cộng, bộ Thông tin Cao-miền đóng cửa một lúc tờ *Hồn Việt* và tờ *Sống chung* vào cuối năm 1957. Thế là chỉ còn tờ *Trung lập* một mình múa gậy vườn hoang. Bộ biên tập *Sống chung*



sang qua cải thiện tờ này, biến thành tờ Sống chung thứ nhì. Độc giả ào qua mua tờ Trung lập. Số xuất bản mỗi ngày lố 4.000 tờ. Ông Phan Vinh Tông giải nghệ, trở lại nhà in. Vài tháng sau bị một con hầu của Hoàng tộc Cao-miên nhìn mặt giống như người đem chất nổ định giết nhà vua và hoàng hậu ! Ông bị giam nhiều năm và xử tử hình, nhưng đến năm 1963 bản án vẫn chưa thi hành. Ông Tông còn sống trong chuồng rệp. Ông Lý Hữu Dư bị mất chức bồi bút bù nhìn xoay qua nghề tuyên truyền kêu gọi Việt kiều đi làm xâu cho Cao-miên, đào mương, đắp đường. Ông tự xem mình như Hồ Chí Minh của Việt kiều ở Cao-miên ! Mặc dầu tuổi hơn 70 nhưng ông Dư vẫn còn « dư » sức lao động và « dư » gân mồm đề cổ võ xúi giục thiêu hạ. Vì những buổi hoạt động hăng say ấy lố một năm sau ông Dư sớm về châu Tiên Tồ.

Vụ án Phan Vinh Tông đưa chất nổ định ám sát nhà vua Cao-miên đã làm chấn động dư luận quốc tế. Chúng tôi xin tóm lược câu chuyện như sau :

*« Một buổi trưa tháng 5-1959, thừa lúc ông hoàng Norodom Vakkri van, cận vệ của vua Suramarit vắng nhà, một người ngoại kiều Á-đông có mang kiếng cận thị đem đến hai hộp tặng phẩm đưa cho con hầu. Một hộp tặng Hoàng thân, một hộp nhờ Hoàng thân kính dâng Hoàng hậu. Con hầu nhận. Khi Hoàng thân trở về thì thấy danh thiếp của người tặng tên Michael, một tên có vẻ Hoa-kỳ và xa lạ đối với ngài. Hoàng thân mở hộp của mình ra xem, thì đó là cái hộp gỗ sơn mài trong đựng một bộ đồ hút gồm có :*

*— 1 cái hộp tròn bằng bạc, chạm con rồng quấn xung quanh, nhận hai hột kim cương ở hai con mắt.*

*— 1 cái vỏ đề hộp quẹt, hai mặt chạm hoa cúc, mỗi bên nhận một hột kim cương.*

*— 1 cái gạt tàn thuốc dính liền trong cái mâm bằng pha lê đen,*

Phòng tính theo thời giá có hơn 100.000 ría. Hoàng thân cất vào tủ, ôm cái hộp dâng Hoàng hậu để trong xe hơi vào thành. Vừa tới điện, đức Vua truyền Hoàng thân theo Người và Hoàng hậu ra sân hay Pochentong tiền hai vị Hoàng tử con của thái tử Sihanouk đi du học ở Pháp. Cái hộp quái ác vẫn nằm trong xe Hoàng thân đến khi trở về điện Khemarin là nơi đức Vua và Hoàng hậu ngụ. Bảy giờ, đức Vua mới truyền cho Hoàng thân mở hộp ra xem phẩm vật.

Gỡ lấy bao ngoài, Hoàng thân cũng thấy một cái hộp bằng gỗ sơn mài có khóa và gài xi cần thận. Hoàng thân loay hoay một lúc chưa xong.

Trong khi ấy, phái đoàn Tổng trưởng do ông Son Sann hướng dẫn sẽ lên đường công du ở Liên-hiệp quốc vào hôm sau, đến kính chào đức Vua và đang chờ trong phòng khách bên cạnh. Đức Vua bảo Hoàng hậu cùng sang tiếp phái đoàn rồi sẽ xem tặng phẩm sau. Đức Vua vừa vào phòng khách, thì Hoàng thân cũng vừa mở xong nắp hộp. Một tiếng nổ bùng ra, Hoàng thân và 4 ông cận vệ tan xác. Đức Vua và Hoàng hậu nhờ tiếp phái đoàn mà thoát chết.

Mở cuộc điều tra, con hầu của Hoàng thân chưa đầy 10 tuổi mô tả hình dáng người đưa 2 hộp tặng phẩm. Nhà chức trách đưa một loạt hình những kẻ tình nghi cho nó xem thì nó chỉ cả 5 người vừa Việt-kiều, Hoa-kiều, Nhật-kiều, có mang kiến cận thị. Ông Phan Vĩnh Tông là một trong số người ấy. Ông bị bắt ngày 9-9-1959; khi đem ra đối diện với con hầu lần thứ nhất thì nó nhất định không phải ông qua lần thứ nhì, thứ ba nó vẫn trả lời không phải.

Đến lần thứ tư nhân viên thẩm vấn dắt con hầu vào trong đánh đập toi bời, mặt mày đỏ ửng bước ra nó nói 2 tiếng: NUNG HƠI ( phải rồi ) nghĩa là nó xác nhận rằng ông Tông đã đưa hai hộp ấy cho nó.

Ông Tông bị Tòa lên án tử hình tịch thu tất cả tài sản gồm 2 nhà in, 6 căn phố lâu. Cùng một lúc, bà thân của ông là bà huyện Phan Vĩnh Xuân cũng bị bắt và bị kêu án 10 năm tù. Bà ở 5 năm

thì được ân xá cho về Sài-gòn. Ông Tông bị xử tử hình nhưng bản án không thi hành Ông được thông thả ở trong khám, hằng ngày dạy đám con các vị Tổng trưởng, Giám đốc cả mấy đứa con của ông cũng được phép vào học. Vợ ông thường được vào thăm viếng luôn.

Báo chí, và đài phát thanh Cộng sản thừa dịp bôi xấu Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa, gán ông Tông là tay sai của Đế quốc v.v . cho đến ngày nay ( 1967 ), tình trạng ông Tông vẫn chưa có gì thay đổi. Người ta nghĩ rằng có thể ông sẽ được ân xá và sau 5, 7 năm nằm khám, là thời gian cần thiết cho dư luận quên đi. ( 1 )

Cũng bị họa lây với ông Tông, có hơn 1.000 Việt kiều bị bắt và bị tán gia bại sản. Một trong những nạn nhân có gia đình của một người bán nước ngọt, la-ve bị bắt trong trường hợp khá khôi hài. Ông này có người chú khật khùng ở Sài-gòn lên thăm và ở quá hạn 15 ngày chưa kịp xin gia hạn thêm 15 ngày nữa. Một đêm ông chú ra phố ăn mì gặp lính xét giấy tờ và bắt về bắt. Tại đây quan hỏi lý lịch và hỏi đứa cháu làm nghề gì? Ông đáp rằng thấy cháu đóng cái hộp gỗ. Ý ông muốn nói người cháu đóng thùng gỗ đựng nước ngọt. Quan liền chụp câu nói ấy cho rằng đóng hộp gỗ đựng bom giết nhà vua! Tức thì quan dắt một toán lính đến xét nhà và bắt người cháu, hai bà vợ, tịch thu chiếc xe hơi Chevrolet, tom góp tất cả vòng vàng, tiền bạc và những món gì có thể lấy được. Trong nháy mắt, sự nghiệp của một Việt kiều cần cù, lương thiện bay đi mất sạch. Nạn nhân cùng hai vợ vào khám với người chú và hàng ngàn người vô tội khác, không biết đến bao giờ mới được xét xử.

## MỘT LỜI «GIẾT» BÁO

Ông Dư chết, ông Tông vào tù, ông Bảo tha hồ hốt bạc với tờ «Trung lập». May mắn cho ông gặp lúc Chánh phủ Cao-miên

(1) Quả nhiên, ngày 18-11-1969, ông Tông được Sihanouk ân xá nhân ngày lễ Quốc khánh Cao-miên (9-11) và trực xuất ngay về Sài-gòn sau 2 giờ cho về nhà thăm vợ con. Ông Tông tuyên bố đã nằm chuồng rệp 10 Năm 2 tháng 9 ngày.



cấm báo chí, sách vở ở Sài-gòn lưu hành. Việt kiều muốn biết tin tức phải mua tờ đó xem cho đỡ ghiền.

Tình trạng một mình một chợ ấy kéo dài đến ngày 22-12-1962, nhóm tị nạn chánh trị họp lại xuất bản tờ tuần báo «*Hữu nghị*» do thiếu tướng Lê Văn Tấn (Cao Đài), ông Thành Nam (Hòa Hảo), ông Phạm Thái (Đại Việt) chủ trương. Vì người tị nạn không được phép đứng tên xin ra báo nên các ông phải nhờ ông Lý Len, một cựu công chức Việt gốc Miên ở Ba-xu-yên, chống Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa lên Nam-vang, đứng tên chủ nhiệm. Ký giả Giang Kim được mời làm quản lý. Tiền bạc do 3 ông bỏ ra, có thể nói là tiền riêng chứ không phải được sự trợ giúp nào cả. Chủ trương của tờ báo là chống Cộng và Chánh phủ Ngô Đình Diệm, và đặc biệt thỉnh thoảng lại nói theo vài lời tuyên bố của Sihanouk đối với người Việt gốc Miên trong chiến dịch đòi đất, đòi dân. Trong nghề gọi đó là lối che đậy việc làm chánh thức hầu lấy lòng nhà cầm quyền để dễ dàng hoạt động trên lãnh vực tuyên truyền.

Đối với Cộng sản, báo này vạch trần tất cả hoạt động trong các giới Việt kiều như góp tiền bằng tháng nuôi Mặt trận giải phóng Miền Nam, xúi giục thanh niên theo Mặt trận, thiếu nữ đi làm hộ lý v. v...

Đối với Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa thì chống hẳn chế độ gia đình trị và chánh sách của họ Ngô cùng các tay sai.

Đối với Chánh phủ Cao-miên thì tỏ ra ủng hộ các chiến dịch của Sihanouk nhắm vào người Việt gốc Miên mà họ gọi là người Miên miền dưới (Khmer Krom). Dù đó chỉ là một mảnh khoe trong nghề nhưng không tránh được sự phán đoán của độc giả là báo ủng hộ Sihanouk chống Việt-nam Cộng hòa nói chung, chứ không phải chỉ riêng chế độ Nhu Diệm. Huống chi ông chủ nhiệm là người Việt gốc Miên tị nạn mà lại viết những lời hằn học của Chánh phủ Cao-miên đối với Chánh phủ Việt-nam. Ngoài ra, ông ấy là một viên chức Cao-miên trong cơ quan phụ trách về người Việt gốc Miên tị nạn!

Số độc giả ban đầu chỉ lối 500 sáu lần lần lên tới 3.000. Để đạt tới mức này, báo *Hữu nghị* đã phải qua nhiều phen giả chết vì thiếu tiền ! Nhưng điểm thắng lợi của tờ báo là vạch trần cho Việt kiều biết rõ âm mưu của Việt cộng qua tờ «*Trung lập*». Mũi dùi nhằm tấn công là tờ *Trung lập*. Tờ sau này liền nhờ Công an Miên làm khó để đám ký giả, tung tiền cho mấy sạp báo không nhận bìn báo *Hữu nghị* hoặc bán rồi giứt tiền luôn. Mỗi tuần các cán bộ Cộng sản đọc tờ *Hữu nghị* xem có lời nào sơ hở thì đâm thọc. Những thủ đoạn ấy vẫn không hạ nổi tờ *Hữu nghị* vì ông chủ nhiệm Lý Len là đảng viên của đảng Cộng đồng xã hội bình dân (Sangkum Reastr Niyum) của thái tử Sihanouk và là tổng thư ký của hội Ban người Miên Hạ ở Cao miên ! (Người Miên Hạ là người Miên ở miền dưới, chỉ vào người Việt gốc Miên ở miền Nam Việt-nam). Vì thế, một âm mưu ngấm ngấm vẫn tiến hành để chờ cơ hội bóp nghẹt tờ *Hữu nghị*.

Trong lúc ấy, tờ *Hữu nghị* ngang nhiên đã kích thẳng tay, tấn công đối phương tới bờ. Việt kiều lâu nay bị hà hiếp, bóc lột nay thấy có người nêu lên sự thật thì khoan khoái vô cùng. Nhưng có lẽ đây là một sự kiện duy nhất xảy ra trên thế giới, những người đọc báo *Hữu nghị* bị Việt kiều đọc báo *Trung lập* theo dõi và báo cáo không công cho Công an Miên ! Nhiều người sợ bị làm tiền vô cớ không dám đọc, hoặc phải đọc lén trong... mùng !

Chúng ta hãy thưởng thức một vài đoạn văn của báo *Hữu nghị* để xem ảnh hưởng của báo ấy như thế nào.

« ... Ở đời, trung ngôn nghịch nhĩ, lời thẳng nói ngay nghe nó chướng như vô sản lái tu-bin, như thẳng dốt dạy Anh văn, như bà già.. nhảy Twist. Biết mình phát ngôn . xỏ lá nhiều người chửi, nhưng một nhà văn nào đó có nói rằng : *La meilleure façon d'aimer l'humanité n'est pas de céder aux faiblesses et aux contradictions du sentiment mais de vouloir son bien, même contre elle-même et contre soi* (Tạm dịch là : Cách thương người hay nhất là không chiều người và nhất định làm lợi cho người, dù cho người hiểu lầm chống lại cũng mặc). Bởi đó,

mới hô hào đồng bào ta nên hiểu cái trò «ngoại giao của Đảng» thêm chút nữa :

— Khi nào Đảng hô hào Tờ quốc thì nên hiểu rằng Tờ quốc chẳng ăn nhậu gì vào đó. Thằng có Tờ quốc thật thì cũng là Tờ quốc.. ngoại quốc mà thôi. Khi nào các đồng chí báo rằng thắng, ta cứ tin là Thua, báo thống nhất ta cứ hiểu là Hai Khúc, báo «quán» thì ta lo Chạy, nghĩa là ta nên hiểu một cách thật là «ngoại giao» thì muôn sự yên lành.

Mà ngôn thì tận kỳ lý, bằng chứng cứ lấy thùng mà đóng không hết, cứ nhìn xem báo của đồng chí ở đây tự xưng là Trung lập mà mấy năm trời nay, thử giờ nắm chơn lên trời thử xem có Trung lập dấu chấm, dấu phết nào không ? Ngay đến việc một số đồng chí màu ma rông có câu chứng tại tòa Thương mại mà lại đi nghĩ... nóng đúng vào ngày lễ «Nao» động thì biết việc Đảng nó «ngoại giao» đến bậc nào rồi.

Nhưng có cảnh giác thì chỉ cảnh giác một số đồng bào nào đó mà thôi. Các anh các chị có «lon» cán vì cứ kè như cọt xoi mất rồi. Ông Nguyễn Văn Thông nào đó đi ăn cưới đã chứng kiến cái cảnh văn nghệ «vọng cổ sáu câu» bị văn nghệ «tiến bộ» của ban ca dzũ đã kích. Tưởng lập trường là thế, dè đâu cuối tuần chị Năm thì mãi tờ báo văn nghệ Bit-tô-vên (thành danh như thế vì Beethoven người ta chỉ đọc là Bit-tô-vơ mà thôi) lại thấy 6 câu vọng cổ in trong khuôn chạy chỉ đình huỳnh. Thật đúng với thời xưa định nghĩa con dơi, nói rằng :

«Phi cầm, phi thú, đích thị Mác-xít chi đồ».

(Chim không ra chim, chuột không ra chuột, vừa có cánh, vừa có vú đích thị là con dơi vậy) ... »

Vào khoảng tháng 5 năm 1963, Việt cộng ở Cao-miên loan một tin thất thiệt rằng Mỹ thuê người bỏ thuốc độc vào thức ăn giết Việt kiều ! Báo hại những người mua gánh bán bưng không bán được, phải đem về nhà ăn trừ cơm và cho heo ăn ! Tờ báo Trung



lập viết nhiều bài bình luận thời phùng vụ này lên, bắt chấp cả sự thật, bắt chấp lời định chính của bộ Y tế Cao-miên. Báo Hữu nghị viết đoạn này :

« ... Tiếng xăm xì Đế quốc bỏ thuốc độc vào vật thực dút chặt dạ dày, từ trái xoài mọng chín, chỉ chai bia Sè-gènh vống giữa chân tay, màu đỏ làn da như màu cờ phe xã hội. Tiếng thì thầm từ tai anh công nhân đến chị bán hàng rong, từ già chỉ trẻ, chốn ngõ hẻm hàng cùng, khu phố của giới tu-bin chỉ nhà lá của anh em «nao» động, đều xuất phát từ cái «nở» mồm đỏ hoét của đám cán ác nhân, ác ý. Này vãi đen hàng bóng, bọn Mỹ Diệm tẩm thuốc độc, mặc vào người «toét toét nọt» chị Năm như miếng thịt bày nhầy, «trụi thùi nụi» chị hàng phở láng như đầu anh xã Trọc. Này bánh, này trái, này rượu mía, chè xanh, thuốc độc ngấm vào lục phủ ngũ tạng anh cán Năm, chàng lái sách, phá phách con tì con vị giai Thùy Dương rớt mất bù lông cao bồi Từ Hải, vãi máu chân tăng đồn lên đôi mắt «nong thông thọc»...

...Không khí hoang mang ngờ vực, gây rối gián tiếp giết giới buôn thúng bán bưng, anh bán bánh mì chả lụa, chị chè đậu xanh bột khoai ế thiêu, ế thối.

Bọn cán ác ôn, ác ý, ác mồm, tùm năm tùm ba phở biển kế hoạch, rì tai người này, bắn tin người nọ rằng Đế quốc tư bản cùng đường giấy chết, phá hoại đất lành, mướn người bỏ thuốc độc vào chum vào vại, vào mẹt quả thúng bánh. Nhà hữu trách đã lên tiếng minh định «nhời xăm xì đồn đại láo toét» như luồng gió lành thổi phầy tắt khí yên hồng. Ấy vậy mà người anh em đồng bào «đi bút» thích báo cáo lẽ chuyện thậm thụt hậu môn của tờ lá cải nọ, còn ngoan cố... ghi nhanh trong bài xã luận nhời nhẽ đậm nét mực độc còn hơn nọc rắn, miệng hùm... »

Hai đoạn trên tấn công vào tờ Trung lập và Việt cộng, còn đoạn dưới này là sự ủng hộ đường lối của Sihanouk đối với Việt-nam Cộng hòa :

... « Muốn lợi dụng Khmer Krôm ( người Miên ở miền dưới : Nam Việt-Nam ) tiếp tay với họ chống Ngô Đình Diệm, bọn Việt cộng

đã lấy danh từ của thái tử Sihanouk nói rằng : thái tử ủng hộ bọn chúng đánh Ngô Đình Diệm và yêu cầu anh em Khmer Krôm nên theo họ.

Đề làm tin, Việt cộng đưa ra cho đồng bào Khmer Krôm thấy giấy bạc Khmer đủ loại, các văn thư gì đó bằng chữ Khmer đánh máy, các lá cờ nhỏ nhỏ của Kampuchea ( Cao-miên ) và các ảnh chụp của Samdech ( thái tử ) Sihanouk. Gần đây Việt cộng lại đến biên giới Khmer-Việt mua vải « Sang Kum » mỗi thước từ 50 đến 60 đồng đem về cắt áo mặc thị oai với Khmer Krôm nói rằng đây là vải tiếp tế của Thái tử lãnh tụ, của ông «Sang Kum». ( Nhờ vải đó chỉ có được khi Thái tử phát cho dân chúng nghèo, hơn nữa vải đó có hình đặc biệt về Angkor Wat và chữ Khmer ).

Với luận điệu tuyên truyền láo khoét này, Việt cộng cũng gạt được một số anh em Khmer Krôm còn thật thà. Họ còn có thể làm chánh quyền Ngô Đình Diệm tin tưởng rằng : Thái tử Sihanouk đã giúp đỡ Việt-cộng vậy ( sic ).

Thật là trở trêu vô cùng. Thái tử không bao giờ làm như thế được. Nếu Thái tử muốn can thiệp đến vấn đề Khmer Krôm hay đất Kampuchea Krôm thì Thái tử có quyền yêu cầu Liên-hiệp-quốc hoặc Tòa án quốc tế...

Đối với Chánh phủ Ngô Đình Diệm thì báo Hữu nghị công kích thẳng tay, luôn cả Hoa-kỳ đã dùng họ Ngô. Đây là một đoạn điển hình :

« ... Từ năm 1954 đến nay (1963), để giữ Ngô Đình Diệm ở chánh quyền, nước Mỹ đã tiêu phí mất hai tỷ đô-la (giá chánh thức là 70.000 000.000 bạc), 12.000 binh sĩ ở miền Nam, đề rồi đi đến chỗ vẫn còn 20.000 Cộng sản cầm súng. Vương quốc Khmer đi vào con đường thân thiện với miền Bắc và thượng nghị sĩ Mansfield, cha đỡ đầu của Diệm, bảo rằng tình thế chẳng có gì khả quan cả.

Năm 1962, sứ thần Mỹ, ông Frederic Nolting, đọc diễn văn chỉ trích các đoàn thể quốc gia đối lập với nhà Ngô bảo rằng các đoàn thể

này quá khích, hẹp hòi, không biết « cộng tác » với Diệm để lo cho quyền lợi cao cả Đất nước. Ông Nolting quên rằng chính Ngô Đình Nhu đã từng nói tại nhà một người Lãnh tụ quốc gia ( mà chúng tôi xin phép giấu tên ) rằng hẳn sẵn sàng « trao tay » cho Cộng sản chứ không nhượng bộ bất cứ một đoàn thể nào. Với một bọn người như thế, ông Nolting kêu gọi hợp tác thử hỏi hợp tác bằng cách nào ? Bao nhiêu lần Mỹ « năn nỉ » nhà Ngô dân chủ hóa chế độ mà Diệm có làm gì không ? Mỹ đã tiêu phí với Diệm hai tỷ đô la rồi mà không thay đổi được chủ trương « độc tài gia đình trị » của hẳn thì các đoàn thể quốc gia còn con đường nào khác hơn là « đối lập » đến cùng ? Nhưng chỉ trích ông Nolting là một việc thừa. Không đầy một năm nay chính ông đã phải đọc diễn văn « than phiền » rằng giữa mấu quốc Mỹ và nhà Ngô không có sự hiểu biết và đoàn kết nhau đầy đủ... mới rồi đây, nhân dịp lễ hai bà Trưng, vợ Ngô Đình Nhu đọc diễn văn tuyên bố rõ rệt rằng không « dung thứ » bất cứ đối lập nào, kể cả những người đối lập « chống Cộng »...

Như thế đã tỏ rõ rằng nhà Ngô quyết định để gia đình mình ngự trị trên miền Nam cho đến bao giờ nước Mỹ đánh nhau với Cộng sản đến người và đồng đô la cuối cùng.

...Thay thế chính quyền quốc gia chân chính cách mạng, thực sự dân chủ, đó là « khí giới » đủ khả năng thay đổi tình hình, chinh phục nhân tâm và làm cho người dân miền Nam không nghe lời Cộng sản nữa.

...Thay thế Ngô Đình Diệm là việc cần thiết và gấp rút nếu Mỹ muốn giữ cho miền Nam và cả vùng Đông Nam Á khỏi lọt vào tay Cộng sản... »

Với chủ trương này, báo Hữu-nghị « được lòng » Chánh phủ Cao-miễn và « mất lòng » báo Trung lập. Một cái bẫy giăng sẵn chờ cơ hội thuận tiện là đập chết « đối phương » !

Đầu năm 1964, nghĩa là cuối năm Giáp thìn âm lịch, báo Hữu nghị ấn hành số đặc biệt Xuân vào ngày 4 tháng 2, nhằm 21 tháng chạp.



Hầu hết bài vở chánh trong tập đều chú trọng về đề tài vạch mặt nạ của Việt cộng trá hình ở đất Miên mà tờ báo Trung lập là công cụ tuyên truyền. Ngay ở bìa 4 ông giám đốc chánh trị Lý Len viết bài : « Chúng tôi tố cáo tờ Trung lập phục vụ cho Cộng sản Bắc việt » là một đòn giáo đầu. Từ trang 4 trở đi, ký giả Giang Kim trong bài : « Báo Trung Lập phỉ báng Hữu nghị hay là Tam, Tứ, Ngũ, Đại hèn » ông Lê-Văn-Mốt viết bài : « Năm rồng nọc ác ôn », Tống Chấy và Kim Ri bài « Thất long bí sử », vv... bài nào cũng tố Cộng sản kịch liệt. Nhiều hoạt họa vạch trần thủ đoạn lừa gạt các cô gái Việt-kiều vào hội Bóng chuyển để phá trình, cho mang bầu, nhiều bài thơ dí dỏm cung khai những trò hề trong chiến dịch bài trừ Mỹ, có thể làm cho Việt kiều thức tỉnh phần nào. Cay độc nhất là bài « Cắt nghĩa giùm các đồng chí cán cộng : Thế nào là vô Tồ Quốc ? » đăng ở trang 55 do tòa soạn viết, trong ấy có đoạn nói về Việt cộng hô hào Việt kiều cầm khí giới đánh miền Nam Việt-nam như sau :

### CÂU CHUYỆN THỜI SỰ

*Bây giờ có những người Việt-nam ở đây cũng hô hào cổ súy đồng bào Việt-kiều trở về đánh lại Tồ quốc Việt-nam. Các anh không sợ anh em miền Nam người ta cười cho à ? Theo ngoại bang để đánh lại Tồ quốc mình, điều đó chúng tôi tin rằng không bao giờ anh em Khmer ở miền Nam lại tình nguyện đi làm. Chỉ có con người Cộng sản vô Tồ quốc mới có thể hạ mình làm điều hèn hạ đó.*

*Nếu chẳng may mà Chánh phủ Sài gòn nào đó có cường eryl gây hấn với vương quốc Cao-miên, người Việt kiều đành gọt thêm giọt lệ đau thương, tranh đấu bằng phương pháp hòa bình để gây lại tình bang giao chứ có lẽ nào lại hung hăng nhảy vào lãnh súng đánh lại Tồ quốc mình.*

*Nhưng Cộng sản thì lại không nghĩ thế. Cộng sản có thể theo Nga, theo Tàu để đánh Tồ quốc Việt-nam, vì họ là những đứa con vong bản, những kẻ chuyên môn lợi dụng nước đục để làm lợi cho chủ nghĩa Tam vô. Họ quên rằng Chánh phủ vương quốc gồm những bậc sáng*

suốt, và đức độ quân tử sẽ xét đoán đâu là những người biết tự trọng và đâu là những người phụng thờ phản phúc. Dù ngoài miệng có tỏ ra trung thành tốt bụng, đưa phản phúc rồi rồi cuộc cũng phản phúc. Lã Bố trung thành với Đồng Trác để giết Đinh Nguyên, thì cũng tin Lã Bố ấy sau này lại giết Đồng Trác. Con người Cộng sản Miên dám vác súng ngoại quốc về bắn lại Tờ quốc, thì Cộng sản Việt cũng thế. Họ chỉ trung thành với chủ nghĩa Tam vô của họ».

Trong các giới Việt kiều, nhiều người cho rằng vì bài này mà Hữu nghị mang họa. Báo in xong, chưa kịp phát hành thì nhà chức trách ập vào tòa soạn bắt hết các ký giả, thợ sắp chữ, quản lý, đồng thời tịch thu tất cả 20.000 số. Nên nhớ rằng bài báo nào cũng phải trình kiểm duyệt trước vì đó là số Xuân đặc biệt gần 60 trang khổ 36×27. Tòa báo không được thông báo vì sao mà mắc tội như thế, chỉ biết ngay hôm đó, giấy phép bị rút luôn. Các nạn nhân ăn Tết trong chuồng rệp qua mấy ngày Xuân mới được tự do.

Tính đến ngày «lịch sử» ấy : 4-2-1964, tờ Hữu nghị sống được 1 năm 1 tháng 12 ngày !

Tờ Trung lập lại trở về cảnh một mình một chợ. Ngoài bản ấn hành hằng ngày, mỗi tuần, báo này ra một tập san đặc biệt khổ nhỏ đăng các tác phẩm văn chương Cộng sản. Ngoài bìa toàn là ảnh cán bộ Hà nội và thời sự chiến tranh của Mặt trận giải phóng miền Nam ! Mỗi số giá 5 rìa.

Giữa năm 1964, bác sĩ Đoàn Văn Lượm một cự phú Việt kiều, xuất bản tờ tuần báo *Hòa Bình*, chủ trương ủng hộ, cổ vũ, tán thành, công kêng thuyết Trung lập một chiều của Cao-miên. Mục đích của ông bác sĩ phú hộ này là mua danh, lấy tiếng chứ không phải vì chính trị hay xã hội hoặc nâng đỡ, chăm sóc đến Việt kiều. Để có mảnh giấy ra báo, ông phải «đi cửa sau» một mớ bạc và dâng tặng chính thức một số tiền cho các đoàn thể xã hội của Chánh phủ Cao-miên ! Tờ báo ra đời để bày trên các sập báo hứng bụi chứ không ai buồn đọc đến. Tuy vậy mà

trong một bài bình luận, không hiểu ông ký giả nào hăng tiết vệt dám chỉ trích thái tử Sihanouk ! Thật là vuốt râu hùm không bằng. Báo phát hành rồi, bộ Thông tin đọc thấy vội trình lên Thái tử. Tức thì ông Lượn được mời đến văn phòng dự kiến cảnh nhảy đông đồng của vị Quốc trưởng và dự thính mấy lời vàng ngọc. Rằng :

— Chú mày đừng tưởng rằng chú mày « cứng » cho Chánh phủ một số tiền đề ra báo rồi muốn nói gì thì nói. Coi chừng ! Tao bỏ tù chú mày !

Báo Hòa bình bị rút giấy phép. Ông chủ nhiệm bị một đòn đau hơn hoạn. Nhưng chưa hết đâu. Phụ theo lời vị Lãnh tụ, các quan « săn sóc » bác sĩ hết sức cẩn thận, nay mời đến sở hỏi vài câu gay gắt, mốt đến nhà cười cười nói mấy lời bằng quơ, đến nỗi bác sĩ phải đi tu ! Cũng vì một chút háo danh mà tiêu tan cơ nghiệp gầy dựng mấy mươi năm.

oOo

Ngoài các tờ Việt ngữ, Việt kiều có khai thác một tờ nhật báo Pháp ngữ : *La Liberté* do một người Pháp cho thuê giấy phép. Người chủ trương là ông... Phan Vĩnh Tông, chủ nhiệm báo *Việt kiều* và *Hồn Việt*, với mục đích thương mại chứ không có văn chương, nghệ thuật gì cả. Năm 1956, ông Tông bán được một mớ cho Chánh phủ Việt-nam Cộng-hòa, do đó ông mới bị vào sổ đen ! Khi ông vào tù, tờ *La Liberté* đổi chủ và tiếp tục ấn hành bộ mới, lần này do một Pháp kiều coi sóc. Việt kiều thiếu báo ở Sài Gòn, cũng thích đọc báo này để biết tin tức Thế giới tự do, hơn là tờ Trung lập chuyên môn thông tin một chiều.

Giữa năm 1956, Chánh phủ Cao-miên nhận tòa Đại diện Chánh phủ Việt-nam Cộng-hòa ở Nam-vang, đồng thời bắt tay thân thiện với Cộng sản. Một cán bộ Hà-nội xin phép xuất bản tờ báo Pháp ngữ *Union* nhưng không được chấp thuận. Báo này định xuất bản hằng tuần. Kế đó, vào tháng 8, Nguyễn Mạnh



Hà ở Hà-nội vào mượn tên một người Miên là M. Sau xin phép ra tờ tuần báo Pháp ngữ *La Tribune* chủ trương Trung lập như lối Trung lập (?) của Cao-miên. Báo này cố nhiên là chống Chánh phủ Việt-nam Cộng-hòa, nhưng không gây được tiếng vang trong giới trí thức Việt kiều. Tờ báo xinh lên, xẹp xuống hơn một năm thì tự đóng cửa. « Sứ mạng » của Nguyễn Mạnh Hà không gặt hái được kết quả nào khả quan.

### VĂN, THI SĨ.

Trong giới Việt kiều có khá nhiều người viết giỏi tuy rất ít người chuyên sống về nghề làm báo. Những văn sĩ, thi sĩ đều là tài tử, viết lúc rảnh rang và cao hứng mà thôi. Căn cứ theo « lịch sử » của báo Việt ngữ ở Nam-vang, ta có thể xác định rằng vì thiếu người chuyên môn nên mấy tờ phải chết. Còn lại những tờ sống được lâu như *Hồn Việt*, *Sống chung*, *Trung lập* là loại báo chánh trị do các tay cán bộ tuyên truyền đảm nhiệm, tuyệt nhiên không có phần nghệ thuật, văn chương ! Nhiều người viết được lại không có đất dụng võ vì kẹt phải làm việc khác không thể và không dám theo « cái nghề bấp bênh ». Hoặc giả thấy tôn chỉ của tờ báo, cách trình bày kém cỏi, họ không buồn giúp ! Do đó, tài nghệ không có dịp bộc lộ cho bà con thưởng thức, nghĩ cũng đáng tiếc.

Ta có thể xét tâm hồn nghệ sĩ của Việt kiều qua những thể hệ kế tiếp để biết người Việt tuy xa quê hương nhưng vẫn không bao giờ quên tiếng mẹ. Trước nhất là các vị bô lão, có thể là những vị mới bắt đầu học chữ quốc ngữ, học để biết chữ không dùng văn tự làm kẻ sanh nhai nên thiếu sự điều luyện trong tác phẩm về phương diện kỹ thuật cũng như lối dùng từ ngữ. Đây là bài thơ *Nghề làm Cá* của cụ Nguyễn Văn Minh, một thương gia ở xóm Việt kiều, tỉnh Pursat trên bờ Biền-hồ.

Mùa đông gió bắc lạnh run,  
Ai ai cũng phải vẫy vùng tay chèo.

Ban đêm sương tuyết chẳng ngưng,  
 Ban ngày gió lớn da dòn tái môi.  
 Cảm thương bao kẻ, trời ôi!  
 Làm nghề hạ bạc lạnh thối khác thường.  
 Ra công đặt đề tỏ tường,  
 Theo nghề làm lưới là đường lao thân.  
 Nghề nào còn có cân phân,  
 Chớ nghề làm lưới chẳng cần ngày đêm.  
 Nhiều khi nghĩ chẳngặng êm,  
 Tai nghe la đánh (1) ban đêm không chừn,  
 Đó là hiệu lệnh phải tuân  
 Anh em lớn nhỏ đều vãng cho đồng.  
 Hay (2) rồi tụ lại cho đông,  
 Người thì vác nóp chộp chờng theo sau.  
 Ghe ra chẳng thiếu chiếc nào  
 Ghe đuổi (3), ghe chờ (4) ớn ào với nhau.  
 Đến nơi ghe lưới bủa rào,  
 Kéo vô bắt cá đem mau về nhà.  
 Tới sà (5) thì cá thầy (6) qua  
 Sẵn người chặt, xẻ khiêng ra rửa liền.  
 Muối rồi kẻ móc, người khiêng,  
 Đem thẳng ra sà phơi liền (7) với nhau.  
 Chiều rồi khô sắp khiêng vào,  
 Khôn (8) vô trong vựa hàng nào như nhau.

Bài thơ này là bài trường thiên, trình bày các lối đánh cá của Việt kiều trên Biển hồ và lối đối xử của các chủ nhân.

(1) La đánh : đánh phèng-la gọi nhân công (bạn biển)

(2) Hay : hay tin, biết tin

(3) Ghe đuổi : loại ghe nhỏ để đuổi cá vô lưới

(4) Ghe chờ : loại ghe lớn để chờ cá bắt được

(5) Sà : nhà sà, nhà cất trên sà cao

(6) Thầy : liêng, quăng

(7) Phơi liền : phơi cá nằm sát với nhau ngay hàng

(8) Khôn : sắp cá khô để đứng trong vựa để tránh hơi ồm.

gọi là lái cá, cùng anh em bạn bè. Qua những lời lẽ mộc mạc ta có thể thấy một khía cạnh sinh hoạt của Việt kiều, còn về mặt văn chương thì phải phát thơ Lục Vân Tiên của miền Nam Việt-nam. Tác giả là một thương gia có tâm hồn thi sĩ, một trong những Việt kiều ở Cao-miên mà du khách có thể gặp bất cứ nơi nào trên đất bạn.

Từ năm 1927 trở đi, trong giới trí thức Việt kiều, các công chức, tư chức như ông Lê Văn Chính tự Chính Thọ, ông Bế Mậu, cô Hai Hồn nữ danh Trần Kim Phụng, ông Trần Quang Vinh, ông Đốc Ngọc thích làm thơ xướng họa với nhau, hoặc đề ghi lại một kỷ niệm trong đời, hoặc đề «xỏ ngọt» những người cần phải «chỉnh». Thuở ấy, trong tòa khâm sứ, Việt kiều quen gọi là ông Bảo (Bảo hộ : Résidence supérieure) có một ông phán hách dịch, dựa hơi Tây ăn biếp anh em đồng sự. Ông Chính Thọ một công chức nạn nhân «làm» hai bài bát cú xướng và họa, dưới hình thức đôi bạn cũ gặp nhau, một người làm việc nhà nước, một người ở thôn quê làm ruộng. Tựa bài thơ là:

**«BẠN CŨ GẶP NHAU».**

*Nói thiệt tình nghe ta với ta,  
Tôi thời chả thiết việc Tây, ta.  
Sớm mai lạt đặt bương ra ruộng,  
Chiều tối lui cui trở lại nhà.  
Danh chả biết gì mưa với nắng,  
Lời tuy ham thật, thóc cùng hoa.  
Hỏi anh thân thế là sao đấy,  
Từ lúc xuân xanh đến lúc già ?*

**ĐÁP LẠI**

*Bấy lâu lặn lội chốn quan trường,  
Trải khắp non sông khắp phố phường,  
Họ (1) cũng mắng tôi, tôi cũng then,*

---

(1) Họ : ám chỉ người Pháp.



*Tôi càng kính họ, họ càng thương.  
Đề đầu lữ dưới lo giùm nợ,  
Bọt dật thăng trên kiếm chút lương.  
Thân thế vì anh mà hỏi đến,  
Thưa rằng đây ngực chới huy chương.*

Năm 1935, ông Chính Thọ ngẫu hứng viết bài «Cao-miễn đi dễ khó về», thể theo câu ca dao truyền tụng trong các giới Việt kiều :

*« Nam-vang đi dễ khó về,  
Trai theo bạn biển, gái về tào kè ».  
Đến đây cho biết đất Nam-vang,  
Chốc đã mười năm quá lệ làng.  
Cảnh có Đễ-thiên và Đễ-thích,  
Sãi tu Chùa Bạc với Chùa Vàng,  
Viếng Tống-lê-sáp hồ man mác  
Chơi núi Tà-lon gió nhẹ nhàng.  
« Đi dễ khó về »... vì lẽ sống :  
Gia đình ngặng trĩu một vai mang.*

Tác giả tên thật là Lê Văn Chính, công chức tòa Hành chánh, hiện đã về hưu ở Sài gòn. Ông tiếp tục làm thơ, bút hiệu Tế Nhị, đã xuất bản tập « Nhếch mép » chuyên xỏ xiên những người ngợm của thời đại.

Trong giới thi sĩ bấy giờ có bà Trần Kim Phụng, tục gọi là cô Hai Hòn lừng danh trên văn đàn về tài thơ hoạt bát, miễn tiếp. Đây là một vài tác phẩm của bà.

### VỊNH PHI LONG CÔNG CHỬA. (1)

*Chích thân qua Tống biệt trời Liêu,  
Gánh nặng non sông phải đánh liều.*

---

(1) Truyện « Ngủ hồ bình Tây ».

Ơn chúa lâm đền công dễ nại,  
 Thù chồng không trả chỉ không xiêu.  
 Tấm gương bạch tuyết ngàn thu rạng,  
 Giấc mộng hoàng lương một chốc tiêu.  
 Số mạng chẳng qua cơ tạo hóa,  
 Ngậm cười chín suối tiếng còn biêu.

### **TẠM BIỆT BẠN HIỀN**

Kề từ xa cách bạn tương tri,  
 Đề nhớ lòng đây những nặng nề.  
 Ngơ ngần cảm loạn không trời ngón,  
 Dật dờ bút ngọc biếng đề thi.  
 Xúc tình non nước đau đòi loạn,  
 Chạnh nghĩa kim băng thấm xiết chi.  
 Nam Bắc chia trời sâu chắt ngắt,  
 Gấm duyên bèo nước hiệp tan kỳ.

### **TIỀN BẠN LÀNG VÂN**

Cá nhận từ ngày rẽ nước mây  
 Nhìn non sông luống những châu mây.  
 Còi reo giục khách lời tan hiệp  
 Rượu rót đưa người lúc tỉnh say.  
 Trăng rọi nhấp nhô làn sóng bạc  
 Mưa phun láy pháy giọt sầu xây.  
 Cái mùi ly biệt ai đừng nếm  
 Nếm thử rồi ai cũng thế này.

### **BUỔI TIỆC VUI**

Cuộc rượu Nam thành thật rất vui,  
 Trộm xem ai nấy cũng say vui,  
 Anh Tây xénh xoảng quăng ve ngược,  
 Chủ khách ò ào ném chén xuôi.  
 Giận đất lung lay không vững bước

Cười trời lừng đưng bóng vẫn lui.  
 Đứng ngồi chẳng tiện, lười thôi cả.  
 Cuộc rượu Nam thành thật rất vui.

Bà có tài họa thơ rất nhanh, ý tứ thâm trầm, độc đáo. Bà Nguyễn Thị Dư đã từng cùng bà tri kỷ tâm giao, đến khi từ già về quê, có lưu lại một bài :

Mấy bước phăng phăng mấy bước ngừng,  
 Dở về dở ở gương buồng khuâng;  
 Nhớ ơn sinh ngã, lòng chua xót,  
 Mến nghĩa kim bằng, tiết trắng trưng.  
 Ly hiệp nỗi sầu chi dễ lấp,  
 Nghĩa nhân xin tưởng cũng như gần.  
 Hỏi ai có biết lòng này chẳng,  
 Đáy nữa chiêm bao biết mấy tuần.

### BÀ HỌA

Chén rượu toy nâng dạ ngập ngừng,  
 Gương vui chi xiết nỗi băng khuâng.  
 Kẻ đi bát ngát đi dòng lụy,  
 Người ở ngậm ngùi chín khúc trưng.  
 Đoái cảnh vẫn hiềm non nước cách,  
 Tưởng tình vì bằng nghĩa nhân gần.  
 Vẹn câu hiếu để dành lòng cả,  
 Mừng rỡ cho nhau biết mấy tuần.

Ông Nguyễn Ngọc Minh tặng bà bài :

### «VẮN CẢNH KIM BIÊN»

Nam-vang phong cảnh có chi cả,  
 Nhà nước năm nay lập mấy tòa ?  
 Buôn bán món gì lời lỗ há,  
 Thợ thầy nghề ấy khá không à ?



Người nông thuở trước càng đông nhớ,  
 Nghiệp sĩ bây giờ thế bọn đa?  
 Nhà nước bốn phương khi thanh đó,  
 Chẳng hay qui quyền lạc như hà?

**BÀ HỌA LẠI**

Châu thành Kim tháp rộng thênh cò,  
 Đất chở trời che biết mấy tòa.  
 Chúa trị tân trào dư đức cả,  
 Dân cư lạc nghiệp đủ công à.  
 Gái toàn bốn đức tài tình lắm,  
 Trai vẹn ba giềng sự nghiệp đa.  
 Phong cảnh bốn mùa phong cảnh toại,  
 Còn nhiều thú vị nổi sơn hà.

Ông Hoàng Văn Toàn gửi đến bài

« HOÀI HỮU »

Cổ-nhất năm ba chén sật sừ,  
 Tao đàn vắng bạn ruột đường như.  
 Nhìn non nước nhớ đường xa vắng,  
 Hứng gió trăng trong lúc bấy chừ.  
 Hỏi đó có sao thơ chẳng gởi,  
 Buồn này nhờ có rượu làm nư.  
 Giang sơn nghìn dặm nhàn mai vắng,  
 Phải phải không không cũng tiếng ừ.

**BÀ HỌA :**

Cái thói say sưa nói sật sừ,  
 Tao đàn đường ấy thú hà nư?  
 Giọng thơ kiêu hãnh đành khen đó,  
 Tính rượu hoang mang cũng lạ chừ.  
 Cá nhon dẫu đây khi có vắng,  
 Giận hờn chi đó lại làm nư?

*Hỏi thăm hoàng hữu tình bao nả ?  
Mà mãi trong mong những tiếng ừ.*

Ông Tú Lan viếng cảnh Kim-biên đề một bài :

**« NHẬP CẢNH VÔ NHÂN »**

*Nam-vang phong cảnh có chi hay ?  
Tài tử giai nhân chưa mấy tài.  
Nhấp rượu xuân tình e thiếu bợm  
Khảy đàn lưu thủy chẳng siêng tay.  
Nghe ma đọc phù thêm buồn mãi  
Mời quỉ chơi cờ giải muộn đây.  
Thật xứ Cao-miên người khác tục  
Nhọc lòng Gia Cát bấy lâu nay.*

**BÀ HỌA LẠI**

*Thoạt nghe tiếng thốt, húy chà, hay  
Nẻo tắt đường quang cũng gọi tài.  
Chưa hẳn đại khôn hầu nề mặt,  
Cho tường cao thấp sẽ nhường tay  
Văn chương lỗi Hán کیا ai đó ?  
Thao lược bên Đường sẵn kẻ đây.  
Mưa chớ khoe khoang tài trí ẻ !  
Cửa Bàn (1) thường tại thế xưa nay.*

Năm 1933, có nhiều ông viết giúp các nhật báo ở Sài-gòn như ông : Lê Văn Chính viết tuần báo Tân văn, quý ông Nguyễn Bảo Toàn, Cao Thanh Bình viết nhật báo ở Sài-gòn, quý ông Phan Bá Cầm (bút hiệu Nam Huân, Dân Thi, Cả Biết), Trần Thành Tôn, Vương Ngọc Chánh, viết nhật báo Công luận. ông Nguyễn Tấn Phát viết nhật báo Điện tín. Các nhật báo dành mỗi tuần một trang đặc biệt về Cao-miên, đăng những bài phóng sự về đời sống của các giới Việt kiều, phong phục, tập quán của người Miên, thi ca

---

(1) Cửa Bàn : múa hóa trước cửa sờ Bàn, ý nói như múa riều qua mắt thợ,

Việt kiều, tin tức liên quan đến kiều bào. Đồng bào ở quê hương cũng thích trang này đề biết sinh hoạt của dân xứ người và kiều bào cũng rất sung sướng thấy có nhiều điều lợi ích cho mình được quí ông *«chạy nhưt trình»* vạch ra, hoặc chỉ vẽ cách thức đòi hỏi quyền lợi nghề nghiệp. Báo bán ở Cao-miên gia tăng, quý ông ký giả tài tử lên giá, được các báo tranh nhau mời mọc và trả tiền nhuận bút rất hậu : mỗi tuần một trang 50đ. bằng hai số lương giáo viên !

Năm 1945, phong trào cách mạng nổi dậy sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh. Ủy ban hành chánh Nam-bộ đóng ở Sài-gòn hằng ngày loan tin tức trên đài phát thanh. Lúc ấy máy thu thanh rất hiếm. Việt kiều ở Nam-vang mỗi buổi chiều theo dõi tin tức bằng cách đứng trước một hãng buôn người Pháp nghe nhờ cái máy của hãng. Sau đây một Việt kiều ghi lại trong mấy câu lục bát :

### THU ĐỘ NÀO

*Tôi còn nhớ một chiều thu  
Cùng ai lắng tiếng vọng từ quê xa.  
Phong trào cách mạng quốc gia,  
Nhưng lời cuốn khách bốn ba trở về.  
Chia nhau uống cạn chén thề  
Đứng lên cùng hát, ra đi cùng cười.  
Đời còn đẹp lắm ai ơi  
Phất cờ tranh đấu dưới trời Vinh quang.  
Mặc cho hỗn loạn thời gian,  
Dẫu vùi xương trắng, không tan mộng vàng.*

Trải qua thời khói lửa, các mầm non tiến lên thay thế bậc tiền bối. Trên báo Việt ngữ ở Nam-vang, Việt kiều có dịp thưởng thức những tài hoa chớm nở, tuy chưa theo kịp đồng bào ở quê nhà nhưng cũng đánh dấu một bước tiến khá dài.

### MƠ XUÂN THANH BÌNH

*Nghe gió báo tin xuân trở lại,*



*Tim sầu ngơ ngẩn nhớ cố đô,  
Khỏi lừa mấy Xuân mờ quê mẹ,  
Mấy mùa Xuân máu loáng nguồn thơ.*

oOo

*Mong mùa Xuân mới, Xuân oai liệt,  
Gió Xuân ấm áp, pháo ngập đường,  
Xuân mới Giáp Thìn, Xuân Thống nhất,  
Hòa bình thời sạch bụi biên cương.*

oOo

*Không còn thui thui kiếp ly hương  
Nắng ấm muôn lòng ngập tình thương.  
Hát khúc hoan ca đời thêm đẹp,  
Tơ lòng trăm bông điệu du dương.*

*Cô Phạm Thị Huỳnh Mai*

## **XUÂN CẨM**

*Tình Xuân tô sắc thắm muôn hoa,  
Viễn xứ Xuân về dạ xót xa.  
Cổ lý tung bừng Xuân mới đến,  
Quê người rộn rịp tiếng hoan ca.  
Vui gì thể sự duyên cay đắng,  
Ngán nỗi xa quê, mắt lệ nhòa.  
Quê cũ giờ đây muôn vạn nẻo,  
Nhớ nhà đâu chỉ có riêng ta.*

*Trần Huy Trang*

Ta đã thấy tâm trạng của tác giả thiết tha đến quê hương, đất tổ trong dịp Xuân về qua hai bài trên đây. Đó là lời nói tha thiết của kiều bào hải ngoại mà trong lòng mỗi người đều có tiếng than thở náo nức trước thời cuộc hiện thời.

Ảnh hưởng của những cuộc chia rẽ phân ly, đợi chờ cũng in sâu vào người Việt ở xứ lạ qua những lời lâm ly của bà Trưng Dương trong :

**BÀI THƠ MÙA ĐÔNG**

Bài thơ viết giữa mùa đông,  
 Giữa đêm gió lạnh giữa dòng sông đen,  
 Giữa khoang thuyền vắng không đèn,  
 Giữa lòng thắm lệ, giữa men rượu sâu,  
 Chờ đời thiếu một nhịp cầu,  
 Ai mang nổi giúp hai đầu nước non?  
 Trăm năm nước chảy đá mòn,  
 Vọng phu nghìn thuở vẫn còn chờ mong.  
 Cách nhau chỉ một dòng sông,  
 Mà không gửi được một dòng thư sang.  
 Vì đâu chia rẽ đôi chàng,  
 Gây chi những chuyện dở dang tâm tình.  
 Ước gì hóa được ngư, kinh,  
 Gửi làn sóng bạc thắm mình bên kia.  
 Nhớ nhung suốt cả canh khuya  
 Gió dù ít lạnh nhưng tê tái lòng.  
 Sông ơ, sông hỡi là sông,  
 Vì sao thuyền khó vượt giòng sang ngang?  
 Ngày xưa sông đẹp dịu dàng,  
 Bên bờ soi bóng đôi hàng dừa xinh.  
 Thế rồi một buổi bình minh,  
 Có người ở lại đứng nhìn người đi.  
 Đôi bờ thắm lệ ai bi,  
 Dừa cao rũ ngọn thắm thì nhỏ to.  
 Có người chờ mãi con đò.  
 Đêm nghe vọng lại câu hò lâm li:  
 Hò rằng từ độ anh đi,  
 Thân còn chẳng tiếc, sá gì phận hờ?  
 Tóc xanh dần điểm hoa sương,  
 Tháng năm lòng những sầu vương vẫn sầu.  
 Thư này biết gửi về đâu?

(Mùa Đông năm Mão 1963)

Về mặt tình cảm, thi sĩ Việt kiều cũng khéo ca ngợi qua bài.

### **CHO EM MÙA XUÂN**

*Giờ đây anh biết em buồn lắm,  
Mái tóc hương trinh biếng chải rồi.  
Ánh mắt sao trời giăng nỗi tiếc,  
Nụ cười im đọng giữa bờ môi.*

oOo

*« Năm tháng lần qua em chẳng ngại,  
Vòng tay chờ đợi buổi anh về;  
Đọc thư anh thấy thương em quá,  
Chẳng muốn lòng anh lỗi hẹn thề.*

oOo

*Mai nhé, em, anh mình gặp mặt,  
Cho đời tươi đẹp nở hoa yêu.  
Má em thôi ướt hoen vòng lệ,  
Khi nhớ người anh mỗi buổi chiều.*

oOo

*Ngày ấy anh tìm trong xóm cũ,  
Một nàng tiên nhỏ đáng thơ ngây.  
Nơi đây anh sẵn dành môi thắm,  
Một nụ hôn tình vươn đắm say.*

oOo

*Anh sẽ bảo : « Trời nay nắng đẹp,  
Bướm vàng vui thấy rét đông qua.  
Cười lên em nhé, cho anh thấy,  
Được cả mùa Xuân trong chúng ta ».*

Văn Duyên

Về văn xuôi, tiểu thuyết, văn sĩ Việt kiều có sáng tác nhiều truyện ngắn, hồi ký. Ít người viết truyện dài; thắng hoặc nhà báo



có cần gì thì các bạn « tài tử » phiên dịch sách Pháp cung cấp. Sinh viên Việt kiều rất giỏi Pháp văn nên vấn đề phiên dịch không khó khăn đối với các bạn, chỉ có việc sử dụng danh từ Việt là hơi khó mà thôi. Trong lịch sử báo chí của Việt kiều ở Cao-miên chưa có quyển sách nào ra đời, dù là truyện ngắn, tập thơ, hay truyện dài. Nguyên do là vốn xuất ra nhiều mà số tiêu thụ ít, không thể nào kéo cho cân cân thăng bằng nổi. Năm 1955, ông Lê Văn Hai, bút hiệu Vĩ Hải nhân viên sở Hỏa xa bỏ tiền in tập truyện tình cảm chia làm 2 kỳ, mỗi kỳ lối 60 trang, bán 5 đồng. Nhan đề: *Hoa Trong Mùa Gió Loạn*, in 3000 vốn 8000đ bán được 1200đ. Cái ra được tập 1 thì cụt vốn, mang nợ lung tung, báo hại nhà văn bất đắc dĩ rút êm không dám tiếp tục in tập 2. Tổng số 3.000 tập chỉ bán được lối 100 ở Nam-vang, còn ở các tỉnh mỗi nơi 5, 10 cuốn, có nơi gọi trả về nguyên vẹn.

Tuy thất bại về tài chánh, nhưng bạn Lê Văn Hai vẫn hăng hái hoạt động. Bạn lập một văn đoàn lấy tên là Hoàng Mai văn đoàn, gồm có bạn Đinh Minh Quang, bút hiệu Ngọc Quang, bạn Võ Thành Trung, bạn Lê Văn Toàn bút hiệu Ngọc Toàn, bạn Lê Văn Sến, bút hiệu Hoàng Sinh, bạn Nguyễn Văn Phong bút hiệu Hoài Phong, cùng nhau sáng tác truyện ngắn, hồi ký và thơ. Đạo ấy, tờ *Việt kiều* vừa đình bản ông Phan Vĩnh Tông đang xin phép ra tờ *Hồn Việt* nên tại Nam-vang không có báo nào. Các bạn gửi bài về Sài Gòn và thỉnh thoảng được đăng.

Nơi gương ấy, nhiều bạn trẻ cũng lập nhóm, như bút nhóm Hướng dương và sáng tác khá mạnh. Tuy nhiên vì vấn đề chính trị mà có sự chia rẽ rõ rệt giữa anh em văn nghệ sĩ. Bạn nào « nằm » trên báo nào thì theo phe ấy, không chối được. Đôi khi cũng vì lẽ đó mà sự xích mích với nhau, nghĩ đáng buồn thay !

Chúng tôi trích đăng 2 truyện ngắn, một của bạn Vĩ Hải viết theo lối tiểu thuyết hóa một sự kiện lịch sử chống Pháp của người Việt ở tỉnh Kampot, tựa là « Những vị đạo sĩ Trên Núi Tà-lon » và một truyện sáng tác về tâm trạng của người « bạn biển » đối với quê cha đất tổ, tựa là « Tiếng Trống Bập Bùng ».

## NHỮNG VỊ ĐẠO SĨ TRÊN NÚI TÀ-LƠN

Vào năm 1920-1921, trên dãy núi Tà-lơn (Bockor) thuộc tỉnh Kampot, có nhiều người đang sơn tìm sư học đạo. Nhưng không phải ai cũng được mãn nguyện, vì nếu không bị mãnh hổ hằm hừ ngăn cản thì cũng bị măng xà nằm ngang chắn lối, hay nếu có ai qua được những sự nguy hiểm ấy, vào được trong động thì thấy trống rỗng với lò lửa, đang âm ỉ cháy, cái ấm nấu nước và những vỏ trái cây bừa bãi trên mặt đất tuyệt nhiên không có một bóng người, người ta đồn rằng trên núi ấy có nhiều vị chơn tu biết quá khứ vị lai thường ăn mật để lánh xa người trần tục muốn đến khuấy rầy để thỏa chí tò mò, hoặc những viên mật thám của Pháp sai đi bắt bớ. Trừ khi những ai có cơ duyên quý vị mới xuất hiện tiếp nhận. Đó là những nhà ái quốc chân chánh, nhận thấy dân Việt-nam không có súng ống tối tân để chống thực dân Pháp mới nghĩ đến lối tu luyện theo các bậc Tiên gia, dùng bùa phép tàng hình, tránh súng đạn, sai đậu thành binh hầu đánh đuổi bọn xâm lăng, khôi phục lại nước nhà. Trước đó một thời gian trên dãy Thất sơn thuộc tỉnh Châu-đốc đã có nhiều vị khổ công trọn đời nuôi chí lớn ấy.

Dù ý định của quý vị Tiên bối không thành đạt nhưng sự hy sinh thân thể cho chính nghĩa rất đáng cho người Việt-nam ghi vào quyển sổ vàng của dân tộc để mọi người đời đời tưởng niệm.

Câu chuyện dưới đây được chép vào lịch sử chống pháp của quý vị ấy, đánh dấu sự biểu dương tinh thần bất khuất của Việt-nam.

oOo

Ánh tà dương vừa khuất sau dãy núi thấp, cây cỏ sắp ăn mình trong bóng đêm dày đặc trên giải núi Ta-lơn hùng vĩ bao la càng tăng thêm thêm vẻ âm u, huyền bí. Thỉnh thoảng, có những tiếng hú nghe rợn người, kẻ nhát gan cho là tiếng ma quỷ gọi nhau trên thâm sơn, kẻ bạo gan hơn cho là tiếng gầm thét của

loài ác thú đang săn mồi, và có những tiếng gió rít, những tiếng cành khô rơi rụng hợp thành những âm thanh quái quái như đe ngăn cản những ai có ý tò mò muốn tìm hiểu chốn linh thiêng. Tiếng hú quái dị vẫn vang theo hơi gió ngân dài và có những tiếng hú khác đáp lại như tiếng khóc than của loài quỷ núi. Nhưng, không ai ngờ được, tiếng hú quái dị ấy chính là của một cậu bé độ chừng 14, 15 tuổi và những tiếng hú đáp lại là những nhóm người mặc đồ đạo sĩ tuổi xấp xỉ bằng nhau lối 22, 23. Họ nương theo tiếng hú ấy mà tìm gặp nhau và hợp thành một đoàn người khá đông. Nhìn kỹ ta thấy gương mặt người nào cũng rắn rỏi và nhanh nhẹn. Dẫn đầu là cậu bé tóc còn để trái đào. Họ đi mãi trên lưng chừng núi, khi ẩn hiện qua những chòm cây đen trông như những bóng ma. Không ai nói một lời nào cả. Vầng trăng lên cao đến đỉnh đầu, rải những làn sáng bạc làm tăng thêm vẻ tĩnh mịch của rừng núi. Họ đi như thế rất lâu. Đến trước một cửa hang bên trong le lói ánh đèn và có ba đạo sĩ già đang ngồi tĩnh tọa. Đứa bé dẫn đoàn người vào trong chia ra thành hai hàng, đến trước các lão đạo sĩ quì xuống, chờ đợi. Vị đạo sĩ ngồi giữa từ từ mở mắt nhìn đoàn người khể bảo :

— Các con hãy ngồi nghe thầy giảng dạy !

Đoàn người thi lễ xong ngồi chờ. Lão đạo sĩ bên tả nói :

— Thưa huynh trưởng ! Theo ý ngu của đệ thì đã họp đông đủ như vậy, chúng ta hãy chọn ngày nào để khởi sự đi chứ !

Lão đạo sĩ bên hữu lập tức phản ứng :

— Thưa chư huynh đệ ! Theo tôi thì chúng ta hành động e hơi sớm. Vì tôi nhìn thời cuộc hiện tại thì "tụi Lang-sa" nó chưa tin lòng dân "An-nam" mình, nên chúng luôn luôn đề phòng, mà lòng dân thì đã chán nản vì cụ Nguyễn Trung Trực đã thất bại rồi, kể đó cụ Hoàng Hoa Thám cũng bị chúng giết chết. Hơn nữa chúng nó có nhiều súng ống, còn chúng ta thì tay không, vì vậy nên tôi thấy phải suy tính kỹ mới được...



Cậu bé không nhịn được ngược đầu lên cãi lại :

— Kính thưa sư thúc ! Nếu nói như sư thúc thì công khổ luyện của sư phụ tôi và các sư thúc về phép tắc tàng hình, biến hóa, sai đậu thành binh hóa ra vô dụng sao ? Theo ý đệ tử thì nên đánh chiếm Cần-vọt ( Kampot ) trước là lấy oai cho thiên hạ biết, sau sẽ chiêu binh, mãi mã thêm, dùng Cần-vọt làm bàn đạp để đánh về Hà-tiên thì tiện lắm. !

Lão đạo sĩ ngồi giữa tròng mắt nạt :

— Sơn ! con không được vô lễ với các vị sư thúc của con !

Nhưng, lão đạo sĩ bên tả mỉm cười nói !

— Thưa sư huynh ! Lời của bé Sơn nói rất hợp với ý đệ. Vì đệ nhận thấy bọn đồ đệ của sư huynh người nào cũng đầy vẻ hào khí, có thể làm nên việc lớn được, lại nữa bé Sơn đã có học qua phép sai đậu thành binh thì cũng có thể đánh Cần-vọt được lắm ! Ta phải thừa cơ bọn Lang-sa đang khinh thường người dân An-nam mà đánh vào chỗ yếu của chúng thì thế nào cũng phải thắng. Sư huynh thử nghĩ, cũng vì chờ đợi, đợi chờ mà chúng ta từ trai tráng đã trở thành già nua, rồi bây giờ cũng lần lữa nay chờ, mai đợi tôi e chúng mình phải xuống hố và bọn người này sẽ già yếu thì ý định giành lại nước An-nam của mình cũng bị chìm sâu xuống đáy mồ.

Những lời yêu nước nồng nhiệt của vị sư đệ có lẽ đã cảm thông đến tận lòng can cổ của vị đạo sĩ già nên ông đã để rơi hai dòng lệ lăn trên đôi má hóp, nhăn nheo. Thế là chuỗi ngày quá khứ hiện về trong tâm tưởng của lão... Sau trận chiến cuối cùng, bạn đồng đội của lão đều bị ngã gục trước họng súng của quân thù, còn lão tuy bị thương nặng nhưng may mắn thoát chết, thế là lão cố lê chiếc thân tàn vào miền rừng núi âm u để tránh cặp mắt của quân thù. Sau bao ngày gian lao cực cực, lão đã lạc bước đến dãy núi Tà lon, rất may lão gặp được vị đạo sĩ truyền dạy cho cách tu luyện để sau này cứu dân, độ thế, và dạy luôn các phép tàng hình biến hóa. Lão cố gắng học tập để chờ ngày quật khởi cứu

vấn đất nước thoát khỏi xiềng xích của quân thù. Thời gian qua .. Vị đạo sĩ ấy đã khuất tịch; lão bắt đầu thâm nạp học trò, và liên kết với các bạn hữu nào có nhiệt tình yêu nước. Có nhiều đêm lão nhìn trăng sao vằng vặc rồi khẽ thở dài hoặc lão bấm đốt tay rồi chắc lưỡi than thầm, vì lão toán số âm dương biết nước Việt-nam vẫn phải chịu chìm sâu trong đen tối một thời gian mà hiện thời không phương gì ngẩng đầu lên được. Rồi đến đêm nay, lão muốn lại số trời, chiêu họp các bạn đạo hữu và đồ đệ góp ý kiến tìm kế hoạch chiến đấu với quân thù. Mấy lời nhiệt tình của sư đệ đã làm cho lão rọi lệ. Lão nhìn chung quanh khắp lượt, đoạn nói :

— Sư đệ không nên quá khích như vậy. Phạm hễ làm chuyện gì cũng phải tính toán cho kỹ lưỡng. Ngu huynh cho hội họp đêm nay tại sơn động của ngu huynh cũng không ngoài mục đích cứu nước. Chúng ta phải nhìn cho kỹ, « thời, thế, cơ » và hoạch định chương trình đứng đắn mới có thể chiến thắng kẻ thù. Nếu nói về thời, thì hiện nay quân địch đang nắm giữ, vì dân chúng khắp nơi đều quy phục chúng, không một ai dám kháng cự, như vậy là thời chúng ta chưa có, còn nói về thế, thì cái thế của bọn chúng đang vững chắc như trụ đồng, bình tượng đồng, súng ống có thừa, còn chúng ta, binh ít, khí giới thô sơ, thiếu kém, như vậy là cái thế chúng ta không bằng kẻ địch, chúng ta chỉ được có tấm lòng mà thôi, còn nói về cơ thì chúng ta chỉ có cơ hội là, vùng đất này của Cao-miên, chúng không ngờ bọn ta sẽ đánh chiếm. Chúng đang khinh thường nên hơi hợm sự canh gác, chúng ta thừa cơ đó mà đánh thì được...

Lão đạo sĩ bên hữu liền ngắt lời :

— Nếu vậy thì chúng ta nên đánh, chúng ta thừa cơ đó mà đánh, thì chiến thắng sẽ tạo thêm thời, thế để giữ vững vị trí, chả lẽ khắp nước An-nam không có một nhơn tài nào đến phụ giúp chúng mình sao ?

Tất cả đều im lặng chờ nghe câu giải đáp của lão đạo sĩ. Lão đã nhắm mắt lại, có lẽ để trầm tư mặc tưởng hay là đang

toán số âm dương. Glây lâu, lão từ từ mở mắt ra buồng thổng hai tiếng :

— Không nên !

Cậu bé bực tức gằn giọng hỏi :

— Kính thưa sư phụ ! Tại sao ?

— Sơn ! Con không được nóng nảy, thầy đã toán số rồi ! Nếu đánh là bại. Các con sẽ chết và địa điểm này sẽ tiêu tan. ! Chúng ta nên chờ cơ hội khác !

Bỗng cậu bé khóc òa lên nói :

— Nếu như vậy thì thầy không tin con nữa rồi ! Cha, mẹ con bị lũ Tây nó giết chết từ khi con lên ba, nhờ thầy đem về nuôi dưỡng và dạy dỗ, con lớn lên giữa lòng núi Tà-lơn chí nguyện của con cũng lớn lên như rừng núi bao la, con quyết giết Tây để rửa thù cho cha, mẹ, cho thầy, cho đồng bào, đất nước. Con đã biết phép Sái đầu thành binh và tàng hình thì bọn Lang-sa làm sao cự nổi ? Nếu đêm nay thầy không cho, chắc là con phải tự vận chết trước mặt thầy và các sư thúc !

Rồi cậu bé day qua các đồng bọn nói :

— Xin từ giã các bạn !

Nói xong, cậu bé dậm đạp đầu vô bệ đá, thì lão đạo sĩ nạt lớn :

— Khoan ! Sơn con ! Con nên nhớ đây là việc hệ trọng ! Thầy rất tin con nhưng thầy không muốn cãi lại số trời. Nếu con quyết chí thì thầy không ngăn cản con, vậy bây giờ hãy hỏi tất cả mọi người nơi đây coi nên đánh hay không nên.

Tức thì, tất cả đều lên tiếng :

— Nên đánh !

— Quyết chiến !

— Đánh đến cùng !



Lão đạo sĩ khẽ thở dài gọi cậu bé lại gần, bảo :

— Sơn con ! Ý con và các đồ đệ đều quyết đánh vậy thầy không có lý gì để ngăn cản. Vậy con hãy nghe thầy dặn con lần chót.

Đoạn, lão đạo sĩ móc ra trong người mấy chục đồng tiền điều giao cho cậu bé và chỉ bảo cẩn kễ :

— Đây là những đồng tiền Minh Mạng ! Con hãy giao cho mỗi người một đồng ngạ n vào miện, không được nói chuyện thì đao, thương, tên, đạn không phạm vào mình được.

Cậu bé trịnh trọng cầm lấy những đồng tiền điều. Lão đạo sĩ dặn tiếp :

— Và còn điều này con nên nhớ, khi con đang tiến quân nếu rủi có một người đàn bà mang thai chạy ngang, thì con nên rút quân trở lại. Con hiểu chưa ?

— Dạ, con hiểu !

Lão đạo sĩ hướng mắt về hai hàng người, bảo :

— Các đồ đệ đã quyết đánh, vậy hãy tuân theo sự hướng dẫn của bé Sơn. Tuy nó còn nhỏ tuổi nhưng các môn học của nó cao hơn các đồ đệ.

Tất cả đều đồng thanh :

— Xin tuân lệnh !

Lão đạo sĩ nói :

— Thầy cho các con hãy về nghỉ để chọn ngày khởi sự ! Thầy và sư thúc chờ tin các con !

Bọn người trai trẻ đều cúi đầu «dạ» rồi đồng đứng dậy đi lần ra cửa động, cậu bé cũng theo ra... Ba lão đạo sĩ lại ngồi ngay ngắn đề tỉnh tọa, trên khoé mắt của lão ngồi giữa có hai dòng lệ từ từ chảy ra.

oOo

Hôm ấy, lối bốn giờ, sương khuya còn che mờ cây cỏ, chợ Cần-vọt (Kampot) bắt đầu nhóm họp. Những kẻ bán hàng lo dọn

chỗ. Bên kia cầu... và xa hơn nữa con đường chạy dài lên núi «Bóc-ko» có một toán người kẻ mang gươm trường người mang đoản đao đang kéo nhau đi nhằm hướng chợ Cần-vọt. Khi còn cách đầu cầu qua Kho bạc thì có tiếng la :

— Ý trời ơi ! Có giặc ! Có giặc !

— Chạy bà con ơi ! Giặc tới ! Giặc tới rần rần kia !

Liền theo đó, có những tiếng súng nổ vang ròn. Lúc ấy những người buôn bán khá đông nên họ kéo nhau chạy tán loạn. Đoàn người do cậu bé dẫn đầu đã qua khỏi cầu và tiến mau. Chợt có vài tiếng súng nổ từ hướng Kho bạc, và có tiếng hét lên :

— Súng bắn không trúng, anh em ơi ! Tiến tới !

Cậu bé giật mình vì biết có kẻ đã phạm phép, chợt thấy thấp thoáng có một người đàn bà chửa bằng ngang. Cậu bé lắc đầu chắc lưỡi, than :

— Trời đã hại mạng ta rồi !

Lại một loạt súng nổ ròn. Có người nói :

— Sư huynh tiến mau lên !

Cậu bé thấy sự thê bất tường xảy ra, đành đánh liều, hô to :

— Tiến mau !

Thêm một loạt súng nổ. Có tiếng la và tiếng người ngã :

— Ôi ! chết tôi rồi !

Và những tiếng súng nổ liên tiếp, tiếng người hét lên, tiếng thấy người ngã, cứ như thế chỉ chừng ba chục phút thì im lặng.

Thiên hạ kéo nhau xem những xác người nằm ngổn ngang bên vũng máu trước cửa Kho bạc. Có người trách móc, sao lại quá đại dột, dám kháng cự với Tây, cũng có kẻ chắc lưỡi cho những con người bất khuất. Họ bàn tán với nhau :

— Chính mắt tao trông thấy thằng nhỏ này dẫn đầu đi đánh

với Tây ! Sau lưng nó có nhiều người lắm sao bây giờ chỉ còn bấy nhiêu thôi ?

— Sao có chuyện này lạ quá mấy anh ! Có lẽ người nào cũng có ngậm đồng tiền điều trong miệng sao mà khi bị bắn chết có đồng thì bị lọt ra ngoài, có đồng thì còn dính trong miệng họ. Coi kìa đồng điều kìa thấy không ?

Có vài người chạy lại xác cậu bé nhìn kỹ nói :

— Ờ ! Ờ ! Có đồng điều còn dính khóe miệng thằng nhỏ dính máu đỏ lôm, ghê quá !

Trưa hôm ấy, bọn thực dân Pháp cho chặt đầu hai mươi mấy xác chết đem ghim vào cọc tre cắm dọc dài từ đầu cầu Cần-vọt đến chân núi Bockor. Thâm ý của thực dân Pháp là trừng trị những kẻ dám chống lại chúng và trấn áp tinh thần những ai có ý quật khởi. Từ đó ít có ai dám đi thẳng con đường kinh tởm ấy, vì đi ngang có mùi hôi thúi nồng nặc và phải nhìn những chiếc đầu lâu, cái thì há miệng, cái thì mở mắt như nhát những kẻ yếu bóng vía.

Một chiều đông mưa tầm tã, người ta thấy có một lão nông phu đi trên con đường từ chân núi Bockor đến đầu cầu Cần-vọt, khi đến chiếc đầu của cậu bé, lão nhìn giáo giắc đoạn lẹ làng gỡ chiếc đầu bỏ vào bọc và cất bước đi nhanh. Có tiếng súng nổ, nhưng lão đã biến mất.

Hôm sau, thực dân Pháp cho một đại đội lên tận núi Bockor để lục soát, nhưng họ chỉ thấy những hang động hoang tàn, xơ xác, không có một dấu vết gì chứng tỏ có người.

oOo

### **TIẾNG TRỐNG BẬP BỪNG**

Tiệc vui đã tàn từ lâu. Người khách cuối cùng không còn đủ sức ngồi uống thêm nữa cũng cáo biệt chủ nhân, loạng choạng ra về. Nhưng ban nhạc vẫn không ngừng tấu những khúc vui tươi. Tiếng đàn dây sắt vút lên cao hòa với tiếng trống đa trận bập



bùng ngân dài trong đêm vắng. Đây là phong tục của người Miên, mỗi khi có chuyện vui trong gia đình thì có ngay một ban nhạc đến góp mặt. Không ai từ chối sự cộng tác hợp lý như thế. Và quen lệ, các nhà nghệ sĩ không cần hỏi ý kiến chủ nhân, cứ đương nhiên trở tài, rồi tất nhiên sẽ có thưởng. Điều đáng khen những người bạn này là không bao giờ ngưng tiếng nhạc. Từ sáng đến chiều, từ tối đến sáng, ngoài giờ ăn, họ đánh không ngừng. Âm điệu triền miên gây cho người không ngủ được một nỗi buồn khôn tả.

Anh Dương, một « bạn biển », thân nhân của gia đình đang mở tiệc cưới vợ cho con, nằm trên sàn nhà thả hồn theo khói thuốc. Sinh trưởng trên vùng nước rộng bao la, mỗi năm dâng ngập một lần 6 tháng rồi rút đi hết bầy lòng hồ khô cạn như bãi sa mạc, anh nối nghề ông cha, làm bạn biển nghĩa là làm thuê cho người có quyền đánh cá trên mặt Biển-hồ. Trong một năm, anh chỉ làm việc hết sức khổ cực 6 tháng nước lớn, còn lại 6 tháng thì sửa chữa đồ nghề, sắp đặt dụng cụ cho mùa sau và cò bạc, chơi bời ! « Nhà » anh ở là một chiếc ghe, cũng như cha mẹ anh, chứa tất cả vợ con, gia tài, suốt tháng xê dịch theo nhà bè của ông chủ, hoặc theo chiếc ghe lớn đến nơi bủa lưới. Lâu rồi, anh ước mong cất một căn nhà nổi, cột dính với nhiều căn khác hợp thành một xóm bênh bờ trên mặt hồ, anh khéo dè sẻn lắm mới đủ chi tiêu cho một gia đình một vợ, hai con. Anh mỉm cười chua chát nhớ đến lời trăng trối của ông nội bảo cha anh rán mua một căn nhà như thế để « có nơi thờ phụng Ông Bà ». Mười năm qua, người sanh ra anh không thể làm vừa lòng kẻ quá cố, suốt ngày chìm mỗi sâu trong chén rượu cho đến khi ngã gục sau buổi trúng phong. Rồi tới anh, cũng không làm ra trò trống gì ! Quần quật năm này qua năm khác, trắng tay vẫn hoàn tay trắng.

Làm sao anh quên được những đêm mưa sùi sụt, cha anh kể cho anh nghe nguồn gốc gia đình. Ông Tò của anh rời quê hương lên đất Miên « từ lâu lắm ». Đối với những người làm việc bằng chân tay thì ngày tháng chỉ ghi theo trí nhớ hoặc đánh dấu bằng một việc gì quan trọng trong đời. Từ lâu lắm, khi có cuộc

bang giao giữa triều Nguyễn và Hoàng gia Cao-miên, đồng bào ta theo đoàn binh triều trẩy sang đất bạn sanh cơ lập nghiệp.

*« Nam-vang lên dễ khó về :*

*Trai theo bợ biển, gái về vào kê ».*

Câu hát này biến thành lời sấm tiên tri cho đám Việt kiều và những người sắp di cư lên xứ Chùa Tháp. Thuở ấy, Biên-hồ là nơi thu hút hàng vạn người đến bắt cá xẻ khô, bao nhiêu chàng trai đất Việt đều vào đấy trổ tài tháo-vát. Những chủ nhân niềm nở đón người « bạn biển » như bậc minh chúa cầu hiền tài trong sử sách. Còn các thiếu nữ Việt yêu kiều trong chiếc áo bà ba trắng, chiếc quần lãnh đen là những mối ngon cho các chú tào kê : hạng thương gia Hoa kiều giàu sụ.

Đêm khuya dần, mọi người đều tìm chỗ ngủ để sáng mai dọn tiệc rước dâu. Giàn nhạc vẫn hòa tấu không ngừng, các nhạc sĩ lựa những bài du dương, nhẹ nhàng cho hợp với thời khắc. Tiếng đàn cò véo von như giọng chim hót, nhưng anh Dương cảm thấy như tiếng than thở náo nùng của một kiếp sống không có ngày mai.

Ừ thì ngày mai ra thế nào đây ? Trước mắt anh là ông nội anh, còn trên nữa thì anh không biết; ông cha anh cũng là bạn biển, cũng sống trên chiếc ghe và chết trên chiếc ghe, cả đời không có đủ tiền mua một căn nhà. Anh nối nghiệp cha, bảy tuổi biết cầm chèo, tám tuổi biết chắt đầu cá, xẻ khô, mười tuổi bắt đầu làm việc có lương cần thận ! Không bao giờ anh biết đến cây viết, bình mực, tập giấy. Không ai nghĩ đến việc học hành cho đám trẻ Việt sống trên Biên-hồ. Không ai có đủ phương tiện gửi con ra tỉnh học. Suốt năm, suốt tháng, suốt đời người bạn biển chỉ biết làm việc đến lúc nào nằm xuống thì thôi. Ý nghĩ ấy đã chớm nở trong đầu anh ngay hôm đưa quan tài người cha treo trên nhành cây gáo chờ nước rút xuống mới chôn. Anh không khóc ra tiếng mà khóc trong lòng. Anh khóc cho dòng họ anh xiêu lạc nơi xứ lạ quá lâu đến giờ anh không biết quê quán thuộc về làng nào ở cổ hương, thân nhân anh là những người nào. Rồi đây đến lượt anh, con anh, cháu anh, cảnh « chết treo » vẫn tiếp tục như thế mãi cho đến ngày tận thế.

Mỗi ưu tư ám ảnh anh không khác người ở trong tù không ngày mãn hạn; đã bao lần nhìn hai đứa con trai đùa với mái chèo, anh thấy rõ một tương lai u tối sẽ đến với chúng cũng như đã đến với anh. Nhưng anh biết làm gì hơn là than thở với người vợ và than thở với mình. Anh dư biết rằng dù anh có đem tâm sự bộc lộ với các bạn cùng hoàn cảnh, vị tất họ giúp anh được một ý kiến gì hay. Xung quanh anh, hàng muôn người đồng cảnh ngộ đã yên phận ngọt một thế kỷ rồi.

Ban nhạc đổi bài khác. Tiếng trống da trần dồn dập và to hơn các giọng đàn.

Anh Dương ngồi dậy, dựa lưng vào vách nhìn ra mặt hồ; hàng cây bên bờ đối diện chìm mất dưới nước. mộng mên chỉ có sóng nhấp nhô và mây đùn từng khối trên nền trời xanh. Tiếng trống bập bùng hình như chạy trên mặt nước theo bầy sóng vỗ. Lòng anh chơi vơi theo tiếng trống, phút chốc anh cảm thấy như tiếng trống trận của đoàn quân Việt chống kẻ thù thời xưa.

Hồi trưa, trong giờ ăn, gia chủ mỷ máy thâu thanh, anh nghe xướng ngôn viên nhắc lại nguồn gốc dân tộc Việt-nam trải hơn bốn ngàn năm văn hiến. Anh nhớ rành rẽ từng câu :

*« Theo truyền thuyết, đức quốc tổ Việt-nam là vua Hùng Vương đệ nhất, người đã có công khai quốc lập ra nước Văn-lang, tức là nước Việt-nam ngày nay từ trên 4.000 năm có thừa . »*

Trên bốn ngàn năm dựng nước ! Thì ra dân tộc Việt-nam đã có một lịch sử oai hùng đáng kể, mà có bao giờ anh được nghe ai nhắc đến đâu ? Sống trên đất bạn, anh chỉ biết công nghiệp của các đấng tiên vương Miên qua những đền đài Đế Thiên Đế Thích, những di tích còn lại như đồi núi, cù lao, sông rạch, chuyện nào cũng đượm vẻ huyền bí ly kỳ. Nhiều lần anh thả hồn theo trí tưởng tượng, phát họa một cảnh nước non hùng vĩ, trên là vua ngự trong đền vàng, điện ngọc, dưới là trăm họ sung sướng, âu ca. Cái cảnh của người ly quốc phải mượn lịch sử nước người để thỏa chút tình hoài cổ mới mĩa mai làm sao !



Đêm càng khuya, mảnh trăng hạ tuần lần lần ló dạng tuông một màu vàng ửng; gió thổi nhiều. Anh Dương thấy lạnh. Anh lấy cái mền quấn lên vai như áo mưa, đánh diêm châm điếu thuốc. Giàn nhạc gồm 5 nhạc sĩ thay phiên nhau ngủ chỉ còn 2 người tỉ tê cây đàn gáo giặm tiếng trống da trăn. Tiếng trống nhịp nhàng ấy giúp trí óc anh triển miên theo một ý nghĩ.

....*“Vua Hùng thuộc dòng dõi vua Viên Đế họ Thần Nông bên Trung-quốc. Vua Thần Nông có người ba đời là vua Đế Minh. Trong khi tuần thú phương Nam, nơi núi Ngũ-linh thuộc tỉnh Quảng-đông ngày nay, vua Đế Minh lấy nàng Vụ Tiên sanh ra Lộc Tục. Trước khi chết, Vua Đế Minh phong con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc (tức Trung quốc) và phong con thứ là Lộc Tục làm vua phương Nam (tức là nước ta ngày nay). Lộc Tục lên ngôi, lấy tên là Kinh Dương Vương, hiệu là Hồng Bàng, đặt tên nước là Xích-quì, đóng đô ở Phong-châu. Nước ta khi ấy rất rộng, phía Bắc giáp Động-dinh-hồ (tỉnh Hồ-nam Trung-quốc), phía Nam giáp Hồ-tôn (tức Chiêm-thành), phía Tây giáp xứ Ba-thực (tức tỉnh Tứ-xuyên, Trung-quốc) và phía Đông giáp biển Nam-hải....”*

Vì đại biết bao non nước Việt ! Một mảnh giang sơn gấm vóc ung đúc chúa thánh, tôi hiền. Một niềm hân hoan, tự đắc tràn ngập lòng người trai Việt xiêu lạc xứ người. Đến bây giờ anh Dương mới thấy mình có thể tự hào từ một giống không hèn kém. Cha anh vì nghiệp nhà, vì nghèo khổ đã gán thân anh cho người chủ từ năm lên mười. Anh đã tưởng rằng số kiếp anh cũng sẽ như người sanh ra anh sống trên mặt nước và chết trên mặt nước, ngoài giờ làm việc không còn biết gì là nguồn gốc, Tổ quốc, quê hương. Nhưng đến anh thì không. Tình trạng đen tối ấy không thể kéo dài thêm mãi. Bên cạnh anh, người dân nước bạn tuy không đông đảo bằng mình mà vẫn hãnh diện với công nghiệp của bậc tiền bối, với dòng máu anh chảy qua huyết quản của sắc dân đã có một lịch sử đáng tô nét vàng son. Còn anh, dù chỉ là một kẻ tha hương cầu thực, dù là một kiều dân sinh trưởng ở xứ người, nhưng anh vẫn có thể ngửa mặt nhìn thiên hạ mà nói rằng anh là dân

Việt. Đẹp đẽ thay hai chữ Việt-nam! Hùng vĩ thay hai chữ Hùng Vương! Lòng chàng trai «bạn biên» rộn lên theo tiếng trống da trần dập dôn như tiếng trống trận.

Một nhạc công tỉnh giấc, quơ tay lấy cây đàn kìm, ngồi dậy hòa một bản khác.

Anh Dương mỉm cười ngắm những nhà nghệ sĩ có lương tâm đã giữ tiếng nhạc không phút nào ngưng. Gương tốt của họ: giữ gìn tục lệ nước nhà khiến anh cảm phục vô cùng. Tiếng đàn có cái thùng gỗ âm vang giữa đêm khuya như tiếng gọi từ xa vọng về.

...«*Vua Kinh Dương Vương kết duyên với con gái vua Động Đình Quân là Long Nữ sinh được một trai là Sùng Lãm. Khi vua cha băng, Sùng Lãm nối ngôi lấy hiệu là Lạc Long Quân.*

«*Vua Lạc Long lấy bà Âu Cơ, con gái vua Đế Lai, sinh 100 trứng nở thành một trăm con; Lạc Long Quân nói với bà Âu Cơ rằng: «Ta là dòng dõi Rồng, nàng là dòng dõi Tiên, sống với nhau không được, nàng hãy đem 50 đứa con lên núi, còn ta đem 50 con xuống miền Nam-hải.*

«*Người con trưởng theo cha được nối ngôi vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn-lang, truyền được 18 đời.»*

Tiếng của xướng ngôn viên vừa dứt thì các nhạc sĩ đã dùng cơm xong, tiếp tục trở tài. Niềm vui sướng dâng tràn lòng người trai Việt hòa theo tiếng đàn trầm bổng lẫn tiếng trống bập bùng. Từ giờ ấy đến chiều, đến tối và đến bây giờ là gần hết đêm, anh Dương ăn vào một xó, sống riêng với ý nghĩ của mình giữa cảnh ồn ào của một tiệc cưới. Hình ảnh của ông nội anh, cha anh oặt người kéo lưới, còng lưng chèo chống dưới làn mưa, dưới ánh nắng như thiêu từ bé đến ngày xuôi tay khiến anh kinh sợ cho kiếp sống nhờ ở xứ người. Đánh rằng vì miếng cơm, manh áo anh phải lấy mồ hôi để đổi, nhưng có ai bắt buộc anh phải kéo dài mãi đâu?

Ngoài mặt hồ lác đác vài chiếc xuồng câu lơ trôi ngang,

bóng ngư phủ nhấp chồn bên ánh đèn dầu tù mù gọi cho anh một ý tưởng đen tối. Anh cho đấy là hình bóng của anh chầm chậm đi vào cõi chết mà không một sức mạnh nào ngăn cản nổi.

Không! Không! Anh không thể chôn vùi đời anh dưới làn nước bạc, anh, một người trai Việt, thuộc một dân tộc đã có một lịch sử oai hùng trải hơn bốn ngàn năm, dòng giống của đức quốc tổ Hùng Vương, vị vua dựng nên cơ nghiệp muôn đời.

Tiếng gà trong mấy căn nhà gần đấy eo éo vọng lên. Sương rơi đầy mặt hồ. Trời sắp sáng. Mọi người lần lượt thức dậy lo buổi tiệc rước dâu. Năm anh nhạc sĩ bắt đầu tấu những bản vui tươi đề chào mừng gia chủ. Tiếng trống da trần nhịp theo từng chập như tiếng trống thúc giục đoàn quân lên đường. Lòng anh Dương lại rộn theo tiếng bập bùng muôn thuở ấy.

Anh mơ màng tưởng tượng tổ quốc Việt-nam như người cha hiền từ đang mở rộng tay đón anh, một đứa con lang bạt trở về làng cũ. Nơi đây, anh dựng một mái tranh cạnh dòng sông nhỏ, giữa nhà đề bàn thờ ông bà. Ngày ngày anh bủa lưới, giăng cây, vợ anh chăm nom luống khoai, giồng sắn, hai đứa con anh tung tăng cắp sách đến trường.

Như phụ họa với niềm vui sướng của anh, tiếng đàn cò vun vút rít lên kèm tiếng trống da trần dồn dập đều một hồi dài.

oOo

## VĂN NGHỆ

Trên lãnh vực văn nghệ, Việt kiều rất ham thích và chúng tôi có nhiều khả năng. Từ năm 1924, nhóm sinh viên trường Trung học Sisowath họp nhau lập hội PETIT COLLÉGIEN để thảo luận, chuyện trò, ca hát. Dần dần có ông đưa ý kiến tổ chức đoàn cải lương và cử ông chủ tịch Bùi Ngọc Thanh làm bầu. Gánh hát chỉ trình diễn để giúp đỡ Việt kiều và đồng bào ở quê



hương gặp thiên tai, như giúp nạn lụt ở Biên-hòa năm 1925. Thành phần diễn viên gồm có kép chánh : Ông Lê Văn Chính tức thi sĩ Tế Nhị, quý ông Nguyễn Văn Đạm, Lê Văn Hiệp, Lê Văn Ca, đào : bà Xuân Nữ, bà Năm Lộc. Tuồng hát do ông Hoàng Hoa Tân soạn vở xã hội *«Bên tình, bên nghĩa»*. Đêm khai trương tại rạp Kim hồ lũy tại Phnom Penh được kiều bào hoan nghinh nhiệt liệt. Ban tổ chức hát luôn 3 tuồng liên tiếp, sau đó thỉnh thoảng mới diễn một lần.

Năm 1931, ông Nguyễn Văn Hưng, Nguyễn Minh Tâm lập ban kịch đầu tiên trình diễn vở *«Ông ký giả»* được khen tặng nồng nhiệt.

Năm 1933, ông Nhan Thế Xương, chủ tịch hội PING PONG CLUB, tổ chức đoàn cải lương với thành phần : kép chánh quý ông Phan Bá Cầm, Trần Văn Trí, Lê Đình Diệu, Nguyễn Bảo Toàn, đào : quý cô Sáu Nét, Ba Giỏi, Ngọc Sương. Tuồng do Ông Trần Văn Trí soạn vở *«Nỗi lòng khó tỏ»*. Đoàn hát khai trương ở Phnom Penh, rồi đi Kampot, Châu-đốc trình diễn ngót một năm mới tan rã.

Từ đó đến năm 1958 không có vị nào đề xướng việc lập gánh hát nữa, giới nghệ sĩ Việt kiều chia làm hai nhóm Cờ nhạc và Tân nhạc. Nhóm Cờ nhạc hoạt động mạnh mẽ và bành trướng rất nhanh. Các nghệ sĩ đều sống với nghề chuyên môn của mình như hút tó, thợ may, thợ sửa điện, mỗi đêm họp nhau hòa đàn, ca hát cho đỡ cơn buồn sầu xứ. Tuy không có lập nổi đoàn thể gì cả, nhưng toàn thể kết thân với nhau rất bền chặt. Thỉnh thoảng trong giới Việt kiều có một tiệc vui, gia chủ không quên mời anh em đến *«mùi lai rai»* vài giờ cho rậm đám. Những buổi họp mặt như thế thường diễn ra từ đầu hôm đến khuya, có khi suốt sáng mới chấm dứt. Hôm nào không gặp nhau, các nghệ sĩ tổ chức tại nhà mình, qui tụ bạn mộ điệu trong xóm thường thức. Trong những năm thanh bình, Chánh phủ Cao-miên không bó buộc những đám đông người như thế phải xin phép lời thôi.

Tại thủ đô Nam-vang, có rất nhiều người có tên tuổi như Hai Chân, Ba Hóa, Tư Hèo, Sáu Nam, Mười Hoa, Hai Nhỏ. Ở các tỉnh cũng vậy, tỉnh nào có Việt kiều là có tiếng đàn kìm, đàn cò. Đó là tiếng nói, là linh hồn của người dân Việt tha hương,

Tài nghệ của các nghệ sĩ có thể chứng minh khi một Việt kiều nhập Miên tịch lập gánh hát cải lương (đã trình bày ở đoạn trước) thì có ngay nhiều bạn gia nhập thành một giàn đờn không thua các bạn đồng nghiệp ở Sài-gòn.

Ngoài những người sử dụng nhạc khí, một số anh em ca rất hay khả dĩ trình diễn trên sân khấu hoặc đóng vai trong một tuồng hát.

Ta có thể cho rằng tiếng nhạc cò đã theo người Việt đầu tiên vào đất bạn và tồn tại đến ngày nay tính ra hơn hai thế kỷ. Từng lớp, từng lớp, các bậc tiền bối nằm xuống, đám hậu sinh tiến lên giữ gìn âm thanh của lòng người Việt rung động mãi đến muôn đời. Điểm đáng khen là các bạn nghệ sĩ không vì ảnh hưởng ngoại lai mà quên nguồn gốc. Vẫn cây đàn kìm, đàn sến, đàn cò, đàn gáo, đàn tranh cò lỏ của người Việt, các bạn đã giữ được tiếng lòng của dân tộc chốn xa xôi. Còn gì cảm động cho bằng giữa đêm khuya nghe giọng hát, hơi đàn Việt-nam trên đất Miên ? Bao nhiêu nỗi nhớ, niềm thương thi nhau đồn đến tắc lòng kẻ xa cố quốc:

Chúng tôi đăng một đoạn hồi ký về hoạt động văn nghệ của bạn HAI NHỎ, một nhạc sĩ nổi tiếng ở Sài-gòn lập nghiệp ở đất Miên.

“Trước kia tôi nổi danh về đàn hồi thưở còn nhỏ nên giới nghệ sĩ đã đặt cho cái tên là Hai Nhỏ. Tôi còn nhớ năm 1947 tôi theo đoàn hát Tỷ Phụng lên diễn trên xứ Cao-miên rồi tôi ở luôn trên ấy. Tôi vào làm thợ vẽ «bờ-lăng» cho xứ đất đỏ Chup được năm năm. Tôi lại xuống Nam-vang làm thợ ký bút toán cho rha Hỏa xa Hoàng gia Cao-miên được 15 năm.

Trong những năm sau tôi làm cái chìa khóa mở cửa cho những đoàn hát cải lương người Việt tại thủ đô Nam-vang.

oOo

«Vừa xuống đến Nam-vang là các giới đàn ca đều biết tôi là Hai Nhỏ. Tất cả đều mừng lắm, vì biết có dịp đề trao đổi về nghệ thuật. Ngoài giờ làm việc họ lôi tôi đi suốt đêm, ít có khi tôi được ở nhà ngủ thẳng giấc. Tôi thăm nghĩ, xứ này cũng có nhiều người đàn hay, ca mùi, thế mà không lập được một đoàn hát như ở quê nhà thật là dở quá. Tôi có ngó ý nhiều lần nhưng họ mím cười bảo :

— Ông Tà Chùa Tháp hông chịu coi hát cải lương đâu !

Tôi mím cười tỏ vẻ không tin thì họ bảo thêm :

— Bằng có là mấy gánh hát Sài-gòn lên đây đều bị rã gánh nếu không thì cũng đào, kép bị chết hay là cũng mặt kiếp phải đi xin gạo từng nhà.

Tôi phân vân, suy nghĩ vì sự thật đoàn Tỷ Phụng mà tôi đã từng sống cũng không thoát khỏi những cảnh ấy. Dù biết vậy, nhưng ý định ấy tôi vẫn không bỏ. Mãi đến năm 1958 có ông Trần Văn Đức làm đội ở trong sở Cảnh sát nên gọi là *Đội Đức* và ông Nguyễn Văn Tới, quốc tịch Miên tên Sonom, chuyên kiểm duyệt phim ảnh và báo chí của phòng Thông tin, đến tìm tôi với ý định lập một ban kịch lấy hiệu là «*Đoàn ca nhạc kịch Việt kiều*» để diễn chung với các rạp chớp bóng. Tôi đồng ý ngay nên hỏi lại tất cả giới nghệ sĩ để phân công, tôi viết bốn vở kịch ngắn là «*Pho tượng Nguyên tử, Đồng tiền và nghệ sĩ, Ai ăn trộm và kén rẽ tài hoa*» diễn tại rạp Khemara.

Đêm thứ 6, chúng tôi khai trương vở kịch «*Pho tượng Nguyên tử*» được khán giả ủng hộ và hoan nghinh nhiệt liệt. Tất cả anh, chị, em đào kép đều nở phồng lỗ mũi, người nào cũng vui vẻ như ngày Tết, còn riêng tôi thì rất toại nguyện và tự bảo :



— A! Phen này thì ông Tà Chùa Tháp chịu coi cái lương rồi !

Qua chiều thứ bảy, tôi lơn tơn đến rạp, thấy khán giả đông nghẹt, anh gác cửa người Hoa nói :

— Người anh em ơi ! Nghỉ thôi ! Chánh phủ không cho chơi nữa ! Kia ! Nị coi tấm bảng kia !

Tôi bàng hoàng nhìn những lời cáo lỗi cùng khán giả. Tôi hốt hoảng bước nhanh vào rạp thì nghe hai ông bầu Đức và Tới đang cãi nhau :

— Anh ý quá sao được ! Mình lớn còn có người lớn hơn nữa chứ ! Hồi hôm, phải chỉ anh khêu tội nó đi nhậu thì êm quá, không có chuyện gì xảy ra hết !

— Ai mà biết ! Hồi nào tới giờ tôi có làm bầu đâu mà rảnh tâm lý ? Thì tôi thấy thẳng chủ rạp dất tội nó đi, tôi tưởng lo xong rồi, nên mới dám cho hát chứ !

Tôi liền bước lại hòa giải :

— Thôi, thôi ! Bây giờ hai ông có cãi nhau thì sự cũng đã rồi ! Bây giờ nên lo việc sắp đến là hơn ! Hai ông liệu có thể xin tiếp tục hát được không ?

Hai ông Đức và Tới đều lắc đầu chán nản :

— Không được rồi ! Chuyện này tội Công an nó đã gọi tuốt xuống thành (1) hết rồi ! Không khéo tội mình nguy lắm chứ hổng phải lơ mơ đâu !

Tôi thầm nghĩ một cách chua chát :

— Đúng là ông Tà Chùa Tháp không chịu coi cái lương !

Tôi nhìn ra trước cửa rạp vẫn còn thấy khán giả ngán ngờ ra về mà lòng thêm tức tối, bực bội.

Sau đêm đó, xếp Tới và Đội Đức bị cách chức chờ ngày

(1) Thành vua.

Quốc hội phân xử. Còn tôi may mắn hơn nhờ có nhạc sĩ Mười Hoa ra hứng chịu, nên tôi còn giữ được chân thơ ký trong nhà Hỏa xa. Từ đó những cuộc đàn ca đối với tôi không còn hứng thú nữa.

Khi ấy bạn tôi là Võ Thành Trung, bút hiệu là Hoàng Khanh Thủy, cũng thích đàn ca, có lập ra một nhóm ca kịch nho nhỏ để trình diễn theo lối xóm chơi lấy hiệu là «Hương lòng» được nhiều khán giả hoan nghênh, nên những anh, chị, em khác cũng bắt chước lập thành những ban khác như ban «Kính Dương ban, «Kho đạn» và nhiều ban khác nữa.

Bẵng đi một dạo, năm 1962, có ông Lâm Hên, là một Hoa kiều, đứng ra lập một đoàn hát cải lương lấy hiệu là «Thắng hưng», hát được vài chỗ bị lỗ lã nên tìm tôi, ban đầu tôi vào với tư cách là soạn giả nhưng về sau ông Lâm Hên chịu không nổi nữa định cho rã, thấy thế tôi và một người nữa hùn vốn lại mượn đề tiếp tục nhưng cũng bị lỗ vốn, hát được vài chỗ rồi thì... rã luôn. Tôi lại mang thêm nợ nần, túng thiếu. Tôi đã chán nản càng thêm chán nản.

Năm 1964, Đội Đức lại nhà kêu tôi viết tường, ông bảo :

— Anh Hai ! Tự mình làm nữa, kỳ này rút kinh nghiệm thì ăn chắc. Tôi và anh Tới đã được làm việc lại hết rồi. Tôi thì làm sở cũ, còn anh Tới thì bị đổi về Xã tây.

Tôi hơi mừng nhưng còn nghi ngại, hỏi :

— Bộ anh làm bầu nữa hả ?

Đội Đức xua tay bảo :

— Không, không ! Kỳ này mình dựa hơi thôi ! Tôi đốc xúi ông Đoàn Văn Lượm tổ chức, mình chỉ coi sóc thôi. Mà ông Lượm mạnh lắm ! Không ai dám kiểm chuyện đâu. Hát để giúp nạn nhân chiến tranh còn mình thì mượn cái đà đó mà tiến nữa.

(Ông Lượm chính là bác sĩ Đoàn Văn Lượm, chủ nhiệm tờ báo «Hòa bình» và được nhà vua tin cậy)

Tôi tán thành ngay. Đội Đức bảo thăm :

— Nhưng ông Lượm bảo phải có hai tuồng Phật, một của Phật tổ, một của Quan Âm.

Tôi gật đầu ưng thuận; tôi liền viết một lớp « Thích Ca đắc đạo » tuồng « Làm lại mùa xuân » và tuồng « Quan Âm Thị kính » diễn tại rạp Kim sơn, lấy nhiều đoàn hát là « Hòa bình », diễn trong hai ngày thứ bảy và chúa nhật, chia làm năm xuất, được khán giả hoan nghinh nhiệt liệt nên trong năm xuất hát chập nức người ta và ông Lượm thu được một số bạc khá quan. Vì ông Lượm không muốn phát tiền cho anh em nghệ sĩ mà định dâng trọn cho Chánh phủ Cao-miên để tấn ơn nên có những cuộc cãi vã quan trọng, ông Lượm không cảm thông đám nghệ sĩ nghèo mà nỡ gán cho anh em nghệ sĩ là một đám cướp giật. Ông Đội Đức cũng bị chửi chung nên ông rất tức mà không dám chống đối. Thế là đoàn hát « Hòa bình » lại tan rã. ( Vài năm sau bác sĩ Đoàn Văn Lượm bị nhà vua tịch thu hai tờ báo, một Pháp một Việt và xuyết bị vào tù, ông ta chán nản vào chùa tu, dịp ấy Đội Đức định trả thù nhưng tôi khuyên mãi mới thôi ).

Thuở ấy, có đoàn hát « Tăng Long » chỉ đi hát những miền quê hẻo lánh, thấy đoàn « Hòa bình » gặt hái được kết quả khá quan cũng sinh ra thành bất giúp chánh phủ Cao-miên với luật quy định là ba chục phần trăm, có mời ông Công Cần là cựu kịch sĩ đoàn Thái bình đến luyện tập và diễn tại rạp Khemara với những vở tuồng « 18 năm di hận », « Tiếng pháo hàm oan » và « Phạm Công—Cúc Hoa » cũng được kết quả mỹ mãn. Khi ấy có ông Phạm Văn Tư tục danh là Hai Món đến tìm tôi đề lập đoàn hát, ông bỏ ra một số vốn khá quan trọng để thành lập đoàn « Hương Xuân » cũng hát giúp Chánh phủ Cao-miên, nơi đây tôi bắt đầu phát triển về tuồng cải lương, tôi viết được bảy thứ tuồng là : « Ba huân linh được, Tiên về động Bích, Tình rơi cõi trần, Tình thù huyết lệ, Sắc tím nhuộm ngày xanh, Sau cơn dông bão của lòng, Cung đàn lỗi nhịp và Hận tình bên xác chết ». Đoàn hát diễn



được ở hai rạp Khemera và Kim sơn rồi rồi vì Chánh phủ Cao-miên lời mà ông bầu thì lỗ. Kế đó có ông Phạm Văn Tắc đoàn « Công nhân » với những vở tuồng của soạn giả Sài-gòn, cũng bị lỗ lỗ, và còn nhiều người khác như Nguyễn Văn Đáng lập đoàn « Đoàn kết », ông Nguyễn Văn Vui lập đoàn « Thủ đô » cũng đồng chung số phận.

Thời gian sau, lại cũng Đội Đức đến tìm tôi nhờ viết tuồng cho ông. ông định thành lập đoàn hát lấy hiệu là « Thống nhất ». Tôi ưng thuận viết thêm một số tuồng như : « Ai hát giữa rừng khuya, Bóng nàng bên ven sông, Kiếm loạn tình vương, Chìm hoàng oanh không biết hót, Một tâm hồn trong gió lốc, và Tia nắng rọi thiên môn », đồng thời tôi viết cho Công nhân, tuồng « Mảnh trăng thề quái ác », được kết quả tốt đẹp. Sau đó ông Phạm Văn Thanh gọi là Bầu Xú nhờ tôi viết tuồng để lập thành một đoàn cũng lấy hiệu là « Thống nhất » nhưng là « Thống nhất II » để trình diễn trong « Giải trí trường » tại chợ Dépôt. Lúc này tôi đã có thời nên tôi viết thêm những vở tuồng mới như : « Bạch y hiệp nữ, Hồng Phi Yến điệu, Đàn tan vỡ và Ngày xanh gió loạn » hợp với các tuồng cũ của tôi trình diễn liên tiếp được gần 4 tháng, trong khi ấy thì có nhiều người lập giải trí trường khác như giải trí trường nhà thương Hoa kiều thì có đoàn hát « Tăng Long », giải trí trường chợ Cây-gòn thì có đoàn hát « Công nhân. » Lúc ấy chính là lúc cải lương của Việt kiều đang trên đà phát triển, rồi thì các giải trí trường đều mất giao kèo với Chánh phủ nên bị dẹp hết, các đoàn hát cũng bị chết ngộp. Riêng có đoàn hát « Tăng Long » còn cố gắng hát tại sân vận động Olympique bị lỗ nặng phải phải rá gánh. Còn đoàn « Thống nhất II » thì tiếp tục trình diễn ở các tỉnh như : Svay Riêng, Kompong Cham, Kompong Chnang, Pursat và Battambang, rồi cũng lỗ vốn nghỉ luôn. Khi ấy có một người Hoa kiều nhờ có thể lực xin lập được một giải trí trường ở Chak Angres cách xa thủ đô Nam-vang, Đội Đức tái lập lại đoàn « Thống nhất », lại nhờ tôi soạn tuồng mới, tôi lại cho ra thêm

bốn tuồng nữa là : « Sư đầu quái đạo, Ác quỷ kỳ nhân, Âm hồn quỷ nữ và Độc Cô Khách », trong khi ấy có họa sĩ Nguyễn Văn Trung cũng lập một đoàn là « Tao đàn » chen vào hát được ít hôm rồi chết lịm. Kế có lệnh của Chánh phủ Cao-miên cấm mở giải trí trường nên tất cả cá: đoàn hát không hẹn mà cùng chết.

Dù sao tôi cũng được hài lòng là đã làm cho nghệ thuật của người Việt được xán lạn huy hoàng trên dải đất Chùa Tháp và tiếng vang đến ngoại quốc. Tôi đã hài lòng là đã làm cho ông Tà Chùa Tháp phải chịu coi cải lương gần bốn năm năm. Tôi rất hài lòng là vì tôi đã đào tạo rất nhiều nghệ sĩ tên tuổi như : Xuyên Vân, Hoài Thu, Thanh Đức, Lâm Sủng, Năm Cao, Tấn Đạt, Út Hường và các cô đào duyên dáng như : Mỹ Đặng, Bạch Vân, Mỹ Dung, Cầm Ba, Kim Nết, Huyền Nga và Phụng Ánh và còn nhiều mầm non khác nữa.

Rồi Chánh phủ Cao-miên ra lệnh cấm Việt kiều lập gánh hát cải lương nữa: dù mỗi khi hát phải đóng góp vào ngân quỹ của Chánh phủ là 30%, có vài ba ông bầu cố gắng xin phép nhưng không xong, thế là mùa hát cải lương đã đến ngày tàn tạ.

Từ đó tôi buồn rầu chán nản, nên tìm cách xin giấy tờ trở về quê hương tìm nguồn sống mới.

Về đến Sài-gòn, tôi thăm nhớ tiếc những người bạn nghệ sĩ và nhóm học trò thân yêu của tôi như Sơn Ngàn, Năm Giao và Sáu Đèn vẫn còn ở Nam-vang, khó mà gặp lại được, tôi cảm thấy ngùi ngùi... nhưng, còn biết làm sao nữa. Nhìn về hướng Nam-vang, tôi thì thầm nhắc lại câu của những cô hắc đã nói:

« Ông Tà Chùa Tháp hồng thêm coi cải lương!!! »

oOo

Nhóm Tân nhạc phần đông do các bạn sinh viên, học sinh hoạt động trong phạm vi gia đình, trong buổi họp bạn, lửa trại, đi chơi xa. Nhiều bạn có tài trình diễn và đóng kịch, nhưng vì không có sự tương trợ, giúp đỡ nên không có lần tổ chức nào ra

hồn. Dưới thời Pháp thuộc, Việt kiều không thể múa men gì được đã đành, khi Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa đặt tòa Đại diện ở Nam-vang cũng không nâng đỡ được bao nhiêu. Phần đông công vụ đều nhằm vào mục đích chánh trị nên ông đại diện không còn thì giờ lo tới vấn đề này. Từ ngày tạm đoạn giao, các ký giả quốc gia của báo Hữu nghị không ngớt tiếng công kích phong trào lợi dụng các nghệ sĩ trẻ này làm công cụ cho việc tuyên truyền.

### THE THAO.

Trong các bộ môn thể thao, Việt kiều được nổi tiếng nhất về bóng bàn và túc cầu. Dưới thời Pháp thuộc phong trào túc cầu được đề cao đến mức độ tột đỉnh! Không phải người Pháp muốn cho dân thuộc địa được sống vui, sống khỏe mà đây chỉ là một mảnh khước chia rẽ dân ta. Đội bóng tròn Nam-kỳ đấu với đội bóng Trung-kỳ, Bắc-kỳ và Cao-miên. Báo chí địa phương cổ vũ đội ban hành nhà gây thành một luồng dư luận chia rẽ hẳn hoi.

Đề so tài với các đối thủ 3 kỳ, Cao-miên cũng thành lập một đội bóng mà phần đông là cầu thủ Việt kiều như các bạn Minh, Bích, Nguyên, Hồng, và vài bạn Hoa kiều! Đó là sau nhiều lần tập dượt và đấu thử, ban Quản trị quyết định lựa chọn những hột gạo cội đề xuất quân. Đoàn cầu thủ của "xứ Cao-miên" phải nhờ một số đông Việt kiều lèo lái mới mới "đứng" nổi với 3 đoàn ở Việt-nam! Tuy nhiên dù không thể đương đầu nổi với các anh em ở quê nhà, nhưng các cầu thủ Việt kiều cũng đã làm rạng danh Việt kiều ở xứ Chùa Tháp một thời.

Dần dần tre tàn măng mọc, người Miên không chịu nấp Việt-kiều vào hội nữa để giữ nguyên vẹn một sắc dân. Các tay tài tử Việt kiều thích môn thể thao này có thể lập hội riêng để so... cựa lẫn nhau, ít khi dám đấu giao hữu với các hội người Miên.

Ở các tỉnh, phong trào đá bóng cũng khá sôi nổi. Thanh niên



Việt kiều tự do lập hội, cũng như thanh niên Hoa kiều. Vì bị hạn chế trong phạm vi địa phương nên anh em dùng quả bóng làm vật tập dượt gân cốt chứ không tham dự các cuộc tranh giải.

Môn bóng bàn được nổi tiếng nhất. Từ sơ khởi, thanh niên, thiếu nữ Miên không mấy gì thích cầm cây vợt gỗ, chỉ có năm bảy sinh viên Việt kiều chơi rất giỏi như bạn Lê Văn Tất, Phan Văn Sinh, Trần Văn Châu, Châu Ngọc Thanh, Châu Ngọc Vinh v.v... Vào khoảng năm 1950 đến 1956, mỗi lần đoàn bóng bàn Việt-nam viếng thăm Nam-vang thì Tổng cuộc thể thao nhờ nhóm sinh viên này thay mặt cho Cao-miên đấu với Việt-nam. Tình trạng này kéo dài cho đến ngày tạm đoạn giao, Cao-miên xoay qua thân thiện với khối Cộng sản, phải gọi phái đoàn thể thao ra Hà-nội đáp lễ. Các tay vợt được Chánh phủ Cao-miên cho nhập Miên tịch để mang tên Miên đi đại diện cho Cao-miên đối với Trung-cộng, Ấn-độ, Miến-điện thì không có gì đáng nói, chứ ở Hà-nội thì anh em nghĩ thế nào khi đấu với người Việt mà mình lấy tên ngoại quốc và tự nhận là ngoại nhân! Dù sao, thêm một lần, Việt kiều đã làm rạng danh người Việt trên địa hạt thể thao trong những trường hợp khá ly kỳ. Mãi đến năm 1967, Cao-miên chỉ có hai cô gái sử dụng vợt gỗ vào hạng kha khá mà thôi, kỳ dư trong nhóm Việt kiều nhập Miên tịch có mọc thêm vài ngôi sao mới cũng trong giới sinh viên.

Ngoài hai môn trên, trong giới chơi tư-nít Việt kiều có ông Văn Ngọc và Sơn nổi tiếng một thời. Về môn bơi lội, bóng rổ, đấu võ Anh, võ Việt thì thành tích không có gì đáng kể. Sở dĩ anh em được nổi danh và nâng đỡ là nhờ tài giỏi của mình hơn hẳn anh em người Miên và Chánh phủ Cao-miên cần phải có người thay mặt, chứ không phải nhờ Liên đoàn Việt kiều hay tòa Đại diện giúp đỡ, khuyến khích.

Từ năm 1958, phong trào thể thao được lợi dụng để làm chánh trị. Một số thanh niên, thiếu nữ Việt kiều họp thành đoàn thể, bộ môn như hội Bóng chuyền, hội Túc cầu v.v.. Ngoài mặt, họ lấy chiêu bài thể thao để che mặt nhà cầm quyền Cao-miên, bên trong họ tổ chức thành những phiên họp để loan báo tin tức, tuyên truyền và làm ái tình xằng với nhau!

## CHƯƠNG VI

# CHÁNH TRỊ

### A/ — THỜI PHÁP THUỘC

Dưới thời Pháp thuộc, Việt kiều được ưu đãi trên mọi phương diện. Nước Cao-miên ở vào thời kỳ sơ khai, việc tổ chức đều nhờ hầu hết công chức Việt kiều nên người Việt rất được người Miên vị nể và người Pháp chiều chuộng. Đó là thời vàng son của kẻ tha hương, mà nhân đó có nhiều người cậy quyền, cậy thế hiếp đáp người cho mình ở đậu ! Hậu quả tai hại ấy xảy ra trong lúc kháng chiến và kéo dài đến bấy giờ chưa dứt, Việt kiều bị người Miên hành hạ về thể xác lẫn tinh thần ! Kẻ tin nơi thuyết nhà Phật thì cho rằng luật quả báo, người có óc khoa học thì cho đó là lối trả thù tự nhiên của con người.

Trong bộ máy hành chánh, công chức Việt kiều chiếm hầu hết những vai quan trọng, người Miên có giữ địa vị cao chỉ để làm vi. Nhiều xã, ấp ở giáp biên giới Việt-nam có đông Việt kiều được mang tên Việt do ông xã (Mekhum) Việt kiều đứng đầu. Trên vài xã có một ông cai tổng người Việt thay mặt viên tri phủ (nay gọi là quận trưởng) coi sóc. Những vị này được nhà vua phong cho tước hàm như lối phong huyện hàm của người Pháp ở Việt-nam. Khởi nói ai cũng biết mấy quan hống hách với Việt kiều và người Miên như thế nào ?

Tại thủ đô Nam-vang (1) những vị công chức lớn tuổi có nhiều thành tích đối với Hoàng triều được nhà vua phong chức theo phẩm vị của các quan Miên. Mỗi khi có lễ lớn, quý vị được mời vào bái yết vua tại Kim-loan điện. Trong những tổ chức về lễ lạc của người Miên, Việt kiều được tham dự hoặc bày biện một gian hàng trưng sản phẩm của mình, hoặc trình diễn một đoàn cộ đi vòng thành phố.

Về mặt kinh tế, Việt kiều được tự do mở cửa hàng, buôn bán như người bản xứ. Dưới sự bảo hộ của người Pháp, Việt kiều được xem như người Miên không có nhiều sự phân biệt quá gắt gao.

Người Việt sanh ở Cao-miên đóng thuế thân như người Việt ở miền Trung và Bắc. Giấy ấy gọi là *Carte d'Impôt des Annamites*.

Người Việt sang đất Miên bằng giấy căn cước (*Titre d'identité*). Người nào không có thì bị phạt một số tiền nhỏ 50, đề được đi thông thả trong 15 ngày. Quá hạn ấy, lại đóng thêm 50 đề ngụ 15 ngày nữa. Người nào muốn ở luôn thì làm đơn trình ông xã trưởng (*Mékhum*) trong làng hoặc ông hộ trưởng trong thành phố đề đóng thuế thân là xong. Thẻ ấy gọi là thẻ « kiểm soát người Việt-nam » (*Contrôle des Annamites*).

### NHỮNG SỰ ĐỔI THAY CỦA THẺ CƯ TRÚ.

Cuối năm 1945, người Pháp đặt ra loại giấy chu lưu để kiểm

---

(1) Nam-vang là tiếng Việt gọi thủ đô Cao-miên, tiếng Miên gọi là *Phnom Penh*, «ngọn rúi của bà Penh». Theo lời truyền khẩu thì người Việt đặt tên Nam-vang có nghĩa là người Việt-nam vang dội trên đất Miên, sau khi đánh bại quân Xiêm. Lại có thuyết cho rằng khi vua Nguyễn phái ông Trương Minh Giảng lên bảo hộ Cao-miên, lúc ấy đế đô Cao-miên còn ở Oudong, thuộc tỉnh Kompong Luông, ông Giảng khuyên vua Miên dời về trước bốn mặt sông Cừu-long, do đó thành phố lấy tên là Năm Giảng (ông Giảng thứ 5) lần lần đọc trại là Nam-vang. Chúng tôi không dám quả quyết thuyết nào là đúng, xin ghi lại làm tài liệu mà thôi.



soát những người qua lại 2 quốc gia, đồng thời thay đổi việc thu nhận người Việt ở đất Miên. Việt kiều bị chia làm 2 nhóm:

— Nhóm “cư ngụ lâu năm” gồm người Việt sanh ở Cao-miên.

— Nhóm “mới đến” (nouveau arrivé) gồm người Việt ngụ ở Cao-miên trước năm 1945, người Việt sanh ở Cao-miên mà bỏ về Việt-nam một thời gian và người Việt mới đến ngụ.

Chánh phủ đổi giấy cư trú mới cho tất cả Việt kiều gọi là “thẻ kiểm soát Việt kiều” (Contrôle ressortissant Vietnamiens).

— Nhóm cư ngụ lâu năm, một tháng rưỡi phải đến cơ quan kiểm soát trình diện và ghi tên thêm tháng rưỡi nữa.

— Nhóm mới đến, 15 ngày ghi một lần. Mỗi lần ghi, đương sự phải nộp 20 đồng. Thẻ ấy còn gọi là thẻ thông hành tạm (Laissez-passer provisoire) ghi ở dưới câu thẻ kiểm soát Việt kiều, có lằn 2 ngón tay. Việt kiều quen gọi là “giấy 2 ngón”.

Sở dĩ người Pháp bày ra thẻ thức này là để gạn lọc và chặn bắt những người theo phe kháng chiến ở trong khu, lúc ấy đang cầm đầu nhóm Issarak chống chánh phủ Hoàng gia Cao-miên. Song song với cuộc nổi dậy ở Việt-nam, Chánh phủ Cao-miên do Sơn ngọc Thành lãnh đạo, với thời Nhựt, cũng hoạt động chống thực dân, giành độc lập hoàn toàn cho đất Miên. Việt kiều hưởng ứng theo chí nguyện của người dân bị trị, gia nhập hàng ngũ rất đông. Nào ngờ khi quân Pháp kéo đến, quốc vương Sihanouk vội rước vào như mời ông thầy cũ, báo hại những người không đồng ý phải rút vào bưng. Một số Việt kiều yêu nước bị bắt hành hạ thẳng tay, tổ chức tại thủ đô Nam-vang tan rã. Dưới mắt người Pháp, Việt kiều là kẻ thù nguy hiểm phải hết sức đề phòng!

Thế nên, trong sự phân chia hai nhóm Việt kiều, các công chức được người Pháp can thiệp thì thuộc vào hạng lâu năm,

những người có sản nghiệp, có liên lạc với giới có quyền thế thì được ưu đãi, kỳ dư đều bị xếp vào hạng mới đến một phần lớn. Đó là một dịp tốt cho các quan hạm vét túi Việt kiều. Những người ở thủ đô còn khá, tội nghiệp cho những người ở tỉnh, ở thôn quê thất học bị điều đứng về loại giấy này không thể tả. Đạo ấy, cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, Việt kiều cũng chịu ảnh hưởng lây. Lỡ ra có chuyện gì đề chánh quyền dòm ngó thì ai cũng sợ bị gán là Việt minh rất dễ bị đi "tàu bay", nằm chuồng rệp hàng năm như chơi.

Năm 1948, những người mang giấy thông hành vĩnh viễn (Laissez-passer permanent) in 5 ngón tay, gọi là "giấy 5 ngón", mỗi năm ghi một lần. Người mang giấy mới đến thì được gia hạn thêm thời gian ghi là 2 đến 3 tháng một lần. Ở được 3 năm trở lên, đương sự có thể xin giấy vĩnh viễn in 5 ngón tay. Mỗi lần đem giấy ghi phải đóng 100đ. Người nào giữ được giấy 5 ngón cũng như được một ân huệ đặc biệt. Do đó, nạn hối lộ hoành hành dữ dội như bệnh dịch tả trong các giới Việt kiều. Năm được giấy tờ này thì kẻ như ăn chắc, không sợ bị trục xuất khỏi lãnh thổ bất ngờ !

Năm 1952, Chánh phủ Cao-miên không nhận người Việt vào cư ngụ nữa. Người nào mới đến chỉ được ở một tháng, nếu ở thêm khi bị bắt sẽ ở tù vài ngày và trục xuất về Việt-nam. Tính ra từ khi người Việt vào đất Miên theo đoàn quân nhà Nguyễn và trong thời kỳ Pháp thuộc đến năm 1952 là chấm dứt. Số Việt kiều còn lại là những người sanh ở Cao-miên hoặc ở Việt-nam đến trước năm đó.

Năm 1955, Chánh phủ Cao-miên đòi tất cả loại căn cước của Việt kiều thành một loại giấy duy nhất : «Căn cước của Việt kiều và người Lào» (Titre d'identité des ressortissants Vietnamiens et Laotiens). Người đòi giấy này phải đóng 50 ría (tiền Miên) như đóng thuế thân. Phong trào đòi giấy là một nỗi khổ tâm cho hầu hết Việt kiều phải nằm chờ từ sáng đến chiều, ngày này qua ngày

khác, phải bị làm tiền trắng trơn trước mắt mọi người. Số là lệnh trên rõ ràng như thế nhưng khi thi hành thì các quan bẻ queo ra ngả khác. Thay vì đổi ngay ra loại giấy mới, các quan đổi cho một cái giấy cầm tay tạm gọi là đề cơ quan an ninh điều tra lại xem có gì đáng ngờ không? Giấy tạm này có hiệu lực trong một tháng, mỗi tháng phải ghi một lần và đóng 20 rí. Có người phải chờ một năm mới được cái căn cước ấn định. Số bạc phải đóng 50 rí lại gia tăng 100 rí, rồi đến 200 rí. Sự trễ nãi kéo dài như thế, Việt kiều phải gánh chịu, nghĩa là khi lãnh giấy phải đóng 2 năm một lần là 400 rí cộng với 5 rí tiền cái thẻ và 95 rí tiền... không có thối.

Năm 1963, giấy căn cước đó được đổi ra "Thẻ của ngoại kiều (Carte des étrangers), mỗi người phải đóng thuế cư trú 500 rí, rồi lên 700 rí, chưa kể những món vi thiếng ! Năm 1967, Việt kiều còn xài loại thẻ này.

Trải qua mấy thời kỳ, mấy lần đổi thay như thế, Việt kiều chịu không biết bao nhiêu là khổ cực do các công chức Miên bày vẽ ra để làm khó dễ hầu ăn tiền cho nhiều. Đối với người không biết chữ, không thông luật lệ thì các quan hạch sách đủ điều, ép buộc đủ thứ và vơ vét thẳng tay. Một điều đáng tủi hổ nhất là chúng thừa cơ hiếp các cô gái muốn có giấy tờ để sống tạm hoặc vĩnh viễn trên đất Miên. Cô nào không thuận tình thì chúng đuổi về Nam. Giấy lẫn tay, giấy căn cước là một mối họa cho Việt kiều mỗi khi nhắc đến ai cũng thở dài ngao ngán !

### **HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA VIỆT KIỀU**

Dù xa quê hương và sống yên vui, sung túc ở đất người, nhưng Việt kiều không bao giờ quên Tổ quốc bị quân Pháp xâm lăng cai trị. Tinh thần cách mạng của kiều bào thể hiện qua nhiều hoạt động liên tục đại khái như làm lễ truy điệu ông Phan Châu Trinh, hưởng ứng phong trào lao động tranh đấu, Việt-nam quốc dân đảng..., ở nước nhà.

Tháng 3 năm 1926, ông Phan Châu Trinh mất, đồng bào



Sài-gòn, Mỹ-tho, Vinh-long và hầu hết ba kỳ tổ chức đám tang truy điệu vô cùng trọng thể. Việt kiều ở Phnom Penh lập một Ủy ban, thuê nhà hàng Hưng long đường Hasakan làm lễ. Nhiều sinh viên đi xe đạp cõ động phát tang khắp các giới kiều bào đồng thời tặng mỗi gia đình 3 tấm ảnh ông Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn An Ninh.

Đến ngày cử hành lễ, Ủy ban gấn bằng tang cho tất cả Việt kiều nào đi ngoài phố. Nhiều ngàn người đến tham dự đứng chật cả một khoảng đường. Những câu đối, tấm trướng, treo đầy cả hai bức vách. Lễ xong, mọi người giải tán, không có diễu hành. Nhà cầm quyền Pháp cho phép đảng hoàng, cắt người theo dõi, trông chừng chỗ không ngăn cấm.

Ngày 22-10-1929, người Pháp bắt một số đông Việt kiều trí thức và công, tư chức giải về Sài-gòn điều tra về tội dính líu đến những đoàn thể cách mạng ở quê hương. Sau đó một thời gian, hầu hết được trả tự do trở lại Cao-miên, ngoại trừ vài công chức bị sa thải và trục xuất luôn.

Năm 1933, ông Từ Văn Hơ, ông Phan Bá Cầm, ông Bình, ông Xuyên tổ chức cuộc đình công trong ngành Hỏa xa, đưa yêu sách cải thiện đời sống công nhân được ban giám đốc nhượng bộ. Phong trào lao động tranh đấu lớn mạnh từ đó.

### *B/— THỜI VIỆT-NAM KHÁNG PHÁP (1945)*

Cuối năm 1945, cuộc kháng chiến bùng nổ ở Việt-nam, một số công chức Việt kiều xin về quê phục vụ được Chánh phủ Cao-miên cấp đầy đủ giấy tờ. Giới thường dân tự do, giữa hai nước lúc ấy đã được độc lập. Trong khi khói lửa lan tràn ở Việt-nam thì Cao-miên rước quân Pháp trở về như thỉnh người chủ cũ đi chơi xa. Người Pháp vừa đặt lại nền móng cai trị thì dân Miên nổi lên «cáp duồn» nghĩa là chặt (đầu) An-nam và cướp nhà giệt đất của Việt kiều. Tại thủ đô Nam-vang, họ không dám làm quá lộng vì còn có Chánh phủ, chứ ở tỉnh nhất là ở xã, ấp thì saah mạng và tài sản của Việt kiều ở trong tay họ. Dân

Miên hợp thành từng toán võ trang dao gậy xông vào nhà kiều bào đuổi hết ra đường. Nạn nhân không « xin » được một vật gì cả, quần áo cũng bị lột sạch. Có người nhanh chân chạy trước hướng về quận lỵ để tìm sự che chở, thì dọc theo đường lại gặp toán khác lột cái áo, lột cái quần đến nỗi phải lấy lá che thân ! Người nào chống cự lại thì mất đầu ngay ! Có nhiều gia đình ở sát biên giới Gò-dầu-hạ bị chúng giết hết ráo xô ập xuống giếng để cướp của ! Không ai dám thưa gởi gì cả, vì sợ trả thù mà cũng không ăn thua gì ! Các quan ậm à xử chìm xuống tuốt.

Đầu năm 1946, trật tự văn hồi, trong số nạn nhân Việt kiều có người được trở về nhà cũ với xác không, đồ đạc mất ráo, có người chịu mất hết ruộng nương để đổi lấy mạng, có người lánh về Nam bỏ hết sản nghiệp gầy dựng từ lâu.

Trò cướp giật công khai không còn nữa. Người Miên đòi chiến lược chiếm đất của Việt kiều. Dưới thời bảo hộ, Việt kiều có quyền khai khẩn đất hoang, nộp thuế để nhận quyền tư hữu. Chánh quyền địa phương cấp cho nông dân một « Giấy phép trồng trọt » (Permis de culture). Giới nông dân đã chịu khó phát rừng, dọn cỏ tạo lập riêng mảnh đất của mình. Có người bỏ tiền mua ruộng của người Miên, một đàng bỏ công, một đàng bỏ của, kiều bào lập nghiệp trên đất Miên bằng mọi phương tiện hợp pháp và lương thiện. Thế nhưng, người Miên lại tung ra khẩu hiệu : « *Đất Miên phải trả lại cho dân Miên* », và ngang nhiên chiếm càn. Họ cất nhà trước cửa nhà của Việt kiều và theo thói quen, họ phóng uế, quăng đồ vật dơ dáy xung quanh, cốt ý đuổi nạn nhân đi nơi khác. Vườn tược cây trái của Việt kiều trồng cũng bị chiếm luôn, chủ nhân muốn bẻ ăn phải « xin phép » họ ! Ruộng đất họ tự do cày bừa, ai phản đối thì họ xách dao rượt chém. Đi trình làng, trình ông phủ (quận trưởng) thì các ông hứa sẽ điều tra, thu xếp mà không thu xếp gì cả. Nhiều người lên Nam-vang định vào thành vua khiếu nại với vị quốc vương (nhà vua tiếp xúc với dân chúng mỗi tuần một lần) thì bị chánh quyền địa phương mật báo với Công an đón bắt trước cửa hoàng thành, giải về làng... bỏ tù. Có người dùng mọi

cách đề vào tận nhà vua kể lẽ thì được dâng Thiên tử gặt gù, ậm à hứa sẽ cứu xét, rồi cũng bỏ qua luôn ! Ảnh hưởng của phong trào giết đất khiến hàng ngàn Việt kiều hồi hương về Nam, còn người nào không thể đi được thì phải bỏ đất đai sống với nghề khác, hoặc đi làm công cho kẻ cướp giết của cải của người !

Trong năm 1958, một số Việt kiều ở tỉnh Svayriêng bị người Miên đuổi về tỉnh Kiến-tường đề giết đất, đã kê khai danh sách và số đất đai với tỉnh đường như sau :

**Nạn nhân ở tạm xã Bình-hòa-thôn :**

— Nguyễn Văn Hết mất 100 mẫu, tính theo thời giá 200.000đ.

— Nguyễn Thị Đẹt mất 20 mẫu giá 40.000đ.

**Nạn nhân ở tạm xã Bình-hiệp :**

— Lê Văn Đạo mất 100 mẫu, Phạm Văn Phú 8 mẫu, Đinh Văn Lân 8, Nguyễn Văn Quế 8, Đinh Văn Sóc 5, Võ Văn Ghẹ 10, Võ Thị Ngọc 5, Võ Văn Quên 10, Võ Văn Chánh 6, Lê Văn Châu 10, Trần Văn Thông 8, Phan Văn Độ 10, Phạm Văn Hùng 5, Võ Văn Tân 5, Võ Văn Giai 10, Võ Văn Xuân 3, Võ Văn Miên 6, Võ Thị Vân 3, Lâm Hạnh Nhơn 4, Võ Văn Ban 3, Võ Thị Lung 4, Võ Thị Hoánh 6, Trần Văn Cung 6, Trần Văn Đất 6, Võ Văn Châu 3, Nguyễn Văn Mít 15, Nguyễn Văn Chức 11, Tô Văn Ní 3.

**Nạn nhân ở tạm xã Tuyên-bình :**

— Trần Văn Mùi mất 99 mẫu, Trần Văn Hai 45 mẫu, Trần Văn Khánh 43, Lê Văn Hộ 10, Nguyễn Văn Phương 93, Nguyễn Văn Ký 10, Nguyễn Bồ 7, Nguyễn Văn Nhơn 15, Nguyễn Văn Văn 80...

Đây chỉ là một số Việt kiều bị đánh đập và xua đuổi khỏi đất Miên đến đầu cáo với chánh quyền tỉnh, còn rất nhiều nạn nhân ở tỉnh Prey-veng, Ta-keo, Kandal, Kampot cũng gặp tai họa như thế nhưng xét thấy kêu ca vô ích nên không lên tiếng với chánh quyền.

Đối với Việt kiều còn ở lại thì dân Miên tìm đủ mọi cách hiếp đáp. Họ cho Hoa kiều và Việt kiều là những người khôn ngoan, tài



giỏi hơn họ, tay không đến đất họ và hưởng nhiều quyền lợi hơn họ, nên họ cần phải «lấy lại» những gì họ đã mất.

Ở xã, ấp, mỗi lần có chuyện xích mích với Việt kiều thì chúng hô to lên ba tiếng : «An-nam đánh Miên», tức thì cả chục người nổi dậy lên, gặp ai đánh nấy, bất kể đàn bà, con trẻ, ông già, bà lão. Nhân cơ hội ấy chúng hăm hiếp phụ nữ ngay tại nhà.

Ở thủ đô Nam-vang, chúng giả cướp đón đường khách qua lại giật tiền, đồng hồ tay, vác con gái hoặc vợ người sau khi đánh người chồng bất tỉnh. Cả đến phu xích lô cũng hống hách với kiều bào : đi một cuộc xe, chúng đòi thêm tiền mà không trả thì chúng kéo xuống đánh ngay, vừa kêu các đồng nghiệp tiếp tay như đám nổi loạn ! Người nào tố cáo với nhà cầm quyền thì bị «mời» về bót, hoặc xử chìm xuống chứ không bao giờ trừng phạt kẻ chủ mưu. Người nào tỏ ý biết chuyện đi thưa gởi đến các ông lớn thì chúng tìm cách trục xuất khỏi lãnh thổ cho khỏi mất công theo dõi. Đạo ấy, ngoại kiều, nhất là người Việt, đừng mong thưa gởi người Miên cho một đề mang họa vào thân. Rủi ro có tại họa thì làm thịnh mà chịu là kẻ an toàn nhất.

Trong lúc ấy, thực dân Pháp dùng kế ly gián, mượn tay người Miên hại Việt kiều. Chúng in những tờ truyền đơn vẽ hình các tướng Việt-nam thời vua Gia Long sang bảo họ Cao-miên đã bắt ba ông sãi chôn đứng dưới đất ló đầu lên trên làm ba ông Táo (đầu rau) nấu nước uống, và một quân sĩ Việt róc mía trên đầu ông sư cho ông tướng ăn, lưỡi dao cổ tình róc trật đề chặt trúng đầu ! Thủ đoạn hèn hạ này chỉ làm phẫn nộ một số ít người Miên ngu dốt, chứ ai ai cũng biết theo sử sách thì vào thời tướng Đỗ Thành Nhơn đánh quân Xiêm giúp Cao-miên có tên tùy tướng của Nặc Ông Ninh tên Chiêu Cấn Ngu xúi giục người Miên chống quân Việt đề đưa Nặc Ông Ninh soán ngôi vua. Chiêu Cấn Ngu bày ra những trò dã man kẻ trên và đồ cho người Việt làm ! Và lại, thiện chí của người Việt thuở ấy đối với hoàng triều và dân tộc Cao-miên có ghi trong sử sách là đuổi quân Xiêm.

bảo hộ Cao-miên thì có lý nào lại thực hành những việc thất nhân tâm như thế ?

Thực dân Pháp khai thác đề tài lão khoét ấy để che đậy sự thất bại của chúng trước cuộc nổi dậy của toàn dân Việt-nam, tuy không có ảnh hưởng gì sâu rộng đến đại cuộc, nhưng cũng gây tai hại cho một số Việt kiều trước sự căm phẫn của nhóm người Miên kém học.

### **C/— THỜI CAO-MIÊN ĐỘC LẬP. NẠN HỐI LỘ**

Nói đến nạn hối lộ ở Cao-miên thì phải liệt quốc gia bạn vào hàng số 1 ở thế giới. Toàn thể Việt kiều đều tốn hao ngân quỹ gia đình một số lớn về khoảng đóng góp không giấy tờ này. Ngay dưới thời Pháp thuộc, các quan chức cả Việt lẫn Miên dựa hơi ông thầy họ Thực ngang nhiên làm tiền thẳng dĩa tại công sở. Người Pháp có biết đi nữa, mà cố nhiên là họ thừa biết, cũng giả điếc làm ngơ cho đám thuộc hạ tự do hành động, miễn là công vụ chạy thì thôi. Không bao giờ có một nhân viên nào bị khiển trách hay sa thải về tội ăn hối lộ.

Từ ngày vương quốc Khmer độc lập hoàn toàn thì nạn tham nhũng bành trướng vô cùng mạnh mẽ đến nỗi thái tử Sihanouk phải tự phong mình làm Tổng trưởng bộ Thanh trừng mà vẫn đành bó tay đầu hàng ! Báo chí ngoại quốc đã từng vạch rõ tệ đoan gây thành luồng dư luận sôi nổi một thời gian. Một số công chức có phận sự tiếp xúc với dân chúng tự cho rằng mình nhất định phải ăn hối lộ, có đủ thẩm quyền ăn hối lộ vì sự kiện đã thành một luật lệ bất di bất dịch rồi. Người Miên, Việt kiều, Hoa kiều phải thuộc lòng luật lệ của một số quan to, quan nhỏ mỗi khi có việc phải vào cửa nào. Nếu không biết, hoặc làm bộ dốt, hoặc không có tiền thật sự thì khó mong cho việc trôi chảy đúng theo thời hạn dự tính, đôi khi bị chìm xuống mất luôn. Quý buan đã tính rất kỹ lưỡng đường đi nước bước của đám con

mỗi, đừng mong ma nào qua lọt lưới và người nào có việc gì nhờ đến quan thì được nghe quan « ra giá » đảng hoàng, đương sự bằng lòng thì cứ đảng hoàng móc túi đếm bạc cẩn thận, đưa hai tay, quan sẽ lấy nghiêng cho vào túi. Trong nhiều cơ quan có đông nhân viên thì số bạc phải bỏ vào một hộc tủ riêng, khi mãn giờ quý ông chia nhau đồng đều. Kẻ có việc phải tốn kém như thế đã đành, có nhiều người tự nhiên bị làm tiền tại nhà mới là quái gở. Ví dụ nhân viên ti vệ sinh có bồn phận phải đi khắp phố coi sóc đường mương, cống, rãnh, rác rến mà đề cho bọn Hoa kiều tự do quấy phẩn tưới cải, mùi hôi thúi bay khắp xóm vào giờ cơm chiều, trái lại vào nhà Việt kiều thấy gạch lót dưới sàn thì hạch sách tại sao không xin phép (?) Các quan đòi tố cáo trước Tòa án nếu chủ nhà không đưa tiền xài !

Lúc Việt-nam và Cao-miên còn giao thương, du khách Sài-gòn sang Nam-vang và Việt kiều đi về Nam đến sở Cảnh sát ghi giấy chu lưu đều phải kèm theo 30đ hay 50đ. Quý quan nhận tiền, bỏ vào hộc tủ tự nhiên và đảng hoàng như chú Ba bán hủ tiếu. Có bạc rồi quan ký nhận ngay cho đương sự mang đi. Công việc chỉ làm độ 2 phút. Nếu người nào không thuộc « sách », hoặc không muốn diễn cái trò lạc hậu ấy thì quan bảo chờ vài giờ, hoặc vài ngày.

Khi dân chúng hai quốc gia phải dùng thẻ thông hành thì số bạc tăng lên từ 200 đến 500 đồng tùy theo sự gấp, huân của đương sự. Tình hình của ngoại giao càng căng thẳng, thẻ thức qua, lại càng khó khăn thì số tiền tăng thêm từ 1.000 đến 2.000 đồng.

Một điều đau đớn nhất cho Việt kiều là vấn đề đổi thẻ căn cước và thẻ cư trú có nộp thuế. Mỗi lần đổi thẻ thì hàng trăm ngàn Việt kiều phải bỏ dở công ăn việc làm nhiều ngày liên tiếp đến châu chực ở công sở. Cao-miên vừa độc lập, quý quan mới càng đáng phận sự nặng nhọc nên không thể nhất đáng phục vụ cho một số đông người. Nhân đó, nạn hối lộ được bành trướng như nước vỡ bờ. Ai muốn chóng về nhà thì lời tiền ra ! Giữa lúc hỗn độn như thế, một vài tên lưu manh tự xưng là người tay



chân của quí quan, nhận làm giúp cho kẻ nào chịu trả một số tiền nước. Nhiều người gom giấy tờ, tiền bạc đưa cho chúng, rồi chờ ngày này qua ngày khác. Kết quả : có người tìm thấy bó giấy tờ nằm trong... cầu tiêu. Nạn nhân đành chịu mất tiền và làm thình vì đừng mong một người Việt thừa gởi, tố cáo một người Miên mà được đền Trời soi xét. Vả lại, tìm được đủ giấy tờ là một điều may mắn rồi. Nếu chúng thủ tiêu thì còn mất thêm nhiều tiền nữa ! Sau đợt đổi thẻ căn cước, kể đến đợt đổi thẻ cư trú có nộp thuế, mỗi Việt kiều đóng 700 ría một năm. Quang cảnh trước công sở cũng y như lần trước, mà có phần long trọng hơn vì Chánh phủ cho một thời hạn nhất định, quá ngày tháng, kiều bào bị bắt bỏ tù và trục xuất khỏi lãnh thổ. Đó là một dịp may ngàn năm một thuở cho quí quan. Mỗi người đóng 700 ría nhưng phải đem theo nhất là 200 ría mới "trôi" qua các cửa ải ! Kẻ nào không đủ tiền thì rán mà chờ. Tiền ăn uống, tiền công việc làm hằng ngày còn nhiều hơn số tiền "dâng" cho quí quan. Một số Việt kiều ở xa thủ đô, xa tỉnh lỵ không điều chỉnh kịp hóa thành con mồi ngon cho quí quan rước vào khám chờ điều tra. Một khi đã vào chuồng rệp rồi thì đừng mong được về sớm nếu thân nhân ở ngoài không có tiền. Có tiền thì về ngay, về liền, không có tội gì cả. Nhiều Việt kiều ở tù cả năm không được xét xử vì không quan nào chịu trình hồ sơ lên thượng cấp. Có người được giấy phóng thích rồi, quan lớn đưa cho quan nhỏ thì hành thượng lệnh, nhưng quan nhỏ giữ lại chờ người thân của nạn nhân đem nộp một số tiền mới chịu trả tự do. Rủi ro giấy ấy ban ra nhằm buổi chiều thứ sáu mà sáng thứ bảy quan nhỏ không thấy ai nộp tiền thì nạn nhân phải nằm thêm ngày chưa nhật, chứ đừng mong kêu ca gì cho mệt.

Một chuyện khá khôi hài xảy ra hồi thời Pháp thuộc cho ta thấy tính chất hối lộ dã man như thế nào. Tại góc đường Piquet và Charles Thompson có cái xe bán hủ tiếu. Mỗi buổi sáng, một quan cảnh sát Miên có phận sự gát khoảng đường ấy đến ăn một tô. Quan gọi ly rượu trắng, người bán không có sẵn phải lấy tiền túi mua hủ quan, Ăn xong, quan gọi một tô đem về nhà cho vợ.

Sự việc xảy ra đều đều như vậy tháng này qua tháng khác mà không bao giờ quan trả một xu, đến một hôm, sau khi quan và vợ ăn xong, quan rút tay ra nói :

— Lâu quá không phạt anh lần nào, bữa nay « xin » phạt một lần.

Người bán hàng cho rằng quan nói đùa nên ngoác mồm cười khệt khệt. Nào ngờ quan nổi xung trợn mắt nạt rằng :

— Bộ tao giỡn với mày sao? Đưa giấy tờ ra đây!

Chú Ba nhà ta phải riu riu vâng lời vừa lăm băm những gì trong miệng!

Chuyện khác có thể tượng trưng cho sự trắng trợn và ngạo là chuyện một quan vừa được đề cử phụ trách kiểm soát xe chở hàng. Ngay buổi nhận việc quan cho mời tất cả chủ xe trong thủ đô lại nhà, truyền rằng :

— Tôi mới dọn nhà, chưa có món gì dùng, nhờ mấy ông lo giúp.

Tức thì mấy ông chia nhau : ông mua bộ ghế khách, ông mua cái giường, ông mua cái tủ, ông mua bộ ván v.v... Dọn xong bà quan chê bộ nệm dày 2 tấc nằm không êm, buộc phải đổi bộ nệm 3 tấc.

Trên phương diện chánh trị, một số Việt kiều biến thành nạn nhân của quí quan mà trong lịch sử thế giới chắc chắn chưa có nước nào áp dụng với kiều dân như thế. Cao-miên theo chánh sách trung lập một chiều, người Việt nào đó có tinh thần quốc gia thì bị quí quan coi là thù nghịch với quí quan, hoặc quí quan do theo lời chỉ dẫn của đám Khuyển, Ưng mà liệt kê họ vào sổ. Khi thành kẻ thù nghịch của quí quan rồi thì cái túi tiền kẻ như đi theo ông Tà hết sạch. Trước hết, quí quan mời con mời vào văn phòng, tạm giữ vài ngày, rồi cho đám tay chân đưa đề nghị cho thân nhân ở ngoài nộp tiền chuộc. Số tiền này nhiều ít tùy quí quan ấn định theo gia tài của con mời. Đó là

trường hợp của người có sự nghiệp, có cửa hàng thịnh vượng mà quí quan có thể khai thác hoài hoài. Tiền trao cháo múc, con mỗi được phóng thích ; vài tháng sau lại có giấy mời vào lần nữa. Và tấn tuồng cũ tái diễn luôn luôn mỗi năm từ 5 đến 7 lần. Đối với hạng xoàng xoàng, gia tài chỉ có một nắm thì sau khi cù cưa, cú cưa làm đủ mọi cách, kỳ cho hết sạch hầu bao rồi quan mới tổng con mời ra chợ Trời ở biên giới Gò-dầu-hạ (Tây-ninh) cho về Sài-gòn không cần giấy tờ gì cả.

Đối với hạng làn ăn lớn, có tên tuổi đảng hoàng không thể dùng thủ đoạn úp mở như trên thì quí quan mời vào văn phòng trình trọng tuyên bố rằng :

— Hội phước thiện này, hội từ thiện kia, đoàn thể xã hội mới thành lập nhờ ông giúp cho chút ít trong quyền sò vàng.

« Chút ít » của quí quan là từ 300.000 đến 500.000 ría. Nếu con mỗi « không biết điều » lòi ra ít hơn thì coi bộ khó về nhà với vợ sớm. Tuồng hát này được diễn đi diễn lại hoài. Một vị đại diện thương gia ở Sóc-trăng lập nghiệp tại Nam-vang mấy mươi năm phải tự động cuốn gói về quê vì không thể chịu nổi lối làm tiền công khai, cắt cổ này.

Quý quan nắm giữ một bản danh sách những Việt kiều có tinh thần quốc gia, có thân nhân ở Sài-gòn, có lui tới toà Đại diện Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa ở Nam-vang, có tỏ ý kiến chống Cộng trong những buổi tiệc, buổi nói chuyện, có phản đối không đóng góp tiền bạc để mỗi khi có một chánh khách thuộc khối Cộng đến viếng Cao-miên thì quí quan mời đi nghỉ mát ở các tỉnh lỵ xa thủ đô như Battambang, Kampot. Những người này được đối xử tử tế, không phải là tù, nhưng lợi dụng cơ hội ấy, quí quan « mần » túi mấy Việt kiều vô tội khác. Mấy nạn nhân này không có tội gì khác hơn là tội có nhiều tiền. Tòa Đại diện Chánh phủ ta không có quyền che chở Việt kiều theo qui chế ngoại giao, mặc cho người Cao-miên muốn vo tròn, bóp méo gì cũng được.



Ngày 26.10.1956, tòa Đại diện Chánh phủ ta ở Nam-vang tổ chức lễ Quốc khánh đầu tiên ở Cao-miên có mời thái tử Sihanouk đến dự. Bản danh sách thân hào nhân sĩ được mời chung vui « tự nhiên » lọt vào tay sở công Công an Cao-miên. Tức thì trận cuồng phong càn quét tử bạc của nhóm người yêu nước này vụt nổi lên ào ạt. Từng người, từng người, quí quan tỉ mỉ vuốt ve săn sóc rất kỹ lưỡng, đến nỗi ít lâu sau họ phải xin phép hồi hương bỏ cả sự nghiệp lại.

Áp dụng chiêu bài chánh trị, quí quan không quên những Việt kiều thuộc hạng thợ thuyền, tư chức, làm thuê. Hạng tai to, mặt lớn, có tên tuổi, có trình độ trí thức cao thì được các quan lớn « phụ trách », còn hạng dưới thấp thì thuộc vào phạm vi hoạt động của các quan nhỏ. Tội nghiệp cho những người ấy không biết tí gì về chánh trị, quanh năm lo làm ăn để kéo dài kiếp sống nhờ nơi xứ người, thế mà vì chút tư thù cá nhân với bọn Khuyển, Ưng, hoặc vì không chịu nghe lời tuyên truyền bố lão của chúng, bị chúng ngấm tổ cáo cho quí quan bắt giam tháng này qua tháng khác. Không cần tội trạng gì cả, quí quan tự đặt ra một cái tội, mà tội ghê gớm nhất đối với Việt kiều là tội làm gián điệp cho Chánh phủ Sài-gòn, làm mật vụ cho tòa Đại diện. Ngoài những thân hào, nhân sĩ có liên lạc, tiếp xúc với tòa Đại diện tên tuổi đã ghi trên bảng Phong thần có rất nhiều Việt kiều bị bắt oan mà không biết kêu ca vào đâu.

Chánh phủ Cao-miên cấm báo chí, sách vở ở Sài-gòn lưu hành trong lãnh thổ mình. Việt kiều không có báo đọc thì âm thầm chịu buồn chứ không ai đại gì lên đem về nhà cho mang khổ. Nhưng đối với quí quan thì đó là một trong những mục của quyền sách dạy ăn hối lộ. Một vài công chức Việt kiều có tên tuổi về Sài-gòn thăm bà con, khi trở lại Nam-vang bị bắt ở biên giới về tội đem báo chí Việt-nam nhập cảnh. Máy tờ báo đó là báo gói đồ đạc, quà bánh đã quá ngày tháng từ lâu mà nhà báo cần cho Chết ve chai, Mặc dầu nạn nhân có năm mồm mười miệng thế nào cũng mặc, học rộng thông hiểu luật pháp thế nào cũng mặc, quí quan vẫn thẳng

tay "sửa" nhiều mẽ gần sạt nghiệp. Nạn nhân chỉ còn một nước cờ chót : bán nhà về Sài-gòn để tránh cảnh đau lòng cho thể thái nhân tình !

Võ quít dày gắp móng tay nhọn. Chánh phủ Cao-miên thỉnh thoảng bị các ngoại kiều "xoay" lại vài trận khá đau.

Lệnh truyền cấm bán nhà, đất cho ngoại kiều, phải bán cho người Miên đã làm nhiều Việt kiều điều đúng, thiệt thòi vì không bao giờ người mua trả đúng theo thời giá. Những người có căn nhà nhỏ thì xí xóa được, còn những người có đất ở thủ đô, có biệt thự ở thì không đại gì để mất của. Người bán làm giao kèo dài hạn với người mua, cho mượn trong thời hạn từ 20 đến 99 năm (tiếng Pháp gọi là bail emphytéotique). Sau này nếu người mua có thể sang tên thì người bán sẽ ký vì biết đâu một khi Chánh phủ thay đổi thì luật lệ sẽ đổi thay. Chánh quyền Miên không thể từ chối phương pháp hợp pháp này.

Một công ty nhà phố của người Pháp thấy tình hình chánh trị bất lợi, muốn bán hết phố xá ở Nam-vang đem vốn về Algérie. Xưa kia, dưới thời đô hộ, Việt kiều, Hoa kiều mua phố của công ty này không-bao giờ xin ghi bớt số tiền để đóng trước bạ rẻ một chút. Công ty nhất định bán bao nhiêu kê vào giấy tờ bấy nhiêu để làm lợi cho công quỹ thực dân. Nhưng lần này, công ty rao bán 60 căn phố với giá 400.000 ría mà làm giấy tờ 200.000 ría, để ăn gian tiền trước bạ của chánh phủ Cao-miên.

Số vốn của ngoại kiều chánh thức được chuyển ngân ra khỏi Cao-miên là mấy mươi phần trăm thôi, còn kỳ dư thì gửi lậu, bán đen đỏ gì thì làm. Công ty này sẽ trình số 200.000đ thâu vào theo giấy tờ còn 200.000đ nhận không thì lên đem xuống Sài-gòn đòi lấy bạc Việt-nam để ăn lời một mớ rồi đổi ra quan chuyển lậu về Pháp.

Nha Trước bạ Cao miên biết giá phố 400 000đ mà làm giấy 200.000đ thì không chịu nhận. Viên giám đốc công ty bèn thân hành đến xin yết kiến Hoàng hậu trình rằng để tỏ lòng biết ơn Hoàng

gia Cao-miên đã giúp đỡ cho công ty làm ăn mấy mươi năm, công ty xin bán rẻ 5 căn phố với giá 150.000đ. Hoàng hậu mừng lắm, vội vã trả ngay 750.000đ, làm giấy tờ cần thận.

Nha trước bạ thấy Hoàng hậu mua 150.000đ mà người ngoài mua 200.000đ thì đâu có lý do nào bắt bề công ty được, đành phải chấp thuận cho đóng trước bạ hết 60 căn phố.

Công quỹ Cao-miên thiệt mất một số bạc đáng kể mà các quan phải làm thỉnh.

### CHỢ TRỜI BIÊN GIỚI

Tính từ chỗ giáp ranh ba nước Việt-Miên-Lào thẳng xuống đến bờ vịnh Thái-lan, ta thấy có tất cả 12 ngã đường vào lãnh thổ bạn. Đó là những đường chánh thức có tên đảng hoàng mà hiện có nơi bị bỏ hoang, có nơi có cơ quan chánh quyền trú đóng. Ngoài ra còn vô số ngã khác không thể đếm vì không có đường lớn cho xe cộ lưu thông, không có sông to cho tàu bè qua lại.

Vào cuối năm 1954, khi việc giao thương bị ngăn chặn vì quyền lợi dị biệt của hai quốc gia, giới buôn bán Việt-Miên xoay qua lối chạy hàng lậu. Địa điểm trao đổi hàng hóa là các vùng giáp giới, nơi mà con buôn quen mặt với các nhân viên chánh quyền hai bên, có thể qua đất bạn vài giờ rồi trở về không cần xin giấy tờ gì cả. Những nơi tụ họp như thế càng ngày càng thu hút nhiều «thân chủ» từ nhóm nhỏ ngồi theo đường, bờ ruộng đến các hàng quán che tạm cạnh nhau hóa thành chợ Trời.

Không phải trong 12 ngã đường biên cương đều có 12 ngôi chợ Trời; suốt lẫn ranh chỉ có 4 nơi có chợ hẳn hoi trong đó có 2 chợ hoạt động mạnh nhất, ngoài ra còn có hai nơi khác, đồng bào mua bán theo xóm, trong nhà chứ không có họp ngoài trời. Lý do có thể cho rằng vì địa thế, vì đường giao thông thuận tiện hay không.

Hai ngôi chợ lớn nhất là chợ biên giới là Gò-dầu-hạ (Tây-ninh)



Bavet (Svayriêng) trên quốc lộ số 1 và chợ Thường-phước thuộc quận Hồng-ngự tỉnh Kiến-phong đối diện với xã Prek-trapeang-phlâus, quận Peamchor, tỉnh Preyveng trên bờ sông Cửu-long.

Hai chợ vào bậc nhì là chợ ở biên giới Hà-tiên—Kampot trên quốc lộ số 17 và chợ Tịnh-biên thuộc tỉnh Châu-đốc đối diện với xã Phnom den, tỉnh Takeo, trên quốc lộ số 2.

Hai chợ không có nơi họp nhất định là chợ Sở-thượng nằm trên Kinh Sở-thượng. Kinh này bắt nguồn trong Đồng-tháp-mười chảy quanh trên đất Miên đi ngang chợ Hồng-ngự đổ vào sông Cửu-long ; và chợ Phước-tân ở xã Phước-tân, quận Phước-ninh tỉnh Tây-ninh đối diện với xã Bosmon, quận Romloul, tỉnh Svayriêng.

Chợ họp từ sáng sớm đến trưa, không thể kéo dài đến chiều tối vì vấn đề an ninh. Người mua hay bán phải tính giờ đi đến chợ và giờ trở về nhà. Không ai dám ở trễ hay ngủ lại vì có thể bị súng đạn bất ngờ. Nhìn trên toàn diện, chợ Trời đều bán những loại hàng không có ở các chợ chánh thức ở Việt-nam cũng như ở Cao-miên. Người Việt bán hàng nội hóa như vải, hàng dệt ở Sài-gòn xà bông, thuốc hút, đồ dùng làm bằng nhôm, rượu la ve, dầu xăng, rau cải Đà-lạt, các loại trái cây tùy theo mùa như măng cụt xoài nhôm chôm v.v... và hàng của Nhật và Hoa-kỳ do các trung tâm bán riêng biệt cho người Mỹ (P.X) sản xuất ! Người Miên thân Cộng, chống Mỹ, ghét Việt-nam (1) mà rất thích xài đồ Mỹ và Việt-nam. Người Miên bán hàng nội hóa như hàng lụa Mỹ A, đường thốt nốt, tiêu sọ, rau câu, đậu xanh, đậu nành, thuốc hút hiệu Ara, bò, heo, gà, lúa, gạo, cá hấp, cá khô, cá sấy, cá tươi, dép Nhật, laptop, cam, me, lòng mứt (sa-bô-chê) và các hàng của Pháp và Trung-cộng như rượu mạnh, rượu mùi, nước suối, rượu Ngũ gia bì, Mai quế lộ, các thứ thuốc bị cấm nhập cảng vào Việt-nam, bình thủy đựng nước đá, nước uống, chén đĩa bên Tàu, các loại dầu glô, dầu cù là, dầu sơn... Người Việt chống Cộng kịch liệt, ghét thực dân Pháp quá xá mà vẫn thích xài đồ Tàu,

(1) L c chưa lật đồ Sihanouk.

đồ Tây. Nhưng tùy theo địa hình, mỗi chợ có một bộ mặt khác nhau, có những món hàng đặc biệt mà chợ khác không có, và ở vào tình trạng đặc biệt, có thể nói là lạ lùng.

Ngoài những thức ăn, vật dụng kể trên người Miên, Việt kiều và đồng bào ở gần ranh giới nhờ chợ Trời «sinh hoạt» nhiều việc khác đại khái như :

— Người Việt gốc Miên ở các tỉnh Miền Tây mua sách học chữ Miên và kinh Phật chữ Pali in ở Cao-miên.

— Đồng bào ta ở thủ đô Sài-gòn và các tỉnh lân cận tiêu thụ dùm người Miên số bò, heo, gà, cá tươi, cá khô thặng dư.

— Đồng bào ở Hồng-ngự, Tân-châu (Châu-đốc) xài cây ván Cao-miên do người Tàu, cưa xẻ ở chợ trời Thường-phước.

— Dân làng bẹp tha hồ hút á phiện ở Lào tải qua ngã chợ Trời cũng như lính Mỹ hút cần-sa Cao-miên.

— Bọn đầu trộm đuôi cướp, giết hụi, giết nợ, thụt két, tị nạn chánh trị nhờ chợ Trời lên sang đất bạn.

— Những người chuyên môn đổi bạc hai nước nhờ chợ Trời làm đất dụng võ.

— Những kẻ làm việc trong bóng tối như chợ Trời chuyên hàng lậu, tài liệu bí mật.

— Việt kiều có thân nhân hồi hương thỉnh thoảng hẹn gặp lại nhau ở chợ Trời, hoặc cưới vợ, gã chồng ở quê nhà nhờ chợ Trời làm nơi rước dâu.

Chợ Trời bên giới «đi vào lịch sử» hơn 10 năm (tính đến 1967). Trải qua nhiều cuộc đổi thay vì tình hình chánh trị giữa hai quốc gia, chợ Trời vẫn còn tồn tại mãi với thời gian và không gian và sẽ giữ vững địa vị trên thị trường đến khi nào việc giao thương giữa hai nước trở lại bình thường.

## **NHÓM NGƯỜI TỊ NẠN CHÍNH TRỊ.**

Người Pháp rút khỏi Việt-nam, Chính phủ Việt-nam Cộng-hòa thành lập, Cao-miên được độc lập, vào khoảng cuối năm 1954, đất Miên lại «chứa» thêm một số người Việt mới, gọi theo danh từ thời đại là «dân tị nạn chánh trị». Tính đến năm 1967 thì tổng số người này có thể chia ra thành nhiều nhóm như sau

- Các đảng phái không chịu theo Ngô đình Diệm : Hòa Hảo, Đại Việt v.v...
- Các phần tử võ trang như Cao Đài ly khai.
- Các «chánh khách» bất đồng ý kiến với Chính phủ Việt-nam Cộng hòa.
- Các phần tử đảo chánh hụt.
- Các «chánh khách» thân Pháp.
- Việt-cộng bị lộ.
- Bọn người có tội với xã hội hay cướp giết, úp hụi, buôn lậu, lừa gạt đồng bào...
- Nhóm người ở Nam-vang làm liên lạc cho người Việt-nam ở Sài-gòn có thân nhân ngoài Hà-nội.
- Nhóm người Việt gốc Miên.
- Nhóm người thân của Ngô đình Diệm sau ngày Cách mạng.

Những nhóm người làm chánh trị thật sự hoặc vì chánh trị phải tị nạn ở Cao-miên đều hợp tác với nhau để hoạt động. Mục đích của các đảng phái này : Hòa Hảo, Cao Đài, Đại Việt... là chống Cộng và chống gia đình họ Ngô. Công tác thường xuyên là làm hậu thuẫn ngoại giao cho số anh em còn ở trong chiến khu tại Việt-nam tiếp tục chống Ngô đình Diệm. Tuy nhiên vì tình hình chánh trị ở Cao-miên biến chuyển luôn luôn nên trong khoảng thời gian ấy, có thể chia làm ba giai đoạn :



— Giai đoạn thứ nhất: Cao-miên và Ngô đình Diệm còn liên lạc về ngoại giao nên các đảng phái không làm gì được và Cao-miên cũng không giúp đỡ gì được.

— Giai đoạn thứ nhì: Cao-miên đoạn giao với Việt-nam Cộng hòa thì đương nhiên được dễ dãi về mọi mặt dù không có một văn kiện nào xác nhận điều ấy. Các đảng phái được tiếp xúc với anh em ở chiến khu tại biên giới, mua đồ dùng tiếp tế v.v..

— Giai đoạn thứ ba: Cao-miên ra mặt thân Cộng thông đồng với Cộng sản đánh các đảng phái chống Cộng, các ông tì nạn bị khủng bố thẳng tay.

Tóm lại, trong mấy năm tạm ẩn náu ở Cao-miên, tuy không làm được nhiều việc, nhưng các đảng phái đã góp nhiều vào công cuộc chống Cộng và giữ vững lập trường chống Ngô Đình Diệm dù gặp phải rất nhiều điều khó khăn. Có điều đáng tiếc là sự đoàn kết với nhau có phần lỏng lẻo cũng vì hai lý do chánh đáng:

1 — Nhà cầm quyền Cao-miên theo dõi rất gắt gao, không cho phép hội họp, phổ biến tin tức, tài liệu, hề hở ra thì bị bắt ngay.

2. Vấn đề sinh kế bắt buộc ai cũng phải lo lấy thân mình, phải xoay trở với đủ mọi nghề để kiếm miếng cơm hằng ngày.

Trong các nhóm kể trên có một số binh sĩ Cao Đài đã chống lại Chánh phủ Ngô Đình Diệm bằng súng đạn và bị đuổi khỏi biên giới. Đó là bộ đội Cách mạng Quốc gia Liên minh, thuộc Mặt trận Quốc gia Kháng chiến Việt-nam. Năm 1955, bộ đội rời chiến khu về hợp tác với Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa do Ngô Đình Diệm lãnh đạo. Toàn thể quân đội Quốc gia Liên minh đều được quốc gia hóa. Tháng 5-1955, cố trung tướng Trình Minh Thế tử trận. Ngày 30-12-1955, Trương Lương Thiên, Nguyễn Tấn Mạn, Nguyễn Văn Đồn kéo một phần bộ đội còn lại (chưa thành lập trung đoàn để đi Quang Trung thụ huấn) trở vào chiến khu chống chế độ Diệm-Nhu. Tháng 5 1956, bộ đội bị quân đội Việt-nam Cộng hòa trong

chiến dịch Trương Tấn Bửu tấn công ác liệt. Sau 15 ngày chịu đựng từ 27-5 đến 12-6-56, anh em lớp bị tử thương, lớp mất tinh thần về đầu hàng, bộ đội rút qua tỉnh Kompong-cham (Cao-miên). Lúc thương lượng với Chánh phủ Cao-miên xin tị nạn tại quận Mimot thì tổng số anh em còn gần 700 người. Chánh quyền địa phương thâu nhận khí giới, cấp cho nhà ở và cơm nước mỗi ngày. Ở tại Mimot 6 tháng, hơn phân nửa anh em theo đường rừng lên về Việt-nam, còn lại bao nhiêu, Chánh phủ Cao-miên dời đến trại tập trung ở quận lỵ Sdoc Ach Roméas, thuộc tỉnh Kompong-chnang. Tại đây, anh em ở trong ba dãy nhà lá cất dính liền với nhau, cách chợ quận lối trăm thước. Tuy gọi là tập trung, chứ anh em vẫn được tự do ra chợ mua sắm hoặc tiếp đón thân nhân ở Nam-vang lên thăm. Chánh phủ Cao-miên cấp cơm, gạo đầy đủ, nhưng không cho quần, áo. Nhiều anh em chỉ còn cái quần đùi, không có áo mặc. Vào tháng 10-1956, tòa Đại diện Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa ở Cao-miên có phái người đến trại bí mật tiếp xúc với anh em trong bộ đội dò ý đề mời về hợp tác với Ngô Đình Diệm, nhưng anh em cương quyết từ chối, đồng thời gạt bỏ những lời ve vãn của các tay cán bộ cộng sản mời anh em theo Mặt trận Giải phóng miền Nam.

Ở tại quận Roméas 7 tháng, ngày 31-7-1957, anh em bị Chánh phủ Cao-miên phân tán đi ở trong 5 tỉnh Kompong-chnang, Kompong-thom, Siemréap, Battambang và Pursat để sống tự túc. Anh em muốn đi tỉnh nào thì đi. Tổng cộng Chánh phủ Cao-miên cru mang anh em 13 tháng kể từ ngày 12-6-1956 đến 31-7-1957.

Việt kiều ở 5 tỉnh trên đây rất tốt đối với anh em. Khi vừa đến còn chân ướt chân ráo, anh em nhờ kiều bào nuôi nấng và tìm công ăn việc làm như thợ hồ, thợ mộc, khuôn vác đi ghe cá, làm lưới làm chài. Có bạn đi chích thuốc dạo, làm thợ ký cho các hãng buôn người Pháp. Mỗi tháng, anh em phải đến ty Công an sở tại trình diện một lần. Trong lúc ấy, cuộc đời vẫn tiến, nhiều anh em lập gia đình trong tình hình cư ngụ. Các cô gái Việt kiều không chê những chàng trai Việt chiến sĩ lưu vong.

Sau ngày Cách mạng 1-11-1963 thành công, anh em xin Chánh phủ Cao-miên trở về quê hương giúp nước. Anh em được xe đưa đến biên giới Gò-dầu-hạ và được tòa Thánh cử phái đoàn tiếp đón nồng hậu. Tổng số anh em còn gần 300 người. Một số còn kẹt nợ nần, hoặc bận bịu vợ con nên còn ở lại trên vài chục người, cũng rải rác ở 5 tỉnh. Trong số anh em trở về có nhiều người đem cả gia đình bên vợ hồi hương. Khi ra đi, một thân với cây súng, ngày về, cả một bầu đoàn thể tử. Bảy năm sống ở Cao-miên, qua hai trại tập trung và tự do ở địa phương đối với anh quả là một cơn mộng.

Những kẻ có tội với xã hội như cướp bóc, giết hại, buôn lậu, lừa gạt đồng bào thì sống sung sướng nhờ số tiền tóm thâu được và vung rải ra cho các quan chức Cao-miên để mua lấy sự yên thân. Có kẻ dám tự xưng là nạn nhân của chế độ để che tội xấu xa của mình. Đối với luật pháp Cao-miên thì họ không có tội gì cả, nhất là thủ tục dẫn độ giữa ta và họ không có nên kẻ nào cũng sống bình yên như dân lương thiện. Sau ngày Cách mạng có kẻ dám gia nhập vào các đoàn thể y như các chánh khách lưu vong!

Những kẻ hoạt động cho Việt cộng bị lộ tầy nhanh chân vượt khỏi ranh giới thì được cán bộ cộng sản nắm vùng ở Cao-miên tiếp đón rồi tiếp tục công việc bỏ dở! Khỏe và bình yên hơn ở quê hương!

Một số người khác chuyên làm một nghề mới: liên lạc giữa đồng bào ở Sài Gòn có thân nhân ngoài Hà nội. Ở Cao-miên, người ta tự do gửi thư từ, bưu kiện ra Hà-nội, mỗi phần là 3 ký lô. Những người ở miền Nam có thân nhân ngoài Bắc nhờ người ở Nam-vang gửi, nhận thơ và gửi quà cáp ra Bắc với một số tiền công. Người làm việc này kiếm ăn đầy đủ hàng tháng nhờ số thân chủ càng ngày càng nhiều!

Xen lẫn vào số đồng bào ta, có một nhóm sư sãi và người Việt gốc Miên bỏ làng, ấp lên Nam-vang tuyên bố là tị nạn chánh trị. Họ cho rằng Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa hiếp đáp họ, cư



xử tàn tệ với họ. Sự thật thì chính họ nghe lời tuyên truyền của Mặt trận Giải phóng người Miên hạ do người Cao-miên tổ chức, mục đích đòi đất Nam-việt và đồng bào gốc Miên. Đây là một chiến dịch chánh trị của Chánh phủ Cao-miên nhằm chống Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa. Các sư sãi và người Việt gốc Miên sang đây được ưu đãi về mọi mặt. Sư thì được cấp bình y bát, cà sa và đưa đến ngôi chùa nào mình muốn ở tu. Dân chúng thì được giúp quần áo và hứa tìm công việc làm hợp khả năng. Nhưng dần dà số thường dân chờ đợi mòn mỏi vì chính dân Miên còn thất nghiệp làm sao có dư công việc cho kẻ khác. Phong trào kêu gọi người Việt gốc Miên sang tị nạn lần lần im tiếng và đang đi đến chỗ tan vỡ.

Một nhóm người cuối cùng là nha tráo của Ngô Đình Diệm đã nhờ đất Miên làm chốn dung thân để an hưởng gia tài thâu góp được. Sau ngày Cách mạng, nhiều tên nhanh nhẹn vượt biên giới, nhiều tên bị bắt rồi mà nhờ túi tiền quý đây cũng được sang du lịch xứ Chùa Tháp. Họ được quý quan nước bạn tiếp đón niềm nở và sẵn sàng sửa túl bạc nhiều mẻ khá, nhiên hậu mới cấp thẻ cư trú hoặc thông hành đi Tây, đi Tàu! Một ông bộ trưởng phải chi hàng chục triệu mới được lên phi cơ sang Pháp. Kẻ còn ở lại thỉnh thoảng được các cơ quan chiếu cố một lần kỳ cho hết sạch lưng vốn mới ở yên.

### **TÒA ĐẠI DIỆN CHÁNH PHỦ VIỆT NAM CỘNG HÒA**

Vào tháng 2 năm 1956, trong một cuộc họp báo hằng tuần tại Hoàng cung, thái tử Sihanouk trả lời câu hỏi của thông tín viên Việt tấn xã ở Cao-miên rằng Chánh phủ Hoàng gia Cao-miên không thể đặt phái bộ Ngoại giao với Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa theo hàng đại sứ vì nước Việt đang bị qua phân; hai quốc gia Miên, Việt còn dùng sông Cửu-long và trao đổi một số hàng hóa nên có thể chấp nhận đại diện. Tháng 4, Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa nhờ ông Nguyễn Ngọc Châu liên lạc với Chánh phủ Hoàng gia Cao-miên đề xúc tiến việc lập hai tòa đại diện. Chánh

phủ Cao-miên cử ông Sum Hiêng làm đại diện ở Sài-gòn. Chánh phủ Đệ nhất Cộng hòa Việt-nam cử ông Ngô Trọng Hiếu làm đại diện ở Phnompennh.

Ngày 2-6-1956 ông Ngô Trọng Hiếu đến nhiệm sở được một số đông kiều bào do Liên đoàn Việt kiều hướng dẫn tiếp đón nồng hậu. Vì không có đủ quyền hành của một tòa Đại sứ nên tòa Đại diện không bình vực được hoàn toàn quyền lợi của Việt kiều. Và lại trong cuộc chiến tranh chấp với phe Cộng sản, công tác của tòa Đại diện thiên về mặt chánh trị nhiều hơn. Đại khái những việc đã thực hiện đáng kể như sau :

— Tổ chức cuộc định cư 5000 Việt kiều ở U-minh thuộc tỉnh Rạch-giá. Theo kế hoạch mới thì mỗi gia đình được cấp nhà đất, dụng cụ làm ruộng và một số đồ dùng trong nhà, nhưng Ủy ban định cư ăn chặn, ăn xén, ăn bớt gần hết số tiền Chánh phủ dành cho Việt kiều bằng cách mua đồ vật rẻ tiền : búa làm bằng chì, xuong bằng thiếc, lu đựng nước bằng giấy bồi trét xi măng ở ngoài, mùng bằng vải mục v.v... còn đất thì cấp trên vùng cây cỏ, dớn, choại mọc hàng hai ba thước không thể cất nhà được chứ đừng nói là canh tác ! Kiều bào tin theo lời tuyên truyền bán đồ bán tháo cơ nghiệp hồi hương gặp phải sự thật ê chề phải tự động tìm nơi khác cư ngụ, một nhóm đi núi Trầu, Đất hứa ở Hà-tiên, một nhóm đi ở xã Tri-tôn thuộc tỉnh Kiên-giang, một nhóm đi qua núi Tượng tỉnh An-giang, một nhóm đi qua xã Gia-kiệm tỉnh Long-khánh, một nhóm vào Tràm-chim Đồng-tháp-mười, một nhóm theo cha sở ở An-xuyên, và nhiều người tản lạc theo họ đạo, theo bà con ở Cần-thơ, cù lao Tây tỉnh Châu-đốc. Có người quá phần uất trở lại Cao-miên thuật hết sự việc cho ký giả *Trung lập* khai thác đăng hàng tháng trên báo, bồi lọ Chánh phủ ta hết sức ê chề. Chương trình của Chánh phủ, công tác của tòa đại diện hoàn toàn đổ vỡ vì nạn tham nhũng trong giới công chức.

Xin kể một số công tác của tòa Đại diện đã thực hiện được :

— Tổ chức phái đoàn Sinh viên, Học sinh, Công chức, Tư chức, Công nhân Việt kiều về thăm quê hương.

— Tồ chức Cây mùa xuân phát quà bánh cho trẻ em Miên, Hoa kiều và Việt kiều.

— Trợ cấp kiều bào bị hỏa hoạn.

— Tặng vải Chánh phủ Cao-miên may y cà sa cho sư sãi qui y trong dịp lễ kỷ niệm 2.500 năm đức Thích Ca thành đạo.

— Tham dự phái đoàn Phật giáo quốc tế tại Nam-vang trong dịp lễ này. Đại đức Bửu Chơn và đại đức Hộ Giác đại diện chánh phủ VNCH.

Tòa đại diện không có quyền can thiệp đến những Việt kiều bị Cao-miên bắt giam, cầm tù và trục xuất, không có quyền can thiệp vào qui chế của phu cao su, không thể giúp đỡ hàng trăm ngàn bạn biên, không thể bình vực Việt kiều trong vấn đề học vấn như Hoa kiều.

Đây là trường hợp điển hình của một ký giả Việt kiều ở Nam-vang bị trục xuất với lý do : «Vi biện pháp Cảnh sát I» Nạn nhân làm tổng thư ký tòa soạn cho báo *Dân Việt*, chủ bút báo *Việt kiều*, *Hồn Việt*, thông tin viên Việt tấn xã và các nhật báo ở Sài-gòn, đã được Chánh phủ Cao-miên cấp huy chương và bằng danh dự sau loạt bài phóng sự về Hội chợ quốc tế năm 1955. Khi tòa đại diện Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa thành lập, bạn được thu nhận làm thông tin viên như một số công chức Việt kiều. Vào cuối năm 1956, bạn tố cáo Chánh quyền Cao-miên ở biên giới Gò-dầu-hạ bắt buộc phụ nữ Việt qua trạm kiểm soát Bavet buôn bán phải mặc chần như đàn bà Miên. Người nào không chịu tuân lệnh bị đuổi về tức khắc. Tin này loan đi, Chánh phủ trung ương lấy làm khó chịu, lập tức gọi công văn hỏi viên tỉnh trưởng Svay-riêng. Lẽ cố nhiên ông tỉnh trưởng không biết việc đó nên trả lời rằng không có ra chỉ thị, thông cáo gì cả. Vị đại úy tổng trưởng Thông tin căn cứ vào văn thư ấy kết tội anh bạn loan tin thất thiệt, có hại cho uy tín Chánh phủ Hoàng gia và đề nghị trục xuất. Nhận được tin động trời, bạn liền đến bộ Thông tin trình bày sự thật kèm n theo ảnh chụp rõ ràng. Lập tức đề nghị trên được tạm



ngưng, chờ cuộc điều tra và kết quả : ông trưởng đồn kiểm soát bị thuyền chuyền tức khắc, lịnh quai gở kia bị bỏ bãi ngay. Đồng bào ta chưa biết tin, mặc chần qua đất Miên, bị đuổi về ! Tuy vậy, cái nhà ông ký giả vẫn bị bắt giam ba ngày rồi đưa ra biên giới với bản sao quyết định đảng hoàng.

Trước một hành động vi phạm đến luật quốc tế đối với kiều dân như thế mà tòa Đại diện Chánh phủ ta không can thiệp gì được, không đi thăm nạn nhân, bỏ mặc đương sự xoay sở lấy.

Năm 1959, vì dính líu vào việc một sĩ quang Miên chống Chánh phủ Sihanouk, ông Ngô Trọng Hiếu phải về Sài-gòn. Chánh phủ cử ông Phạm Trọng Nhân làm đại lý đại diện. Công tác của tòa Đại diện thu hẹp lại không thể hoạt động mạnh như trước vì Chánh phủ Miên tỏ ra thân Cộng ra mặt. Nhân viên giúp việc, kiều bào có cảm tình với tòa Đại diện, người có tinh thần quốc gia có thân hơn ở miền Nam thường lên xuống Sài-gòn bị chánh quyền Cao-miên khủng bố thẳng tay. Nhiều người trục xuất không lý do, không bằng chứng gì cả.

Tháng 7 năm 1962, Sihanouk nhận đại diện Thương mại của Bắc-việt tại Phnompenh. Ngày 17-8-1963, Chánh phủ Sihanouk đoạn giao với Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa. Ông đại lý đại diện và nhân viên về nước, còn một vị ở lại đảm nhiệm phòng Kiều vụ bên cạnh tòa Đại sứ Nhật-bồn lo thủ tục cho kiều bào xin hồi hương hoặc về Sài-gòn một vài ngày, cùng chiếu khán cho ngoại kiều nhập cảnh Việt-nam.

### **LUẬT CẤM NGHỀ**

Vào cuối năm 1953, Chánh phủ Hoàng gia Cao-miên được người Pháp trao trả nền độc lập hoàn toàn, thái tử Sihanouk chấm dứt cuộc lưu vong ở tỉnh Battambang trở về thủ đô Phnompenh ngày 22 tháng 12 và thành lập Nội các mới do ông làm thủ tướng. Một trong những mối ưu tư của ông là dưới thời đô hộ, nước Miên nghèo thái quá, nghèo vì dân chúng làm biếng, ngu tối, chậm chạp,

không cố óc cầu tiến cạnh tranh. Từ bậc trí thứ đến hạng cùng đinh nếu chánh quyền không ép buộc, bình vực bao nhiêu quyền lợi đều vào tay ngoại kiều hết sạch.

Trong các công sở, người Pháp thu dùng Việt kiều ngay từ ngày mới bảo hộ vì chưa kịp đào tạo thanh niên Miên. Chính giáo sư, giáo viên Việt phải học chữ Miên để dạy trẻ Miên ở các trường công!

Trong các hãng buôn ngân hàng, xuất nhập cảng, các chủ nhân người Pháp, Hoa, Ấn chỉ thích dùng tư chức Việt kiều là những người thông minh, nhanh nhẹn, chịu khó, siêng năng, tháo vát, biết quyền biến, biết nhận trách nhiệm.

Trong khắp các ngành hoạt động, thợ thuyền lao công, làm thuê, vác mướn, Việt kiều cũng chiếm đa số. Người ta chỉ dùng người Miên trong các công việc nặng nề và khi nào không thể tìm được người Việt mà thôi.

Thái tử Sihanouk rất buồn trước tình trạng này đã bộc lộ trong buổi họp báo ngày 16-4-1956 tại điện Pochani rằng thanh niên Miên chỉ muốn làm công chức ở đô thành. Ông nói :

— « Năm 1951 và 1952, tôi chỉ huy cuộc hành quân Samaki đánh đuổi Việt minh và Issarak tại tỉnh Battambang, thấy đất ruộng bỏ hoang ở nhiều vùng tốt vô cùng. Chỉ cần lấy khúc cây bới lên bỏ hột thóc lấp lại thì cây lúa mọc không cần cày bừa, cấy và tát nước. Ba năm nay tôi thảo một chương trình mở mang đất ấy và nhiều khu chưa khai khẩn. Tôi kêu gọi thanh niên Miên hãy đến đó, Chánh phủ cấp đất, nhà ở, dụng cụ làm ruộng, nhưng không có ai chịu đi. Họ bằng lòng ở Phnompenh ăn chức, nằm nhờ, chờ xin vào công sở làm « thầy ». Mới đây, có một cơ quan cần một thư ký mà nhận 500 lá đơn xin ! »

Một yếu tố rất quan trọng trong vấn đề này mà vị thái tử lãnh đạo không tiện nói ra là nạn hối lộ. Người Miên muốn làm « thầy » cũng vì thế. Ngồi vào chỗ nào ăn được thì làm giàu ngay.

Thế nên, để giữ quyền lợi cho đồng bào, vào tháng 6 năm 1957, thái tử Sihanouk ký sắc lệnh cấm ngoại kiều làm 18 nghề. Lệnh này có hiệu lực đối với các sắc dân ngoại quốc cư ngụ khắp lãnh thổ, và có ảnh hưởng rất quan trọng đối với Việt kiều. Đây là danh sách 18 nghề bị cấm :

1. — Thợ hớt tóc
2. — Thợ kim hoàn
3. — Chủ hiệu kim hoàn
4. — Chủ nhà in
5. — Cu li khuân vác
6. — Mật thám tư
7. — Thợ mộc
8. — Thợ hồ
9. — Chủ nhà thuốc Tây
10. — Dược sĩ
11. — Mua bán ngũ cốc
12. — Nghề làm công chức
13. — Nghề đóng thuế Thương chánh
14. — Sản xuất nông phẩm
15. — Đánh cá ở Biển-hồ
16. — Tài xế
17. — Vận tải đường thủy, đường bộ
18. — Tài công tàu thủy.

Đến tháng 9, Chánh phủ Hoàng gia Cao-miên lại ra lệnh thêm 6 nghề nữa :

1. — Thợ may
2. — Thợ giày
3. — Trồng tía
4. — Chăn nuôi
5. — Chăm đồ bình dân
6. — Địa ốc (mua, bán, cho thuê nhà, phố).



Đồng thời ở mỗi tỉnh, chánh quyền địa phương có quyền cấm thêm 6 nghề tùy theo tình trạng sinh hoạt trong vùng. Ví dụ ở những tỉnh gần biên giới như : Kandal, Svayriêng, Preyveng, Takeo, Việt kiều bị cấm làm ruộng ! Ở những tỉnh dọc theo sông Cửu-long, hoặc nơi có nhiều sông rạch, ao hồ như Kandal, Preyveng, Việt kiều bị cấm nghề chài cá, lưới cá, đặt lò, đặt lợp, cấm đặng, làm đố, mỗi gia đình chỉ được sắm một cái cần câu mà thôi. Người nào có hai cần thì bị bắt giam, làm tiền ! Ở tỉnh Kompongcham, có lệnh cấm Việt kiều làm phu cao su !

Đại đa số công nhân Việt kiều đều kẹt vào những nghề bị cấm nên người nào có nhiều tiền thì nhập Miên tịch để tiếp tục làm ăn, người nào thiếu thốn thì đổi nghề khác hoặc xin hồi hương. Một điều buồn cười nữa là có những nghề mà người Miên không biết làm hoặc làm không khéo bắt buộc chánh quyền Miên phải « nhờ riêng » thợ Việt như : hớt tóc, thợ mộc, thợ hồ, đánh cá ở Biên-hồ, phu cao su...

Người Miên hớt tóc theo một kiểu riêng biệt khác hẳn người Việt, chỉ « phở biển » vài kiểu ngắn, dài, cạo trọc mà thôi. Thợ Việt khéo tay hơn, bay bướm hơn, biết bắt chước nhiều ngón mới, biết chế biến tùy theo gương mặt nên người Miên rất thích nhờ thợ Việt o bế mái tóc của mình ; chính thái tử Sihanouk chỉ mượn một anh thợ Việt kiểu hớt tóc năm này qua năm khác.

Thợ mộc, thợ hồ cũng vậy, người Miên có biết nghề cũng không thể nào khéo hơn thợ Việt. Hoàng thành Cao-miên, cung điện, dinh thự, công ốc ở thủ đô Phnompenh và các tỉnh đều nhờ bàn tay của Việt kiều từ lúc xây cất đến khi trang hoàng từng căn phòng. Khi sắc lệnh ra đời chính người Miên bối rối vì không có thợ Miên thay thế kịp và chắc chắn không thể nào đào tạo người giỏi bằng nên phải « ngấm » che chở cho thợ Việt phục vụ họ. Một vài cửa hiệu hớt tóc lớn, vài trại thợ mộc, vài ông thầu khoán phải lo cho thợ nhập Miên tịch để tiếp tục công việc làm ăn.

Nghề đánh cá ở Biên-hồ đã thu hút trăm ngàn kiều bào hơn

một thế kỷ bao nhiêu người đã bỏ thây trên làn nước bạc từ thế hệ này qua thế hệ khác, người Miên không dễ gì thay thế dễ dàng trong nhất thời. Các chủ nhân ông có quyền khai thác vùng biển không thể nào sa thải số nhân công khổng lồ để tìm đâu ra một số người Miên to tát như thế? Và lại những người "bạn biển" đã sống với họ từ thuở mới lọt lòng, 7 tuổi biết chèo ghe, 10 tuổi biết xẻ khô, muối cá, 15 tuổi biết kéo lưới, lội dưới nước như rái, suốt đời xê dịch trên chiếc ghe nhỏ, trên căn nhà bè, bây giờ thử hỏi có người Miên nào rành nghề như thế, có thể thay được không? Ví như Chánh phủ Cao-miên cương quyết áp dụng lệnh cấm một cách triệt để thì tự nhiên bao nhiêu chủ "lái cá" phải nghỉ làm nghề, số cá tươi, cá khô sản xuất hằng năm không còn nữa. Hơn nữa người Miên ở trên đất liền không thiếu gì nghề nhẹ nhàng, dễ làm ra tiền, đại gì lao đầu xuống biển chịu trăm điều khổ cực mà số lương chưa chắc đã cao hơn? Vì thế sắc lệnh là sắc lệnh, luật lệ là luật lệ, chánh quyền Miên phải bó tay làm ngơ cho Việt kiều làm nghề đánh cá ở Biên-hồ để bán cho Trung-cộng và cung cấp cho quân lính Việt-cộng đóng trong lãnh thổ.

Nghề làm phu cao su cũng không khác bao nhiêu. Khi có lệnh cấm nghề, chủ vườn cao su không buồn can thiệp với chánh quyền Cao-miên để xin cấp giấy tờ cho đám phu cao su đi ở tỉnh khác hoặc về Sài-gòn, bỏ mặc cho họ xoay sở lấy. Người nào có nhiều tiền thì lo hối lộ xin đóng thuế như kiều bào chánh thức, người nào nghèo túng thì phải ở lại làm việc như cũ. Đó là dụng tâm của người Pháp sau sự thỏa thuận ngầm với Cao-miên để giữ số phu thợ nghề phục vụ cho chúng, vì lẽ dân Miên đang giàu to có đại gì vào rừng sống với nghề quá khổ cực với đồng lương quá ít ỏi? Hơn nữa, giữa thế kỷ hai mươi này, thực dân dễ gì giở thói mộ hàng mấy chục người dân phu như năm mươi năm trước một cách dễ dàng?

oOo

Vào tháng 7 năm 1958, một sắc lệnh khác ra đời, buộc các

xí nghiệp ngoại quốc phải thuê nhận 70% nhân viên Cao-miên, Giới tư chức Việt kiều bị điều đứag vô cùng. Người nào thay quốc tịch thì ngồi yên, kẻ không đủ điều kiện thì nặng bổng nhẹ tặc.

Các ngân hàng, hãng xuất nhập cảng, nhà buôn lớn hầu hết của ngoại kiều đành chịu mất một số nhân viên Việt kiều mẫn cán, thông minh và đặc lực, rất lấy làm khổ sở khi phải nhận người Miên vào thay thế. Người làm chủ gặp nhiều điều rắc rối, khó khăn đối với một nhân viên Miên. Ví dụ trong một xưởng sửa xe hơi, chủ nhân bắt buộc phải thuê 7 người Miên 3 người Việt thì 7 ông đó chuyên làm cu li, quét rửa, dọn dẹp chứ không dám cho mó tay vào việc làm. Nếu người chủ tử tế cho họ học nghề thì vừa chấp chừng đã đòi lương cao, rồi muốn làm thì làm muốn nghỉ thì nghỉ, hễ đuổi họ thì họ đi thưa, mà chính quyền đặc biệt bình vực họ. Về tánh nết thì làm biếng, thích ăn cắp, không có lương tâm, không nề sợ người mướn mình. Vì thế, có nhiều xí nghiệp phải bỏ tiền thuê người Miên cho đủ số bắt buộc, còn bao nhiêu Hoa kiều hay thợ Việt vẫn giữ lại để điều hành công việc. Các quan cũng biết mảnh khoe ấy nên thường đi khám xét luôn. Hãng nào có dư thợ ngoại kiều thì lừa thợ đi trốn, hoặc « phi thiếng » cho các quan một số tiền. Quen mùi, các quan siêng đi khám xét lắm.

Những xí nghiệp bị cấm người làm chủ như tiệm kim hoàn, nhà in, nhà thuốc Tây v.v... thì chủ nhân phải thuê một người Miên đứng tên làm chủ, mỗi tháng trả mấy ngàn đồng ! Ngoài ra kiều bào phải tổ chức những màn kịch để qua mắt các quan. Một hiệu may có 10 bàn máy phải thuê ba thợ Việt, 7 thợ Miên, chủ nhân mướn thêm 7 phụ nữ Miên cho làm việc nhà, nấu nướng, giặt giũ, giữ con v.v... Đến khi có quan đến khám thì màn kịch bắt đầu : 7 cô thợ Việt chạy xuống bếp làm việc thể cho 7 bà Miên đề mấy bà này ngồi vào bàn máy tự xưng là thợ may và may tả, may hữu gì thì may !



Ai cũng phải nhìn nhận rằng người Miên không thể thay thế Việt kiều trong những nghề đặc biệt, dù họ có học nhiều năm nữa cũng vậy, thế nên luật lệ là luật lệ. mà chính những người thi hành vẫn phải co giãn chứ không thể áp dụng triệt để.

Các bạn công nhân, lao động còn có thể thay đổi nghề dễ dàng, hoặc vẫn tiếp tục hành nghề cũ, chỉ có các bạn tư chức thì nhất định phải về Sài-gòn mới có đất trở tài. Thời vàng son của các bạn gần như chấm dứt... Một vài bạn dạy kèm trẻ con lối xóm kiếm chút ít tiêu xài cũng không được vì nếu dạy quá năm đứa thì phạm luật : "mở trường tư không có giấy phép". Tình cảnh anh em tư chức kẻ thật đáng thương. Nhiều người xoay qua phương pháp chạy áp phe, tuy chỉ kiếm sống từng ngày nhưng không đến nỗi thiếu hụt. Áp phe đây có nghĩa là mua bán, làm trung gian, mối lái, mách nước tiêu thụ hàng hóa khan hiếm ở thị trường, hoặc hàng bị cấm, hàng lậu thuế, hàng ở các chợ trời biên giới, và đáng kể hơn hết là đi lo hối lộ. Nhờ nạn hối lộ bành trướng một cách triệt để ở Cao-miên nên một số người chuyên sống bằng nghề dặt mối «kiếm chút cháo» có tiền xài quanh năm.

### *SINH HOẠT CỦA VIỆT KIỀU*

Ngày 20-7-1954, hiệp định Genève ra đời, quân đội Pháp rút khỏi Việt-nam, hầu hết Việt kiều đều hướng về miền Bắc, ca tụng công nghiệp của Việt minh. Rất ít người biết thế nào là đảng Cộng sản, là chủ nghĩa Mác—Lê, chỉ thấy đánh đuổi thực dân là vui mừng hể hả rồi. Đối với các chánh phủ miền Nam do Pháp đặt ra, kiều bào cho là bù nhìn, tay sai của mẫu quốc.

Cuối năm 1954, Pháp trao trả nền độc lập hoàn toàn cho Cao-miên, quân đội Việt minh tiếp thu ở tỉnh lỵ Svay-riêng và rút về Bắc, cán bộ vẫn còn trà trộn trong các giới Việt kiều.

Suốt một năm rưỡi, từ đầu 1955 đến 2-6-1956 là ngày tòa Đại diện chánh phủ Việt-nam Cộng hòa mở cửa, Việt kiều đọc toàn

là báo chí ở Sài-gòn nhưng chưa có ý thức về việc thành lập nền Cộng hòa ở miền Nam, vẫn giữ lập trường cũ. Dù miền Bắc chưa chánh thức bang giao với Cao-miên, dù cán bộ cộng sản chưa công khai hoạt động, Việt kiều cũng không có thiện cảm với Chánh phủ Sài-gòn vì lẽ Cao-miên chưa lập bang giao với miền nào và trong một quốc gia trung lập không có nước nào được phép tuyên truyền cổ võ, xúi giục kiều dân làm chánh trị.

Khi có tòa Đại diện và tờ báo *Hồn Việt* thì một số Việt kiều bày tỏ tinh thần quốc gia rõ rệt bằng sự tiếp xúc với người thay mặt Chánh phủ, tham dự các cuộc lễ kỷ niệm, tiếp tân, giúp đỡ các công tác xã hội. Tại thủ đô Nam-vang thành phần kiều bào chống Cộng gồm có phần đông quý ông trong Liên đoàn Việt kiều, một số công chức hồi hưu, một số tư chức, thương gia và những người có gia đình, thân quyến ở miền Nam. Tại các tỉnh có nhiều Việt kiều như Preyvêng, Kandal thì những người theo Công giáo thường liên lạc với tòa Đại diện qua quý vị linh mục, cha xứ.

Ngoài ra có thể nói lối 80 phần trăm ngã theo Cộng sản hoặc đứng lưng chừng. Bầu không khí sặc mùi chánh trị bắt đầu bao phủ các giới kiều bào. Một bên được công khai ăn nói, phát hành tờ báo tại Nam-vang và mỗi ngày có đầy đủ báo chí ở Sài-gòn, một bên thì ngấm ngấm rỉ tai, hội họp lén lút, hai bên cùng nhau tranh thủ nhân tâm.

Bốn tháng trôi qua, tòa Đại diện Chánh phủ Việt-nam Cộng hòa không lần được phần đất nào của đối phương cả. Tờ *Hồn Việt* được Việt kiều đón tiếp thờ ơ như tờ *Cách mạng quốc gia* của Ngô tổng thống.

Ngày 15-10 1956, thủ tướng Châu Ân Lai viếng thăm Cao-miên. Cùng đi theo phái đoàn Trung-cộng có Ngô Điền, thông tin viên Việt tấn xã Hà-nội, vào ở luôn Nam-vang. Vài tuần sau hai tờ nhật báo *Sống chung* và *Trung lập* ra đời với chủ trương thân Cộng, tuy không thể tuyên bố hẳn là cơ quan tuyên truyền



của miền Bắc. Có mấy tờ báo mới đánh giá được lập trường chánh trị của Việt kiều, mỗi ngày có vài ngàn độc giả trong khi tờ *Hồn Việt* chỉ có vài trăm. Từ sáng đến tối, khắp thủ đô thiên hạ nghe toàn chuyện chánh trị; kiều bào ngồi trong quán nước, hàng cơm mạnh miệng chỉ trích chánh phủ Ngô Đình Diệm không tiếc lời. Danh xưng Ngô tổng thống được gọi đùa là Ngô cả tổng. Không ai nghe người nào phê bình chánh phủ Hà-nội, bài xích chủ nghĩa Cộng sản, khen tụng miền Nam, vì lẽ chánh phủ Cao-miên thời bấy giờ tỏ ra thân Cộng, các viên chức giúp đỡ cán bộ Cộng sản và thẳng tay khủng bố Việt kiều có tình thần quốc gia. Một quyển sổ bìa đen ghi tên nhân vật ra, vào tòa Đại diện do một số nhân viên Công an túc trực ngày đêm trước cửa và do lời báo cáo của một số Việt kiều tình nguyện làm mật thám không lương. Nhiều người tự nhiên bị bắt và gán vào tội làm gián điệp cho Sài-gòn, cho Hoa-kỳ, rồi sau một thời gian thân nhân ở ngoài chạy chọt, lo lót hết sạch gia tài, đương sự mới được đưa ra biên giới cho «hồi hương» với hai tay không. Tất cả Việt kiều bị đuổi về đều là những người không thân Cộng, còn cán bộ Cộng sản có phạm tội đến phải trục xuất: theo luật định thì chánh phủ Cao-miên xử chìm xuống, ém nhẹm, cho thông qua. Trường hợp của một ký giả báo *Sống chung* là bằng chứng điển hình nhất. Nhiều vị thương gia giàu lớn quê quán ở miền Nam được các quan chức cổ thường xuyên bằng cách mời đến sở xin ủng hộ ít tiền cho hội Phước thiện này, cho ban Xã hội kia, đến nỗi các nạn nhân phải bán hết cơ nghiệp về cố quốc.

Trong lúc ấy, cán bộ Cộng sản công khai tỏ chức c mọi cơ cấu hoạt động trong khắp các giới kiều bào mà chánh quyền Cao-miên không bắt tội làm chánh trị trong một quốc gia trung lập. Ảnh hưởng của những hành động này càng gia tăng khi báo chí, sách vở ở Sài-gòn bị cấm lưu hành, tờ *Hồn Việt* bị rút giấy phép một lượt với tờ *Sống chung* và sau cùng là ngày 27-8-1963, chánh phủ Sihanouk đoạn giao với Việt-nam Cộng hòa. Tòa đại sứ Bắc-việt, tòa Đại sứ Mỹ, trận Giải phóng miền Nam thành lập ở Nam-vang chứng tỏ chánh phủ



Hoàng gia Cao-miên thân Cộng rõ rệt. Việt kiều quốc gia càng bị bạc đãi, đàn áp, khủng bố thẳng tay. Hàng ngàn người tự động tìm đủ mọi phương tiện để về nước. Những người còn ở lại phải đóng góp mọi thứ nguyệt liễm, các sắc thuế cho Mặt trận và gia nhập vào đoàn thể này, hội hè nọ. Kiều bào có tinh thần quốc gia hướng tác lòng về Tổ quốc bằng cách nghe đài phát thanh Sài-gòn, theo dõi chương trình Vô tuyến truyền hình mỗi đêm, nhất là xem hát cải lương. Đài truyền hình Nam-vang chỉ chiếu 2 lần trong tuần vào tối thứ năm và thứ bảy. Thỉnh thoảng có mục nào đặc biệt thì thêm buổi chủ nhật. Có người thu tiền khán giả như bán vé chớp bóng, đêm thường: trẻ em 1 riel, người lớn 2 riel, đêm có hát cải lương thì trẻ em 3 riel, người lớn 5 riel. Thấy số khán giả càng ngày càng gia tăng, mấy ông chủ rạp chớp bóng đề đơn kiện vì mất quyền lợi!

Tuy chánh phủ Sihanouk thân Cộng, bang giao với Bắc-việt, nhưng không phải tất cả Việt kiều đều thiên về phía ấy. Ngoài phần đông bị nhuộm đỏ rõ rệt, hằng say đóng góp nhân lực, tiền bạc giúp Mặt trận đánh miền Nam, có một số thức thời đứng hẳn theo khối Tự do, từ chối gia nhập các tổ chức của Việt-cộng. Nhưng tại sao những người ấy không chịu hồi hương sớm để phải gặp thảm họa «cáp duồn» sau ngày chế độ Sihanouk cáo chung? Ta có thể xét qua các lý do sau đây:

- Vì công việc làm ăn phát đạt.
- Vì sự nghiệp quá to.
- Vì còn có thể sống được dù có bị cấm nghề.
- Vì đất Miên không có chiến tranh, cảnh chết chóc bất ngờ không có xảy ra.
- Vì sợ về Sài-gòn phải đi quân dịch.
- Vì chán ngán cuộc hồi hương năm 1957 về U-minh (Rạch-giá).
- Vì sự chánh quyền miền Nam nghi ngờ làm tay sai cho Việt-cộng về nằm vùng.

- Vì sau ngày đoạn giao và nhà Ngô sụp đổ, các chánh phủ miền Nam không nghĩ đến số phận của Việt kiều, không có một kế hoạch, chương trình gì cả.
- Vì thẻ thức xin thẻ thông hành tại phòng Kiều vụ ở sứ quán Nhật quá nặng nề, rắc rối, nhiều thì giờ cũng như tiền bạc.

Chúng tôi xét thấy cần phải trình bày rõ ràng điểm này hầu làm sáng tỏ vấn đề. Sau ngày đoạn giao, chánh phủ Việt-nam Cộng hòa rút hết nhân viên tòa Đại diện về Sài-gòn, chỉ còn để lại một vị phụ trách phòng Kiều vụ tại sứ quán Nhật coi sóc việc chiếu khán, cấp thông hành cho Việt kiều hồi hương hoặc về miền Nam thăm thân nhân: người có sẵn thẻ xin chữ ký rất nhanh, còn kẻ xin thẻ mới thì phải chờ đợi từ 5 đến 7 tháng. Đó là vì thông lệ, điều kiện, luật pháp của bộ Ngoại giao ta và ông trưởng phòng. Ở Nam-vang mỗi ngày làm việc một buổi, còn thừa thì giờ ông chuyên vào sòng bạc. Từ thứ hai đến thứ sáu ông đánh dĩa đánh bài cào, xập xám chương tại thủ đô, thứ bảy, chúa nhật, ngày lễ ông ra Bockor vào giải trí trường Casino của Hoa kiều giốn tiền. Chủ sòng bạc vĩ đại này sắm hàng chục chiếc xe Nhật, chờ một chuyến đi người, từ Nam-vang đi núi Ta-lon thuộc tỉnh Kampot xa 165 cây số không lấy tiền ! Ai muốn đi cứ lên ngồi, đủ chỗ, chạy ngay ! Càng đam mê càng thua nặng, ông xoay qua làm tiền Việt kiều. Người nào muốn có thẻ thông hành phải nộp bao nhiêu, tùy theo máu mặt. Người nào nghèo không đủ tiền lo lót thì rán mà chờ suốt năm chưa chắc có ! Hành động tác tộ của ông được báo chí Sà-gòn tố cáo trong loạt bài điều tra vào tháng 11 năm 1969 do một số Việt kiều hồi hương thuật lại. Và sau ngày 18-3-1970, Sihanouk bị hạ bệ, Việt kiều về nước quá quyết rằng nếu bộ Ngoại giao cần tìm hiểu sẽ có vài chục người đến chỉ mặt ông ta mà nhắc lại mỗi người đã nộp cho ông bao nhiêu, vào ngày nào, ở đâu.

Việc tổn kém, hối lộ thật ra không đáng kể vì đối với chánh quyền Cao-miên thời ấy người nào cũng dùng tiền để ra vào các

cộng sở, mà ngay ở nước nhà cũng vậy, đó là cái tai họa chung cho thẳng dân Việt, điều đáng nói là sự nguy hiểm cho sanh mạng Việt kiều khi vào ra phòng Kiều vụ. Suốt bảy năm đoạn giao, từ 27-8-1963 đến 18-3-1970, Việt-cộng hoạt động công khai ở Cao-miên. Kiều bào có tinh thần quốc gia bị theo dõi kỹ lưỡng. Người muốn về Sài-gòn, vào xin giấy tờ một lần, hai lần thì có «bạn quen» rỉ tai bảo không nên đi, qua lần thứ ba tự nhiên bị Công an Miên bắt hạch hỏi về đó làm gì ba, bốn lượt, đưa tin tức, tài liệu gián điệp cho Việt-nam Cộng hòa, cho Hoa-kỳ! Rồi thì vào khám năm cả năm không được xét xử, vợ con, cha mẹ ở ngoài lo chạy sạch nhà. Người có đủ tiền đi cửa trước (không cần cửa sau), chỉ vào một lần kê khai lý lịch, nộp hình ảnh hồ sơ, đúng ngày trở lại lấy thẻ ra tàu bay liền. Người không đủ bạc phải chầu chực, tới lui và vướng vào cái nạn kê trên. Vì thế có rất nhiều thanh niên muốn về Sài-gòn nhập ngũ như các bạn trẻ ở Lào mà không biết làm sao xin giấy tờ hợp lệ và tránh được cửa ngục Cao-miên. Những người bị cấm nghề như thợ sửa xe, thợ máy, thợ hồ, thợ mộc cũng muốn về nước vì đồng lương ở Cao-miên kém xa ở Việt-nam. Một người thợ máy lãnh 3800 riel và 4000 riel nếu có làm thêm giờ, tính ra bạc Việt đổi theo giá đen cũng còn thua thợ Sài-gòn. Có người đã dùng ngả chợ trời biên giới thoát được nhưng không phải người nào cũng có thể đi dễ dàng.

Một khía cạnh khá quan trọng là tình quyến luyến nơi đã sống từ thuở bé thơ. Những người sanh ở Cao-miên không biết quê hương ở Việt-nam là đâu, chỉ thấy cảnh vật chung quanh mình từ ngày mở mắt chào đời. Nếu không vì một biến cố bất ngờ và ghê gớm thì họ cũng không muốn rời khỏi mảnh đất người mà mình ăn nhờ ở đậu. Chúng tôi ghi lại tâm sự của một Việt kiều về Sài-gòn năm 1955 để làm bằng chứng :

«Anh Mười làm tài xế xe lô Nam-vang—Sài-gòn nhờ buôn bán mà trở thành triệu phú, mua nhà, cất lầu tại Chợ-lớn, sống sung sướng với gia đình. Ba má anh sanh anh ở Cao-miên, xóm Việt kiều nằm cạnh quốc lộ số 1 cách Nam-vang 12 cây số đường đi



Siemréap. Từ nhỏ đến lớn anh sống trên đất Cao-miên, lập gia đình ở đây. Sau 15 năm trở về Việt-nam, anh thường than thở rằng rất nhớ Cao-miên, nhớ « quê hương » là xóm Việt kiều ở cây số 12. Ở đây tuy đất Việt nhưng chung quanh toàn là người lạ ! Anh mong mỗi có ngày được trở lại Cao-miên ! »

### THẨM HỌA « CÁP DUỒN ».

Người Việt sống trên đất Miên thỉnh thoảng gặp thẩm họa « cáp duồn ».

Cuộc tàn sát đầu tiên mở màn trong năm 1730 dưới triều vua Sotha II (1722-1736). Niên giám Hoàng gia Miên ghi rằng :

« Năm 1730, một người Lào tị nạn tự xưng là tiên tri xúi giục một nhóm người Miên cuồng tín hạ sát tất cả người Việt nào chúng bắt gặp trong vùng Banam. Quốc vương Sotha II phái quan quân đánh dẹp nhưng không có kết quả.

« Chúa Nguyễn hay tin, nắm lấy cơ hội cho rằng đề sắp xếp trật tự, gọi một đạo binh tiến đến Phnompenh. »

Ngày 13 tháng 11 năm 1769, dưới triều vua Outey II (1758-1775), một toán cướp người Tàu và Miên nhân trong nước hỗn loạn kéo nhau đánh ngôi nhà của đức giám mục Bá Đa Lộc ở hòn Đất ngoài khơi Hà-tiên. Bọn cướp Miên tìm các con chiên người Việt hạ sát. Nhà văn Pháp Louis-Eugène Louvet viết trong quyển « Đức cha Adran » tái bản lần thứ hai năm 1900 rằng : « Đám thù phi Miên chỉ nhắm riêng vào người Việt mà chém giết vì kỳ thị chủng tộc. Vị thừa sai Pháp tên Artaud chứng kiến cảnh chủng sinh Việt tàn tật bị bọn Miên chém chết và chính ông cũng chịu một trận đòn rất nặng phải bỏ mình 15 hôm sau (nhằm ngày 28.11.1769).

Vẫn trong quyển sách này, ông Louvet viết : « Giữa năm 1778, một toán cướp Miên đánh phá nhà thờ Pinha-leu (1) ở vùng Hà-tiên do đức giám mục Bá Đa Lộc xây cất từ năm 1775.

Đức giám mục ở Pondichéry (Ấn-độ) đến Hà-tiên ngày 12-3-

(1) Theo sử Cao-miên gọi là Po..hea-lu.

1775 theo lời mời của nhà cầm quyền Trung-hoa tại đây (1). Bảy giờ Hà-tiên còn gọi là Can-cao. Viên tổng trấn dành cho đức giám mục một miếng đất rộng gần thành phố để cất chung viện.

Bọn cướp đốt nhà thờ, nhà chung, giết bốn chủng sinh và nhiều vị thừa sai, trong số này có bảy di phước người Việt nhất định chịu chết chứ không để chúng hăm hiếp. »

Trong lúc ấy, tại Hoàng triều Cao-miên, quốc vương Ang Non II (1775-1779) có ý định tàn sát người Việt. Niên giám Hoàng gia Miên ghi rằng :

« Năm 1775, trước cảnh tang thương của nước nhà và sự đau khổ của thần dân, quốc vương Outey II không thể cầm lòng được bèn thoái vị nhường ngôi cho hoàng thân Ang Non. Hoàng thân tự mình làm lễ đăng quang tức quốc vương Ang Non II. Vương quyền thoát khỏi sự đô hộ của người Việt lại mang ách thống trị của người Xiêm. Nhà vua rất ghét người Việt đến nỗi có lần ngài nghĩ sẽ tàn sát tất cả người Việt trên đất Miên ! »

Dưới triều vua Ang Chan II (1796-1834) lại xảy ra một vụ tàn sát người Việt. Niên giám Hoàng gia Miên ghi rằng :

« Năm 1818, một số người Việt bị dân Miên giết trong tỉnh Baphnom, các tướng lãnh Việt-nam đóng ở Cao-miên được sự thỏa thuận của nhà vua, đến nơi can thiệp để tái lập trật tự. »

Sau khi vua Ang Chan II thăng hà (1834) nước cao Miên hoàn toàn nhờ Việt-nam bảo hộ. Tướng Trương Minh Giảng đặt nữ vương Ang Nay lên ngôi (1834-1841), sửa đổi cơ cấu hành chánh, vi phạm phong tục tập quán của người Miên khiến giới sư sãi và dân chúng phản uất.

Năm 1845, toàn dân đứng lên chống đối, nhiều cuộc ám sát cá nhân hay tập thể gia tăng trong các giới người Việt. Hoàng thân

---

(1) Mạc Thiên Tích.



Ang Doung nhờ người Xiêm đưa về nước đánh đuổi quân Việt và lên ngôi (1845-1859). Quân Việt rút khỏi đất Miên.

Năm 1863, vua Norodom (1859-1904) nhờ người Pháp bảo hộ và loại hẳn áp lực của Xiêm-la và Việt. Và khi thực dân thôn tính xong đất Nam-kỳ ký kết nghị định phân chia ranh giới với vua Cao-miên thì người Việt ở miền Nam là dân thuộc địa không còn dính dáng về pháp lý đối với vua nhà Nguyễn nữa. Kẻ thống trị áp dụng phương pháp chia rẽ và kỳ thị chủng tộc bắt người Miên giết người Việt và ngược lại, mỗi khi có việc cần đến đàn áp. Trong suốt khoảng thời gian bị đô hộ ngót 80 năm, người Việt đã đứng dậy bao nhiêu lần chống Pháp, còn người Miên thì không bao giờ dám tỏ ý phản kháng, chứ đừng nói đến sự hoạt động. Thế nên bọn lính Miên có nhiều dịp tàn sát người Việt yêu nước đã dùng tầm vông vạt nhọn đương cự với súng ống tối tân. Tuy nhiên những cuộc đàn áp ấy thường diễn ra trong bóng tối chỉ có một số ít đồng bào được biết mà thôi. Quân Pháp không muốn rêu rao sợ ta thấy rõ dã tâm của chúng, nhất là sợ nhân tâm xáo động về phương diện chánh trị.

Nhưng đến cuối năm 1945, thì chúng không còn dè dặt nữa, trái lại chúng muốn dùng kế hoạch hèn mạt ấy làm một đòn trả thù đồng thời khủng bố tinh thần người chống đối chúng. Đó là nạn «cáp duồn» ở các tỉnh miền Tây và ở các vùng đông Việt kiều trong lãnh thổ Cao-miên.

Ở Việt-nam, nhờ quân Anh dùng thế lực lừa bịp chánh phủ Việt-nam, bọn Pháp chiếm Sài-gòn và đi lần xuống từng địa phương. Đầu năm 1946, chúng vừa đến Trà-vinh, Sóc-trăng, Bạc-liêu liền xúi giục người Miên giết người Việt. Một số người thất học, lưu manh, tàn ác thừa cơ hội trả thù, thanh toán nợ nần, ăn cướp, hãm hiếp phụ nữ. Tâm địa dã man của chúng thể hiện trong một vụ giết người điển hình như sau : một ông giáo Việt dạy trong làng xa chợ Trà-vinh, kết bạn với một người Miên hàng xóm rất thân mật từ nhiều năm trước. Khi phong trào «cáp duồn»



khởi động, ông giáo nọ bị chính người bạn Miên bắt. Ông năn nỉ rằng :

— Anh và tôi chơi thân với nhau từ lâu, bây giờ anh nỡ lòng nào hại tôi ? Xin anh tha tôi đi mình không, nhà cửa tôi giao hết anh xài.

Người bạn quý trả lời :

— Tôi không giết anh thì người khác cũng giết anh, thôi anh «chịu khó» chết đi !

Nói rồi bần chặt đầu ông giáo ngay và chiếm đoạt hết tài sản. Nhiều người đi làm ở Sài-gòn nghe tin dữ vội vã trở về thấy vợ, con đã bị giết, nhà cửa tiêu tan !

Ở Cao-miên, Việt kiều ở tỉnh Kandal, Preyveng dọc theo Tiền-giang, ở Takeo, Svayriêng gần ranh giới bị thiệt hại nặng nhất

Năm năm trước đó, vào khoảng 1940-1941, dân Miên ở thôn quê nghèo đói vô cùng. Nghèo vì làm biếng không chịu khó khai khẩn đất hoang để người Việt chiếm gần hết. Dưới chế độ thực dân, Việt cũng như Miên, ai có công phá rừng lập rẫy thì được hưởng phần đất ấy. Người Miên nghèo đến nỗi có gia đình chỉ có một cái chăn, vợ ra ngoài thì chồng ở trường năm nhà ! Ảnh hưởng của trận Thế chiến thứ hai, nạn chiếm đóng của Nhật và bom đạn Đồng minh khiến họ càng thêm điêu đứng. Nhiều phụ nữ Miên mạnh khỏe đi bộ từ các xã giáp giới Svayriêng — Tây-ninh xuống vùng Bàu-gõ, Rạch-tràm, Gò-dầu-hạ xin ăn. Nhiều người đi lẫn đến Sài-gòn đứng các góc đường, lang thang theo hè phố. Bởi thế, khi được quân Pháp xúi giục, chúng liền nổi lên tàn sát Việt kiều để chiếm nhà, cướp của. Hằng ngày, chúng kéo từng nhóm vào trong xóm ấp xa xôi tìm người Việt để giết. Ngoài quốc lộ, chúng đứng chặn từng khoảng đường, gặp kiều bào chạy loạn thì vợ vớt từ túi tiền đến quần áo mặc trong mình. Chúng rêu rao đất Miên phải trả cho người Miên, và đuổi nông dân Việt kiều về xứ. Hầu hết kiều bào ở các xã Prasath, Soknok, Bave

(thuộc tỉnh Svayriêng) đều phải hồi hương với hai tay không. Những người ở dọc bờ Tiền-giang, thuộc tỉnh Preyveng, Kandal, ở lại, bị chúng đến cắt nhà ngay trước cửa phóng uế vung vút, ngang nhiên cày ruộng, làm rẫy trên phần đất của kiều bào. Chánh quyền địa phương làm ngơ cho đồng bào họ cướp bóc như thế, không thêm xét xử những vụ kiện thưa, khiếu nại.

Năm 1953, người Pháp chấm dứt cuộc đô hộ; Cao-miên độc lập hoàn toàn. Chánh phủ Sihanouk bang giao với Việt-nam Cộng hòa trên cấp bậc Đại diện vào giữa năm 1956, một mặt bắt tay với Cộng sản đàn áp, khủng bố Việt kiều quốc gia. Tuy không có những vụ tàn sát, giết chóc trắng trợn, nhưng số người Việt thân miền Nam bị bắt bỏ tù, làm tiền, đánh đập, trục xuất không giấy tờ khiến nhiều sự nghiệp tiêu tan. Người Miên nói rằng dân Việt đến đất Miên với hai tay không, bây giờ phải trở về với hai tay không!

Hiện thời (1970), Sihanouk bị hạ bệ, vương quyền lật đổ, chế độ Cộng hòa được thành lập, chánh phủ Cao-miên lại đứng ra chủ trương tàn sát Việt kiều với lý do là những người thân Cộng đã giúp đỡ quân Cộng sản suốt thời gian trú đóng bất hợp pháp trong lãnh thổ Miên hơn mười năm qua! Những cuộc đàn áp dã man do chính quyền xúi giục dân chúng đã diễn ra trước mắt mọi người khiến cả thế giới phải công phẫn. Nhiều người Việt bị bắt tập trung không cho ăn uống rồi bắn chết hằng trăm một lúc! Nhiều người bị trói và hạ sát thả trôi đầy một khúc sông dài hàng ngàn thước. Giữa thủ đô Pnompenh, thanh niên Miên lột quần áo thiếu nữ Việt khiêng đi hấp phở vừa reo hò inh ỏi. Rất nhiều phụ nữ Việt bị chúng hãm hiếp tập thể, trước mắt chồng, thân nhân như một bày thú, Sau khi thỏa mãn thú tánh, chúng giết nạn nhân luôn. Thanh niên Việt bị năm bảy tên Miên vây đánh giữa đường đến ngã gục mới thôi. Có người chết, có người còn sống sót với chiếc thân que quặt, người nào sợ bỏ chạy thì chúng la « Việt-cộng », tức thì hằng chục tên khác ví bắt giết ngay. Người nào được quân đội Việt-nam Cộng hòa giải

thoát đưa về quê thì mình trần khối trụi, bao nhiêu sản nghiệp bị chúng vơ vét hết sạch. Từ thành thị đến thôn quê, không một người Việt nào còn chút của cải trên tay. Giữ được thân sống là phước đức lắm rồi! Xét lại từ cổ chí kim chưa có vụ kỳ thi nào khủng khiếp đến mức độ ấy.

### **HỘI ÁI HỮU VIỆT KIỀU**

Vào tháng 11-1960, một nhóm Việt kiều hồi hương thành lập hội Ái hữu Việt kiều Thái-Miên-Lào do quý ông Lê Văn Trọng, Lê Minh Quới, Trần Văn Phát, Nguyễn Hữu Phương, Nguyễn Thanh Trạc sáng lập. Hội được phép hoạt động do nghị định số 190 BNV-KS ngày 10-3-1961 của bộ Nội vụ và đặt trụ sở tại Sài-gòn. Tôn chỉ của hội là gây tình đoàn kết chặt chẽ giữa các hội viên, giúp đỡ các hội viên, đề nêu cao tình tương thân tương ái giữa các đồng bào trước có cư ngụ ở Ai-lao, Cao miên và Thái-lan. Một trong công tác trợ giúp Việt kiều của hội là hướng dẫn kiều bào khi mới hồi hương và bị trục xuất vô lý.

Theo nguyên tắc, một Việt kiều ở Cao-miên sang Việt-nam không có giấy tờ hợp pháp bị giữ tại tỉnh lỵ như một tù nhân... Ngã đường của Cao-miên thường dùng để đuổi Việt kiều về nước là biên giới Gò-dầu-hạ. Người xấu số bị đưa về Tây-ninh, chờ chánh quyền điều tra.

Hội Ái hữu liên lạc với cơ quan hữu trách ở Tây-ninh, xin bảo bọc, bảo lãnh Việt kiều, giúp đỡ thức ăn, vật dụng trong thời gian chờ đợi làm thủ tục. Khi kẻ bị trục xuất được tự do, hội đưa về trụ sở ở Sài-gòn ở tạm vài ngày, rồi cấp giấy xe đò và tiền ăn đường về quê quán. Trong năm 1962, hội đã giúp cho 57 Việt kiều, tổng cộng 7878 đ, năm 1963, giúp 35 người, 6150 đ. Đó là những Việt kiều quá nghèo, hoặc không có thân nhân ở Việt-nam; hoặc thân nhân không hay tin kịp, kỳ dư đều có thể xoay trở một mình. Dưới thời Ngô Đình Diệm, hội được chánh phủ giúp đỡ cho một ngôi biệt thự để làm trụ sở và có giúp đỡ về



tài chánh ít nhiều. Nhưng sau ngày Cách mạng thành công, hội bị bỏ quên. Và lại, Cao-miên không trục xuất bừa bãi Việt kiều nữa, nên trong những năm 1963, 1964, 1965, 1966, hội không hoạt động nhiều như trước. Có thể nói hội hoạt động tùy theo tình trạng chỗ không gây ra tình trạng ; tình hình chánh trị êm dịu thì thôi, nhưng lúc nào hội cũng phải tồn tại để phòng những sự đổi thay trên lập trường ngoại giao giữa hai quốc gia.

Tình cảnh của hội kể ra không mấy gì khả quan cho lắm. Hội có 13 ân nghĩa hội viên và 200 tham dự hội viên, thiếu trụ sở chánh thức, hội viên không đóng tiền nguyệt liễn đều đặn, mặc dù số tiền góp hằng tháng chẳng bao nhiêu (10đ). Tuy nhiên hội cũng tạo lập được một nghĩa trang ở Hóc-môn (Gia-định), chứng tỏ những cố gắng của ban Quản trị.

Đầu năm 1967, hội rục rịch hoạt động lại vì có vấn đề thành lập hội Ái hữu Việt-Miên, Việt-Thái-Lào. Hội đã nhóm họp để thảo luận việc ghi thêm các điều ấy vào bản điều lệ để mở rộng phạm vi ra.

Ngoài hội này, một số công chức Việt kiều hồi hương chia làm mấy nhóm tổ chức hằng năm một buổi tiệc tất niên. Mỗi người tham gia đóng góp phần ăn của mình. Hoạt động mạnh nhất là nhóm cựu sinh viên Trung học Sisowath, ban tổ chức định thành lập hội tương tế để giúp đỡ anh em nhiều hơn. Thứ đến là nhóm cựu sinh viên trường Miche, Taberd cũng họp nhau ăn uống nhắc nhở những kỷ niệm xa xưa. một số Việt kiều ở tỉnh như Svayriêng, Kandal cũng thường hội họp để gặp nhau sau một năm làm lưng vất vả. Mỗi tình tương thân, tương ái được bộc lộ qua những tiếng cười vui vẻ, những lời thăm hỏi nồng nàn.

## KẾT

Trải qua hơn ba thế kỷ, từ năm 1633 đến đầu năm 1970, một số Việt kiều không lẽ đã tự xoay sở, tạo lấy cuộc sống qua nhiều nổi thăng trầm. Hàng 400.000 người phó mặc định mệnh cho Hoàng

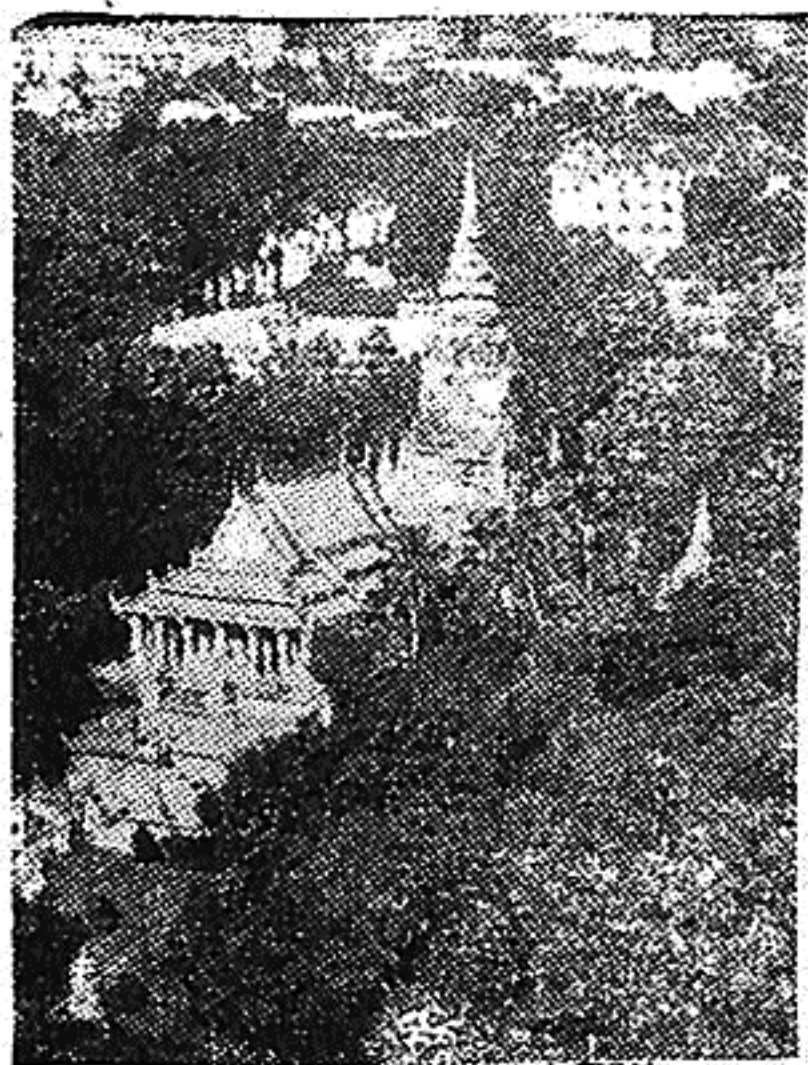
triều Cao-miên suốt 200 năm, cho thực dân Pháp 80 năm, cho chánh phủ Sihanouk hơn 30 năm. Bao nhiêu nỗi vui buồn, bao nhiêu trò dẫu bề lần lượt diễn ra như một cuộc trả vạy theo thuyết nhân quả của đức Thích Già. Họ đã thụ hưởng một thời vàng son và gánh chịu những cảnh hiếp đáp, khủng bố giết chóc mà đặc biệt lạ lùng nhất là không được chánh phủ nước nhà chăm sóc giúp đỡ đầy đủ và che chở bình vực hữu hiệu. Có thể nói nguyện vọng của hầu hết đồng bào tha hương là mong có ngày áo gấm về làng sống yên vui nơi chốn chôn nhau và được hưởng qui chế thực sự của kiều dân trên đất bạn.

Chánh phủ Hoàng gia sụp đổ, chánh thể Cộng hòa thành lập đem đến một niềm hi vọng cho toàn thể kiều bào và cuộc bang giao với chánh phủ Việt-nam Cộng hòa được tái lập vào ngày 10-6-1970 trên cấp bậc đại sứ.

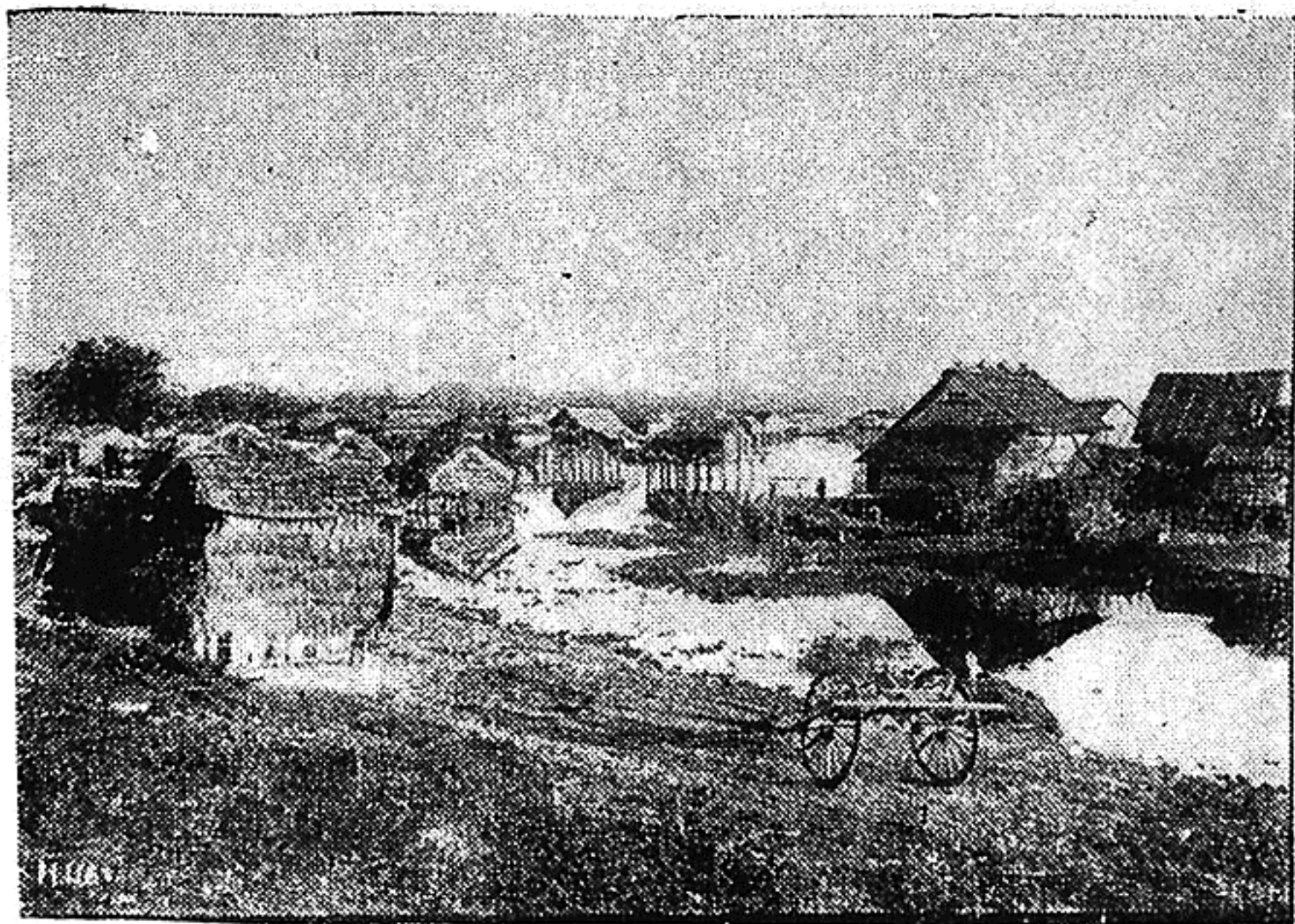
Một kỷ nguyên mới bắt đầu trang sử mới.

*Sài-gòn, tháng 6-1970.*

Posted, April 5, 2015



Hình bên: Chùa Tháp : chùa của Bà PENH xây trên ngọn đồi giữa thủ đô Nam-vang. Thủ đô PNOM-PENH lấy tên Bà này.



Hình trên PNOM-PENH khi hoàng gia Cao-miên mới chọn làm thủ đô.





*«Sông Bốn-mặt» trước thủ đô Pnom-Penh*

# Mục lục

<i>Lời nói đầu</i>	7
<b>CHƯƠNG I.— NGUỒN GỐC CUỘC DI CƯ</b>	9
— Định cư ở đâu?	17
<b>CHƯƠNG II.— KINH TẾ</b>	
<b>VIỆT KIỀU SỐNG THẾ NÀO ?</b>	
— Công chức	19
— Giáo viên	21
— Mở trường tư.	22
— Tư chức	24
— Bác sĩ, Thầu khoán	25
— Nghề ăn lót	25
— Bán sách báo.	28
— Nhiếp ảnh	29
— Bạt biên	30
— Chài lưới	33
— Làm nước mắm	34
— Phu cao su	35
— Đập mía làm đường	40
— Nhuộm mặc nưa	41
— Nện hàng	42
— Làm lu	43
— Làm ruộng	43
— Làm bàn ghế, trang hoàng	45
— Thợ máy, Thợ giày, Thợ may, Thợ điện	46
— Thợ hút tóc	47

— Thợ hồ	48
— Buôn bán vàng, Nữ trang	48
— Bì bún, Bánh hỏi	49
— Làm sāl mām	50
— Sắm tàu thủy	52
— Trồng dâu nuôi tằm	53
— Phà thủy	54
— Hát cải lương	56
— Buôn lậu	59
— Đồi tiền, buôn bạc	63
— Vũ nữ	64
— Dạy khiêu vũ	65

### CHƯƠNG III.— XÃ HỘI

— Liên đoàn Việt kiều	67
— Mối liên lạc giữa hoàng gia Cao-miên và Liên đoàn Việt kiều	71
— Công tác của Việt kiều trong gian hàng Việt-nam ở Hội chợ quốc tế	78
— Cười gã, ma chay, giỗ chạp	79
— Ngày Tết	80
— Vấn đề nhập Miên tịch	82
— Phòng Thương mại : Lò đào tạo tư chức Việt kiều	86
— So sánh Việt kiều và Hoa kiều trên vài phương diện	87
— Chuyện ông Hai Keo	91
— Xích lô đạp : sáng kiến của một Việt kiều	96
— Một Việt kiều làm nhiếp ảnh viên cho hoàng gia Cao-miên.	97
— Những kẻ bán trời : cá mưa	99
— Giai thoại về tướng cướp Đồn Hùng Tín	101
— Tám Biều : tướng cướp ở Biên-hồ	107



## CHƯƠNG IV.— TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG

— Đạo Thiên Chúa	117
— Đạo Tin Lành	118
— Đạo Phật : ngành Đại thừa	118
— Cao-miền Phật giáo hội	122
— Ngành Tiểu thừa	123
— Đạo Cao Đài	124
— Hoạt động của các chức sắc Việt kiều	129
— Đạo Cao Đài ở Cao-miền trên sân khấu chánh trị	140
— Những tín ngưỡng khác	143
— Xác Ông, xác Bà	146
— Bùa, ngãi	148

## CHƯƠNG V.— VĂN HÓA

— Học vấn	153
— Báo chí Việt ngữ	156
— Văn, thi sĩ	173
— Văn nghệ	199
— Thể thao	208

## CHƯƠNG VI.— CHÍNH TRỊ

A.— THỜI PHÁP THUỘC	211
— Những sự thay đổi của mảnh giấy cư trú	212
— Hoạt động chánh trị của Việt kiều	215
B.— THỜI VIỆT-NAM KHÁNG PHÁP (1945)	216
C.— THỜI CAO MIỀN ĐỘC LẬP	220
— Nạn hối lộ	220
— Chợ trời biên giới	227
— Nhóm người tị nạn chánh trị	230
— Tòa Đại diện Việt-nam Cộng hòa	234
— Luật cấm nghề	237
— Sinh hoạt của Việt kiều	243
— Thảm họa : « cáp đứt »	249
— Hội Ái hữu Cựu Việt kiều	254